

Mục lục

Bài 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949)	4
Gói 1	4
Gói 2	9
Bài 2: Liên xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991). Liên bang Nga (1991 – 2000).....	14
Gói 1	14
Gói 2	20
Bài 3: Các nước Đông Bắc Á.....	25
Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.....	27
Gói 1	27
Gói 2	33
Bài 5. Các nước Châu Phi và Mĩ La-Tinh	38
Gói 1	38
Gói 1	40
Bài 6: Nước Mĩ.....	43
Gói 1	43
Gói 2	48
Bài 7: Tây Âu.....	54
Bài 8: Nhật Bản.....	56
Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh	61
Gói 1	61
Gói 2	67
BÀI 10: Cuộc cách mạng KH - CN	72
Bài 7 + 10: Tây Âu - Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	74
Gói 1	74
Gói 2	78
Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919-1925.....	84
Gói 1	84
Gói 2	90
Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930	95
Gói 1	95
Gói 2	100
Bài 14. Phong trào cách mạng 1930- 1935.....	106
Gói 1	106
Gói 2	112
BÀI 15. Phong trào dân chủ 1936 -1939.....	117
BÀI 16. Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng tám (1939-1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.....	119
Gói 1	119
Gói 2	125
Bài 17: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946	130

TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 12

THEO BÀI

Trần Văn Hậu - Zalo: 0942481600

Gợi 1..... 135

Gợi 2..... 141

Gợi 1..... 155

Gợi 2..... 160

Gợi 1..... 166

Gợi 2..... 171

Gợi 1..... 176

Gợi 2..... 182

Gợi 1..... 187

Gợi 2..... 192

Gợi 1..... 198

Gợi 2..... 204

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết) Cơ quan nào của Liên hợp quốc giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

- A.** Hội đồng Bảo an. **B.** Ban thư kí. **C.** Ban thư kí. **D.** Đại hội đồng.

Câu 2: (Nhận biết) Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, sau khi đánh bại phát xít Đức, Liên Xô cam kết

- A.** cùng Mĩ quản lí nước Đức. **B.** sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
C. hỗ trợ Mĩ về vũ khí để chống Nhật. **D.** hình thành liên minh với Mĩ chống Nhật.

Câu 3: (Nhận biết) Hội nghị Ianta (2-1945) không đưa ra quyết định nào dưới đây?

- A.** Thành lập tổ chức Liên hợp quốc. **B.** Giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít. **D.** Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở Châu Âu, Châu Á.

Câu 4: (Nhận biết) Hội nghị Ianta (Liên Xô) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

- A.** bước vào giai đoạn kết thúc. **B.** đang diễn ra vô cùng ác liệt.
C. bùng nổ và ngày càng ác liệt. **D.** đã kết thúc.

Câu 5: (Nhận biết) Nguyên thủ các quốc gia nào tham dự hội nghị Ianta ?

- A.** Mĩ, Anh, Pháp. **B.** Đức, Pháp, Mĩ. **C.** Liên Xô, Anh, Pháp. **D.** Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 6: (Nhận biết) Mục đích của tổ chức Liên hợp quốc được nêu rõ trong Hiến chương là

- A.** tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
B. duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hợp tác.
C. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
D. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

Câu 7: (Nhận biết) Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia đầy đủ đại diện các thành viên mỗi năm họp một lần?

- A.** Ban thư kí. **B.** Hội đồng Bảo an. **C.** Hội đồng Quản thác. **D.** Đại hội đồng.

Câu 8: (Nhận biết) Từ 1945 đến nay, tổ chức nào đã trở thành một “diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới”?

- A.** Liên hợp quốc. **B.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
C. Liên minh Châu Âu. **D.** Diễn đàn hợp tác Á – Âu.

Câu 9: (Nhận biết) Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất mục tiêu chung nào dưới đây?

- A.** Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
B. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
C. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.
D. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức.

Câu 10: (Nhận biết) Sau chiến tranh thế giới hai, quân đội Anh, Pháp, Mĩ chiếm đóng các khu vực nào của châu Âu?

- A. chiếm đóng Tây Đức, Tây Béc lin và các nước Tây Âu.
- B. chiếm Nhật Bản, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.
- C. chiếm Triều Tiên và Mông Cổ và Đông Á.
- D. chiếm đóng Đông Đức, Đông Béc lin và các nước Đông Âu.

Câu 11: (Nhận biết) Hội nghị Ianta (2-1945) quy định việc chiếm đóng bán đảo Triều Tiên do các cường quốc nào đảm trách?

- A. Liên Xô – Mĩ.
- B. Anh – Mĩ.
- C. Trung Quốc – Liên Xô.
- D. Mĩ - Trung Quốc.

Câu 12: (Nhận biết) Nội dung nào không phải là quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- B. Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc.
- C. Thành lập khối đồng minh chống phát xít.
- D. Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Á và châu Âu.

Câu 13: (Thông hiểu) Những quyết định của Hội nghị Ianta có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các nước đế quốc với các nước đế quốc.
- B. Đánh dấu sự hình thành một trật tự đa cực.
- C. Trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới - trật tự hai cực Ianta.
- D. Đánh dấu sự hình thành một trật tự đơn cực do Mĩ đứng đầu.

Câu 14: (Thông hiểu) Quyền chiếm đóng và vùng ảnh hưởng nào ở châu Á thuộc Liên Xô theo thỏa thuận của Hội nghị Ianta (2/1945)?

- A. khu vực Trung Á.
- B. vùng Đông Bắc Trung Quốc.
- C. phía Bắc vĩ tuyến 38 của Triều Tiên
- D. ba nước Đông Dương.

Câu 15: (Thông hiểu) Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, vấn đề quan trọng và cấp bách nhất đặt ra trước các cường quốc Đồng minh là gì?

- A. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
- B. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh.
- C. Phân chia thắng quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.
- D. Phân chia việc chiếm đóng các nước phát xít.

Câu 16: (Thông hiểu) Vấn đề nước Đức được hội nghị Ianta giải quyết như thế nào?

- A. Nước Đức phải chấp nhận tình trạng tồn tại hai nhà nước với hai chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.
- B. Nước Đức trở thành một quốc gia thống nhất, hòa bình, dân chủ và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- C. Nước Đức phải chấp nhận sự chiếm đóng lâu dài của quân đội Đồng minh.
- D. Nước Đức sẽ trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, dân chủ và trung lập.

Câu 17: (Thông hiểu) Mục đích lớn nhất của tổ chức Liên hợp quốc là gì?

- A. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

- B. Hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, chính trị.
- C. Phát triển kinh tế và văn hoá thông qua những nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên.
- D. Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.

Câu 18: (Thông hiểu) Hội nghị Ianta diễn ra căng thẳng và quyết liệt vì lý do chủ yếu nào?

- A. Các cường quốc muốn thể hiện sức mạnh và lợi thế của mình.
- B. Các cường quốc muốn giành quyền lợi tương xứng với vai trò và địa vị của mình.
- C. Các cường quốc có quan điểm khác nhau.
- D. Các cường quốc muốn thiết lập trật tự thế giới mới theo mong muốn của mình.

Câu 19: (Thông hiểu) Nội dung nào không có trong “Trật tự hai cực Ianta”?

- A. Mĩ và Liên Xô chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác.
- B. Trật tự thế giới mới hình thành sau chiến tranh.
- C. Trật tự thế giới mới hình thành sau Hội nghị Ianta (02/1945).
- D. Sự phân chia ảnh hưởng giữa Mĩ và Liên Xô trong quan hệ quốc tế.

Câu 20: (Thông hiểu) Hiến chương Liên hợp quốc là văn kiện quan trọng nhất vì

- A. đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.
- B. là cơ sở để các nước là cơ sở để các nước căn cứ tham gia tổ chức Liên hợp quốc.
- C. nêu rõ mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển quan hệ

hợp tác giữa các nước...

- D. quy định bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc.

Câu 21: (Thông hiểu) Việc phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc trong Hội nghị Ianta (2-1945) chủ yếu là

- A. châu Á, châu Âu.
- B. châu Âu, châu Mĩ.
- C. châu Á, châu Phi.
- D. châu Á, châu Úc.

Câu 22: (Thông hiểu) Đặc trưng lớn nhất của trật tự thế giới được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Thế giới bị chia thành hai cực, hai phe.
- B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được hình thành.
- C. Mĩ vươn lên trở thành siêu cường duy nhất.
- D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

Câu 23: (Thông hiểu) Theo hội nghị Ianta và Pôtxđam, việc giải giáp phát xít Nhật ở Việt Nam được giao cho quân đội nước nào?

- A. Anh, Pháp.
- B. Anh, Mĩ.
- C. Anh, Trung Hoa dân Quốc.
- D. Pháp, Trung Quốc

Câu 24: (Thông hiểu) Tại sao gọi là "trật tự hai cực Ianta" ?

- A. Đại diện hai nước Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng.
- B. Tại Hội nghị Ianta, Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng và đại diện cho hai phe.
- C. Thế giới đã xảy ra nhiều cuộc xung đột ở Ianta.
- D. Ba cường quốc Liên xô, Mĩ, Anh đã họp hội nghị ở Ianta.

Câu 25: (Thông hiểu) Cơ quan quyền lực nhất của tổ chức Liên hợp quốc là

- A. Hội đồng Bảo an.
- B. Ban thư ký.
- C. Tòa án Quốc tế.
- D. Đại Hội đồng.

Câu 26: (Thông hiểu) Tổ chức nào sau đây không thuộc cơ quan chuyên môn Liên hợp quốc?

- A. IMF, FAO. B. NATO, NAFTA. C. WHO, PAM. D. UNDP, UNICEF.

Câu 27: (Thông hiểu) Việt Nam có mối quan hệ như thế nào với Liên hợp quốc?

- A. Thành viên của Liên hợp quốc, ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009.
B. Việt Nam giúp cho Liên hợp quốc giảm tỷ lệ đói nghèo của châu Á.
C. Việt Nam không thể thiếu trong việc giúp các nước châu Á về y tế.
D. Là thành viên không thể thiếu giúp Liên hợp quốc giải quyết các vụ xung đột tranh chấp quốc tế.

Câu 28: (Thông hiểu) Trong các nội dung của Hội nghị Ianta, theo em nội dung nào quyết định trực tiếp đến sự phân chia thế giới thành 2 cực, kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
B. Thành lập Liên hợp quốc .

C. Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

- D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mĩ, Anh.

Câu 29: (Vận dụng) Hãy đánh giá vai trò của Liên hợp quốc trước những biến động của tình hình thế giới hiện nay?

A. Liên hợp quốc thật sự trở thành một diễn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- B. Thúc đẩy các mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước thành viên trên nhiều lĩnh vực.

- C. Bảo vệ các di sản trên thế giới.

- D. Cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ y tế.

Câu 30: (Vận dụng) Một trong những nguyên tắc hoạt động giống nhau giữa Liên hợp quốc và ASEAN là

- A. không sử dụng hoặc đe dọa bằng vũ lực B. hợp tác phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội
C. giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình D. các nước không được chạy đua vũ trang

Câu 31: (Vận dụng) Từ quyết định của Hội nghị Ianta, về phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Á, Việt Nam đã chịu sự ảnh hưởng ra sao?

- A. Mĩ xâm lược Việt Nam. B. Pháp trở lại xâm lược Việt Nam.
C. Nhật xâm lược Việt Nam. D. Đức xâm lược Việt Nam.

Câu 32: (Vận dụng) Nhận xét nào là đúng về vai trò của Liên Xô trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

- A. Giữ vai trò quyết định trong việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
B. Góp phần hạn chế sự thao túng của chủ nghĩa tư bản đối với tổ chức Liên hợp quốc.
C. Đánh dấu sự thắng lợi của các nước xã hội chủ nghĩa trong tổ chức Liên hợp quốc.
D. Hợp tác chặt chẽ với các nước tư bản để thúc đẩy sự ổn định chính trị thế giới.

Câu 33: (Vận dụng) Nhận xét nào dưới đây đúng về thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc trong Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Mĩ và Liên Xô.
B. Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mĩ, Anh.

C. Hình thành trật tự thế giới “đơn cực”.

D. Hình thành trật tự thế giới “đa cực”.

Câu 34: (Vận dụng) Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta (Liên Xô):

A. Kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai để tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

- B. Thành lập tổ chức quốc tế - Liên Hợp Quốc.

- C. Phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận.

- D. Giải quyết các hậu quả chiến tranh, phân chia chiến lợi phẩm.

Câu 35: (Vận dụng) Sắp xếp theo thứ tự thời gian của các hội nghị quốc tế trong năm 1945 là:

- Hội nghị Pôt-xđam được tổ chức ở Đức.
- Hội nghị Xan Phoranxixcô được tổ chức ở Mỹ.
- Hội nghị I-an-ta được tổ chức ở Liên Xô.

- A. 1; 2; 3. B. 2; 3; 1. C. 1; 3; 2. D. 3; 1; 2.

Câu 36: (Vận dụng) Đánh giá hạn chế cơ bản của Liên hợp quốc qua nhận định sau:

- A. Chưa giải quyết được công việc nội bộ của các quốc gia.

B. Một số xung đột ở một số nơi trên thế giới chưa được giải quyết: Trung Đông, tình hình biên động, khủng bố,...

- C. Chung sống hòa bình và thông qua sự nhất trí của các nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

- D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Câu 37: (Vận dụng cõo) Việt Nam vận dụng nguyên tắc nào của Liên hợp quốc để giải quyết tình hình biên Đông hiện nay?

- A. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

- B. Duy trì hòa bình và an ninh khu vực.

- C. Tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc.

- D. Không can thiệp vào nội bộ của bất kỳ nước nào.

Câu 38: (Vận dụng cõo) Nhận định về những đóng góp của Việt Nam từ khi gia nhập tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực đối với Liên hợp quốc.

- B. Trở thành uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kì 2008 – 2009.

- C. Có tiếng nói ngày càng quan trọng trong tổ chức Liên hợp quốc.

- D. Có những đóng góp trong việc thực hiện chống tham nhũng, xoá đói giảm nghèo...

Câu 39: (Vận dụng cõo) Hội nghị Pôt-xđam (Đức) đã có quyết định nào gây khó khăn cho cách mạng Việt Nam khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc?

- A. Một vài đảng phái người Việt thân Trung Hoa Dân quốc được phép tham gia chính phủ ở Việt Nam.

- B. Cho quân Anh và quân Trung Hoa Dân quốc vào Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

- C. Liên Xô không được đưa quân vào Đông Dương.

- D. Các nước phương Tây vẫn được duy trì phạm vi ảnh hưởng tại các thuộc địa truyền thống của mình.

Câu 40: (Vận dụng cao): Việc Việt Nam là ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có

ý nghĩa

- A. tạo cơ hội để Việt Nam hòa nhập với cộng đồng quốc tế.
- B. nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
- C. nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, chính trị của Việt Nam với các nước.
- D. góp phần thúc đẩy việc nhanh chóng ký kết các hiệp định thương mại của nước ta.

Gợi ý 2

Câu 1: (Nhận biết) Hội nghị Ianta (2/1945) diễn ra khi Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. đang lan rộng ở châu Âu.
- B. bước vào giai đoạn sắp kết thúc.
- C. đang lan rộng trên thế giới.
- D. đã hoàn toàn kết thúc.

Câu 2: (Nhận biết) Hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta (Liên Xô) có sự tham dự của nguyên thủ các quốc gia

- A. Liên Xô, Pháp, Anh.
- B. Liên Xô, Mĩ, Pháp.
- C. Mĩ, Anh, Pháp.
- D. Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 3: (Nhận biết) Hội nghị Ianta (2/1945) chỉ định quân đội của nước nào sẽ tham chiến ở châu Á sau khi đánh bại phát xít Đức?

- A. Mĩ.
- B. Liên Xô.
- C. Anh.
- D. Liên quân Mĩ - Anh.

Câu 4: (Nhận biết) Để duy trì hòa bình và an ninh thế giới, Hội nghị Ianta (2/1945) quyết định thành lập tổ chức

- A. Hội Quốc liên.
- B. NATO.
- C. Liên hợp quốc.
- D. Vácava.

Câu 5: (Nhận biết) Hội nghị Ianta (2/1945) thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở

- A. Đông Âu và Tây Âu.
- B. châu Âu và Bắc Á.
- C. Triều Tiên và Nhật Bản.
- D. châu Âu và châu Á.

Câu 6: (Nhận biết) Trật tự thế giới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Vécxai - Oasinhton.
- B. hai cực Ianta.
- C. đa cực.
- D. đơn cực.

Câu 7: (Nhận biết) Mục đích thành lập Liên hợp quốc là

- A. phát triển kinh tế và văn hóa.
- B. duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- C. hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ.
- D. duy trì hòa bình, an ninh ở châu Âu và thế giới.

Câu 8: (Nhận biết) Một trong những nguyên tắc của Liên hợp quốc về việc giải quyết tranh chấp quốc tế là

- A. biện pháp quân sự.
- B. biện pháp hòa bình.
- C. chiến tranh lạnh.
- D. chiến tranh cục bộ.

Câu 9: (Nhận biết) Cơ quan của Liên Hợp quốc giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là

- A. Tòa án Quốc tế.
- B. Đại hội đồng.
- C. Hội đồng Quản thác.
- D. Hội đồng Bảo an.

Câu 10: (Nhận biết) Văn kiện quan trọng nhất của Liên hợp quốc là

- A. Tuyên ngôn Toàn thế giới về quyền con người.
- B. Công ước Quốc tế về các quyền dân sự, chính trị.
- C. Hiến chương Liên hợp quốc.

D. Công ước Quốc tế về Luật biển.

Câu 11: (Nhận biết) Cơ quan nào của Liên Hợp quốc có nhiệm vụ nghiên cứu, báo cáo và xúc tiến việc hợp tác quốc tế nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc?

- A. Hội đồng Kinh tế và Xã hội.
- B. Hội đồng Bảo an.
- C. Đại hội đồng.
- D. Hội đồng Quản thác.

Câu 12: (Nhận biết) Cơ quan tư pháp của Liên Hợp quốc, có nhiệm vụ giải quyết tranh chấp giữa các nước trên cơ sở luật pháp quốc tế là

- A. Ban Thư kí.
- B. Đại hội đồng.
- C. Tòa án quốc tế.
- D. Hội đồng Bảo an.

Câu 13: (Thông hiểu) Vì sao Hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta (Liên Xô) chỉ có sự tham dự của Liên Xô, Mĩ, Anh?

- A. Là ba nước nòng cốt trong chiến tranh chống phát xít.
- B. Nước có nhiều thuộc địa bị phát xít chiếm.
- C. Lãnh thổ ba nước đều bị quân phát xít tấn công.
- D. Là ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới sau chiến tranh.

Câu 14: (Thông hiểu) Vấn đề không được đặt ra trong Hội nghị Ianta là

- A. khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.
- B. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
- C. phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.
- D. tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

Câu 15: (Thông hiểu) Nội dung nào không phải nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

- A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- D. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc.

Câu 16: (Thông hiểu) Hội nghị Ianta diễn ra căng thẳng, quyết liệt chủ yếu do

- A. các nước tham dự đều muốn giành quyền lợi cho mình.
- B. Liên Xô muốn duy trì hòa bình, Mĩ muốn phân chia thế giới.
- C. mâu thuẫn giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa sau chiến tranh.
- D. quan điểm khác nhau về việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

Câu 17: (Thông hiểu) Vì sao Hội nghị Ianta (2/1945) chấp nhận để Liên Xô tham gia chống Nhật Bản?

- A. Liên Xô là trụ cột, đi đầu trong chiến tranh chống phát xít.
- B. Liên Xô tận dụng được những lợi thế trong chiến tranh.
- C. Liên Xô rất giàu mạnh, chi phối thế giới.
- D. Quân đội Liên Xô mạnh.

Câu 18: (Thông hiểu) Khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, các nước Đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng

- A. gìn giữ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh.

- B. tiêu diệt tận gốc phát xít.
- C. mở rộng mối quan hệ giữa các nước.
- D. hợp tác trên cơ sở tôn trọng quyền tự quyết dân tộc.

Câu 19: (Thông hiểu) Khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, các nước Mĩ, Anh thỏa thuận với Liên Xô nhằm sắp xếp lại trật tự thế giới, vì

- A. chiến tranh làm cho kinh tế và địa vị Mĩ giảm sút.
- B. Liên Xô là nước duy nhất có thể tạo thế cân bằng với Mĩ.
- C. các nước thắng trận đều đạt được mục tiêu theo đuổi.
- D. Mĩ, Anh muốn có một trật tự thế giới hòa bình.

Câu 20: (Thông hiểu) Vai trò của Liên hợp quốc trước những biến động của tình hình thế giới hiện nay là

- A. là một diễn đàn vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- B. thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước thành viên trên nhiều lĩnh vực.
- C. ngăn chặn các đại dịch đe dọa sức khỏe loài người.
- D. bảo vệ các di sản thế giới, cứu trợ nhân đạo.

Câu 21: (Thông hiểu) Quyết định của Hội nghị Ianta thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm

- A. giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, châu Á.
- B. thành lập chính phủ tư sản ở các nước được giải phóng.
- C. hỗ trợ các nước đảm bảo an ninh sau chiến tranh.
- D. giúp các nước phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Câu 22: (Thông hiểu) Trật tự thế giới Ianta được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Những quyết định của Hội nghị Ianta.
- B. Những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.
- C. Những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.
- D. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Câu 23: (Thông hiểu) Tại sao Hiến chương của Liên hợp quốc là văn kiện quan trọng nhất?

- A. Đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Là cơ sở để các nước tham gia tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Nêu rõ mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là duy trì hòa bình và an ninh thế giới...
- D. Quy định bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc.

Câu 24: (Thông hiểu) Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập không nhằm mục đích

- A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- B. phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
- C. hợp tác quốc tế giữa các nước.
- D. duy trì trật tự thế giới mới hình thành có lợi cho Mĩ.

Câu 25: (Thông hiểu) Từ khi thành lập đến nay Liên hợp quốc có vai trò

- A. xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa các nước.
- B. là diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- C. chống lại chủ nghĩa khủng bố.
- D. quan trọng trong giải quyết nhiều vấn đề mang tính toàn cầu.

Câu 26: (Thông hiểu) Hội nghị Ianta (2/1945) được tổ chức trong hoàn cảnh phần thắng nghiêng về các nước

- A. xã hội chủ nghĩa.
- B. thuộc địa.
- C. đồng minh.
- D. tư bản chủ nghĩa.

Câu 27: (Thông hiểu) Một trong những mục đích của Liên Hợp quốc về phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế giữa các nước là

- A. nỗ lực hợp tác trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định quốc tế.
- B. tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.
- C. tôn trọng nguyên tắc bình đẳng, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- D. tôn trọng nguyên tắc hợp tác, phát triển và sự nhất trí của các nước lớn.

Câu 28: (Thông hiểu) Khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, Mĩ, Anh thỏa thuận với Liên Xô cùng sắp xếp một trật tự thế giới nhằm

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- B. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. phân chia khu vực đóng quân và ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.
- D. chung sống hòa bình giữa các nước TBCN và XHCN.

Câu 29: (Vận dụng): Thực chất Hội nghị Ianta (2/1945) là

- A. bàn về vấn đề có liên quan đến hòa bình, an ninh thế giới.
- B. cùng sắp xếp một trật tự thế giới mới sau chiến tranh.
- C. thể hiện quyết tâm tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- D. sự phân chia khu vực đóng quân và ảnh hưởng của các nước thắng trận.

Câu 30: (Vận dụng): Hội nghị Ianta đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng, ngoại trừ

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- B. hợp tác giữa các nước nhằm khôi phục đất nước sau chiến tranh.
- C. thỏa thuận việc đóng quân tại các nước.
- D. thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

Câu 31: (Vận dụng): Hội nghị Ianta chấp nhận nhiều điều kiện để Liên Xô tham gia chống Nhật ở châu Á, ngoại trừ

- A. khôi phục quyền lợi của nước Nga bị mất do cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904).
- B. Liên Xô chiếm 4 đảo thuộc quần đảo Curin.
- C. trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xakhalin.
- D. giữ nguyên trạng Trung Quốc.

Câu 32: (Vận dụng): Việt Nam từ khi gia nhập tổ chức Liên hợp quốc có những đóng góp gì?

- A. Có quan hệ hợp tác chặt chẽ, hiệu quả trên nhiều lĩnh vực.
- B. Là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kì 2008 – 2009.
- C. Có tiếng nói ngày càng quan trọng trong tổ chức Liên hợp quốc.
- D. Chống tham nhũng, an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, quyền trẻ em.

Câu 33: (Vận dụng): Cho các sự kiện:

- Việt Nam và Mĩ bình thường quan hệ;
- Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc;
- Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian.

- A.** 1, 2, 3. **B.** 3, 2, 1. **C.** 1, 3, 2. **D.** 2, 1, 3.

Câu 34: (Vận dụng): Một trong những nội dung quan trọng của sự thay đổi bản đồ chính trị thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A.** sau chiến tranh, nhiều nước để quốc quay lại xâm lược thuộc địa.
B. sự đe dọa của chủ nghĩa khủng bố toàn cầu.
C. sự ra đời của các tổ chức liên kết quốc tế.
D. sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trẻ.

Câu 35: (Vận dụng): Điểm khác biệt về nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) so với Liên hợp quốc là

- A.** giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
B. tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
C. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực đối với nhau.
D. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Câu 36: (Vận dụng): Ý nào khẳng định mục đích quan trọng nhất của Liên hợp quốc?

- A.** Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
B. Ngăn chặn sự đe dọa đối với hòa bình an ninh thế giới.
C. Áp dụng biện pháp ngăn chặn các hoạt động xâm lược.
D. Duy trì trật tự thế giới mới có lợi cho Mĩ.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Những thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX góp phần xóa bỏ chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa thực dân trên thế giới?

- A.** Cách mạng tháng Tám (1945) và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
B. Cách mạng tháng Tám (1945), kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).
C. Cách mạng tháng Tám (1945), kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).
D. kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).

Câu 38: (Vận dụng cõo): Những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc tại Hội nghị Potsdam (Đức) dẫn đến hệ quả gì?

- A.** Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật.
B. Liên Xô Mĩ chuyển từ đối thoại sang đối đầu và Chiến tranh lạnh.
C. Hình thành một trật tự thế giới mới – Trật tự hai cực Ianta.
D. Hệ thống XHCN hình thành và ngày càng mở rộng.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Đặc điểm nổi bật của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 là

- A.** các cuộc chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo... diễn ra nhiều nơi.
B. hình thành hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
C. cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đạt nhiều thành tựu to lớn.
D. hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn: Mĩ, Tây Âu và Nhật.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Vai trò lớn nhất của Liên hợp quốc trong hơn nửa thế kỉ qua là

- A.** giúp đỡ các nước đang phát triển, thực hiện cứu trợ nhân đạo.
B. giải quyết các tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực.
C. diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
D. hợp tác quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội giữa các thành viên.

Bài 2: Liên xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991). Liên bang Nga (1991 – 2000)

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết): Trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đi đầu trong lĩnh vực:

- A.** công nghiệp nặng, chế tạo máy móc.
B. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
C. công nghiệp vũ trụ và công nghiệp điện hạt nhân.
D. công nghiệp quốc phòng.

Câu 2: (Nhận biết): Nhân dân Liên Xô nhanh chóng hoàn thành thắng lợi Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946-1950) dựa vào:

- A.** sự giúp đỡ của các nước trên thế giới **B.** tinh thần tự lực tự cường
C. những tiến bộ khoa học-kỹ thuật **D.** sự giúp đỡ của các nước Đông Âu.

Câu 3: (Nhận biết): Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô là cường quốc công nghiệp.

- A.** đứng đầu thế giới. **B.** đứng thứ hai thế giới
C. đứng thứ ba thế giới. **D.** đứng thứ tư thế giới

Câu 4: (Nhận biết): Sau khi Liên Xô tan rã, “quốc gia kế tục” là Liên bang Nga, được kế thừa:

- A.** toàn bộ những quyền lợi của Liên Xô.
B. tình trạng rối loạn về kinh tế, chính trị, xã hội.
C. toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ, thành tựu và hạn chế của Liên Xô trên các mặt.
D. địa vị pháp lý của Liên Xô.

Câu 5: (Nhận biết): Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật:

- A.** Phóng thành công tên lửa đạn đạo.
B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
D. Phóng tàu vũ trụ đưa I. Gagarin bay vòng quanh trái đất.

Câu 6: (Nhận biết): Từ 1950 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại nào?

- A.** Đối đầu với các nước Tây Âu. **B.** Muốn làm bạn với tất cả các nước.
C. Quan hệ chặt chẽ với các nước XHCN. **D.** Bảo vệ hoà bình thế giới.

Câu 7: (Nhận biết): Từ năm 2000, khi Putin lên làm Tổng thống, tình hình nước Nga là:

- A. tiếp tục khủng hoảng.
- B. dần dần hồi phục và phát triển.
- C. chính trị không ổn định.
- D. tốc độ tăng trưởng âm.

Câu 8: (Nhận biết): Dưới thời Tổng thống Enxin, thách thức nước Nga phải đối mặt là:

- A. bất ổn chính trị.
- B. xung đột sắc tộc.
- C. bất ổn chính trị, xung đột sắc tộc.
- D. nạn khủng bố.

Câu 9: (Nhận biết): Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian về thành tựu khoa học-kỹ thuật Liên Xô từ sau năm 1945

1. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
2. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
3. Liên Xô phóng tàu vũ trụ, mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

- A. 2,1,3.
- B. 2,3,1.
- C. 3, 2,1.
- D. 1,3,2.

Câu 10: (Nhận biết): Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở

- A. châu Á.
- B. châu Âu.
- C. châu Phi.
- D. châu Mỹ.

Câu 11: (Thông hiểu): Những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX có ý nghĩa:

- A. mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
- B. thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực.
- C. đưa Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới.
- D. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

Câu 12: (Thông hiểu): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô tiến hành khôi phục kinh tế trong điều kiện:

- A. thu được nhiều chiến phí.
- B. chiếm được nhiều thuộc địa.
- C. bị tổn thất nặng nề trong chiến tranh.
- D. bán được nhiều vũ khí, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

Câu 13: (Thông hiểu): Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập nhằm mục đích:

- A. tăng cường sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. hỗ trợ các nước châu Âu phát triển kinh tế.
- C. viện trợ cho các nước nghèo.
- D. đầu tư cho việc nghiên cứu khoa học.

Câu 14: (Thông hiểu): Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1989-1991) là.

- A. không bắt kịp bước phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến.
- B. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
- C. sự chống phá của các thế lực thù địch.
- D. không bắt kịp bước phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến.

Câu 15: (Nhận biết): Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật:

- A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.
- B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- D. Phóng tàu vũ trụ đưa I. Gagarin bay vòng quanh trái đất.

Câu 16: (Nhận biết): Từ 1950 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại nào?

- A. Đối đầu với các nước Tây Âu.
- B. Muốn làm bạn với tất cả các nước.
- C. Quan hệ chặt chẽ với các nước XHCN.
- D. Bảo vệ hoà bình thế giới.

Câu 17: (Thông hiểu): Thành tựu nào được xem là quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được trong giai đoạn 1950 – 1973?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới .
- C. Là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.
- D. Là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

Câu 18: (Thông hiểu): Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào?

- A. Phá thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.
- B. Làm giảm uy tín của Mỹ trên trường thế giới.
- C. Buộc Mỹ phải thực hiện chiến lược toàn cầu.
- D. làm Mỹ lo sợ và phát động “Chiến tranh lạnh” chống Liên Xô.

Câu 19: (Thông hiểu): Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây với hy vọng:

- A. thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.
- B. xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.
- C. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
- D. tăng cường hợp tác khoa học-kỹ thuật với các nước châu Âu.

Câu 20: (Thông hiểu): Sự kiện ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô năm 1957 là:

- A. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. chế tạo thành công bom hóa học.
- C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- D. phóng con tàu vũ trụ, thực hiện chuyến bay vòng quanh trái đất.

Câu 21: (Thông hiểu): Sự kiện ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô năm 1949 là

- A. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. đưa người lên thám hiểm mặt trăng.
- C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- D. phóng con tàu vũ trụ, thực hiện chuyến bay vòng quanh trái đất.

Câu 22: (Thông hiểu): Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô được mệnh danh là

- A. cường quốc công nghiệp.
- B. cường quốc công nghệ.

- C.** cường quốc nông nghiệp. **D.** cường quốc sản xuất phần mềm.

Câu 23: (Thông hiểu): Sự kiện đánh dấu chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới là

- A.** thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.
B. thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1945.
C. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
D. thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.

Câu 24: (Thông hiểu): Nguyên nhân chính dẫn đến sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vacsava là.

- A.** tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
B. tăng cường sức mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa.
C. đối phó với khối quân sự NATO.
D. đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Câu 25: (Thông hiểu): Lý do Liên Xô đẩy mạnh khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc là gì.

- A.** Để chạy đua vũ trang với Mỹ.
B. Hàn gắn vết thương chiến tranh và phấn đấu nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
C. Muốn cạnh tranh vị thế cường quốc với nước Mỹ.
D. Vượt qua thế bao vây, cấm vận của Mỹ và các nước Tây Âu.

Câu 26: (Thông hiểu): Xác định mốc thời gian tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu;

- A.** Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX.
B. Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX.
C. Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX.
D. Từ cuối những năm 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

Câu 27: (Thông hiểu): Ý nào không phải là khó khăn lớn nhất của Liên Xô khi bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A.** Mỹ và các nước tư bản phương Tây tiến hành Chiến tranh lạnh, bao vây kinh tế, chạy đua vũ trang, buộc Liên Xô phải củng cố quốc phòng.
B. Liên Xô bị tổn thất nặng nề về người và của trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Đời sống của nhân dân khó khăn.
D. Thiếu đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm và đội ngũ công nhân lành nghề

Câu 28: (Thông hiểu): Một trong những nguyên nhân làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu khủng hoảng và sụp đổ là do:

- A.** không tiến hành cải tổ đất nước.
B. hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
C. Đảng Cộng sản bị đình chỉ hoạt động.
D. tổ chức Hiệp ước Vacsava chấm dứt hoạt động.

Câu 29: (Thông hiểu): Nhân tố quan trọng nào giúp Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế 1946 - 1950

- A.** Tinh thần tự lực tự cường. **B.** Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

- C.** Những tiến bộ khoa học kĩ thuật. **D.** Sự hợp tác giữa các nước XHCN.

Câu 30: (Thông hiểu): Với chủ trương bảo vệ hòa bình thế giới, giúp đỡ các nước chủ nghĩa xã hội và ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, Liên Xô trở thành.

- A.** anh cả của hệ thống chủ nghĩa xã hội.
B. thành trì của nền hòa bình và phong trào cách mạng thế giới.
C. thủ lĩnh của phe xã hội chủ nghĩa.
D. thành trì hệ thống chủ nghĩa xã hội.

Câu 31: (Thông hiểu): Ý nghĩa quan trọng nhất của sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử là:

- A.** cân bằng lực lượng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.
B. đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật Liên Xô.
C. phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.
D. Liên Xô trở thành cường quốc về vũ khí hạt nhân.

Câu 32: (Vận dụng) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xung đột chính trị giữa hai phe XHCN và TBCN làm cho

- A.** thế giới như bị phân đôi
B. trật tự hai cực Ianta hình thành.
C. Liên Xô và Mỹ tranh giành quyền lợi gay gắt.
D. các siêu cường kinh tế vươn lên làm bá chủ thế giới.

Câu 33: (Vận dụng) Ý nào không đúng nguyên nhân khiến Liên Xô trở thành chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới;

- A.** Liên Xô có nền kinh tế vững mạnh, khoa học kỹ thuật tiên tiến.
B. Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
C. Liên Xô ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
D. Liên Xô là nước duy nhất trên thế giới sở hữu vũ khí hạt nhân.

Câu 34: (Vận dụng) Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô.

- A.** Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất .
B. Phóng con tàu vũ trụ đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.
C. Đưa con người lên Mặt Trăng.
D. Đưa con người lên Sao Hỏa.

Câu 35: (Vận dụng) Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mỹ là:

- A.** mở rộng lãnh thổ. **B.** ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
C. duy trì nền hòa bình thế giới. **D.** khống chế các nước khác.

Câu 36: (Vận dụng) Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ đã.

- A.** chứng tỏ học thuyết Mác-Lê nin không phù hợp ở châu Âu.
B. làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn nữa.

C. làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới chỉ còn lại ở châu Á và Mỹ Latinh.

D. giúp Mỹ hoàn thành mục tiêu đề ra trong chiến lược toàn cầu.

Câu 37: (Vận dụng) Nội dung nào không phải là đường lối xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

A. Bảo vệ hòa bình thế giới.

B. Mở rộng liên minh quân sự ở châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh.

C. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Viện trợ, giúp đỡ nhiều nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 38: (Vận dụng) Ý không đúng về nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu là

A. người dân không ủng hộ, không hào hứng với chế độ xã hội chủ nghĩa.

B. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, quan liêu.

C. không bắt kịp bước phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới.

D. sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 39: (Vận dụng) Ý nghĩa quan trọng nhất của sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử là:

A. cân bằng lực lượng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.

B. đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật Liên Xô.

C. phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.

D. Liên Xô trở thành cường quốc về vũ khí hạt nhân.

Câu 40: (Vận dụng cao) Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là

A. kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. duy trì nền kinh tế bao cấp.

C. thừa nhận chế độ đa nguyên đa đảng.

D. tập trung cải cách chính trị.

Câu 41: (Vận dụng cao) Trong những năm chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng, Đảng và Nhà nước Việt Nam cho rằng.

A. chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chịu tác động từ cuộc khủng hoảng này, nên không cần sự điều chỉnh.

B. hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới chịu tác động lớn, nên phải điều chỉnh và tiến hành đổi mới đất nước.

C. mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp ở châu Âu.

D. công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chịu tác động, nhưng cần phải đúc kết bài học kinh nghiệm.

Câu 42: (Vận dụng cao) Điểm tương đồng trong công cuộc cải cách-mở cửa ở Trung Quốc với công cuộc cải tổ ở Liên Xô và đổi mới đất nước ở Việt Nam là:

A. tiến hành cải tổ về chính trị, cho phép đa nguyên đa đảng.

B. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, mở rộng hội nhập quốc tế.

C. đều tiến hành khi đất nước lâm vào tình trạng không ổn định, khủng hoảng kéo dài.

D. Đảng Cộng sản nắm quyền lãnh đạo, kiên trì theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Câu 43: (Vận dụng cao) Sai lầm lớn nhất của Liên Xô và các nước Đông Âu khi tiến hành cải tổ, điều chỉnh sự phát triển kinh tế và trở thành bài học đối với Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay là.

A. chỉ lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, không coi trọng cải tổ bộ máy nhà nước.

B. thực hiện đa nguyên đa đảng (cho phép nhiều đảng phái cùng tham gia hoạt động).

C. thiếu dân chủ, công khai và đàn áp nhân dân biểu tình.

D. thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, gần gũi với phương Tây.

Gợi ý 2

Câu 1: (Nhận biết): Trong lĩnh vực khoa học kĩ của Liên Xô, thành tựu nổi bật vào năm 1949 là

A. đưa người lên mặt trăng.

B. chế tạo thành công bom nguyên tử.

C. phóng thanh công vệ tinh nhân tạo.

D. phóng tàu vũ trụ.

Câu 2: (Nhận biết): Hoàn thành kế hoạch 5 năm về kinh tế trước 9 tháng là thắng lợi

A. ở Việt Nam.

B. khôi phục kinh tế ở Liên Xô.

C. ở Trung Quốc.

D. xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

Câu 3: (Nhận biết): Đường lối đối ngoại của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. hòa bình trung lập.

B. hòa bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

C. tích cực ngăn chặn vũ khí có nguy cơ hủy diệt loài người.

D. kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mỹ.

Câu 4: (Nhận biết): Ngay sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Liên Xô thực hiện kế hoạch 5 năm (1946-1950) nhằm

A. khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

B. công nghiệp hóa XHCN.

C. hiện đại hóa XHCN.

D. Đối phó với âm mưu mới của Mỹ.

Câu 5: (Nhận biết): Đến 1950 tổng sản lượng ... (a) ... của Liên Xô tăng ... (b) ... so với mức trước chiến tranh.

A. (a) công nghiệp (b) 53%

B. (a) nông nghiệp (b) 63%

C. (a) công nghiệp (b) 73%

D. (a) nông nghiệp (b) 83%

Câu 6: (Nhận biết): Trong những năm 50 đến nửa đầu những năm 70 quốc gia trở thành cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai thế giới là

A. Anh.

B. Liên Xô.

C. Đức.

D. Pháp.

Câu 7: (Nhận biết): Nét chính về tình hình kinh tế Liên Bang Nga trong nửa đầu thập niên 90 của thế kỉ XX là

A. suy giảm nghiêm trọng.

B. phát triển nhanh chóng.

C. bắt đầu được phục hồi.

D. phát triển nhưng tốc độ chậm.

Câu 8: (Nhận biết): Trong công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945-1950), tăng 73% là thành tựu trong lĩnh vực

- A.** giáo dục. **B.** công nghiệp. **C.** nông nghiệp. **D.** khoa học kỹ thuật.

Câu 9: (Nhận biết): Thành tựu về khoa học kỹ thuật Liên Xô đạt được vào năm 1957 là

- A.** chế tạo thành công bom nguyên tử. **B.** nước đầu tiên khám phá các đại dương lớn.
C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo. **D.** phóng con tàu vũ trụ.

Câu 10: (Nhận biết): Quốc gia kế tục Liên Xô về địa vị pháp lý tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc là

- A.** Nga. **B.** Ucraina. **C.** Bê-lô-rut-xi-a. **D.** Liên Bang Nga.

Câu 11: (Nhận biết): Vào nửa sau thập niên 90 của thế kỉ XX, chính sách đối ngoại của Liên Bang Nga là

- A.** ngả về phương Tây.
B. phát triển mối quan hệ với các nước Nam Á, Tây Á.
C. phát triển mối quan hệ với các nước Đông Bắc Á.
D. phát triển mối quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Câu 12: (Nhận biết): Từ năm 2000 trở đi kinh tế nước Nga có chuyển biến là

- A.** bị suy thoái. **B.** bị khủng hoảng.
C. phát triển chậm. **D.** dần dần hồi phục và phát triển.

Câu 13: (Thông hiểu): Nguyên nhân quyết định sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là

- A.** thiếu dân chủ công bằng.
B. khi cải tổ phạm phải nhiều sai lầm.
C. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan duy ý chí.
D. sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 14: (Thông hiểu): Một trong những mục tiêu quan trọng đòi hỏi Liên Xô phải thực hiện công cuộc khôi phục kinh tế (1945 – 1950) là

- A.** đưa Liên Xô trở thành cường quốc thế giới.
B. xây dựng nền kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh với Mỹ.
C. nhanh chóng khôi phục đất nước bị chiến tranh tàn phá.
D. tiến hành công cuộc xây dựng CNXH đã bị gián đoạn từ năm 1941.

Câu 15: (Thông hiểu): Lý do nào nước Nga thực hiện đường lối đối ngoại ngả về phương Tây?

- A.** Hợp tác về mọi mặt để cùng phát triển.
B. Hi vọng nhận được sự ủng hộ về chính trị và viện trợ về kinh tế.
C. Giúp đỡ các nước phương Tây khôi phục và phát triển kinh tế.
D. Cùng với các nước phương Tây hình thành liên minh chính trị hùng mạnh.

Câu 16: (Thông hiểu): Nguyên nhân nào là quan trọng nhất để Liên Xô đạt được nhiều thành tựu rực rỡ từ sau năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

- A.** Sự giúp đỡ từ các nước phương Tây.
B. Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật.
C. Tinh thần tự lực tự cường của nhân dân Liên Xô.
D. Đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Liên Xô.

Câu 17: (Thông hiểu): Nguyên nhân nào mang tính quyết định để Liên Xô hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1945-1950)?

- A.** Có nguồn tài nguyên phong phú. **B.** sự viện trợ từ các nước phương Tây.
C. tinh thần tự lực tự cường của nhân dân Liên Xô. **D.** nhờ vào sự ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật.

Câu 18: (Thông hiểu): Đầu là nguyên nhân khách quan dẫn đến sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

- A.** Thiếu dân chủ công bằng. **C.** Khi cải tổ phạm phải nhiều sai lầm.
C. Sự chống phá của các nước phương Tây. **D.** Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan duy ý chí.

Câu 19: (Thông hiểu): Đầu là thuận lợi mang tính quyết định của Liên Xô từ sau 1945 đến nửa đầu những năm 70?

- A.** Liên bang Xô viết được mở rộng.
B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành.
C. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển.
D. Vị thế, uy tín của Liên Xô được nâng cao trên thế giới.

Câu 20: (Thông hiểu): Vì sao đến 1950 Liên Xô mới tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A.** Khôi phục lại kinh tế đất nước. **B.** Giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. **D.** Đối phó âm mưu thù địch của phương Tây.

Câu 21: (Thông hiểu): Thành tựu nào giúp Liên Xô tăng cường tiềm lực quốc phòng trong thời kì (1940-1950)?

- A.** Sản xuất tên lửa đầu đạn. **B.** Chế tạo bom hạt nhân.
C. Thử thành công bom nguyên tử. **D.** Thành lập hệ thống phòng chống tên lửa.

Câu 22: (Thông hiểu): Ý nào không phải là khó khăn chủ quan của Liên Xô khi bước vào thời kì xây dựng đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A.** Mỹ và các nước phương Tây tiến hành chiến tranh lạnh, bao vây kinh tế, chạy đua vũ trang.
B. Phải chịu hậu quả nặng nề của Chiến tranh thế giới hai.
C. Đời sống nhân dân khó khăn.
D. Thiếu đội ngũ cán bộ quản lí có kinh nghiệm và công nhân lành nghề.

Câu 23: (Thông hiểu): Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm 1949 có ý nghĩa như thế nào?

- A.** Đánh dấu bước phát triển của khoa học-kỹ thuật, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.
B. Chứng tỏ Liên Xô đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự so với Mỹ và các nước đồng minh.
C. Chứng tỏ khoa học- kỹ thuật, quân sự và chinh phục vũ trụ của Liên Xô đã đạt tới đỉnh cao.
D. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của Liên Xô trong lĩnh vực điện hạt nhân nguyên tử.

Câu 24: (Thông hiểu): Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô đã đạt được những thành tựu cơ bản gì thể hiện vai trò quan trọng của mình đối với Mỹ và Tây Âu?

- A.** Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế đối với Mỹ và phương Tây.

B. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh hạt nhân nói riêng đối với Mĩ và phương Tây.

C. Thế cân bằng sức mạnh về quốc phòng với Mĩ và phương Tây.

D. Thế cân bằng về chinh phục vũ trụ đối với Mĩ và phương Tây.

Câu 25: (Thông hiểu): Điểm khác nhau về mục đích sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô so với Mĩ?

A. Mở rộng lãnh thổ.

B. Duy trì hòa bình an ninh thế giới.

C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

D. Khống chế các nước khác.

Câu 26: (Thông hiểu): Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội đã phát triển thành hệ thống thế giới ?

A. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

B. Thắng lợi của các nước Đông Âu và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

C. Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa .

D. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc.

Câu 27: (Thông hiểu): Xác định nhân tố quyết định hàng đầu để Liên Xô hoàn thành các kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH?

A. Liên Xô là nước thắng trận nên được nhiều quyền lợi.

B. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

C. Không phải xây dựng hệ thống quốc phòng và an ninh.

D. Có sự hợp tác với các nước phương Tây về kinh tế, quân sự.

Câu 28: (Thông hiểu): Nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Xây dựng mô hình CNXH không phù hợp.

B. Chậm sửa chữa những sai lầm và thiếu sót.

C. Sự chống phá của các thế lực phản động trong và ngoài nước.

D. Vấp phải những sai lầm nghiêm trọng trong quá trình cải tổ.

Câu 29: (Vận dụng) Chứng minh vai trò quan trọng nhất của Liên Xô với tư cách là một trong những nước sáng lập và là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

A. đề ra nhiều sáng kiến nhằm giữ gìn hòa bình, thúc đẩy hợp tác quốc tế.

B. đóng góp vào lộ trình phi thực dân hóa, nỗ lực giải trừ quân bị.

C. tăng cường giúp đỡ các nước Đông Âu về kinh tế và khoa học-kỹ thuật.

D. Củng cố tình hữu nghị, sự hợp tác và sức mạnh của các nước XHCN.

Câu 30: (Vận dụng)(a).....là nước chịu hậu quả nặng nề nhất của chiến tranh thế giới thứ hai.....(b).....là nước không bị chiến tranh tàn phá.

A. (a) Mỹ, (b) Liên Xô. **B.** (a) Liên Xô, (b) Mỹ. **C.** (a) Pháp, (b) Mỹ. **D.** (a) Mỹ, (b) Anh.

Câu 31: (Vận dụng) . Xác định ý nghĩa quốc tế to lớn của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX?

A. Trở thành đối thủ cạnh tranh, thách thức với Mỹ.

B. Hỗ trợ về vật chất tinh thần cho cách mạng Việt Nam.

C. Cho thấy sự thắng thế của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

D. Liên Xô trở thành chỗ dựa, nguồn cổ vũ cho phong trào cách mạng thế giới.

Câu 32: (Vận dụng) . Xác định âm mưu cơ bản của Mỹ và các nước phương Tây nhằm chống lại Liên Xô?

A. Tiến hành bao vây kinh tế.

B. Phát động chiến tranh lạnh.

C. Đẩy mạnh chiến tranh tổng lực.

D. Lôi kéo các nước Đồng Minh chống lại liên Xô.

Câu 33: (Vận dụng) . Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX Liên Xô đã đạt thành tựu cơ bản gì thể hiện sự cân bằng với Mỹ và Tây Âu?

A. Sức mạnh kinh tế.

B. Chinh phục vũ trụ.

C. Sức mạnh quốc phòng.

D. sức mạnh quân sự và sức mạnh hạt nhân.

Câu 34: (Vận dụng) Nguyên nhân nào không phải là nguyên nhân sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô?

A. Thiếu dân chủ công bằng.

B. Khi cải tổ phạm phải nhiều sai lầm.

C. Sự can thiệp quân sự từ các nước phương Tây.

D. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan duy ý chí.

Câu 35: (Vận dụng) Đường lối nào không nằm trong chính sách đối ngoại của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai

A. trung lập tích cực.

B. bảo vệ hòa bình thế giới.

C. giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

D. tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

Câu 36: (Vận dụng) Liên Xô tan rã 1991 đã tác động đến cục diện chính trị thế giới là:

A. trật tự 2 cực Ianta sụp đổ.

B. Mỹ muốn thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

C. hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại trên thế giới.

D. phong trào cách mạng thế giới mất chỗ dựa quan trọng.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới thành công nhờ rút ra được bài học quan trọng nhất từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là

A. Phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng.

B. Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến.

C. Cảnh giác trước sự chống phá của các thế lực thù địch.

D. Đường lối lãnh đạo của Đảng phải xuất phát từ thực tiễn.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Hãy cho biết vai trò của Liên Bang Nga tại hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài sau khi Liên Xô tan rã ?

A. Giữ vai trò quan trọng quyết định thay mặt Liên Xô giải quyết mọi vấn đề

B. Là quốc gia “kế tục” Liên Xô, được kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô tại hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

C. Thừa hưởng mọi quyền lợi tại hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

D. Mất quyền kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô tại hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài

Câu 39: (Vận dụng cõo): Những thành tựu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX) có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với nhân dân Liên Xô?

- A. Liên Xô trở thành đối trọng của Mĩ trong trật tự thế giới hai cực.
- B. Liên Xô đủ sức làm trụ cột trong phong trào bảo vệ hòa bình thế giới.
- C. Liên Xô có điều kiện giúp đỡ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.
- D. Đời sống nhân dân được cải thiện, có đủ sức mạnh để bảo vệ tổ quốc.

Câu 40: (Vận dụng cao): Liên Xô có vai trò như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

- A. Liên Xô lên án chính sách thực dân xâm lược.
- B. Giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
- C. Ủng hộ phong trào đấu tranh vì hòa bình vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ.
- D. Trụ cột của phong trào cách mạng thế giới.

Bài 3: Các nước Đông Bắc Á

Câu 1: (Nhận biết) Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Bắc Á đều bị

- A. Anh-Pháp chiếm làm thuộc địa.
- B. chủ nghĩa thực dân nô dịch.
- C. chủ nghĩa đế quốc xâm lược.
- D. Liên Xô-Trung Quốc chiếm đóng.

Câu 2: (Nhận biết) Tháng 12-1978, Đảng Tiểu Bình khởi xướng đường lối

- A. cải tổ đất nước.
- B. đổi mới đất nước.
- C. cải cách-mở cửa.
- D. canh tân đất nước.

Câu 3: (Nhận biết) Ngày 15-10-2003, ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện gì?

- A. Thử thành công bom nguyên tử.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Phóng thành công tàu “Thần Châu 5”.
- D. Phóng thành công tàu “Thần Châu 3” với chế độ tự động.

Câu 4: (Nhận biết) Tháng 8-1948, ở phía Nam bán đảo Triều Tiên nhà nước nào sau đây được thành lập?

- A. Đại Hàn Dân quốc.
- B. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- C. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.
- D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

Câu 5: (Nhận biết) Tháng 9-1948, ở phía Bắc bán đảo Triều Tiên nhà nước nào sau đây được thành lập?

- A. Đại Hàn Dân quốc.
- B. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- C. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.
- D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

Câu 6: (Nhận biết) Ngày 1-10-1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời là kết quả của

- A. quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc.
- B. quá trình nổi dậy của nhân dân Trung Quốc.
- C. quá trình đàm phán giữa Mĩ và Liên Xô.
- D. cuộc nội chiến 1946-1949 giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản.

Câu 7: (Thông hiểu) Địa vị quốc tế của Trung Quốc ngày càng nâng cao là kết quả của thời kỳ nào?

- A. Nội chiến 1946-1949.
- B. Công cuộc cải cách và mở cửa từ 1978-2000.
- C. Thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới 1949-1959.
- D. Trung Quốc những năm không ổn định 1959-1978.

Câu 8: (Thông hiểu) Sự kiện nào ở khu vực Đông Bắc Á có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến chống

Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm 1949-1950?

- A. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời, đi theo con đường XHCN.
- B. Trung Quốc kết thúc nội chiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan trở thành "con rỗng" kinh tế của châu Á.
- D. Trung Quốc tiến hành xây dựng chế độ mới, tuyên bố ủng hộ cách mạng Việt Nam.

Câu 9: (Thông hiểu) Nhân tố quyết định đến thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 là do

- A. sự giúp đỡ của Liên Xô về vật chất, kĩ thuật.
- B. sự phát triển của lực lượng cách mạng trong nước.
- C. chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
- D. sự suy yếu của các thế lực tư sản mại bản.

Câu 10: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây không phản ánh ý nghĩa lịch sử sự ra đời của nước Cộng hòa

Nhân dân Trung Hoa?

- A. Nâng cao vị thế Trung Quốc trên trường quốc tế.
- B. Ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Đưa Trung Quốc bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.
- D. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc.

Câu 11: (Thông hiểu) Đối với Trung Quốc, sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10-1949) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Trung Quốc đã hoàn thành triệt để.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến, đưa Trung Quốc vào kỉ nguyên độc lập, tự do.
- C. Đưa Trung Quốc trở thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á.
- D. Đưa Trung Quốc vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 12: (Thông hiểu) Biến đổi nào dưới đây của khu vực Đông Bắc Á không phải do tác động từ những quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Nhật Bản bị Mĩ chiếm đóng, hai nhà nước ra đời trên bán đảo Triều Tiên.
- B. Trên lãnh thổ Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến Quốc-Cộng lần thứ hai.
- C. Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới chia cắt đất nước.
- D. Hàn Quốc, Hồng Công và Đài Loan trở thành “con rỗng” kinh tế của châu Á.

Câu 13: (Thông hiểu) Biến đổi chính trị quan trọng nhất của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc kiên định theo con đường CNXH.
- B. cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Trung Quốc thắng lợi.
- C. Nhật Bản vươn lên trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
- D. có ba “con rỗng” kinh tế trong tổng số bốn “con rỗng” kinh tế của châu Á.

Câu 14: (Thông hiểu) Nội dung đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc hướng tới mục tiêu

- A. biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh.
- B. biến Trung Quốc thành quốc gia có tiềm lực quân sự hàng đầu thế giới.
- C. biến Trung Quốc thành "con rỗng" kinh tế của thế giới.

D. biến Trung Quốc thành cường quốc về kinh tế và quân sự đứng đầu thế giới.

Câu 15: (Vận dụng): Điểm giống nhau giữa Nhật Bản và bốn "con rồng" kinh tế của châu Á là

- A.** không tham gia bất kì liên minh chính trị, quân sự nào.
- B.** không tham gia vào nhóm G7 và G8.
- C.** đều đẩy mạnh cải cách dân chủ, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế.
- D.** không chi nhiều tiền của cho quốc phòng, an ninh.

Câu 16: (Vận dụng): Ý nào dưới đây phản ánh chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong năm 1972 đã gây bất lợi cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân Việt Nam?

- A.** Gây xung đột biên giới với Liên Xô.
- B.** Quan hệ hòa dịu với Mĩ.
- C.** Xây ra xung đột biên giới với Ấn Độ và Liên Xô.
- D.** Bình thường hóa quan hệ với Nhật Bản và phương Tây.

Câu 17: (Vận dụng): Biến đổi nào của khu vực Đông Bắc Á trong 10 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ địa-chính trị thế giới?

- A.** Nhật Bản phát triển "thần kì", trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
- B.** Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.
- C.** Hàn Quốc trở thành "con rồng" kinh tế nổi bật nhất của khu vực Đông Bắc Á.
- D.** Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan trở thành "con rồng" kinh tế của châu Á.

Câu 18: (Vận dụng): Địa vị quốc tế của Trung Quốc từ sau năm 1978 không ngừng được nâng cao là do

- A.** Trung Quốc đã trở thành cường quốc về quân sự khiến các nước phải kính nể.
- B.** sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, bình thường hóa quan hệ với nhiều nước.
- C.** Trung Quốc là một quốc gia có tiềm lực kinh tế và dân số đông nhất thế giới.
- D.** Trung Quốc là ủy viên trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Câu 19: (Vận dụng cao): Thắng lợi của cách mạng ở Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã làm cho

- A.** chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới, mở rộng không gian địa lí.
- B.** chế độ thực dân ở Đông Bắc Á bị sụp đổ hoàn toàn.
- C.** bản đồ chính trị thế giới có những thay đổi to lớn và sâu sắc.
- D.** chủ nghĩa thực dân cũ và tay sai ở Trung Quốc hoàn toàn bị tan rã.

Câu 20: (Vận dụng cao): Việt Nam có thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm cải cách-mở cửa của Trung Quốc?

- A.** Kiên trì nguyên tắc nhà nước của dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Việt Nam.
- B.** Thực hiện mở cửa, hội nhập quốc tế, áp dụng các thành tựu của khoa học kĩ thuật vào sản xuất.
- C.** Chuyển mô hình kinh tế nông nghiệp tập thể sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
- D.** Xây dựng mô hình nhà nước dân chủ chủ nghĩa, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết) Ở khu vực Đông Nam Á quốc gia được mệnh danh là con rồng kinh tế ở châu Á là

- A.** Thái Lan.
- B.** Xingapo.
- C.** Malaysia.
- D.** Ấnônêxia

Câu 2: (Nhận biết) Quốc gia trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức Asean là

- A.** Myanma.
- B.** Brunây.
- C.** Việt Nam.
- D.** Lào.

Câu 3: (Nhận biết) Hãy cho biết đường lối đối ngoại của Ấn Độ sau khi giành độc lập.

- A.** Chính sách hòa bình, trung lập, tích cực.
- B.** Không ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc.
- C.** Tham gia các liên minh chính trị quân sự.
- D.** Chạy đua vũ trang để bảo vệ lãnh thổ.

Câu 4: (Nhận biết) Sự khởi sắc của Asean được đánh dấu từ hội nghị cấp cao lần thứ nhất với việc kí hiệp ước Bali năm 1976 còn gọi là

- A.** Hiệp ước cam kết và mở rộng.
- B.** Hiệp ước thân thiện và hợp tác.
- C.** Hiệp ước thân thiện.
- D.** Hiệp ước hợp tác.

Câu 5: (Nhận biết) Năm nước tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967 là

- A.** Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Xingapo.
- B.** Ấnônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Xingapo.
- C.** Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Ấnônêxia.
- D.** Ấnônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Brunây.

Câu 6: (Nhận biết) Chiến lược kinh tế hướng nội của các nước sáng lập ASEAN là

- A.** lấy phát triển sản xuất làm chỗ dựa.
- B.** lấy thị trường ngoài nước làm chỗ dựa.
- C.** lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa.
- D.** lấy nguồn vốn trong nước làm chỗ dựa.

Câu 7: (Nhận biết) Trước chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của các nước đế quốc Âu – Mĩ, ngoại trừ

- A.** Đông Timo.
- B.** Thái Lan.
- C.** Philippin.
- D.** Xingapo.

Câu 8: (Nhận biết) Những nước Đông Nam Á tuyên bố giành độc lập vào năm 1945 là

- A.** Ấnônêxia, Xingapo, Malaixia.
- B.** Ấnônêxia, Việt Nam, Lào.
- C.** Miến Điện, Việt nam, Philippin.
- D.** Campuchia, malaixia, brunây.

Câu 9: (Nhận biết) Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A.** Đảng Quốc đại.
- B.** Đảng Dân tộc.
- C.** Đảng Nhân dân.
- D.** Đảng Cộng sản.

Câu 10: (Nhận biết) Sau chiến tranh thế giới thứ hai nhân dân Ấn Độ tiếp tục cuộc đấu tranh giành độc lập chống

- A.** thực dân Pháp.
- B.** thực dân Anh.
- C.** đế quốc Mĩ.
- D.** thực dân Hà Lan.

Câu 11: (Nhận biết) Theo phương án Maobátton Ấn Độ là quốc gia của những người theo

- A.** Phật giáo.
- B.** Ấn Độ giáo.
- C.** Hồi giáo.
- D.** Cơ đốc giáo.

Câu 12: (Nhận biết) Trong lĩnh vực công nghệ cao Ấn Độ trở thành cường quốc về

- A.** công nghệ phần mềm.
- B.** công nghệ sinh học.
- C.** năng lượng nguyên tử.
- D.** công nghệ được phẩm.

Câu 13: (Thông hiểu) Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.
- B. Nhiều nước có tốc phát triển khá nhanh.
- C. Sự ra đời của khối Asean.
- D. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 14: (Thông hiểu) Yếu tố khách quan nào thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN?

- A. Nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á.
- B. Mong muốn duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
- C. Các nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong xây dựng và phát triển đất nước.
- D. Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều.

Câu 15: (Thông hiểu) Ý nào sau đây không phải là nguyên tắc cơ bản được xác định trong Hiệp ước Bali (2.1976)?

- A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. Không can thiệp vào công việc của nhau.
- C. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực đối với nhau.
- D. Mọi quyết định của tổ chức phải được nhất trí của các nước thành viên.

Câu 16: (Thông hiểu) Ngày 26/1/1950 đánh dấu sự kiện gì ở Ấn Độ?

- A. M.Gandhi, lãnh tụ của Đảng Quốc đại bị ám sát.
- B. Thành lập hai nhà nước tự trị ở Ấn Độ.
- C. Thực dân Anh thực hiện “Phương án Maobotton”.
- D. Ấn Độ tuyên bố độc lập, thành lập nước cộng hòa.

Câu 17: (Thông hiểu) Ngày 2 -12- 1975, ở Lào diễn ra sự kiện lớn gì?

- A. Nhân dân thủ đô Viêng Chăn khởi nghĩa thắng lợi.
- B. Hoàn thành việc giành chính quyền trong cả nước.
- C. Chính thức thành lập nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.
- D. Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn công nhận nền độc lập ở Lào.

Câu 18: (Thông hiểu) Sau 1945 nhiều nước Đông Nam Á vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ độc lập vì

- A. thực dân Pháp xâm lược trở lại.
- B. quân phiệt Nhật Bản xâm lược trở lại.
- C. thực dân Mĩ và Hà Lan xâm lược trở lại.
- D. thực dân Âu – Mĩ quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á.

Câu 19: (Thông hiểu) Từ những năm 60 – 70 của thế kỉ XX năm nước sáng lập Asean phải chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo là do

- A. tác động của cuộc chiến tranh lạnh lan rộng đến khu vực.
- B. các tầng lớp nhân dân trong nước biểu tình phản đối, đề nghị thay đổi.
- C. chiến lược kinh tế hướng nội bộc lộ nhiều hạn chế cần phải thay đổi.
- D. tác động của cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược của ba nước Đông Dương.

Câu 20: (Thông hiểu) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân các nước Đông Nam Á có

cơ hội thuận lợi nào trong cuộc đấu tranh giành độc lập?

- A. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- C. Quân đồng minh chiếm đóng Nhật Bản.
- D. Liên Xô giúp đỡ phong trào đấu tranh giành độc lập đối với nhân dân các nước Đông Nam Á.

Câu 21: (Thông hiểu) Nội dung nào không phải là mục tiêu mà hội nghị cao cấp ASEAN ở Bali (Indonesia) năm 1976 đã nêu ra?

- A. Xây dựng những mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.
- B. Tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực.
- C. Thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam Á.
- D. Xây dựng khu vực Đông Nam Á đối trọng với các tổ chức khác.

Câu 22: (Thông hiểu) Từ những năm 60 -70 của thế kỉ XX , Asean thực hiện chiến lược gì?

- A. Chiến lược hướng nội.
- B. Chiến lược hướng ngoại.
- C. Chiến lược hướng nội và hướng ngoại.
- D. Chiến lược trung hòa.

Câu 23: (Thông hiểu) Từ thời kì đầu sau khi giành độc lập đến trước những năm 60 của thế kỉ XX , Asean thực hiện chiến lược gì?

- A. Chiến lược hướng nội.
- B. Chiến lược hướng ngoại.
- C. Chiến lược hướng nội và hướng ngoại.
- D. Chiến lược trung hòa.

Câu 24: (Thông hiểu) Ngày 22/7/1992 sự kiện nào gắn với quan hệ Việt Nam và Lào đối với Asean?

- A. Việt Nam và Lào tham gia Asean.
- B. Việt Nam và Lào trở thành quan sát viên của Asean.
- C. Việt Nam và Lào tham gia hiệp ước Bali.
- D. Việt Nam và Lào trở thành đối tác của Asean.

Câu 25: (Thông hiểu) Trong giai đoạn đầu 1967-1975 vị thế của Asean trên trường quốc tế như thế nào?

- A. Một khu vực phát triển hùng mạnh, có vị thế trên trường quốc tế.
- B. Còn non yếu, chưa có vị thế trên trường quốc tế.
- C. Đã đủ mạnh để có tiếng nói trên trường quốc tế.
- D. Đã mạnh về chính trị, quân sự nhưng còn yếu về kinh tế.

Câu 26: (Thông hiểu) Sự kiện nào đánh dấu nước Lào bước sang một thời kì mới – xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hòa bình và thực hiện hiệp hóa và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được kí kết (1973).
- B. Quân dân Lào đã tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn đất nước (từ tháng 5 đến tháng 12-1975).
- C. Nước Cộng hòa Dân nhân Lào chính thức được thành lập (1975).
- D. Lào gia nhập tổ chức ASEAN (1997).

Câu 27: (Thông hiểu) Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh đó là

- A. nguyên tắc của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
- B. tiêu chí hoạt động của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
- C. mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
- D. tôn chỉ của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

Câu 28: (Thông hiểu) Một trong những lí do làm cho Asean có điều kiện mở rộng tổ chức, kết nạp thành viên mới là

- A. các nước đã hợp tác để cùng phát triển.
- B. vấn đề Campuchia đã được Liên hiệp quốc giải quyết.
- C. tình hình kinh tế khu vực đã phát triển.
- D. nội bộ không còn mâu thuẫn.

Câu 29: (Vận dụng) Biến đổi quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Hầu hết các nước trong khu vực đều giành được độc lập ở các mức độ khác nhau.
- B. Sau khi giành độc lập các nước Đông Nam Á bị thực dân trở lại xâm lược.
- C. Sau khi giành độc lập các nước Đông Nam Á tập trung xây dựng đất nước.
- D. Hầu hết các nước Đông Nam Á đều tham gia tổ chức ASEAN.

Câu 30: (Vận dụng) Hiệp ước Bali (2/1976) đã xác định nhiều nguyên tắc hoạt động cơ bản trong quan hệ giữa các nước Asean, ngoại trừ nguyên tắc nào?

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ giữa các nước.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- C. Chung sống hòa bình, mọi quyết định đều phải có sự nhất trí của 5 nước sáng lập.
- D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Câu 31: (Vận dụng) Ý nào dưới đây giải thích không đúng về lí do mở rộng thành viên của tổ chức Asean từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX?

- A. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với Asean đã được cải thiện tích cực.
- B. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.
- C. Chống lại sự hình thành trật tự đa cực nhiều trung tâm sau chiến tranh lạnh.
- D. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của hiệp ước Bali.

Câu 32: (Vận dụng) Ý nào không phản ánh đúng những thách thức lớn kể từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Asean?

- A. Nền kinh tế có sự chuyển biến tích cực, địa vị quốc tế không ngừng nâng cao.
- B. Lệ thuộc vào vốn đầu tư và chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế từ bên ngoài.
- C. Nền kinh tế bị cạnh tranh khốc liệt, bản sắc văn hóa dân tộc có nguy cơ bị xói mòn.
- D. Lợi dụng đất nước hội nhập, kẻ thù tìm cách thực hiện diễn biến hòa bình.

Câu 33: (Vận dụng) Sự khởi sắc của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được đánh dấu bằng sự kiện nào?

- A. Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Bali (2/1976).
- B. Việt Nam gia nhập ASEAN (7/1995).
- C. Campuchia gia nhập ASEAN (4/1999).
- D. Các nước ký bản Hiến chương ASEAN (11/2007).

Câu 34: (Vận dụng) Cơ hội của Việt Nam khi gia nhập ASEAN là

- A. hội nhập, giao lưu và hợp tác các thể giới và khu vực về mọi mặt: kinh tế, giáo dục, văn hóa, khoa học – kĩ thuật, y tế, thể thao,...
- B. tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.
- C. có điều kiện tiếp thu những tiến bộ khoa học – kĩ thuật tiên tiến nhất thế giới để phát triển kinh tế.
- D. có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lí kinh tế của các nước trong khu vực.

Câu 35: (Vận dụng) Thách thức về văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam khi gia nhập ASEAN là gì?

- A. Nếu không tận dụng cơ hội để phát triển nước ta sẽ có nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới.
- B. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước trong khu vực với nước ta do có nhiều điểm tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội.
- C. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, hòa nhập dễ hòa tan.
- D. Truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam bị mai một.

Câu 36: (Vận dụng) Trong lĩnh vực khoa học kĩ thuật đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ

- A. cuộc cách mạng chất xám.
- B. cuộc cách mạng xanh.
- C. cuộc cách mạng tin học.
- D. cuộc cách mạng công nghiệp.

Câu 37: (Vận dụng cõo) Từ công cuộc xây dựng đất nước của Ấn Độ và cải cách – mở cửa của Trung Quốc, Việt Nam có thể rút ra bài học gì cho quá trình đổi mới đất nước?

- A. Đẩy mạnh cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp để xuất khẩu lúa gạo.
- B. Đẩy mạnh cuộc cách mạng chất xám để trở thành nước xuất khẩu phần mềm.
- C. Ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật trong xây dựng và phát triển đất nước.
- D. Nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân để khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên.

Câu 38: (Vận dụng cõo) Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào dưới đây từ chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập Asean?

- A. Coi trọng sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ đầu tư của nước ngoài.
- B. Chú trọng phát triển ngoại thương, sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, thay thế hàng nhập khẩu.
- C. Cần thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh.
- D. Phải đề ra chiến lược phát triển kinh tế phù hợp với đặc điểm riêng của đất nước và xu thế chung của thế giới.

Câu 39: (Vận dụng cõo) Một trong những nguyên tắc hoạt động giống nhau giữa tổ chức Liên hiệp quốc và tổ chức Asean là gì?

- A. Không sử dụng hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.

- B.** Hợp tác phát triển về kinh tế, văn hóa và xã hội.
C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
D. Các nước không được chạy đua vũ trang.

Câu 40: (Vận dụng c_{ao}): Khi Trung Quốc đặt giàn khoan 981 ở biển Đông, Việt Nam vận dụng nội dung nào của Hiệp ước Bali 1976 để giải quyết?

- A.** Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ giữa các nước trong khu vực.
B. Không can thiệp vào nội bộ của nhau.
C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
D. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết) Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của các nước

- A.** Mĩ, Nhật. **B.** Pháp, Nhật.
C. Anh, Pháp, Mĩ. **D.** thực dân phương Tây.

Câu 2: (Nhận biết) Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều chịu ách thống trị của

- A.** phát xít Đức. **B.** phát xít Italia.
C. đế quốc Âu – Mĩ. **D.** quân phiệt Nhật Bản.

Câu 3: (Nhận biết) Sự kiện phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8-1945) đã tạo điều kiện cho nhân dân Đông Nam Á

- A.** tự tuyên bố là các quốc gia độc lập.
B. đứng lên đấu tranh và nhiều nước giành được độc lập.
C. làm cách mạng thành công và thành lập các nước cộng hòa.
D. đứng lên đấu tranh và tất cả các nước đều giành được độc lập.

Câu 4: (Nhận biết) Sau khi giành được độc lập những nước Đông Nam Á thực hiện "chiến lược kinh tế hướng nội" là

- A.** Bru-nây, Campuchia. **B.** Đông Ti-mo, Bru-nây.
C. Các nước Đông Dương. **D.** Các nước sáng lập ASEAN.

Câu 5: (Nhận biết) Những nước Đông Nam Á thực hiện "chiến lược kinh tế hướng ngoại" từ những năm 60 - 70 của thế kỉ XX là

- A.** Mi-an-ma, Việt Nam. **B.** Sin-ga-po, Phi-líp-pin.
C. Các nước Đông Dương. **D.** Các nước sáng lập ASEAN.

Câu 6: (Nhận biết) Ngày 22-3-1955 ghi dấu ấn vào lịch sử Lào bằng sự kiện nổi bật

- A.** quân giải phóng Lào được thành lập.
B. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập.
C. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập.
D. Mĩ thông qua chính sách "viện trợ" kinh tế đối với Lào.

Câu 7: (Nhận biết): Ngày 2-12-1975, nước Lào chính thức lấy tên là gì?

- A.** Cộng hòa Lào. **B.** Vương quốc Lào.
C. Cộng hòa Nhân dân Lào. **D.** Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Câu 8: (Nhận biết): Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, Campuchia trải qua thời kì

- A.** nội chiến. **B.** hòa bình, trung lập.
C. kháng chiến chống Mĩ. **D.** xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 9: (Nhận biết): Sau khi cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi, đất nước Campuchia ở trong thời kì

- A.** nội chiến kéo dài.
B. hòa bình, trung lập.
C. chế độ diệt chủng của tập đoàn Khmer đỏ.
D. xây dựng đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Câu 10: (Nhận biết): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do giai cấp nào lãnh đạo?

- A.** Giai cấp tư sản. **B.** Giai cấp vô sản.
C. Giai cấp nông dân. **D.** Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 11: (Nhận biết): Chính sách đối ngoại của Ấn Độ là

- A.** hòa bình. **B.** trung lập.
C. trung lập tích cực. **D.** hòa bình, trung lập tích cực.

Câu 12: Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc lớn nhất thế giới về

- A.** công nghệ vũ trụ. **B.** sản xuất phần mềm. **C.** công nghệ hạt nhân. **D.** công nghệ phần mềm.

Câu 13: (Thông hiểu): Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A.** sự ra đời của khối ASEAN.
B. nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh.
C. từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.
D. ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 14: (Thông hiểu): Vào thời điểm nào Nhật Bản xâm chiếm cả khu vực Đông Nam Á?

- A.** Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
B. Khi chiến tranh Thái bình Dương bùng nổ.
C. Khi Nhật đánh chiếm xong các nước Tây Á.
D. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

Câu 15: (Thông hiểu): Một số quốc gia ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc

- A.** Singapo, Mã Lai, Lào. **B.** Ấnô-nê-xia, Việt Nam, Lào.
C. Việt Nam, Miến Điện, Lào. **D.** Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 16: (Thông hiểu): Hiệp hội Bali (2-1976) có nội dung cơ bản là

- A. tuyên bố thành lập ASAEAN.
- B. tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN.
- C. thông qua những nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN.
- D. xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

Câu 17: (Thông hiểu): Ý nào dưới đây không phải là nội dung cơ bản trong chiến lược kinh tế hướng ngoại của năm nước sáng lập ASEAN trong những năm 60 -70 của thế kỉ XX?

- A. Tiến hành " mở cửa" kinh tế.
- B. Thu hút vốn và đầu tư kĩ thuật của bên ngoài.
- C. Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.
- D. Tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

Câu 18: (Thông hiểu): Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Lào được tiến hành dưới sự lãnh đạo của

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

Câu 19: (Thông hiểu): Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu từ khi

- A. ASEAN có 10 thành viên
- B. Bru-nây gia nhập ASEAN
- C. Việt Nam gia nhập ASEAN
- D. Hội nghị cấp cao lần thứ nhất kí Hiệp ước Bali.

Câu 20: (Thông hiểu): Từ năm 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ của Việt Nam với ASEAN là

- A. quan hệ đối thoại.
- B. quan hệ hợp tác song phương.
- C. quan hệ đối đầu do vấn đề Campuchia.
- D. quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.

Câu 21: (Thông hiểu): Cuộc " cách mạng chất xám" đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc

- A. sản xuất máy móc lớn nhất thế giới.
- B. sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.
- C. có nền công nghiệp phát triển tiên tiến.
- D. có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới.

Câu 22: (Thông hiểu): Từ những năm 60 – 70 của thế kỷ XX, nhóm các nước sáng lập ASEAN chủ trương chiến lược kinh tế hướng nội hoặc hướng ngoại là

- A. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh lan rộng đến khu vực.
- B. tầng lớp nhân dân trong nước bất bình phản đối chế độ quân chủ.
- C. chiến lược kinh tế hướng nội hoặc hướng ngoại hạn chế.
- D. xu thế hợp tác giữa các nước trên thế giới diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Câu 23: (Thông hiểu): Những nước nào ở khu vực Đông Nam Á tiến hành cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ?

- A. Việt Nam, Lào, Campuchia
- B. Việt Nam, Lào, Xin-ga-pô
- C. Việt Nam, Lào, Ấn Độ
- D. Việt Nam, Ấn Độ, Campuchia

Câu 24: (Thông hiểu): Ý nào dưới đây không phải là đặc điểm nổi bật của cách mạng Lào từ năm 1945 đến năm 1975?

- A. Gia nhập tổ chức ASEAN.

- B. Tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược.
- C. Tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược trở lại.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo nhân dân Lào tiến hành khởi nghĩa.

Câu 25: (Thông hiểu): Quốc gia dân tộc cơ bản của nước Đông Dương lần đầu tiên được một Hội nghị quốc tế ghi nhận là

- A. Hội nghị Potsdam năm 1945.
- B. Hội nghị I-ntơ năm 1945.
- C. Hội nghị Giơ-nơ-vơ năm 1954.
- D. Hội nghị Pa-ri năm 1973.

Câu 26: (Thông hiểu): Nguyên nhân quyết định đưa đến thắng lợi của nhân dân Việt Nam và Lào trong cuộc đấu tranh giành độc lập năm 1945 là

- A. có thời cơ thuận lợi - Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.
- B. tình đoàn kết của nhân dân hai nước.
- C. trên thống nhất nước, đấu tranh bất khuất của các dân tộc.
- D. vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 27: (Thông hiểu): Trong cùng hoàn cảnh thuận lợi năm 1945, nhưng ở Đông Nam Á chỉ có nước Việt Nam, Lào, Ấn Độ mới tiến bộ độc lập là

- A. nước này chớp được thời cơ Nhật đầu hàng Đồng Minh.
- B. nước này đề có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- C. nước này có quá trình chuyển biến bị chế độ thực dân và đế quốc kìm hãm.
- D. kẻ thù thống trị ở nước này thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 28: (Thông hiểu): Nội dung nào không phải mục tiêu của Hội nghị cấp cao ASEAN ở Băng Cốc (2-1976)?

- A. Xây dựng khu vực Đông Nam Á trở thành đối trọng với các tổ chức khác.
- B. Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.
- C. Thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam Á.
- D. Tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực.

Câu 29: (Vận dụng) Một trong những nguyên tắc hoạt động giống nhau giữa tổ chức Liên hợp quốc và tổ chức ASEAN là gì?

- A. Các nước không được chạy đua vũ trang.
- B. Hợp tác phát triển về kinh tế, văn hóa và xã hội.
- C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Không sử dụng hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.

Câu 30: (Vận dụng) Nội dung nào dưới đây phản ánh không đúng về ý nghĩa thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (lạm dụng).
- B. Đưa tới sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trên thế giới.
- C. Làm căng thẳng thêm cuộc chiến tranh lạnh giữa Liên Xô và Mỹ.
- D. Làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Câu 31: (Vận dụng) Ý nào dưới đây không phải là điểm tương đồng về lịch sử của cả nước Đông Dương

C. thực dân Pháp, lập nên nước Cộng hòa Ai Cập.

D. thực dân Hà Lan, lập nên nước Cộng hòa Ai Cập.

Câu 5: (Nhận biết) Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân châu Phi đấu tranh chống kẻ thù là

A. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

B. chế độ phong kiến.

C. chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

D. các phe phái đối lập.

Câu 6: (Nhận biết) Sự kiện đánh dấu Châu Phi đã hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ là

A. Namibia tuyên bố độc lập.

B. Angiêri tuyên bố độc lập.

C. Ăngôla tuyên bố độc lập.

D. Nam Phi tuyên bố độc lập.

Câu 7: (Thông hiểu) Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh diễn ra dưới hình thức nào?

A. Bãi công của công nhân.

B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh nghị trường.

D. Đấu tranh vũ trang.

Câu 8: (Thông hiểu) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ La-tinh được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy" vì:

A. núi lửa thường xuyên hoạt động.

B. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.

C. phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức.

D. lần lượt lật đổ chế độ độc tài phản động giành lại chủ quyền dân tộc.

Câu 9: (Thông hiểu) Cách mạng Cu Ba thành công đã mở đầu cho phong trào gì ở Mĩ La- tinh?

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh nghị trường.

D. Đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân.

Câu 10: (Thông hiểu) Sự kiện nào được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Cu Ba.

B. Thắng lợi của cách mạng Pê ru.

C. Thắng lợi của cách mạng Ê-cu-a-đo.

D. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.

Câu 11: (Thông hiểu) Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập ở các nước Mĩ La tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đấu tranh

A. chống chế độ độc tài thân Mĩ.

B. chống chế độ tay sai Batixta.

C. chống chủ nghĩa thực dân.

D. chống chính sách phân biệt chủng tộc của Mĩ.

Câu 12: (Thông hiểu) Năm 1975 nhân dân các nước ở Châu Phi đã hoàn thành công cuộc đấu tranh.

A. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân cũ, giành độc lập dân tộc.

B. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân mới, giành độc lập dân tộc.

C. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân cũ, chế độ A-pac-thai.

D. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân mới, chế độ A-pac-thai.

Câu 13: (Thông hiểu) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu ba diễn ra trong bối cảnh nào?

A. Mĩ bao vây cấm vận.

B. Đất nước đã lật đổ chế độ độc tài Batixta.

C. Mất nguồn viện trợ to lớn từ khi Liên Xô tan rã.

D.Trong cuộc chiến đấu tiêu diệt đội quân đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn.

Câu 14: (Thông hiểu) CuBa được mệnh danh là

A. lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ latinh.

B. lá cờ đầu trong phong trào đấu tranh ở khu vực Mĩ latinh.

C. lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Mĩ.

D. lá cờ đầu trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân Mĩ latinh.

Câu 15: (Vận dụng): Với chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 ở Việt Nam đã có ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc của nước nào ở châu Phi?

A. Ai Cập.

B. Tuy-ni-di.

C. Ăng-gô-la.

D. An-giê-ri.

Câu 16: (Vận dụng): Tội ác lớn nhất của chủ nghĩa A-pác-thai đối với nhân dân Nam Phi là gì?

A. Bóc lột tàn bạo người da đen.

B. Gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi.

C. Tước quyền tự do của người da đen.

D. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 17: (Vận dụng): Nét tương đồng về hình thức đấu tranh của cách mạng Cu Ba năm 1959 với cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam.

A. Đấu tranh ngoại giao.

B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh vũ trang.

D. Khởi nghĩa từng phần.

Câu 18: (Vận dụng): Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi có gì khác so với Mĩ la tinh về hình thức đấu tranh?

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh chính trị .

C. Đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.

D. Đấu tranh vũ trang kết hợp với chính trị.

Câu 19: (Vận dụng cõo): Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa bản Hiến pháp tháng 11- 1993 của Nam Phi

A. chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

B. chính thức xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ.

C. chính thức xóa bỏ chủ nghĩa thực dân mới.

D. chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 20: (Vận dụng cõo): Nhận định nào sau đây đánh giá đúng vai trò của Phi đen Cátxtorô đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ la tinh?

A. Là người đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc.

B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ độc tài Batixta.

C. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

D. Là người lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ.

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết) Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi" vì

- A.** châu Phi là "Lục địa mới trời dấy".
B. tất cả các nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
C. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh nhất.
D. có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

Câu 2: (Nhận biết) Kẻ thù chủ yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Nam Phi là

- A.** chủ nghĩa thực dân cũ. **B.** chủ nghĩa thực dân mới.
C. chủ nghĩa Apácthai. **D.** chủ nghĩa đế quốc.

Câu 3: (Nhận biết) Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ Latinh đều là

- A.** thuộc địa của Anh, Pháp. **B.** thuộc địa kiểu mới của Mĩ.
C. những nước hoàn toàn độc lập. **D.** những nước thực dân kiểu mới.

Câu 4: (Nhận biết) Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập ở các nước Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đấu tranh

- A.** chống chế độ độc tài thân Mĩ. **B.** chống chế độ tay sai Batixta.
C. chống chủ nghĩa thực dân. **D.** chống chính sách phân biệt chủng tộc của Mĩ.

Câu 5: (Nhận biết) Đặc điểm nổi bật của phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A.** chống lại chế độ độc tài Batixta. **B.** chống lại chế độ độc tài thân Mĩ.
C. chống lại chế độ thực dân Tây Ban Nha. **D.** chống lại chế độ thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 6: (Nhận biết) Nước Cộng hòa Cuba được thành lập (1959) là kết quả của

- A.** cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.
B. cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.
C. cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ độc tài tay sai thân Mĩ.
D. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa li khai thân Mĩ.

Câu 7: (Thông hiểu) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ Latinh được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy" vì

- A.** núi lửa thường xuyên hoạt động.
B. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.
C. phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức.
D. lần lượt lật đổ chế độ độc tài phản động giành lại chủ quyền dân tộc.

Câu 8: (Thông hiểu) Cách mạng Cuba thành công đã mở đầu cho phong trào nào ở Mĩ Latinh?

- A.** Đấu tranh vũ trang. **B.** Đấu tranh chính trị.
C. Đấu tranh nghị trường. **D.** Đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân.

Câu 9: (Thông hiểu) Sự kiện nào được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A.** Thắng lợi của cách mạng Cuba. **B.** Thắng lợi của cách mạng Pêru.
C. Thắng lợi của cách mạng Côlômbia. **D.** Thắng lợi của cách mạng Mêhicô.

Câu 10: (Thông hiểu) Năm 1975 được coi là mốc thời gian đánh dấu chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó về cơ bản bị tan rã vì

- A.** thực dân Bồ Đào Nha phải trao trả độc lập cho nhân dân Ănggôla và Môđambích.
B. những thuộc địa cuối cùng của Pháp ở châu Phi bị sụp đổ hoàn toàn.
C. những thuộc địa cuối cùng của Anh ở châu Phi bị sụp đổ hoàn toàn.
D. Anh và Pháp cam kết rút hết quân đội khỏi châu Phi.

Câu 11: (Thông hiểu) Tội ác lớn nhất của chủ nghĩa Apácthai đối với nhân dân Nam Phi là gì?

- A.** Bóc lột tàn bạo người da đen.
B. Gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi.
C. Tước quyền tự do của người da đen.
D. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 12: (Thông hiểu) Thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959 có ý nghĩa gì đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh?

- A.** Giúp xây dựng đất nước.
B. Đưa cách mạng đi lên.
C. Phát triển và giành thắng lợi.
D. Phong trào ngày càng phát triển và giành nhiều thắng lợi.

Câu 13: (Thông hiểu) N.Mandêla có vai trò như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- A.** Là người tích cực đấu tranh chống chế độ Apácthai.
B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ Apácthai.
C. Là người lãnh đạo nhân dân và tích cực đấu tranh chống chế độ Apácthai.
D. Là người chỉ đạo nhân dân và tích cực đấu tranh chống chế độ Apácthai.

Câu 14: (Thông hiểu) Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa bản Hiến pháp tháng 11- 1993 của Nam Phi?

- A.** Chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc. **B.** Chính thức xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ.
C. Chính thức xóa bỏ chủ nghĩa thực dân mới. **D.** Chính thức xóa bỏ chế độ độc tài phản động.

Câu 15: (Vận dụng) Một trong những điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là về

- A.** nhiệm vụ đấu tranh chủ yếu. **B.** kết cục của cuộc đấu tranh.
C. mục tiêu đấu tranh chủ yếu. **D.** tổ chức lãnh đạo thống nhất của châu lục.

Câu 16: (Vận dụng) Nét tương đồng về hình thức đấu tranh của cách mạng Cuba năm 1959 với cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam là gì?

- A.** Đấu tranh ngoại giao. **B.** Đấu tranh chính trị. **C.** Đấu tranh vũ trang. **D.** Khởi nghĩa từng phần.

Câu 17: (Vận dụng) Câu nói nào sau đây thể hiện tinh đoàn kết của nhân dân Cuba đối với nhân dân Việt Nam?

- A.** Các đồng chí hãy phát cao lá cờ này tại sào huyết Sài Gòn.
B. Vì Việt Nam nhân dân Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình.
C. Vì Việt Nam nhân dân Cuba sẵn sàng hi sinh cả tính mạng của mình.
D. Vì Việt Nam nhân dân Cuba sẵn sàng hiến dâng cả tính mạng của mình.

Câu 18: (Vận dụng): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điều kiện khách quan nào có lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- A. Sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa. B. Sự giúp đỡ trực tiếp của Liên Xô.
C. Sự xác lập của trật tự hai cực Ianta. D. Sự suy yếu của các đế quốc Anh và Pháp.

Câu 19: (Vận dụng cđo): Nhận định nào sau đây đánh giá đúng vai trò của Phiden Cátxtorô đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh?

- A. Là người đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc.
B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ độc tài Batixta.
C. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.
D. Là người lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ.

Câu 20: (Vận dụng cđo): Biến động nào của tình hình thế giới những năm 1989-1991 tạo bất lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh?

- A. Sự vươn lên của Tây Âu. B. Sự sụp đổ trật tự hai cực Ianta.
C. Xô-Mĩ tuyên bố kết thúc Chiến tranh lạnh. D. Sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu.

Bài 6: Nước Mĩ

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết): Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

- A. Những năm đầu thế kỉ XX.
B. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914- 1918).
C. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945).
D. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

Câu 2: (Nhận biết): “Kế hoạch Mác – san” (1947), Mỹ hỗ trợ cho các nước châu Âu còn được gọi là

- A. Kế hoạch phục hưng châu Âu. B. Kế hoạch khôi phục châu Âu.
C. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước châu Âu. D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 3: (Nhận biết): Những thành tựu chủ yếu về khoa học – kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chế tạo ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.
B. thực hiện “Cuộc cách mạng Xanh” trong nông nghiệp.
C. sản xuất được những vũ khí hiện đại.
D. chinh phục vũ trụ, đưa người lên Mặt Trăng.

Câu 4: (Nhận biết): Mĩ là nước khởi đầu cuộc

- A. cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. B. cách mạng du hành vũ trụ.
C. cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại. D. cách mạng công nghệ thông tin.

Câu 5: (Nhận biết): Khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu còn gọi là

- A. khối Nam Đại Tây Dương. B. khối Bắc Đại Tây Dương.
C. khối Đông Đại Tây Dương. D. khối Tây Nam Đại Tây Dương.

Câu 6: (Nhận biết): Nước nào đưa con người lên mặt Trăng đầu tiên (7-1969)?

- A. Mĩ. B. Nhật. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

Câu 7: (Nhận biết): Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Không bị chiến tranh tàn phá. B. Thu lợi nhuận từ việc buôn bán vũ khí.
C. Tập trung sản xuất và tư bản cao. D. Xâm lược và nô dịch các nước khác.

Câu 8: (Nhận biết): Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đã xuất hiện trung tâm kinh tế, tài chính nào?

- A. Mĩ, Tây Âu. B. Mĩ, Nhật Bản.
C. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản. D. Mĩ, Liên Xô, Nhật Bản.

Câu 9: (Nhận biết): Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Liên Xô. B. Anh. C. Pháp. D. Mĩ.

Câu 10: (Nhận biết): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào?

- A. Bắt tay với Trung Quốc.
B. Dung dưỡng Israen.
C. Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.
D. Hòa bình, hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 11: (Nhận biết): Trong những năm 1973 – 1982 kinh tế Mỹ lâm vào suy thoái khủng hoảng là do

- A. tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới. B. tác động của phong trào giải phóng dân tộc.
C. Sự cạnh tranh của Nhật và Tây Âu. D. Mỹ ký hiệp định Pari về Việt Nam.

Câu 12: (Nhận biết): Chiêu bài mà Mĩ sử dụng trong Chiến lược “cam kết và mở rộng” là

- A. tự do tín ngưỡng. B. thúc đẩy dân chủ.
C. ủng hộ độc lập dân tộc. D. chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 13: (Thông hiểu): Nhờ đâu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ có đội ngũ khoa học đông đảo và nổi tiếng?

- A. Bắt cóc từ các nước trong chiến tranh.
B. Các nhà khoa học di cư từ các nước đến Mĩ.
C. Quá trình tự đào tạo tại Mĩ.
D. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

Câu 14: (Thông hiểu): Trong các liên minh quân sự dưới đây, liên minh nào không phải do Mĩ lập?

- A. Khối Liên minh quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO).
B. Tổ chức Hiệp ước Vácsava.
C. Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).
D. Khối chính trị quân sự tại Trung Cận Đông (CENTO).

Câu 15: (Thông hiểu): Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra 04-1949 nhằm

- A. chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
B. chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

D. chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 16: (Thông hiểu): “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ không nhằm mục tiêu cơ bản nào?

A. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh.

B. Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

D. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ nước khác.

Câu 17: (Thông hiểu): Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mĩ là một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới cùng với

A. Tây Âu và Liên Xô.

B. Liên Xô và Nhật Bản.

C. Nhật Bản và Tây Âu.

D. Liên Xô và Trung Quốc.

Câu 18: (Thông hiểu): Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

B. Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 19: (Thông hiểu): Chiến lược toàn cầu của Mĩ với 3 mục tiêu chủ yếu, theo em mục tiêu nào có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam?

A. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

C. Đàn áp phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

D. Khống chế các nước tư bản đồng minh.

Câu 20: (Thông hiểu): Nguyên nhân dẫn đến suy yếu của nền kinh tế Mĩ?

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

B. Do viện trợ cho các nước Tây Âu.

C. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

Câu 21: (Thông hiểu): Trong thời gian từ 1945 đến 1973, Mĩ trở thành.

A. Trung tâm kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Liên Xô.

B. Trung tâm kinh tế lớn sau Tây Âu và Nhật Bản.

C. trung tâm kinh tế tài chính lớn thứ hai thế giới.

D. trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.

Câu 22: (Thông hiểu): Nguyên nhân chung dẫn đến sự phát triển kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật hiện đại.

B. Biết thâm nhập vào thị trường các nước.

C. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.

D. Các công ti năng động, quản lý tốt, cố sức cạnh tranh cao.

Câu 23: (Thông hiểu): Mục tiêu quan trọng nhất của Mĩ trong chiến lược toàn cầu là

A. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

B. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế.

C. khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh.

D. xâm lược các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

Câu 24: (Thông hiểu): Điều không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển nhanh chóng về khoa học kỹ thuật của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nhiều nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới tới Mĩ.

B. Chính phủ Mĩ đầu tư nhiều cho giáo dục để đào tạo nhân tài.

C. Chính phủ Mĩ đầu tư nhiều cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

D. Mĩ là nước giàu tài nguyên thiên nhiên.

Câu 25: (Thông hiểu): Mục tiêu nào không có trong chính sách đối ngoại của Mĩ giai đoạn 1945 – 1973?

A. Ngăn chặn đẩy lùi tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa xã hội.

B. Khống chế các nước đồng minh của Mĩ.

C. Đảm bảo an ninh với lực lượng quân sự mạnh sẵn sàng chiến đấu.

D. Đàn áp phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 26: (Thông hiểu): Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai.

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Được yên ổn sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

D. Tiến hành chiến tranh và nô dịch các nước.

Câu 27: (Thông hiểu): Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Vị trí kinh tế Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn cầu.

B. Chịu sự cạnh tranh của Nhật và Tây Âu.

C. Kinh tế phát triển nhanh nhưng không ổn định, thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.

D. Sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn.

Câu 28: (Thông hiểu): Mục tiêu nào không có trong chính sách đối ngoại của Mĩ giai đoạn 1945 – 1973?

A. Ngăn chặn đẩy lùi tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa xã hội.

B. Khống chế các nước đồng minh của Mĩ.

C. Đảm bảo an ninh với lực lượng quân sự mạnh sẵn sàng chiến đấu.

D. Đàn áp phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 29: (Vận dụng) “Chính sách thực lực” Của Mĩ là

A. chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ.

B. chính sách xâm lược thuộc địa.

C. chạy đua vũ trang với Liên Xô.

D. thành lập các khối quân sự.

Câu 30: (Vận dụng) Mục đích chiến lược toàn cầu của Mĩ đối với các nước xã hội chủ nghĩa là gì ?

- A. Tiêu diệt những người cộng sản và Đảng Cộng sản
- B. Ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa xã hội
- C. Phù nhận sự tiến bộ của chế độ xã hội chủ nghĩa
- D. Bao vây, cấm vận, khống chế các nước xã hội chủ nghĩa

Câu 31: (Vận dụng) Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 4/1949 tình hình châu Âu như thế nào?

- A. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.
- B. Ổn định và các điều kiện để phát triển.
- C. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.
- D. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

Câu 32: (Vận dụng) Nhận xét nào dưới đây là đúng về tình hình kinh tế Mỹ những năm 60 XX so với các nước khác ?

- A. Không còn chiếm ưu thế tuyệt đối.
- B. Vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối.
- C. Có giảm sút nhưng vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối.
- D. Không còn vị trí cao trên trường quốc tế.

Câu 33: (Vận dụng) Điểm giống nhau trong chính đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là

- A. chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".
- B. "Chiến lược toàn cầu hóa".
- C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.
- D. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 34: (Vận dụng) Khi bước vào thế kỷ XXI, Sự xuất hiện của yếu tố nào dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ?

- A. Chủ nghĩa ly khai.
- B. Chủ nghĩa cực đoan.
- C. Chủ nghĩa khủng bố.
- D. Toàn cầu hóa.

Câu 35: (Vận dụng) Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mĩ (từ Truman đến Nich xon) là

- A. chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".
- B. ủng hộ "Chiến lược toàn cầu".
- C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.
- D. theo đuổi "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 36: (Vận dụng) Mục tiêu bao trùm trong chính sách đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng.
- B. Xâm lược các nước ở khu vực Châu Á.
- C. Lôi kéo các nước Tây Âu vào khối NATO.
- D. Bao vây, tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 37: (Vận dụng c@o): Sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, các chính quyền Mĩ

- A. vẫn tiếp tục chiến lược toàn cầu và theo đuổi Chiến tranh lạnh.
- B. từ bỏ chiến lược toàn cầu.
- C. chỉ theo đuổi Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. tiếp tục chiến lược toàn cầu nhưng thu hẹp ở châu Á do thất bại ở Đông Dương.

Câu 38: (Vận dụng c@o): Sau chiến tranh lạnh Mĩ có âm mưu gì?

A. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình. **B.** Vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.

C. Dùng sức mạnh kinh tế thao túng mọi hoạt động. **D.** Chuẩn bị đề ra chiến lược mới.

Câu 39: (Vận dụng c@o): Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mĩ trong việc thực hiện "Chiến lược toàn cầu" bởi

- A. thắng lợi của cách mạng Trung quốc 1949.
- B. thắng lợi của cách mạng Việt Nam 1975.
- C. thắng lợi của cách mạng ở Cu-ba 1959.
- D. thắng lợi của cách mạng hồi giáo ở Iran 1979.

Câu 40: (Vận dụng c@o): Lí do Mĩ đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật là gì?

- A. Mĩ là nước khởi đầu cách mạng khoa học- kĩ thuật lần thứ hai.
- B. Chính sách Mĩ đặc biệt quan tâm phát triển khoa học- kĩ thuật, coi đây là trung tâm chiến lược để phát triển đất nước
- C. Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã sang Mĩ, nhiều phát minh khoa học được nghiên cứu và ứng dụng tại Mĩ.
- D. Mĩ chủ yếu là mua bằng phát minh, sáng chế.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): Hãy cho biết tình hình của Mĩ trong thời gian 20 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- A. Kinh tế Mĩ bước vào giai đoạn phát triển về mọi mặt.
- B. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- C. Bị kinh tế Nhật Bản, Tây Âu cạnh tranh quyết liệt.
- D. Kinh tế Mĩ bước vào giai đoạn suy thoái, khủng hoảng.

Câu 2: (Nhận biết): Tình hình khoa học – kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai ra sao ?

- A. Có một số phát minh trên một số lĩnh vực phục vụ mục đích quân sự.
- B. Mĩ là nước đi sau trong các phát minh khoa học – kĩ thuật.
- C. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật và đạt nhiều thành tựu.
- D. Có chính sách đầu tư để phát triển khoa học – kĩ thuật.

Câu 3: (Nhận biết): Điểm nổi bật của tình hình kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai ?

- A. Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh, đứng thứ hai trên thế giới.
- B. Kinh tế Mĩ ngày càng giảm sút do đất nước bị chiến tranh tàn phá.
- C. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- D. Kinh tế Mĩ phát triển chậm lại do chính sách chạy đua vũ trang.

Câu 4: (Nhận biết): Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào ?

- A. Hòa bình hợp tác với các nước trên thế giới.
- B. Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.
- C. Bắt tay với Trung Quốc.
- D. Dung dưỡng một số nước đồng minh để chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 5: (Nhận biết): Chiến lược toàn cầu của Mĩ do Tổng thống nào đề ra ?

- A. Tru-man.
- B. Ken-nơ-đi.
- C. Ai-xen-hao.
- D. Gion-xon.

Câu 6: (Nhận biết): Sau chiến tranh lạnh, Mĩ có âm mưu gì ?

- A. Chuẩn bị đề ra chiến lược chiến tranh mới.

B. Vươn lên chỉ phối, lãnh đạo toàn thể giới.

C. Dùng sức mạnh kinh tế thao túng mọi hoạt động khác.

D. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình.

Câu 7: (Nhận biết): Sự đối đầu Xô-Mĩ trong chiến tranh lạnh đã ảnh hưởng gì đến nước Mĩ ?

A. Mĩ vươn lên chỉ phối toàn bộ quan hệ quốc tế.

B. Mĩ trở thành cực duy nhất lãnh đạo thế giới.

C. Làm suy giảm vị thế của Mĩ, trong khi Tây Âu và Nhật Bản có điều kiện vươn lên.

D. Mĩ mất dần vai trò chỉ phối các nước đồng minh ở Tây Âu và Nhật Bản.

Câu 8: (Nhận biết): Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh trong bối cảnh lịch sử nào ?

A. Các cuộc xung đột trên thế giới ngày càng gia tăng.

B. Sự đối đầu Xô-Mĩ làm suy giảm vị thế của Mĩ.

C. Chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình thế giới.

D. Nhiều vấn đề có tính toàn cầu như bệnh dịch, môi trường, ... đòi hỏi Mĩ và Liên Xô hợp tác để giải quyết.

Câu 9: (Nhận biết): Sau chiến tranh thế giới thứ hai Mĩ có ưu thế gì về vũ khí ?

A. Chế tạo nhiều vũ khí thông thường mới.

B. Có đội tàu ngầm hiện đại.

C. Có nhiều hạm đội trên biển.

D. Nắm độc quyền về vũ khí nguyên tử, hạt nhân.

Câu 10: (Nhận biết): Sự kiện nào đánh dấu sự tan vỡ mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mĩ và Liên Xô ?

A. Sự phân chia khu vực đóng quân giữa Mĩ và Liên Xô tại Hội nghị Ianta (2/1945).

B. Sự ra đời của chủ nghĩa Truman (3/1947).

C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

D. Sự ra đời của khối NATO (4/9/1949).

Câu 11: (Nhận biết): Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

A. Anh.

B. Pháp.

C. Mỹ.

D. Nhật

Câu 12: (Nhận biết): Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là:

A. Mĩ - Anh - Pháp.

B. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản.

C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản.

D. Mĩ - Đức - Nhật Bản.

Câu 13: (Nhận biết): Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện

A. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.

B. Định ước Henxinki năm 1975.

C. cuộc gặp không chính thức giữa Bươ và Goochbachốp tại đảo Manta (12/1989).

D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991).

Câu 14: (Nhận biết): Tổng thống Mĩ đầu tiên sang thăm Việt Nam là:

A. Kennơđi.

B. Nichxơn.

C. B.Clinton.

D. G.Bush

Câu 15: (Nhận biết): Mĩ đã tuyên bố xóa bỏ cấm vận và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam vào thời điểm nào?

A. Năm 1976.

B. Năm 1995.

C. Năm 2004.

D. Năm 2006.

Câu 16: (Nhận biết): Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nước Mĩ trải qua mấy đời tổng thống.

A. 05 đời tổng thống.

B. 06 đời tổng thống.

C. 07 đời tổng thống.

D. 10 đời tổng thống.

Câu 17: (Thông hiểu): Nội dung nào không phải là thành công của Mĩ trong chính sách đối ngoại từ sau chiến tranh thế giới thứ hai ?

A. Thực hiện nhiều chiến lược qua các đời Tổng thống.

B. Lập được nhiều khối quân sự ở khắp các châu lục.

C. Thực hiện được một số mưu đồ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô.

D. Tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 18: (Thông hiểu): Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ sử dụng những biện pháp nào để can thiệp vào nội bộ của các nước khác ?

A. Dùng vũ lực can thiệp thô bạo vào tình hình các nước.

B. Dùng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ và tôn giáo.

C. Sử dụng tiền để đầu tư, đồng thời gây sức ép.

D. Coi đồng minh ở các khu vực là công cụ để thực hiện « Chiến lược tào cầu ».

Câu 19: (Thông hiểu): Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc và trật tự hai cực Ianta tan rã, mục tiêu trong chính sách đối ngoại của Mĩ là gì ?

A. Thúc đẩy dân chủ trên thế giới.

B. Can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

C. Tìm cách vươn lên chỉ phối, lãnh đạo thế giới, muốn thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

D. Đơn phương sắp đặt và chỉ phối trật tự thế giới mới.

Câu 20: (Thông hiểu): Vụ khủng bố 11-9-2001 đã tác động như thế nào đến chính sách của nước Mĩ ?

A. Tăng cường an ninh nội địa của nước Mĩ.

B. Tăng cường hợp tác với các nước đồng minh trên thế giới.

C. Điều chỉnh chính sách đối với các nước Hồi giáo.

D. Nước Mĩ rất dễ bị tổn thương và dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội, đối ngoại khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 21: (Thông hiểu): Trong thập kỉ 90 của TK XX, chính sách đối ngoại của Mĩ có nhiều thay đổi căn bản. Chính sách nào dưới đây thể hiện sự thay đổi căn bản đó ?

A. Ngăn đe thực tế.

B. Đối đầu trực tiếp.

C. Phản ứng nhanh.

D. Cam kết và mở rộng.

Câu 22: (Thông hiểu): Sự kiện nào được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô và gây nên cuộc Chiến tranh lạnh của Mỹ ?

A. Mĩ thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

B. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman tại Quốc hội Mĩ (1947).

C. Mĩ thực hiện kế hoạch Macsan viện trợ cho các nước Tây Âu.

D. Mĩ viện trợ khẩn cấp cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ kì, biến hai nơi này thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô.

Câu 23: (Thông hiểu): Cuộc chiến tranh lạnh do Mĩ phát động hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất là gì ?

A. Chuẩn bị gây chiến tranh thế giới.

B. Xây dựng nhiều căn cứ quân sự bao vây Liên Xô và các nước XHCN.

C. Là cuộc chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh, làm cho nhân loại luôn thấy «luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng ».

D. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.

Câu 24: (Thông hiểu): Mỹ thực hiện kế hoạch Mác-san ngoài việc giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế còn nhằm mục đích gì ?

A. Thực hiện cam kết của Mĩ đối với đồng minh trong chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế với Mĩ.

C. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Tây Âu.

D. Tạo điều kiện để phục hưng châu Âu sau chiến tranh.

Câu 25: (Thông hiểu): Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài duy nhất của thế giới trong thời gian nào của thế kỉ XX ?

A. Thập niên 45 - 70.

B. Thập niên 45 - 65.

C. Thập niên 60 - 70.

D. Thập niên 70 - 80.

Câu 26: (Thông hiểu): Trật tự thế giới mới được xác lập sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. trật tự thế giới 2 cực Ianta.

B. trật tự Vécxai – Oasinhton.

C. trật tự thế giới đa cực gồm Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản, Nga.

D. trật tự thế giới đơn cực do Mĩ đứng đầu.

Câu 27: (Thông hiểu): Tại sao sau thời gian tiến hành "Chiến tranh lạnh", cả Liên Xô và Mĩ đều bị sự giảm về vị thế?

A. Phải tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu và chế tạo vũ khí.

B. Sự vươn lên và cạnh tranh gay gắt của Nhật và Tây Âu.

C. Sự cạnh tranh gay gắt của Nhật và Liên Xô.

D. Phải viện trợ cho các nước Đồng minh của mình.

Câu 28: Để phục vụ cho mục tiêu toàn cầu hóa, Mĩ đã lôi kéo hàng loạt các nước Tây Âu tham gia khối liên minh quân sự nào?

A. ANZUS.

B. NATO.

C. CENTO.

D. SEATO.

Câu 29: (Thông hiểu): Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra năm 1949, nhằm:

A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

B. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

C. Chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu

D. Chống lại các nước Đông Nam Á.

Câu 30: (Vận dụng): Hãy cho biết vì sao Mĩ tự cho mình quyền lãnh đạo thế giới.

A. Mĩ là nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới.

B. Mĩ là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp Quốc.

C. Mĩ là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Mĩ thành một nước TB giàu mạnh nhất và nắm độc quyền vũ khí nguyên tử.

Câu 31: (Vận dụng): Nguyên nhân dẫn đến việc chính sách đối ngoại của Mĩ bị thất bại ở nhiều nơi sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. xu thế tất yếu của thời đại, phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai dâng cao.

B. một mình Mĩ không thể thực hiện được « Chiến lược toàn cầu ».

C. các đồng minh của Mĩ là Nhật Bản, Tây Âu không thống nhất mục tiêu trong chính sách đối ngoại.

D. sự lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, sự sai lầm trong chính sách đối ngoại cụ thể của Mĩ, sự đoàn kết, giúp đỡ của các nước XHCN, các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng g hòa bình trên thế giới.

Câu 32: (Vận dụng): Sự thất bại của Mĩ trong thực hiện chính sách đối ngoại từ sau chiến tranh thế giới thứ hai biểu hiện như thế nào ?

A. Thất bại ở nhiều nơi như Việt Nam, Cuba, một số nước khu vực Mĩ-la-tinh, Ap-ga-ni-tan, Trung Đông.

B. Thất bại trong việc hạn chế ảnh hưởng và sự lớn mạnh của Liên Xô, trung Quốc và các nước XHCN.

C. Thất bại trong việc kìm hãm sự ra đời của các nước XHCN ở Đông Âu.

D. Thất bại trong việc hạn chế ảnh hưởng của Nhật Bản và Tây Âu.

Câu 33: (Vận dụng): Nguyên nhân nào dưới đây là cơ bản nhất đưa nền kinh tế của Mĩ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

A. Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.

B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

D. Là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần hai và nhanh chóng áp dụng nó vào sản xuất.

Câu 34: (Vận dụng): Ý nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai ?

A. Mĩ có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên giàu có, nguồn nhân lực dồi dào với trình độ cao.

B. Phát động cuộc chiến tranh lạnh, chống lại Liên Xô và các nước XHCN, lôi kéo các nước đồng minh Tây Âu và Nhật Bản để phát triển kinh tế.

C. Mĩ áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động, cải tiến điều hành quản lí, giảm giá thành sản phẩm.

D. Kinh tế Mĩ có khả năng cạnh tranh lớn và có hiệu quả, các chính sách và biện pháp điều tiết của Chính phủ Mĩ có vai trò quan trọng thúc đẩy sản xuất.

Câu 35: (Vận dụng): Lí do dẫn đến những thay đổi quan trọng của Mĩ trong chính sách đối nội và đối ngoại khi bước vào thế kỉ XXI là:

- A. CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ
B. "Chiến tranh lạnh" chấm dứt
C. Vụ khủng bố ngày 11/9/2001 ở Mĩ
D. Xu hướng quốc tế hóa ngày càng cao

Câu 36: (Vận dụng): Trong các nội dung sau, nội dung không nằm trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống Mĩ B.Clin-تون:

- A. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao
B. Tăng cường phát triển khoa học- kĩ thuật quân sự bảo đảm tính hiện đại về vũ trang
C. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ
D. Sử dụng khẩu hiệu "Dân chủ" ở nước ngoài để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

Câu 37: (Vận dụng): Nguyên nhân làm cho kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 đến 1982 là:

- A. Do chạy đua vũ trang với Liên Xô.
B. Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
C. Do khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống CNTB trên toàn thế giới
D. Do chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam

Câu 38: (Vận dụng c^Đ): Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, chính quyền Mĩ đã theo đuổi đường lối trong quan hệ quốc tế:

- A. Phân đấu trở thành siêu cường hùng mạnh nhất ở hệ thống tư bản chủ nghĩa.
B. Tìm cách vươn lên thế một cực.
C. Cố gắng thiết lập thế đa cực trong đó Mĩ là một cực quan trọng.
D. Đưa Mĩ trở thành siêu cường hùng mạnh về kinh tế ở Mĩ Latinh.

Câu 39: (Vận dụng c^Đ): Nét chung phổ biến, khái quát nhất của kinh tế Mĩ trong suốt thập kỉ 90 là.

- A. Trải qua nhiều cuộc suy thoái ngắn nhưng vẫn đứng đầu thế giới.
B. Tăng trưởng liên tục, địa vị của Mĩ dần phục hồi trở thành trung tâm kinh tế - tài chính số một thế giới.
C. Giảm sút nghiêm trọng, Mĩ không còn là trung tâm kinh tế - tài chính đứng đầu thế giới.
D. Tương đối ổn định, không có suy thoái và không có biểu hiện tăng trưởng.

Câu 40: (Vận dụng c^Đ): Vào thập niên 90, Mĩ sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" ở nước ngoài nhằm mục đích gì?

- A. Làm công cụ để thống trị các nước khác.
B. Làm bình phong để xâm lược các nước khác.
C. Làm công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.
D. Làm chỗ dựa để xâm lược các nước khác.

Câu 41: (Vận dụng c^Đ): Để nhận được viện trợ của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mĩ đặt ra?

- A. Để hàng hóa của Mĩ tràn ngập thị trường Tây Âu.
B. Đảm bảo quyền tự do cho người lao động.
C. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với các hàng hóa của Mĩ.
D. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với các hàng hóa của Mĩ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.

Bài 7: Tây Âu

Câu 1: (Nhận biết): Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã trở thành

- A. trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất thế giới.
B. nền kinh tế thứ hai của thế giới, cạnh tranh với Mĩ và Nhật Bản.
C. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
D. một trung tâm và một cực của thế giới đa cực.

Câu 2: (Nhận biết): Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới vào khoảng thời gian nào?

- A. thập niên 50. B. thập niên 60. C. thập niên 70. D. thập niên 80.

Câu 3: (Nhận biết): Từ năm 1945 đến năm 1950, các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với

- A. Nhật Bản. B. Liên Xô. C. các nước thuộc địa. D. Mĩ.

Câu 4: (Nhận biết): Sáu nước Tây Âu (Pháp, cộng hòa liên bang Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxambua) thành lập các liên kết kinh tế nhằm

- A. đủ sức cạnh tranh với Mĩ và Nhật Bản. B. hợp tác cùng phát triển.
C. thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ. D. chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 5: (Nhận biết): Tổ chức liên minh chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh là

- A. Tổ chức Hiệp ước bắc Đại Tây Dương. B. Hội đồng tương trợ kinh tế.
C. Liên hợp quốc. D. Liên minh châu Âu (EU).

Câu 6: (Nhận biết): Năm 1967, Cộng đồng than - thép châu Âu; Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) hợp nhất thành

- A. Cộng đồng kinh tế Châu Âu. B. Liên minh kinh tế - chính trị Châu Âu.
C. Cộng đồng Châu Âu (EC). D. Liên minh Châu Âu (EU).

Câu 7: (Thông hiểu): Từ năm 1945 đến năm 1950, các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế trong hoàn cảnh

- A. cơ sở vật chất bị chiến tranh tàn phá nặng nề. B. khủng hoảng kinh tế chu kì diễn ra.
C. tác động của khủng hoảng năng lượng. D. phải cạnh tranh lớn với Mĩ và Nhật Bản.

Câu 8: (Thông hiểu): Điểm nổi bật nhất trong sự liên kết các nước Tây Âu ở nửa sau thập niên 60 của thế kỉ XX là

- A. liên kết kinh tế, chính trị, an ninh chung.
B. xuất hiện các liên kết quân sự với Mĩ và phương Tây.
C. xuất hiện các liên kết kinh tế trong khuôn khổ Tây Âu.
D. sự hợp tác có hiệu quả trong cộng đồng Châu Âu (EC).

Câu 9: (Thông hiểu): EU ra đời nhằm mục tiêu hợp tác giữa các nước thành viên về

- A. kinh tế, tiền tệ và chính trị. B. quân sự và chính trị.
C. văn hóa và giáo dục. D. chính trị và xã hội.

Câu 10: (Thông hiểu): Mặt trái về xã hội của các nước tư bản phát triển ở Tây Âu trong những năm 1973 – 1991 là gì

A. nạn phân biệt chủng tộc.

B. sự bùng nổ của lối sống hippi trong các tầng lớp thanh thiếu niên.

C. mặt bằng dân trí thấp.

D. phân hoá giàu nghèo, tệ nạn xã hội.

Câu 11: (Thông hiểu): Từ sáu nước ban đầu, đến năm 2007, Liên minh Châu Âu (EU) có 27 nước thành viên.

Sự kiện đó đánh dấu

A. xu thế hợp tác Đông - Tây.

B. quá trình liên kết quốc tế ở Châu Âu.

C. quá trình phát triển về phía Đông của Chủ nghĩa tư bản.

D. sự liên kết chặt chẽ giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 12: (Thông hiểu): Vị trí của Liên minh Châu Âu trong xu thế đa cực của thế giới đang hình thành là

A. trở thành một cực trong xu thế đa cực của thế giới.

B. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn.

C. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất Châu Âu.

D. trở thành một cực duy nhất của thế giới.

Câu 13: (Thông hiểu): Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân phát triển kinh tế của Tây Âu giai đoạn 1950 - 1973

A. áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật.

B. vai trò Nhà nước trong việc quản lí điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

C. Mĩ bảo trợ, đầu tư phát triển các ngành dân dụng.

D. tận dụng tốt cơ hội bên ngoài.

Câu 14: (Thông hiểu): Thành công của Tây Âu sau 5 năm khôi phục kinh tế - xã hội (1945 – 1950) là

A. xóa bỏ được tình trạng nhập siêu.

B. khai thác được nguồn nguyên vật liệu, nhân công rẻ của các nước thế giới thứ ba.

C. cơ bản ổn định về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

D. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới.

Câu 15: (Vận dụng) Một trong những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh của kinh tế Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ năm 1950 đến năm 1973 là

A. tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào.

B. sự hợp tác có hiệu quả giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực.

C. tranh thủ được nguồn viện trợ lớn từ bên ngoài.

D. vai trò quan trọng của nhà nước trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Câu 16: (Vận dụng) Nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong những năm 1950 - 1973 là

A. Tích cực đấu tranh hạn chế ảnh hưởng của Mĩ ở Tây Âu.

B. Tây Âu thống nhất mục tiêu xây dựng EU thành mái nhà chung châu Âu.

C. Tây Âu tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ ba để phát triển kinh tế trong nước.

D. Nỗ lực thiết lập trở lại ách thống trị ở các thuộc địa cũ đã bị mất trong chiến tranh thế giới thứ II.

Câu 17: (Vận dụng) Đến khoảng năm 1950, các nước Tây Âu cơ bản khôi phục được kinh tế vì

A. bóc lột được nhiều từ những nước thuộc địa.

B. sự cố gắng của từng nước, sự viện trợ của Mĩ với “kế hoạch Mácsan”.

C. sự giúp đỡ của Liên Xô, sự liên kết kinh tế ở Tây Âu có hiệu quả cao.

D. ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

Câu 18: (Vận dụng) Các liên kết kinh tế ở Tây Âu được thành lập trong những năm 50 của thế kỉ XX là

A. cộng đồng than - thép Châu Âu; Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu và Cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC).

B. cộng đồng than - thép Châu Âu; Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu và Cộng đồng châu Âu (EC).

C. cộng đồng than - thép Châu Âu; Cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC) và Cộng đồng châu Âu (EC).

D. cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC) và Cộng đồng châu Âu (EC) và liên minh Châu Âu (EU).

Câu 19: (Vận dụng cõo): Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại của các nước Tây Âu trong 5 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. củng cố, phát triển mối quan hệ hợp tác khu vực.

B. đấu tranh chống lại sự thao túng, ảnh hưởng của Mĩ ở châu Âu.

C. chạy đua vũ trang, tham gia cuộc chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.

Câu 20: (Vận dụng cõo): Sau Chiến tranh thế giới thứ II, thái độ của các nước tư bản Tây Âu về vấn đề độc lập dân tộc ở các thuộc địa như thế nào?

A. Đa số ủng hộ việc công nhận nền độc lập của các nước thuộc địa.

B. Tìm cách thiết lập chế độ thuộc địa kiểu mới đối với các nước thế giới thứ ba.

C. Tìm cách thiết lập trở lại chủ quyền trên các thuộc địa của mình trước đây.

D. Ủng hộ việc công nhận quyền tự trị của các thuộc địa.

Bài 8: Nhật Bản

Câu 1: (Nhận biết) Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản

A. có nền kinh tế phát triển nhất.

B. tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

C. bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.

D. lâm vào suy thoái nhưng vẫn là một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.

Câu 2: (Nhận biết) Theo Hiến pháp hiện nay, đứng đầu Chính phủ ở Nhật Bản là

A. Tổng thống.

B. Chủ tịch nước.

C. Thiên hoàng.

D. Thủ tướng.

Câu 3: (Nhận biết) Lĩnh vực được Nhật Bản tập trung sản xuất là

- A. công nghiệp dân dụng. B. công nghiệp xây dựng.
C. công nghiệp phần mềm. D. công nghiệp hàng không vũ trụ.

Câu 4: (Nhận biết) Ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là

- A. Mĩ - Anh - Pháp. B. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản.
C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản. D. Mĩ - Đức - Nhật Bản.

Câu 5: (Nhận biết) Nhật Bản đã lợi dụng chiến tranh của hai nước nào để bù đắp thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ 2 (1939-1945) gây ra?

- A. Hàn Quốc, Việt Nam. B. Triều Tiên, Việt Nam.
C. Đài Loan, Việt Nam. D. Philippin, Việt Nam.

Câu 6: (Nhận biết) Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1973 nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

- A. phát triển thần kì. B. phát triển thần tốc.
C. phát triển mạnh. D. phát triển mạnh xen lẫn suy thoái.

Câu 7: (Nhận biết) Từ những năm 70 trở đi, Nhật Bản rất coi trọng phát triển lĩnh vực nào?

- A. Văn hóa và khoa học - kĩ thuật. B. Giáo dục và khoa học - kĩ thuật.
C. Giáo dục và công nghệ thông tin. D. Công nghiệp nặng và nông nghiệp.

Câu 8: (Nhận biết) Nền tảng xuyên suốt của chính sách đối ngoại của Nhật là mối quan hệ với

- A. Mĩ. B. Mĩ, Tây Âu.
C. Mĩ, Tây Âu, Đông Nam Á. D. Mĩ, Tây Âu, Châu Á, NICs.

Câu 9: (Nhận biết) Ý nào không là nguyên nhân khiến Nhật Bản trở thành một siêu cường kinh tế?

- A. Con người được coi là vốn quý nhất.
B. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.
C. Lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên.
D. Chi phí cho quốc phòng thấp, nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư vào phát triển kinh tế

Câu 10: (Nhận biết) Nguyên nhân nào không dẫn đến sự phát triển kinh tế Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Chi phí quốc phòng thấp. B. Con người năng động, sáng tạo.
C. Tận dụng tối đa viện trợ bên ngoài. D. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.

Câu 11: (Nhận biết) Nội dung cơ bản của các học thuyết Phu-cư-đa (1977) và Kaiphu (1991) là gì?

- A. Đặc biệt coi trọng việc hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước châu Phi và Mĩ Latinh.
C. Tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.
D. Coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng quan hệ đối ngoại trên phạm vi toàn cầu, chú trọng quan hệ với

các nước Đông Nam Á.

Câu 12: (Nhận biết) Theo quy định của Hiến pháp năm 1947, Nhật Bản là nước theo thể chế nào?

- A. Cộng hòa. B. Quân chủ lập hiến. C. Cộng hòa nghị viện. D. Dân chủ đại nghị.

Câu 13: (Thông hiểu) Nguyên nhân khách quan quan trọng giúp nền kinh tế Nhật đạt mức “thần kì” sau chiến tranh là

- A. áp dụng thành tựu của cách mạng khoa học kĩ thuật.
B. vai trò quân lí, điều tiết nền kinh tế của nhà nước.
C. các công ty Nhật Bản có tầm nhìn xa, quản lí tốt, biết len lỏi vào thị trường thế giới.
D. yếu tố con người được nhà nước Nhật Bản quan tâm, đầu tư hàng đầu.

Câu 14: (Thông hiểu) Với bản Hiến pháp mới, Thiên hoàng Nhật Bản có vai trò như thế nào trong chế độ chính trị?

- A. Bị xóa bỏ hoàn toàn.
B. Nắm quyền lực tối thượng.
C. Nắm quyền lãnh đạo về chính trị và kinh tế.
D. Giữ vai trò tượng trưng cho hòa bình và quyền con người.

Câu 15: (Thông hiểu) Từ nửa sau những năm 70, Nhật Bản bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới vì có tiềm lực về

- A. kinh tế - tài chính. B. kinh tế - chính trị.
C. quốc phòng - tài chính. D. chính trị - tài chính.

Câu 16: (Thông hiểu) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?

- A. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
C. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.

Câu 17: (Thông hiểu) Vị trí kinh tế của Nhật Bản từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX trở đi có điểm gì nổi bật?

- A. Kinh tế Nhật Bản đứng thứ 2 thế giới.
B. Trở thành trung tâm hợp tác kinh tế, tài chính của thế giới.
C. Trở thành trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới.
D. Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính của thế giới.

Câu 18: (Thông hiểu) Sự kiện nào đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa Mĩ và Nhật Bản?

- A. Mĩ viện trợ cho Nhật Bản.
B. Mĩ đóng quân tại Nhật Bản.
C. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết.
D. Mĩ xây dựng căn cứ quân sự trên đất nước Nhật Bản.

Câu 19: (Thông hiểu) GDP giành cho quốc phòng của Nhật chỉ dưới 1% tổng GDP vì

- A. được Mĩ bảo hộ. B. Nhật không có quân đội thường trực.
C. chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập. D. nền công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh mẽ.

Câu 20: (Thông hiểu) Nguyên nhân quan trọng nhất làm nền kinh tế Nhật phát triển “thần kì” là

A. yếu tố con người.

B. các công ty của Nhật có tầm nhìn xa.

C. áp dụng tốt tiến bộ khoa học- kĩ thuật thế giới.

D. vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.

Câu 21: (Thông hiểu) Tháng 8 - 1977, ở Nhật có sự kiện gì thể hiện sự thay đổi trong chính sách ngoại giao?

A. Học thuyết Kai-phu.

B. Học thuyết Fukuda.

C. Học thuyết Hayatô.

D. Hiệp ước hòa bình và hữu nghị Nhật -Trung.

Câu 22: (Thông hiểu) Sau CTTG2, Nhật có khó khăn gì mà các nước đồng minh chống phát xít không có?

A. Thiếu vốn, thiếu lương thực

B. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh

C. Là nước bại trận, mất hết thuộc địa

D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ với mọi hình thức

Câu 23: (Thông hiểu) Vì sao kinh tế Nhật Bản phục hồi trong những năm 1950-1951?

A. Do nỗ lực bản thân và nền KH-KT tiên tiến.

B. Do nỗ lực bản thân và nguồn viện trợ từ Mĩ.

C. Do nỗ lực bản thân, nguồn viện trợ từ Mĩ, tận dụng tốt yếu tố bên ngoài.

D. Do nỗ lực bản thân, nguồn viện trợ từ Mĩ, tận dụng tốt yếu tố bên ngoài và nền KH-KT tiên tiến.

Câu 24: (Thông hiểu) Đặc điểm của nền kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1950 là gì?

A. Kinh tế phát triển nhảy vọt.

B. Kinh tế lệ thuộc vào Mĩ.

C. Kinh tế phát triển "Thần kỳ".

D. Kinh tế phát triển chậm chạp và phụ thuộc vào Mĩ.

Câu 25: (Thông hiểu) Từ đầu những năm 90 đến nay, Nhật Bản nỗ lực ra sao để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế?

A. Vươn lên trở thành cường quốc chính trị.

B. Tăng cường viện trợ đối với các nước khác.

C. Vươn lên trở thành một cường quốc về quân sự.

D. Vận động trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Câu 26: (Thông hiểu) Sự kiện đánh dấu sự "trở về" Châu Á của Nhật Bản là

A. năm 1991, học thuyết Kai-phu.

B. năm 1977, học thuyết Phu-cu-đa.

C. năm 1978, hiệp ước hoà bình và hữu nghị Trung- Nhật.

D. năm 4/1996, hiệp ước An ninh Mĩ Nhật kéo dài vĩnh viễn.

Câu 27: (Thông hiểu) Hai sự kiện nào sau đây xảy ra đồng thời trong một năm và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật?

A. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và tây Âu.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.

C. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

Câu 28: (Thông hiểu) Sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản bộc lộ rõ nét nhất ở ý nào sau đây?

A. Từ 1950-1973, tổng sản phẩm quốc dân tăng gấp 20 lần.

B. Nhật là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

C. Năm 1968, tổng số sản phẩm quốc dân đứng thứ 2 thế giới tư bản sau Mĩ.

D. Từ một nước bại trận, khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành một siêu cường.

Câu 29: (Vận dụng): Để phát triển khoa học- kỹ thuật, ở Nhật xuất hiện những hiện tượng gì hiếm thấy trong thế giới tư bản?

A. Coi trọng giáo dục quốc dân- khoa học kỹ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp ứng dụng dân dụng.

C. Chấp nhận đứng dưới Chiếc ô bảo hộ hạt nhân của Mĩ.

D. Đẩy mạnh việc mua bằng sáng chế về khoa học, công nghệ, kỹ thuật.

Câu 30: (Vận dụng): Sự kiện đánh dấu nền kinh tế Nhật phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Sau cách mạng Cu ba.

B. Sau chiến tranh Việt Nam.

C. Cách mạng Trung Quốc thành công.

D. Từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên.

Câu 31: (Vận dụng): Đặc điểm cơ bản của sự phát triển khoa học - kỹ thuật Nhật Bản là gì?

A. Chú trọng giáo dục.

B. Chi phí nhiều cho nghiên cứu.

C. Mua phát minh sáng chế từ bên ngoài.

D. Trả lương cao cho các nhà khoa học.

Câu 32: (Vận dụng): Năm 1973, đã diễn ra sự kiện nổi bật gì trong quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và Việt Nam

A. Thủ tướng Nhật sang thăm Việt Nam.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

D. Viện trợ cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

Câu 33: (Vận dụng): Việc đầu tư để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học- kĩ thuật của Nhật Bản có nét khác biệt so với các nước tư bản khác là

A. đầu tư chi phí cho nghiên cứu khoa học.

B. đầu tư cho giáo dục, xem đó là quốc sách hàng đầu.

C. mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.

D. khuyến khích các nhà khoa học trên thế giới sang Nhật làm việc.

Câu 34: (Vận dụng): Hiệp ước an ninh Mĩ- Nhật được kí kết năm 1951, nhằm mục đích

A. Nhật dựa vào Mĩ về quân sự để giảm chi phí quốc phòng.

B. Tạo thế cân bằng chiến lược về quân sự giữa Mĩ và Nhật.

C. Kết thúc chế độ chiếm đóng của Đồng minh trên lãnh thổ Nhật.

D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc ở Viễn Đông.

Câu 35: (Vận dụng): Trong bối cảnh "Chiến tranh lạnh" căng thẳng, về quân sự Nhật Bản khác với các nước tư bản Tây Âu ở chỗ

A. không sản xuất vũ khí cho Mĩ.

B. không có quân đội thường trực.

C. không có lực lượng phòng vệ.

D. không tham gia bất kì tổ chức quân sự nào của Mĩ.

Câu 36: (Vận dụng): Trong sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật, có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác

A. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân.

B. Tận dụng tốt những thành tựu khoa học-kĩ thuật.

C. Lợi dụng vốn nước ngoài, đầu tư vào các ngành công nghiệp then chốt.

D. Len lách, thâm nhập vào thị trường các nước, tiến hành cải cách dân chủ.

Câu 37: (Vận dụng cao): Nguyên nhân chính nào giúp Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho chi phí quốc phòng?

A. Nhật nằm trong “ô bảo vệ hạt nhân” của Mĩ.

B. Dân cư đông không thích hợp đầu tư nhiều vào quốc phòng.

C. Nhật nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.

D. Tài nguyên khoáng sản không nhiều, nợ nước ngoài do bồi thường chi phí chiến tranh.

Câu 38: (Vận dụng cao): “Ba kho báu thiêng liêng” nào giúp cho Các công ty Nhật Bản có sức mạnh và tính cạnh tranh cao?

A. Chế độ làm việc suốt đời, chế độ lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xĩ nghiệp.

B. Chế độ làm việc theo giờ, chế độ lương theo con số và chủ nghĩa nghiệp đoàn xĩ nghiệp.

C. Chế độ lao động theo giờ, chế độ lương theo quy định và chủ nghĩa nghiệp đoàn xĩ nghiệp.

D. Chế độ lao động theo năng suất, chế độ lương theo mức làm việc và chủ nghĩa nghiệp đoàn xĩ nghiệp.

Câu 39: (Vận dụng cao): Sự kiện nào diễn ra ở Nhật có tác động trực tiếp đến cách mạng Việt Nam?

A. Năm 1951, Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết.

B. Năm 1968, Nhật trở thành cường quốc thứ 2 trong thế giới tư bản.

C. Ngày 06/08/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hiroshima.

D. Ngày 15/08/1945, Nhật Hoàng chính thức tuyên bố chấp nhận đầu hàng đồng minh không điều kiện.

Câu 40: (Vận dụng cao): Việt Nam có thể rút ra bài học gì về sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản?

A. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Đầu tư nghiên cứu khoa học và chú trọng giáo dục.

C. Giảm chi phí cho quốc phòng để tập trung phát triển kinh tế.

D. Áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật một cách hiệu quả vào sản xuất.

Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết) Quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã có sự chuyển biến như thế nào?

A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

B. Hợp tác với nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.

C. Từ hợp tác với nhau trong chiến tranh chuyển sang đối đầu.

D. Từng là đồng minh trong chiến tranh chuyển sang đối đầu và đi đến tình trạng chiến tranh lạnh.

Câu 2: (Nhận biết) Chiến tranh lạnh là

A. cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô trên tất cả mọi lĩnh vực.

B. chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa hai phe - phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

C. sự xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô.

D. cuộc chạy đua vũ trang giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 3: (Nhận biết) Sự kiện khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên cuộc “Chiến tranh lạnh” là sự ra đời của

A. “Học thuyết Truman”.

B. “Kế hoạch Mác-san”.

C. tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

D. chiến lược “Cam kết và mở rộng”.

Câu 4: (Nhận biết) “Kế hoạch Mác-san” (6/1947) của Mĩ còn có tên gọi khác là

A. “Kế hoạch phục hưng châu Âu”.

B. “Kế hoạch khôi phục châu Âu”.

C. “Kế hoạch phát triển châu Âu”.

D. “Kế hoạch tái thiết châu Âu”.

Câu 5: (Nhận biết) Một trong những mục đích của Mĩ khi đề ra “Kế hoạch Mác-san” (1947) là tập hợp các nước Tây Âu vào

A. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.

B. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

C. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

D. tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 6: (Nhận biết) Việc thực hiện “Kế hoạch Mác-san” đã tác động như thế nào đến mối quan hệ giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa?

A. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.

B. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và quân sự.

C. Tạo nên sự phân chia đối lập về chính trị.

D. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế.

Câu 7: (Nhận biết) Tổ chức nào dưới đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu?

A. SEATO.

B. NATO.

C. CENTO.

D. ANZUS.

Câu 8: (Nhận biết) Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là tổ chức liên minh

A. quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

B. kinh tế - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

C. chính trị - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

D. kinh tế - chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

Câu 9: (Nhận biết) Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

A. Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.

B. Đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.

C. Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.

D. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 10: (Nhận biết) Định ước Henxinki (8/1975), được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mỹ và Canada đã tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề

- A.** chống khủng bố ở châu Âu. **B.** liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.
C. tranh chấp bằng biện pháp hòa bình ở châu Âu. **D.** bảo vệ môi trường ở châu Âu.

Câu 11: (Nhận biết) Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện chấm dứt cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A.** Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972).
B. Định ước Henxinki được kí kết (1975).
C. Liên Xô và Mỹ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).
D. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M.Góocbachốp và G. Busơ (cha) (1989).

Câu 12: (Nhận biết) Bước sang thế kỉ XXI, xu thế chung trong quan hệ quốc tế là

- A.** tăng cường liên kết khu vực để tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự.
B. hòa bình, hợp tác và phát triển.
C. cạnh tranh khốc liệt để tồn tại.
D. cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi

Câu 13: (Thông hiểu) Nét nổi bật chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

- A.** nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra.
B. xu thế liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.
C. xuất hiện tình trạng Chiến tranh lạnh.
D. thế giới chuyển sang xu thế hòa dịu, hợp tác.

Câu 14: (Thông hiểu) Nguồn gốc của cuộc Chiến tranh lạnh là

- A.** do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Mỹ và Liên Xô.
B. xuất phát từ tham vọng làm bá chủ thế giới của Mỹ.
C. do sự chi phối của trật tự hai cực Ianta.
D. xuất phát từ mục tiêu chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa của Mỹ.

Câu 15: (Thông hiểu) Mục tiêu của Mỹ khi phát động “Chiến tranh lạnh” là

- A.** ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội từ Liên Xô sang Đông Âu và thế giới.
B. Mỹ lôi kéo các nước Đồng Minh của mình chống Liên Xô.
C. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.
D. phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

Câu 16: (Thông hiểu) Thực chất của Kế hoạch Mácsan (6/1947) mà Mỹ đề ra là

- A.** giúp các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh.
B. khống chế, chi phối các nước Tây Âu trở thành đồng minh phụ thuộc Mỹ.
C. tăng cường sức mạnh kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.
D. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế - chính trị của Mỹ chống Liên Xô và các nước Tây Âu.

Câu 17: (Thông hiểu) Tổ chức Hiệp ước Vácava là đối trọng của khối quân sự

- A.** NATO. **B.** SEATO. **C.** CENTO. **D.** ANZUS.

Câu 18: (Thông hiểu) Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ lập ra vào tháng 4/1949 nhằm mục đích

- A.** đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
B. đảm bảo hòa bình và an ninh châu Âu.
C. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
D. tăng cường sức mạnh kinh tế - chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 19: (Thông hiểu) Nguyên nhân chủ quan buộc Mỹ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là

- A.** sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc.
B. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mỹ.
C. cuộc chạy đua vũ trang làm cho 2 nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của họ trên nhiều mặt.
D. sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước công nghiệp mới.

Câu 20: (Thông hiểu) Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới ngày nay?

- A.** Nhiều vụ tranh chấp, xung đột được giải quyết bằng biện pháp hòa bình.
B. Phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô bị thu hẹp.
C. Các cường quốc tăng cường chạy đua vũ trang để xây dựng sức mạnh thực sự của mình.
D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

Câu 21: (Thông hiểu) Vì sao trật tự “hai cực” Ianta sụp đổ?

- A.** Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
B. Liên Xô và Mỹ quá tốn kém trong việc chạy đua vũ trang.
C. “cực” Liên Xô đã tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không tồn tại.
D. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Câu 22: (Thông hiểu) Vì sao sau Chiến tranh lạnh, giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng không dễ gì thực hiện được?

- A.** Do sự lớn mạnh của Trung Quốc. **B.** Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.
C. Do sự phát triển mạnh mẽ của Tây Âu. **D.** Do tương quan lực lượng giữa các cường quốc.

Câu 23: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây đúng với một trong các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A.** Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.
B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đơn cực”.
C. Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào ổn định chính trị.
D. Thế giới không còn xảy ra chiến tranh, xung đột.

Câu 24: (Thông hiểu) Ý không phản ánh đúng xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

- A.** trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.
B. các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.
C. trong quan hệ quốc tế, dần hình thành một trật tự thế giới mới – trật tự thế giới đơn cực, do Mỹ đứng đầu.
D. giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng khó thực hiện được.

Câu 25: (Thông hiểu) Sự kiện ngày 11-9-2001 đã đặt các quốc gia - dân tộc đứng trước những thách thức gì?

- A. Chủ nghĩa dân tộc
- B. Chủ nghĩa khủng bố
- C. Chiến tranh năng lượng
- D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc

Câu 26: (Thông hiểu) Sự kiện nào không nằm trong tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh?

- A. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành
- B. Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới mới "một cực"
- C. Ở nhiều khu vực nội chiến, xung đột vẫn diễn ra thường xuyên
- D. Liên Xô và Mĩ thiết lập mối quan hệ ngoại giao về hợp tác kinh tế

Câu 27: (Thông hiểu) Sự kiện nào đánh dấu sự tan vỡ mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mĩ và Liên Xô?

- A. Sự thỏa thuận đóng quân giữa Mĩ và Liên Xô tại Hội nghị Ianta
- B. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử
- C. Sự ra đời của chủ nghĩa "Truman" và "Chiến tranh lạnh"
- D. Sự ra đời của khối NATO và Hiệp ước Vacsava

Câu 28: (Thông hiểu) Để thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới Mĩ lo ngại nhất điều gì?

- A. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới
- B. Sự vươn lên của Nhật Bản, Tây Âu
- C. Sự thành công của cách mạng Trung Quốc
- D. Liên Xô xây dựng thành công CNXH

Câu 29: (Vận dụng) Tham vọng của Mĩ khi phát động cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.
- C. thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.
- D. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân trong nước.

Câu 30: (Vận dụng) Điểm giống nhau giữa hai cuộc chiến tranh thế giới và Chiến tranh lạnh trong thế kỉ XX là

- A. gây nên mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước.
- B. để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhân loại.
- C. diễn ra trên mọi lĩnh vực.
- D. diễn ra quyết liệt, không phân thắng bại.

Câu 31: (Vận dụng) Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất để lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- B. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu .
- C. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.
- D. Xuất hiện các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên....

Câu 32: (Vận dụng) Sự khác biệt cơ bản giữa Chiến tranh lạnh với Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. diễn ra trên mọi lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp về quân sự.
- B. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng.
- C. gây ra nhiều hậu quả nặng nề cho nhân loại.
- D. diễn ra dai dẳng, giằng co, không phân thắng bại.

Câu 33: (Vận dụng): Ý không phản ánh đúng hậu quả do Chiến tranh lạnh để lại là

- A. thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, nguy cơ nổ ra chiến tranh thế giới mới.
- B. cả hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đều thu được những nguồn lợi khổng lồ.
- C. các cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên, Trung Đông....
- D. các nước phải chi phí nhiều tiền của và sức người để chạy đua vũ trang.

Câu 34: (Vận dụng): Sau chiến tranh lạnh, nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mĩ là

- A. vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược toàn cầu.
- B. tăng cường hơn nữa mối quan hệ với các nước Mĩ Latinh.
- C. tiếp tục tìm cách chi phối các nước đồng minh.
- D. cải thiện quan hệ với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Câu 35: (Vận dụng): Trong thập niên 90 của thế kỷ XX, các cuộc xung đột quân sự xảy ra ở bán đảo Balcans và một số nước châu Phi là một trong những

- A. di chứng của cuộc Chiến tranh lạnh.
- B. biểu hiện mâu thuẫn mới trong trật tự hai cực
- C. biểu hiện sự trỗi dậy của các thế lực mới trong trật tự đa cực
- D. thành công của Mỹ trong việc thiết lập trật tự thế giới đơn cực

Câu 36: (Vận dụng): Mục tiêu bao quát nhất của Mĩ sau chiến tranh lạnh là gì?

- A. Sử dụng khẩu hiệu dân chủ.
- B. Khôi phục nền kinh tế Mĩ.
- C. Chi phối, lãnh đạo thế giới.
- D. Bảo đảm an ninh, sẵn sàng chiến đấu.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Trong xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam cần đề ra chiến lược phát triển đất nước như thế nào?

- A. Tập trung ổn định tình hình chính trị.
- B. Tập trung phát triển kinh tế.
- C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. Mở rộng quan hệ ngoại giao.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, Việt Nam có những thời cơ gì?

- A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
- B. Học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến trên thế giới.
- C. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật.
- D. Thu hút vốn từ bên ngoài, mở rộng thị trường.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là

- A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.
- C. giải quyết các tranh chấp bằng việc lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn.
- D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Chiến tranh lạnh chấm dứt tác động như thế nào đến tình hình các nước Đông Nam Á?

- A.** Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển mạnh.
- B.** Quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương được trở nên hòa dịu.
- C.** Tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.
- D.** Làn sóng xã hội chủ nghĩa lan rộng ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết) “Kế hoạch Mác-san” (6/1947) của Mỹ còn có tên gọi khác là

- A.** “Kế hoạch phục hưng châu Âu”. **B.** “Kế hoạch khôi phục châu Âu”.
- C.** “Kế hoạch phát triển châu Âu”. **D.** “Kế hoạch tái thiết châu Âu”.

Câu 2: (Nhận biết) Một trong những mục đích của Mỹ khi đề ra “Kế hoạch Mác-san” (1947) là tập hợp các nước Tây Âu vào

- A.** liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B.** liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- C.** liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D.** tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 3: (Nhận biết) Việc thực hiện “Kế hoạch Mác-san” đã tác động như thế nào đến mối quan hệ giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa?

- A.** Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.
- B.** Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và quân sự.
- C.** Tạo nên sự phân chia đối lập về chính trị.
- D.** Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế.

Câu 4: (Nhận biết) Quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã có sự chuyển biến như thế nào?

- A.** Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
- B.** Hợp tác với nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.
- C.** Từ hợp tác với nhau trong chiến tranh chuyển sang đối đầu.
- D.** Từng là đồng minh trong chiến tranh chuyển sang đối đầu.

Câu 5: (Nhận biết) Chiến tranh lạnh là

- A.** cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô trên tất cả mọi lĩnh vực.
- B.** chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa hai phe - phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- C.** sự xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô.
- D.** cuộc chạy đua vũ trang giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 6: (Nhận biết) Sự kiện khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên cuộc “Chiến tranh lạnh” là sự ra đời của

- A.** “Học thuyết Truman”. **B.** “Kế hoạch Mác-san”.
- C.** tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. **D.** chiến lược “Cam kết và mở rộng”.

Câu 7: (Nhận biết) Tổ chức nào dưới đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu?

- A.** SEATO. **B.** NATO. **C.** CENTO. **D.** ANZUS.

Câu 8: (Nhận biết) Định ước Henxinki (8/1975), được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mỹ và Canada đã tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề

- A.** chống khủng bố ở châu Âu. **B.** liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.
- C.** tranh chấp bằng biện pháp hòa bình ở châu Âu. **D.** bảo vệ môi trường ở châu Âu.

Câu 9: (Nhận biết) Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện chấm dứt cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A.** Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972).
- B.** Định ước Henxinki được kí kết (1975).
- C.** Liên Xô và Mỹ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).
- D.** Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M.Góocbachốp và G. Busơ (cha) (1989).

Câu 10: (Nhận biết) Bước sang thế kỉ XXI, xu thế chung trong quan hệ quốc tế là

- A.** tăng cường liên kết khu vực để tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự.
- B.** hòa bình, hợp tác và phát triển.
- C.** cạnh tranh khốc liệt để tồn tại.
- D.** cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.

Câu 11: (Nhận biết) Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là tổ chức liên minh

- A.** quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- B.** kinh tế - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- C.** chính trị - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- D.** kinh tế - chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

Câu 12: (Nhận biết) Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A.** Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.
- B.** Đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
- C.** Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.
- D.** Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 13: (Thông hiểu) Nét nổi bật chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

- A.** nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra. **B.** xu thế liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.
- C.** xuất hiện tình trạng Chiến tranh lạnh. **D.** thế giới chuyển sang xu thế hòa dịu, hợp tác.

Câu 14: (Thông hiểu) Thực chất của Kế hoạch Mác-san (6/1947) mà Mỹ đề ra là

- A.** giúp các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh.
- B.** khống chế, chi phối các nước Tây Âu trở thành đồng minh phụ thuộc Mỹ.
- C.** tăng cường sức mạnh kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.
- D.** tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế - chính trị của Mỹ chống Liên Xô và các nước Tây Âu.

Câu 15: (Thông hiểu) Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là đối trọng của khối quân sự

Câu 16: (Thông hiểu) Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mỹ lập ra vào tháng 4/1949 nhằm mục đích

- A. đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
- B. đảm bảo hòa bình và an ninh châu Âu.
- C. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
- D. tăng cường sức mạnh kinh tế - chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 17: (Thông hiểu) Nguồn gốc của cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Mỹ và Liên Xô.
- B. xuất phát từ tham vọng làm bá chủ thế giới của Mỹ.
- C. do sự chi phối của trật tự hai cực Ianta.
- D. xuất phát từ mục tiêu chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa của Mỹ.

Câu 18: (Thông hiểu) Mục tiêu của Mỹ khi phát động “Chiến tranh lạnh” là

- A. ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa xã hội.
- B. Mỹ lôi kéo các nước Đồng Minh của mình chống Liên Xô.
- C. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.
- D. phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

Câu 19: (Thông hiểu) Nguyên nhân chủ quan buộc Mỹ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là

- A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mỹ.
- C. cuộc chạy đua vũ trang làm cho 2 nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh.
- D. sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước công nghiệp mới.

Câu 20: (Thông hiểu) Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới ngày nay?

- A. Nhiều vụ tranh chấp, xung đột được giải quyết bằng biện pháp hòa bình.
- B. Phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô bị thu hẹp.
- C. Các cường quốc chạy đua vũ trang để xây dựng sức mạnh quân sự.
- D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

Câu 21: (Thông hiểu) Vì sao trật tự “hai cực” Ianta sụp đổ?

- A. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
- B. Liên Xô và Mỹ quá tốn kém trong việc chạy đua vũ trang.
- C. “cực” Liên Xô đã tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không tồn tại.
- D. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Câu 22: (Thông hiểu) Sự kiện ngày 11-9-2001 đã đặt các quốc gia - dân tộc đứng trước những thách thức gì?

- A. Chủ nghĩa dân tộc.
- B. Chủ nghĩa khủng bố.
- C. Chiến tranh năng lượng.
- D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 23: (Thông hiểu) Sự kiện nào không nằm trong tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh?

- A. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành.

Câu 24: (Thông hiểu) Vì sao sau Chiến tranh lạnh, giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng không dễ gì thực hiện được?

- A. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc.
- B. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.
- C. Do sự phát triển mạnh mẽ của Tây Âu.
- D. Do tương quan lực lượng giữa các cường quốc.

Câu 25: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây đúng với một trong xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.
- B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đơn cực”.
- C. Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào ổn định chính trị.
- D. Thế giới không còn xảy ra chiến tranh, xung đột.

Câu 26: (Thông hiểu) Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX là

- A. Cục diện “Chiến tranh lạnh”.
- B. Xu thế toàn cầu hóa.
- C. Sự hình thành các liên minh kinh tế.
- D. Sự ra đời các khối quân sự đối lập.

Câu 27: (Thông hiểu) Sự kiện nào đánh dấu sự tan vỡ mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mỹ và Liên Xô?

- A. Sự thỏa thuận đóng quân giữa Mỹ và Liên Xô tại Hội nghị Ianta.
- B. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. Sự ra đời của chủ nghĩa "Truman" và "Chiến tranh lạnh".
- D. Sự ra đời của khối NATO và Hiệp ước Vacsava.

Câu 28: (Thông hiểu) Để thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới Mỹ lo ngại nhất điều gì?

- A. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
- B. Sự vươn lên của Nhật Bản, Tây Âu.
- C. Sự thành công của cách mạng Trung Quốc.
- D. Liên Xô xây dựng thành công CNXH.

Câu 29: (Vận dụng): Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất để lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- B. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu.
- C. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.
- D. Xuất hiện các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Trung Đông,....

Câu 30: (Vận dụng): Tham vọng của Mỹ khi phát động cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.
- C. thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.
- D. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân trong nước.

Câu 31: (Vận dụng): Điểm giống nhau giữa hai cuộc chiến tranh thế giới và Chiến tranh lạnh trong thế kỉ XX là

- A. gây nên mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước.
- B. để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhân loại.
- C. diễn ra trên mọi lĩnh vực.
- D. diễn ra quyết liệt, không phân thắng bại.

Câu 32: (Vận dụng): Sự khác biệt cơ bản giữa Chiến tranh lạnh với Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. diễn ra trên mọi lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp về quân sự.
- B. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng.
- C. gây ra nhiều hậu quả nặng nề cho nhân loại.
- D. diễn ra dai dẳng, giằng co, không phân thắng bại.

Câu 33: (Vận dụng): Ý không phản ánh đúng hậu quả do Chiến tranh lạnh để lại là

- A. thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, nguy cơ nổ ra chiến tranh thế giới mới.
- B. cả hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đều thu được những nguồn lợi khổng lồ.
- C. các cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên, Trung Đông....
- D. các nước phải chi phí nhiều tiền của và sức người để chạy đua vũ trang.

Câu 34: (Vận dụng): Sau chiến tranh lạnh, nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mĩ là

- A. vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược toàn cầu.
- B. tăng cường hơn nữa mối quan hệ với các nước Mĩ Latinh.
- C. tiếp tục tìm cách chi phối các nước đồng minh.
- D. cải thiện quan hệ với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Câu 35: (Vận dụng): Trong thập niên 90 của thế kỷ XX, các cuộc xung đột quân sự xảy ra ở bán đảo Bancăng và một số nước châu Phi là một trong những

- A. di chứng của cuộc Chiến tranh lạnh.
- B. biểu hiện mâu thuẫn mới trong trật tự hai cực
- C. biểu hiện sự trỗi dậy của các thế lực mới trong trật tự đa cực
- D. thành công của Mỹ trong việc thiết lập trật tự thế giới đơn cực

Câu 36: (Vận dụng): Mục tiêu bao quát nhất của Mĩ sau chiến tranh lạnh là gì?

- A. Sử dụng khẩu hiệu dân chủ.
- B. Khôi phục nền kinh tế Mĩ.
- C. Chi phối, lãnh đạo thế giới.
- D. Bảo đảm an ninh, sẵn sàng chiến đấu.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, Việt Nam có những thời cơ gì?

- A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
- B. Học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến trên thế giới.
- C. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật.
- D. Thu hút vốn từ bên ngoài, mở rộng thị trường.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là

- A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.

C. giải quyết các tranh chấp bằng việc lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn.

D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Một trong những xu thế của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng vào lĩnh vực kinh tế hiện nay là

- A. hợp tác và phát triển.
- B. hợp tác với các nước trong khu vực.
- C. hợp tác với các nước châu Âu.
- D. hợp tác với các nước đang phát triển.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Trong xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam cần đề ra chiến lược phát triển đất nước như thế nào?

- A. Tập trung ổn định tình hình chính trị.
- B. Tập trung phát triển kinh tế.
- C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. Mở rộng quan hệ ngoại giao.

BÀI 10: Cuộc cách mạng KH - CN

Câu 1: (Nhận biết): Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại bắt đầu từ

- A. đầu những năm 40 của thế kỉ XX
- B. cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX
- C. thập niên đầu thế kỉ XX.
- D. đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 2: (Nhận biết): Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại của thế giới được khởi đầu từ

- A. Nhật Bản.
- B. Đức.
- C. Mĩ.
- D. Pháp.

Câu 3: (Nhận biết): Nguồn gốc sâu xa của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

- A. do nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt.
- B. do quá trình toàn cầu hoá, cần phát triển công nghệ thông tin.
- C. do đòi hỏi của đời sống của sản xuất.
- D. do sự cạnh tranh giữa các cường quốc.

Câu 4: (Nhận biết): Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật là

- A. các phát minh kĩ thuật được ứng dụng rộng rãi.
- B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. khoa học phát triển độc lập với kĩ thuật.
- D. kĩ thuật là nhân tố quyết định hàng đầu.

Câu 5: (Nhận biết): Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1973 đến nay diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực nào?

- A. Khoa học cơ bản.
- B. Khoa học ứng dụng.
- C. Công nghệ.
- D. Kĩ thuật.

Câu 6: (Nhận biết): Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất.
- B. Cách mạng công nghiệp.
- C. Cách mạng văn minh tin học.
- D. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 7: (Thông hiểu): Xét về bản chất của toàn cầu hóa là

- A. sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại giữa các quốc gia trên thế giới.
- B. sự tăng cường sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn trên toàn cầu.
- C. sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động, phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.

D. sự đời các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại tài chính quốc tế và khu vực.

Câu 8: (Thông hiểu): Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại nhằm đáp ứng

- A.** yêu cầu kĩ thuật và yêu cầu của sản xuất **B.** yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.
C. yêu cầu giao lưu quốc tế. **D.** yêu cầu phát triển văn hoá.

Câu 9: (Thông hiểu): Tác động lớn nhất của cách mạng khoa học - công nghệ đối với nền kinh tế thế giới là

- A.** hình thành một thị trường với xu thế toàn cầu hoá.
B. tạo ra nhiều việc làm cho kinh tế các nước đang phát triển.
C. sự sáp nhập của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.
D. làm cho nền kinh tế phát triển theo chiều sâu.

Câu 10: (Thông hiểu): Hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, trên thế giới đã diễn ra

- A.** sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế. **B.** xu thế toàn cầu hoá.
C. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia. **D.** quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 11: (Thông hiểu): Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

- A.** sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế. **B.** cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
C. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia. **D.** quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 12: (Thông hiểu): Hệ quả nào của cách mạng khoa học - công nghệ gây nguy cơ gì

- A.** tạo công nghệ biến đổi gen. **B.** chế tạo các loại vũ khí hạt nhân.
C. chế tạo điện nguyên tử. **D.** chế tạo rôbốt.

Câu 13: (Thông hiểu): Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ở nửa sau thế kỉ XX được gọi là cách mạng khoa học - công nghệ vì

- A.** cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. tất cả các nghiên cứu khoa học được bắt nguồn công nghệ.
C. công nghệ được phát triển, từng bước thay thế cho nghiên cứu khoa học.
D. ứng dụng hoàn toàn công nghệ trong sản xuất và đời sống của nhân loại.

Câu 14: (Thông hiểu): Internet là tên gọi của lĩnh vực công nghệ nào

- A.** máy nhắn tin. **B.** rôbốt.
C. hệ thống máy tự động. **D.** mạng thông tin máy tính toàn cầu.

Câu 15: (Vận dụng) Đây là hạn chế của xu thế toàn cầu hóa

- A.** nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.
B. cơ cấu kinh tế của các nước có sự chuyển biến.
C. thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của các lực lượng sản xuất.
D. đặt ra yêu cầu phải tiến hành cải cách để nâng cao sức cạnh tranh.

Câu 16: (Vận dụng) Trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là do

- A.** nhà khoa học là người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất.
B. phát minh khoa học đều phục vụ trực tiếp cho đời sống con người.

C. tất cả các phát minh khoa học đều được ứng dụng vào sản xuất.

D. khoa học trở thành nguồn gốc chính của tiến bộ kĩ thuật và công nghệ.

Câu 17: (Vận dụng) Yếu tố nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu

- A.** sự phát triển của thương mại quốc tế. **B.** sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế.
C. sự ra đời của Liên minh châu Âu (EU). **D.** việc duy trì liên minh giữa Mĩ và Nhật.

Câu 18: (Vận dụng) Trước tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên, con người cần dựa vào nhân tố nào

- A.** công cụ sản xuất mới. **B.** nguồn năng lượng tái tạo.
C. hệ thống máy tự động. **D.** nguồn năng lượng mới, vật liệu mới.

Câu 19: (Vận dụng cao): Hậu quả tiêu cực nhất mà cách mạng khoa học - kĩ thuật gây ra là

- A.** hiện tượng ô nhiễm môi trường.
B. hiện tượng trái đất nóng dần lên.
C. những tai nạn lao động, giao thông, các loại bệnh dịch mới.
D. chế tạo vũ khí hiện đại có thể hủy diệt sự sống trên hành tinh.

Câu 20: (Vận dụng cao): Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại của thế giới khởi đầu từ Mĩ là do

- A.** trình độ nghiên cứu khoa học của người Mĩ cao hơn các quốc gia khác.
B. ở Mĩ tổ chức nhiều cuộc thi khoa học - kĩ thuật.
C. sự hợp tác về kinh tế, chính trị, khoa học - kĩ thuật của Mĩ đạt hiệu quả cao.
D. Mĩ đầu tư cho nghiên cứu khoa học, có nhiều nhà khoa học nổi tiếng đến Mĩ.

Bài 7 + 10: Tây Âu - Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX.

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết) Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ

- A.** kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
B. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học-công nghệ.
C. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.
D. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 2: (Nhận biết) Một trong những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A.** Quá trình tăng lên mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.
B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
C. Hợp tác mạnh trên các lĩnh vực: chính trị, văn hóa, xã hội.
D. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trên cơ sở duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

Câu 3: (Nhận biết) Xu thế toàn cầu hóa diễn ra từ sự kiện nào của thế giới?

- A.** Khi cách mạng KHKH bắt đầu. **B.** Chiến tranh lạnh bùng nổ.
C. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. **D.** CNXH ở Liên Xô và Đông Âu tan rã.

Câu 4: (Nhận biết) Mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học công nghệ

- A.** môi trường sẽ được làm sạch.
B. trái đất dần được con người cải thiện.
C. giảm bớt tai nạn lao động và giao thông.

D. nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống con người.

Câu 5: (Nhận biết) Mặt hạn chế của cuộc cách mạng khoa học công nghệ?

- A. Làm thay đổi cơ cấu dân cư.
- B. Thay đổi chất lượng nguồn nhân lực.
- C. Chế tạo các loại vũ khí hủy diệt.
- D. Hình thành thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.

Câu 6: (Nhận biết) Từ năm 1973 đến nay, cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu

- A. cách mạng công nghệ.
- B. cách mạng công nghiệp.
- C. cách mạng xanh trong nông nghiệp.
- D. cách mạng trắng trong nông nghiệp.

Câu 7: (Nhận biết) Về quân sự, biểu hiện nào cho thấy các nước Tây âu liên minh chặt chẽ với Mỹ

- A. chống Liên Xô.
- B. tham gia khối quân sự NATO.
- C. thành lập nhà nước CHLB Đức (Tây Đức).
- D. trở lại xâm lược các nước thuộc địa cũ.

Câu 8: (Nhận biết) Đầu thập kỉ 70, Tây âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất của thế giới cùng với

- A. Mỹ và Đức.
- B. Mỹ và Pháp.
- C. Mỹ và Liên Xô.
- D. Mỹ và Nhật.

Câu 9: (Nhận biết) Năm 1967, tổ chức nào được thành lập?

- A. Cộng đồng châu Âu.
- B. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC).
- C. Cộng đồng than thép châu Âu.
- D. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

Câu 10: (Nhận biết) EU là tổ chức liên kết

- A. liên kết kinh tế, văn hóa.
- B. liên kết kinh tế, chính trị.
- C. liên kết quân sự, kinh tế.
- D. liên kết chính trị, quân sự.

Câu 11: (Nhận biết) Tháng 6/1979, diễn ra sự kiện nào của Liên minh châu Âu

- A. liên minh châu Âu (EU) ra đời.
- B. bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên.
- C. đồng tiền chung châu Âu EURO được phát hành.
- D. quan hệ Việt Nam và EU được hình thành.

Câu 12: (Nhận biết) Các thành viên đầu tiên của khối thị trường chung châu Âu

- A. Anh, Pháp, tây Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan.
- B. Anh, Pháp, tây Đức, Bỉ, Tây Ban Nha, Hà Lan.
- C. Pháp, tây Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lúc xăm bua.
- D. Pháp, tây Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Bồ Đào Nha.

Câu 13: (Thông hiểu) Trong xu thế toàn cầu hóa, sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành tập đoàn lớn nhằm mục đích?

- A. Hợp thức hóa cạnh tranh.
- B. Quan hệ thương mại tốt hơn.
- C. Liên kết kinh tế thương mại.
- D. Tăng cường khả năng cạnh tranh.

Câu 14: (Thông hiểu) Tổ chức *không* phải biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa

- A. diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM).
- B. hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA).
- C. hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA).
- D. tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

Câu 15: (Thông hiểu) Một hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ là

- A. bùng nổ dân số.
- B. xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.
- C. xuất hiện các loại dịch bệnh mới.
- D. mức sống con người được nâng lên.

Câu 16: (Thông hiểu) Sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại trong nông nghiệp dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Bùng nổ thông tin.
- B. Cuộc “cách mạng xanh”.
- C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- D. Đầu tư cho khoa học kĩ thuật có lãi cao hơn so với các lĩnh vực khác.

Câu 17: (Thông hiểu) Mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hóa hiện nay là

- A. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- B. cơ cấu kinh tế của các nước có sự chuyển biến.
- C. thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.
- D. đặt ra yêu cầu phải tiến hành cải cách để nâng cao tính cạnh tranh.

Câu 18: (Thông hiểu) Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân trong xu thế toàn cầu hóa?

- A. Hòa nhập vào xu thế bất cứ giá nào.
- B. Giải quyết vấn đề phụ thuộc các nước lớn.
- C. Bảo đảm an toàn đối với chế độ chính trị.
- D. Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ.

Câu 19: (Thông hiểu) Kĩ thuật muốn tiến bộ trước hết phải dựa vào

- A. sự phát triển khoa học cơ bản.
- B. sự văn minh của nhân loại.
- C. sự phát triển của văn minh.
- D. sự phát minh và cải tiến công cụ sản xuất.

Câu 20: (Thông hiểu) Gọi là cách mạng khoa học công nghệ vì

- A. sự ra đời của các loại máy tiên tiến.
- B. sự ra đời của hệ thống các công trình kĩ thuật.
- C. công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học kĩ thuật.
- D. cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực kĩ thuật.

Câu 21: (Thông hiểu) Kế hoạch Mác san năm 1947 còn gọi là

- A. kế hoạch khôi phục châu Âu.
- B. kế hoạch phục hưng châu Âu.
- C. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.
- D. kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu.

Câu 22: (Thông hiểu) Yếu tố khách quan nào giúp kinh tế các nước Tây âu phục hồi và phát triển sau chiến tranh là

- A. vai trò điều tiết của nhà nước.
- B. viện trợ của Mỹ, giá nguyên liệu rẻ.
- C. áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật.
- D. hợp tác có hiệu quả trong Cộng đồng châu Âu (EC).

Câu 23: (Thông hiểu) Thành công lớn nhất của Liên minh châu Âu (EU) từ khi thành lập đến nay?

- A. Chiếm ¼ GDP thế giới.
- B. Hợp nhất về kinh tế và chính trị.
- C. Giữ gìn hoà bình, ổn định khu vực.
- D. Phát hành đồng tiền chung châu Âu (EURO).

Câu 24: (Thông hiểu) Sau chiến tranh lạnh, Liên minh châu Âu (EU) điều chỉnh chính sách đối ngoại

- A. liên minh chặt chẽ với Mi. B. trở thành đối trọng của Mi.
C. liên minh chặt chẽ với Nga. D. mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 25: (Thông hiểu) Vì sao Mi và các nước phương tây dồn sức viện trợ cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

- A. Thúc đẩy hòa bình nước Đức.
B. Để Tây Đức mạnh hơn Đông Đức.
C. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức.
D. Biến Tây Đức thành lực lượng xung kích của khối Na To.

Câu 26: (Thông hiểu) Sự ra đời của khối Na To năm 1949, tình hình Tây âu như thế nào?

- A. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới. B. Ổn định và có điều kiện để phát triển.
C. Sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau. D. Căng thẳng dẫn đến chạy đua vũ trang.

Câu 27: (Thông hiểu) Đầu *không* phải là nguyên nhân phát triển kinh tế của Tây âu?

- A. Áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật.
B. Vai trò quản lí, điều tiết của nhà nước.
C. Các cuộc chiến tranh để làm giàu.
D. Tận dụng yếu tố bên ngoài: viện trợ Mi, giá nguyên liệu rẻ..

Câu 28: (Thông hiểu) Liên minh châu Âu (EU), ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn trong lĩnh vực

- A. chính trị và an ninh chung. B. đối ngoại và an ninh chung.
C. chính trị và đối ngoại. D. chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

Câu 29: (Vận dụng) Yếu tố là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho các nước trên thế giới?

- A. Sự giao thoa giữa các nền văn hóa.
B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
C. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính khu vực.
D. Có vốn đầu tư, kĩ thuật-công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.

Câu 30: (Vận dụng) Ảnh hưởng tích cực của xu thế toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển?

- A. Hợp thức hóa cạnh tranh. B. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế.
C. Quan hệ thương mại tốt hơn. D. Tăng cường khả năng cạnh tranh.

Câu 31: (Vận dụng) Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng?

- A. Chảy máu chất xám. B. Sự bùng nổ thông tin.
C. Sự đầu tư vào khoa học cho lãi cao. D. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.

Câu 32: (Vận dụng) Trước xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần làm gì để tránh sự xói mòn truyền thống văn hóa dân tộc?

- A. Để tự nhiên cho sự giao thoa văn hóa toàn cầu.
B. Mở cửa để tiếp nhận văn hóa toàn cầu hóa tràn vào.
C. Cự tuyệt hoàn toàn để bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc.

- D. Hòa nhập nhưng không hòa tan, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Câu 33: (Vận dụng) Tâm điểm đối đầu giữa hai cực Xô-Mi ở châu Âu là

- A. khối quân sự NATO. B. kế hoạch Mác san.
C. tồn tại hai nhà nước trên lãnh thổ Đức. D. tổ chức Hiệp ước Vác sa va.

Câu 34: (Vận dụng) Quá trình phát triển hợp tác khu vực của các nước Tây âu được diễn đạt bằng sơ đồ?

- A. EEC => EU => EC B. EC => EEC => EU. C. EEC => EC => EU. D. EU => EEC => EC.

Câu 35: (Vận dụng) Sự thành lập Liên minh châu Âu (EU) mang lại lợi ích chủ yếu gì cho các nước thành viên tham gia?

- A. Mở rộng thị trường.
B. Giúp đỡ nhau khi khó khăn.
C. Hợp tác phát triển: vốn, nhân lực, khoa học kĩ thuật.
D. Tăng sức cạnh tranh, tránh sự chi phối từ bên ngoài.

Câu 36: (Vận dụng) Sự trỗi dậy của Liên minh châu Âu (EU) đã tác động đến xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh như thế nào?

- A. Thế đa cực. B. Đơn cực. C. Thế giới hai cực. D. Đa cực nhiều trung tâm.

Câu 37: (Vận dụng cõo) Thách thức lớn nhất Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế. B. Sử dụng chưa hiệu quả các nguồn vốn vay.
C. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường thế giới. D. Sự chênh lệch về trình độ khi tham gia hội nhập.

Câu 38: (Vận dụng cõo) Khi dân số bùng nổ, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt con người cần đến những yếu tố nào?

- A. Tài nguyên thiên nhiên được tái tạo lại. B. Nguồn năng lượng mới và vật liệu mới.
C. Nguồn năng lượng hạt nhân, nhiệt hạch. D. Những công cụ sản xuất mới, có kĩ thuật cao.

Câu 39: (Vận dụng cõo) Việc sử dụng đồng tiền chung (EURO) ở nhiều nước EU có tác dụng quan trọng gì?

- A. Thống nhất tiền tệ, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.
B. Thuận lợi trong trao đổi, mua bán giữa các nước.
C. Thống nhất đo lường và dễ trao đổi mua bán.
D. Thống nhất sự kiểm soát tài chính của các nước.

Câu 40: (Vận dụng cõo) Các nước Tây âu liên kết lại dựa trên những điểm tương đồng nào?

- A. Chung nền văn hóa, trình độ phát triển, khoa học kĩ thuật.
B. Tương đồng văn hóa, trình độ phát triển, khoa học kĩ thuật.
C. Chung ngôn ngữ, đều nằm phía tây châu Âu, cùng thể chế chính trị.
D. Tương đồng ngôn ngữ, đều nằm phía tây châu Âu, cùng thể chế chính trị.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết) Trong giai đoạn năm 1952 -1973, Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và khoa học kỹ thuật luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách

- A. đầu tư cho nghiên cứu khoa học 6 tỷ USD.
B. mua nhiều bằng phát minh sáng chế.

C. tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng.

D. xây dựng nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học.

Câu 2: (Nhận biết) Ngoài liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu... và chú trọng phát triển quan hệ với các nước

A. Đông Bắc Á. B. Nam Á. C. Đông Nam Á. D. Mĩ Latinh.

Câu 3: (Nhận biết) Những khó khăn khách quan của nền kinh tế Nhật Bản từ những năm 1952-1973 là

A. bị chiến tranh tàn phá, hàng triệu người thất nghiệp, đói rét.

B. bị Mĩ với vai trò đồng minh chiếm đóng theo chế độ quân quản.

C. nghèo tài nguyên và là nước bại trận sau chiến tranh thế giới thứ 2.

D. sự cạnh tranh của các nước Tây Âu, các nước công nghiệp mới, Trung Quốc.

Câu 4: (Nhận biết) Một trong những hạn chế của Nhật Bản trong quá trình phát triển kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sự cạnh tranh của các nước Tây Âu, các nước công nghiệp mới, Trung Quốc.

B. thường xuyên suy thoái.

C. sự phân hóa giàu nghèo ngày càng cao.

D. chứa đựng nhiều mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội

Câu 5: (Nhận biết) Một trong những nguyên nhân phát triển thần kì của Nhật Bản là

A. đẩy mạnh nghiên cứu khoa học kĩ thuật

B. các công ty năng động, có tầm nhìn xa, quản lí tốt, có tiềm lực và sức cạnh tranh cao

C. tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ ở các nước thế giới thứ ba

D. nhà nước thi hành các chính sách và biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế

Câu 6: (Nhận biết) Trong bối cảnh "Chiến tranh lạnh" căng thẳng, về quân sự Nhật Bản khác với các nước tư bản Tây Âu ở chỗ là không

A. tham gia bất kì tổ chức quân sự nào của Mĩ. B. sản xuất vũ khí cho Mĩ.

C. có quân đội thường trực. D. có lực lượng phòng vệ.

Câu 7: (Nhận biết) GDP giành cho quốc phòng của Nhật chỉ dưới 1% tổng GDP vì

A. nền công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh mẽ.

B. được Mĩ bảo hộ.

C. chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập.

D. Nhật không có quân đội thường trực.

Câu 8: (Nhận biết) Năm 1996, Hiệp ước An ninh Nhật - Mĩ

A. chấm dứt hiệu lực. B. gia hạn thêm 10 năm. C. kéo dài vĩnh viễn. D. gia hạn thêm 20 năm.

Câu 9: (Nhận biết) Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản giai đoạn 1952 – 1973 là

A. thực hiện chính sách biệt lập. B. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

C. liên minh chặt chẽ với Tây Âu.

D. liên minh với Liên Xô.

Câu 10: (Nhận biết) Nhật Bản luôn làm tốt vai trò tạo ra nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển thần kì của nền kinh tế là

A. coi trọng giáo dục và khoa học kĩ thuật.

B. điều chỉnh các công ty có tầm nhìn xa, quản lí tốt và sức cạnh tranh cao.

C. đề ra các chiến lược, nắm bắt thời cơ và điều tiết cơ cấu kinh tế.

D. tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài để thúc đẩy nền kinh tế.

Câu 11: (Nhận biết) Những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình Nhật Bản ra sao?

A. Chịu hậu quả hết sức nặng nề.

B. Nhân dân nổi dậy ở nhiều nơi.

C. Các đảng phái tranh giành quyền lực.

D. Kinh tế phát triển nhanh chóng.

Câu 12: (Nhận biết) Giai đoạn 1945 - 1950, tình hình Nhật Bản có gì đặc biệt?

A. Dựa vào viện trợ của Mĩ, dần phục hồi nền kinh tế ngang bằng trước chiến tranh.

B. Đất nước bị chiến tranh tàn phá, kinh tế suy sụp nghiêm trọng.

C. Nền kinh tế các nước phát triển chậm chạp.

D. Nền kinh tế bước vào thời kì phục hưng mạnh mẽ nhất.

Câu 13: (Thông hiểu) Từ những năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế của Nhật Bản như thế nào?

A. Lậm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

B. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

C. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước NICs.

D. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 14: (Thông hiểu) Đặc điểm nổi bật về tình hình Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thu được lợi nhuận từ buôn bán vũ khí kinh tế phát triển nhanh chóng.

B. Đất nước bị tàn phá nghiêm trọng, bị quân đội nước ngoài chiếm đóng, kinh tế suy sụp.

C. Bị tàn phá nặng nề, khủng hoảng kéo dài do hậu quả động đất sóng thần.

D. Đất nước gặp nhiều khó khăn khủng hoảng do thiếu tài nguyên thiên nhiên.

Câu 15: (Thông hiểu) Sự phát triển "thần kì của Nhật Bản" được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Mĩ.

B. Năm 1950 - 1973, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản.

D. Từ nước chiến bại, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế thứ hai thế giới.

Câu 16: (Thông hiểu) GDP giành cho quốc phòng của Nhật chỉ dưới 1% tổng GDP vì

A. nền công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh mẽ.

B. được Mĩ bảo hộ.

C. chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập.

D. Nhật không có quân đội thường trực.

Câu 17: (Thông hiểu) Từ năm 1991 đến năm 2000, Nhật Bản muốn xác định vị trí trong quan hệ quốc tế nhằm mục đích gì?

A. Trở thành cường quốc về công nghệ và kinh tế. B. Trở thành cường quốc về kinh tế và quân sự.

C. Trở thành cường quốc kinh tế và chính trị. D. Trở thành cường quốc về quân sự và chính trị.

Câu 18: (Thông hiểu) Ý nào sau đây phản ánh đúng chính sách coi trọng phát triển khoa học kĩ thuật của Nhật Bản trong giai đoạn 1952 - 1973?

A. Thành lập các tổ chức bảo vệ chính quyền, bảo vệ quyền bình đẳng giới.

- B.** Mua các bằng phát minh sáng chế.
- C.** Thành lập nhiều nhóm chuyên gia nghiên cứu về con người.
- D.** Ít chi tiêu cho quốc phòng an ninh để tập trung vào giáo dục - khoa học.

Câu 19: (Thông hiểu) Yếu tố bên ngoài tạo điều kiện cho kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng trong những năm 1950- 1973 là gì?

- A.** Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B.** Áp dụng thành công khoa học kĩ thuật trong sản xuất.
- C.** Được Mỹ bảo vệ trong chiếc ô hạt nhân, chi phí cho an ninh quốc phòng ít.
- D.** Chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam.

Câu 20: (Thông hiểu) Ý nào sau đây không phải là biểu hiện của Nhật Bản khi trở thành siêu cường tài chính số một thế giới nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX?

- A.** Nhật viện trợ vốn để nghiên cứu các chương trình vũ trụ quốc tế.
- B.** Nhật Bản trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.
- C.** Dự trữ vàng và ngoại tệ Nhật Bản gấp 3 lần của Mỹ.
- D.** Dự trữ vàng và ngoại tệ của Nhật Bản gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức.

Câu 21: (Thông hiểu) Ý nào sau đây phản ánh không đúng về những khó khăn Nhật Bản thường gặp trong quá trình phát triển đất nước?

- A.** Những tranh chấp vùng biển.
- B.** Sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ Tây Âu Trung Quốc và các nước công nghiệp mới.
- C.** Cơ cấu kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối giữa các vùng và các ngành kinh tế.
- D.** Lãnh thổ không rộng, nghèo tài nguyên, thường xuyên gặp thiên tai.

Câu 22: (Thông hiểu) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

- A.** Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
- B.** Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.
- C.** Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
- D.** Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 23: (Thông hiểu) Ý nào sau đây phản ánh không đúng khi nói về biểu hiện sự phát triển thần kỳ của kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn 1960 -1973?

- A.** tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm luôn đạt 2 con số xấp xỉ 11%
- B.** năm 1968 kinh tế Nhật Bản vừa qua anh Pháp Tây Đức Italia và Canada
- C.** năm 1968 Nhật Bản có nền kinh tế đứng thứ hai trên thế giới sau Mỹ
- D.** vươn lên thành siêu cường tài chính số 1 thế giới là chủ nợ nhất lớn nhất thế giới

Câu 24: (Vận dụng) Đặc điểm của nền kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1950 là gì?

- A.** Kinh tế phát triển chậm chạp và phụ thuộc Mỹ.
- B.** Kinh tế phát triển nhàn nhã.
- C.** Kinh tế phát triển "Thần kỳ".
- D.** Kinh tế lệ thuộc và kém phát triển.

Câu 25: (Thông hiểu) Nhật Bản thực hiện biện pháp nào trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật để đạt hiệu quả cao nhất?

- A.** Hợp tác với các nước khác.
- B.** Đầu tư vốn để nghiên cứu khoa học.
- C.** Mua bằng phát minh sáng chế.
- D.** Đánh cắp bằng phát minh sáng chế.

Câu 26: (Thông hiểu) Trong những năm 1973-1991, sự phát triển kinh tế Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn, chủ yếu là do

- A.** sự cạnh tranh của Mỹ và các nước Tây Âu.
- B.** thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp đáng kể.
- C.** sự cạnh tranh mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ.
- D.** tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

Câu 27: (Vận dụng cao) Từ chính sách đối ngoại của Nhật Bản những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, bài học nào Việt Nam có thể rút ra để giải quyết vấn đề đối ngoại hiện nay?

- A.** Giải quyết theo nguyên tắc hòa bình thông qua các diễn đàn quốc tế.
- B.** Coi trọng quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực.
- C.** Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước nhằm đảm bảo lợi ích cho dân tộc.
- D.** Giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ, tôn trọng nguyên vọng hòa bình.

Câu 28: (Vận dụng cao) Từ sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, bài học nào Việt Nam có thể rút ra trong xây dựng đất nước hiện nay?

- A.** Mở rộng hợp tác đầu tư với các nước bên ngoài.
- B.** Đầu tư phát triển các ngành công nghiệp dân dụng.
- C.** Tập trung và công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- D.** Coi trọng yếu tố con người, sức mạnh đoàn kết của nhân dân.

Câu 29: (Thông hiểu) Dấu hiệu chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX?

- A.** Là chủ nợ của thế giới; dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2, 5 lần CHLB Đức.
- B.** Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mĩ, là chủ nợ lớn của thế giới.
- C.** Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mĩ, là chủ nợ lớn nhất thế giới.
- D.** Là chủ nợ lớn nhất thế giới; dự trữ vàng , gấp 3 lần của Mĩ.

Câu 30: (Vận dụng) Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì?

- A.** Liên minh chặt chẽ với Mĩ.
- B.** Xây dựng một nhà nước độc lập, tự chủ, tăng cường quan hệ với Tây Âu.
- C.** Xây dựng nước dân chủ tư sản đại nghị, mở rộng quan hệ hợp tác với Đông Nam Á.
- D.** Thực hiện cải cách dân chủ, tham gia vào các tổ chức kinh tế, thắt chặt quan hệ với Trung Quốc.

Câu 31: (Vận dụng) Nguyên nhân nào là quan trọng nhất đưa kinh tế Nhật Bản phát triển?

- A.** Con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động.
- B.** Nhờ cải cách ruộng đất.
- C.** Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti.

D. Biết tận dụng nguồn viện trợ của Mĩ, chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam.

Câu 32: (Vận dụng): Từ đầu những năm 90, Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế?

- A.** Vươn lên trở thành một cường quốc về quân sự.
- B.** nỗ lực thành một cường quốc chính trị.
- C.** Vận động trở thành ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- D.** Tăng cường viện trợ đối với các nước khác.

Câu 33: (Vận dụng): Đầu là nguyên nhân chung nhất thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản?

- A.** Sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân.
- B.** Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài để phát triển.
- C.** Nhà nước đóng vai trò trong việc quản lí nền kinh tế.
- D.** Áp dụng thành công các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

Câu 34: (Vận dụng): Nguyên nhân chính nào giúp Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho chi phí quốc phòng?

- A.** Nhật nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.
- B.** Nhật nằm trong “ô bảo vệ hạt nhân” của Mĩ.
- C.** Tài nguyên khoáng sản không nhiều, nợ nước ngoài do bồi thường chi phí chiến tranh.
- D.** Dân cư đông không thích hợp đầu tư nhiều vào quốc phòng.

Câu 35: (Vận dụng): Từ nửa sau những năm 70, chính sách đối ngoại của Nhật Bản có điểm gì mới?

- A.** Nhật Bản - Liên Xô hợp tác trên mọi lĩnh vực.
- B.** Nhật Bản - Ấn Độ hợp tác trên mọi lĩnh vực.
- C.** Nhật Bản - Trung Quốc hợp tác trên mọi lĩnh vực.
- D.** Nhật Bản - Đông Nam Á, tổ chức ASEAN trên mọi lĩnh vực.

Câu 36: (Vận dụng): Nhận định nào dưới đây về Nhật Bản ngày nay là không đúng?

- A.** Có công nghệ sản xuất xe hơi phát triển mạnh.
- B.** Là một trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
- C.** Có ngành khoa học vũ trụ phát triển.
- D.** Là cường quốc hạt nhân.

Câu 37: (Vận dụng): Sự phát triển "Thần kì" của Nhật Bản được biểu hiện rõ nét nhất ở thành tựu:

- A.** Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm (từ 1960 đến 1969) là 10,8%.
- B.** Năm 1968, kinh tế Nhật vươn lên đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản.
- C.** Từ thập niên 70, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới.
- D.** Từ một nước bại trận, chỉ sau thời gian ngắn, Nhật vươn lên thành một siêu cường kinh tế.

Câu 38: (Vận dụng cđo): Việt Nam có thể rút ra kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai để thúc đẩy công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước?

- A.** Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật.
- B.** Khai thác sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.
- C.** Tăng cường xuất khẩu công nghiệp phẩm mềm.
- D.** Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

Câu 39: (Vận dụng cđo): Từ sự thành công của nền kinh tế Nhật đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho nền giáo dục Việt Nam?

- A.** Con người được đào tạo chu đáo và áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật.
- B.** Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.
- C.** Tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài để phát triển như.
- D.** Các công ty năng động có tầm nhìn xa, sức cạnh tranh cao, chi phí cho quốc phòng thấp.

Câu 40: (Vận dụng cđo): Hai sự kiện nào sau đây xảy ra đồng thời trong năm 1956 có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật?

- A.** Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.
- B.** Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.
- C.** Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và tây Âu.
- D.** Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

Câu 41: (Vận dụng): Thách thức đối với nền công nghiệp của Nhật Bản trong giai đoạn 1952 - 1973 là

- A.** phụ thuộc vào nhiên liệu, nguyên liệu nhập khẩu.
- B.** phụ thuộc vào nhiên liệu, nhập khẩu.
- C.** nhập khẩu nhiên liệu.
- D.** gánh chịu nhiều thiên tai.

Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919-1925

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết) Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919 - 1929) khi

- A.** hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc tan rã.
- B.** thế giới tư bản đang lâm vào khủng hoảng thừa.
- C.** cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đã kết thúc.
- D.** kinh tế các nước tư bản đang trên đà phát triển.

Câu 2: (Nhận biết) Lĩnh vực nào thực dân Pháp *không* tiến hành trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

- A.** Thương nghiệp.
- B.** Công nghiệp.
- C.** Dịch vụ.
- D.** Nông nghiệp.

Câu 3: (Nhận biết) Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919 – 1929), thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành kinh tế nào?

- A.** Thương nghiệp.
- B.** Công nghiệp.
- C.** Thủ công nghiệp.
- D.** Nông nghiệp.

Câu 4: (Nhận biết) Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, hai mâu thuẫn cơ bản của cách mạng Việt Nam là

- A.** toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và công nhân với tư sản mại bản.
- B.** công nhân với tư sản Pháp và nông dân với địa chủ phong kiến.
- C.** công nhân với tư sản mại bản và nông dân với địa chủ phong kiến.
- D.** toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và nông dân với địa chủ phong kiến.

Câu 5: (Nhận biết) Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cùng với thực dân Pháp lực lượng xã hội nào dưới đây trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

- A.** Đại địa chủ và tư sản mại bán. **B.** Trung, tiểu địa chủ và tư sản mại bán.
C. Trung địa chủ và tư sản mại bán. **D.** Tiểu địa chủ và tư sản mại bán.

Câu 6: (Nhận biết) Trong phong trào dân tộc dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam thể hiện thái độ chính trị như thế nào?

- A.** Kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp. **B.** Đấu tranh nửa vời.
C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để. **D.** Không kiên định, dễ thỏa hiệp khi đề quốc mạnh.

Câu 7: (Nhận biết) Giai cấp công nhân Việt Nam có mối quan hệ gắn bó mật thiết nhất với lực lượng xã hội nào?

- A.** Tiểu thương. **B.** Nông dân. **C.** Tiểu tư sản. **D.** Thợ thủ công.

Câu 8: (Nhận biết) Tờ báo do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút trong thời gian hoạt động ở nước ngoài từ năm 1919-1925 là báo

- A.** Nhân đạo. **B.** Sự thật. **C.** Đời sống công nhân. **D.** Người cùng khổ.

Câu 9: (Nhận biết) Hoạt động nào không do tiểu tư sản tiến hành ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX?

- A.** Đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu. **B.** Phong trào đề tang Phan Châu Trinh.
C. Thành lập Việt Nam nghĩa đoàn. **D.** Bãi công ở xưởng Ba Son.

Câu 10: (Nhận biết) Lực lượng hăng hái, đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A.** tiểu tư sản **B.** nông dân. **C.** tư sản dân tộc. **D.** công nhân

Câu 11: (Nhận biết) Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của các bậc tiền bối đi trước là

- A.** sang châu Mỹ tìm đường cứu nước. **B.** sang phương Đông tìm đường cứu nước.
C. sang châu Phi tìm đường cứu nước. **D.** sang phương Tây tìm đường cứu nước.

Câu 12: (Nhận biết) Trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp giai cấp tư sản Việt Nam bị phân hóa như thế nào?

- A.** Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp. **B.** Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.
C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bán. **D.** Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 13: (Thông hiểu) Việc xác định con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, trước hết vì cuộc cách mạng này

- A.** là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.
B. lật đổ được sự thống trị của tư sản và phong kiến.
C. giải phóng các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga.
D. giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân và nông dân.

Câu 14: (Thông hiểu) Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

- A.** Giữa công nhân và tư sản. **B.** Giữa nông dân và địa chủ.
C. Giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp. **D.** Giữa nông dân và tư sản.

Câu 15: (Thông hiểu) Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919 – 1929), thực dân Pháp mở rộng ngành công nghiệp chế biến ở Việt Nam?

- A.** Nguồn nguyên liệu sẵn có, nhân công dồi dào.
B. Đây là ngành kinh tế duy nhất thu lợi nhuận.
C. Đây là ngành kinh tế chủ đạo của Việt Nam
D. Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành công nghiệp.

Câu 16: (Thông hiểu) Từ việc bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” không được hội nghị Vécxai (1919) chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: muốn được giải phóng, các dân tộc (thuộc địa)

- A.** phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
B. phải liên hệ mật thiết với phong trào công nhân quốc tế.
C. chỉ có thể đi theo con đường cách mạng vô sản.
D. chỉ có thể trông cậy vào lực lượng bản thân mình.

Câu 17: (Thông hiểu) Việc Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) là mốc đánh dấu

- A.** sự thiết lập quan hệ giữa Việt Nam với các nước thuộc địa trên thế giới.
B. bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.
C. sự chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam.
D. bước ngoặt quyết định trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Câu 18: (Thông hiểu) Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

- A.** Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.
B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 19: (Thông hiểu) Lý giải tại sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929) thực dân Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

- A.** Vì nguồn nhân lực Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu.
B. Vì Pháp muốn cột chặt nền kinh tế Việt Nam và nền kinh tế Pháp.
C. Vì thị trường Việt Nam nhỏ hẹp không đáp ứng yêu cầu.
D. Vì Pháp muốn ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp nhẹ.

Câu 20: (Thông hiểu) Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX?

- A.** Bãi công của công nhân thợ nhuộm Sài Gòn-Chợ Lớn.
B. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn.
C. Bãi công của công nhân dệt Nam Định.
D. Thành lập công hội bí mật ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

Câu 21: (Thông hiểu) Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam?

- A. Đọc bản Sơ thảo những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- B. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- C. Gửi bản yêu sách tám điểm đến hội nghị Vescxai.
- D. Sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 22: (Thông hiểu) Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đã tác động đến nền kinh tế ở Việt Nam như thế nào?

- A. Phát triển cạnh tranh với nền kinh tế của Pháp.
- B. Trở thành thị trường chung của các nước tư bản.
- C. Phát triển độc lập, tự chủ.
- D. Phát triển thêm một bước, nhưng bị kìm hãm, lệ thuộc vào Pháp.

Câu 23: (Thông hiểu) Thực dân Pháp đánh thuế nặng hàng hóa nước ngoài nhập vào thị trường Đông Dương vì

- A. muốn độc chiếm thị trường Đông Dương.
- B. muốn tạo sự cạnh tranh hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.
- C. muốn ngăn cản sự xâm nhập hàng hóa nước ngoài vào Đông Dương.
- D. muốn tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

Câu 24: (Thông hiểu) Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, yêu cầu bức thiết nhất của của giai cấp nông dân Việt Nam trong bối cảnh bị mất nước là

- A. độc lập dân tộc.
- B. Các quyền dân chủ.
- C. Ruộng đất.
- D. Hòa bình.

Câu 25: (Thông hiểu) Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có sự chuyển biến ra sao?

- A. Các giai cấp cũ ngày càng phân hoá, các giai cấp và tầng lớp mới xuất hiện.
- B. Có sự thay đổi về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực.
- C. Trình độ dân trí và văn hoá của nhân dân được nâng cao hơn trước.
- D. Do kinh tế khởi sắc, mâu thuẫn xã hội được xoa dịu.

Câu 26: (Thông hiểu) Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của đế quốc Pháp ở Việt Nam có điểm gì mới?

- A. Tăng cường vốn đầu tư vào tất cả các ngành kinh tế
- B. Cướp đoạt toàn bộ ruộng đất của nông dân lập đồn điền trồng cao su
- C. Hạn chế sự phát triển các ngành công nghiệp nhất là công nghiệp nặng
- D. Qui mô khai thác lớn hơn, triệt để hơn, xã hội bị phân hóa sâu sắc.

Câu 27: (Thông hiểu) Tại sao các chương trình khai thác thuộc địa ở Đông Dương, thực dân Pháp lại đầu tư chủ yếu vào Việt Nam?

- A. Việt Nam có nhiều cảng biển nên giao thương thuận lợi.
- B. Việt Nam là thuộc địa quan trọng nhất của Pháp ở Đông Dương.

C. Nhiều người Việt Nam đi lính cho Pháp trong các cuộc xâm lược.

D. Việt Nam là một trong những nước thuộc cộng đồng Pháp ngữ.

Câu 28: (Thông hiểu) Vì sao tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than ở Việt Nam?

- A. Ở Việt Nam chỉ có than đá là mỏ khoáng sản duy nhất
- B. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.
- C. Than sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành.
- D. Than ở Việt Nam dễ khai thác.

Câu 29: (Vận dụng): Nhà thơ Chế Lan Viên viết: "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười". Câu thơ đó nói lên cảm xúc của Nguyễn Ái Quốc trong hoàn cảnh nào?

- A. Đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- B. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
- C. Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập.
- D. Bác Hồ đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai.

Câu 30: (Vận dụng): Con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc (hình thành trong những năm 20 của thế kỷ XX) khác biệt hoàn toàn với các con đường cứu nước trước đó về

- A. lực lượng cách mạng.
- B. khuynh hướng chính trị.
- C. đối tượng cách mạng.
- D. mục tiêu trước mắt.

Câu 31: (Vận dụng): Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với lịch sử dân tộc Việt Nam là gì?

- A. Khẳng định con đường cứu nước mới theo khuynh hướng vô sản.
- B. Chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 32: (Vận dụng): Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi Người

- A. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- B. gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai.
- C. dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp.
- D. tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 33: (Vận dụng): Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 là

- A. truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
- B. chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.
- C. thành lập các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
- D. chuẩn bị về tổ chức cho sự thành lập Đảng cộng sản ở Việt Nam.

Câu 34: (Vận dụng): Sự kiện có ảnh hưởng tích cực đến phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1919-1925 là gì?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thành công, nước Nga Xô viết ra đời.

B. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

C. Pháp thực hiện chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai.

D. Trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 35: (Vận dụng): Đặc điểm của quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là gì?

A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương “ vô sản hóa” để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam

Câu 36: (Vận dụng): Thù đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản. **B.** Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

C. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch. **D.** Không cho nông dân tham gia sản xuất.

Câu 37: (Vận dụng c_Đ): Nhận xét nào là đúng nhất về chuyển biến của giai cấp công nhân Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Tăng nhanh về số lượng, nhanh chóng trở thành lực lượng lớn nhất.

B. Giảm nhanh về số lượng, bị bóc lột nặng nề, ảnh hưởng cách mạng vô sản.

C. Giảm nhanh về số lượng, bị áp bức bóc lột nặng nề, đời sống khổ cực.

D. Phát triển nhanh về số lượng, gắn bó với nông dân, chống thực dân, phong kiến.

Câu 38: (Vận dụng c_Đ): Sự kiện nào thể hiện: “Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam”?

A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8/1925).

B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện (Quảng Châu) (6/1924).

D. Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội nghị Vécxai (1919).

Câu 39: (Vận dụng c_Đ): Nội dung nào sau đây thể hiện sự khác biệt trong tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với các bậc trí sĩ đương thời?

A. Nguyễn Ái Quốc cho rằng “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân”

B. Nguyễn Ái Quốc khẳng định “Con đường giành độc lập dân tộc và tự do của nhân dân Việt Nam là con đường cách mạng vô sản”

C. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

D. Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari.

Câu 40: (Vận dụng c_Đ): Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là

A. tăng cường đầu tư vốn, thu lãi cao.

B. vơ vét tài nguyên thiên nhiên của thuộc địa.

C. đầu tư vào lĩnh vực giao thông vận tải và ngân hàng.

D. đầu tư vào lĩnh vực đồn điền cao su và khai thác mỏ than .

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): Trong cuộc khai thác thuộc địa lần II, Pháp đầu tư vốn nhiều vào những ngành nào?

A. Công nghiệp chế biến.

B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.

C. Nông nghiệp và thương nghiệp

D. Giao thông vận tải.

Câu 2: (Nhận biết): 7/1920 Nguyễn Ái Quốc đã:

A. đưa yêu sách đến hội nghị Vecxai

B. đọc được luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

C. tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp

D. tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari

Câu 3: (Nhận biết): Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 – 1930 là gì?

A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản

D. Khởi thảo cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng

Câu 4: (Nhận biết): Đặc điểm của giai cấp địa chủ phong kiến dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần 2 của Pháp?

A. thỏa hiệp với nông dân để chống tư sản dân tộc.

B. phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp.

C. sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.

D. đứng lên chống thực dân để giải phóng dân tộc

Câu 5: (Nhận biết): Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam (1919 – 1929) là:

A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân, nông dân với tư sản.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với giai cấp tư sản.

D. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với đế quốc, tay sai.

Câu 6: (Nhận biết): Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, trong xã hội Việt Nam có những giai cấp nào?

A. Nông dân, địa chủ.

B. Nông dân, địa chủ, công nhân, tiểu tư sản.

C. Nông dân, địa chủ, tư sản, tiểu tư sản.

D. Nông dân, địa chủ, công nhân, tư sản, tiểu tư sản.

Câu 7: (Nhận biết): Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân.

B. Giai cấp tư sản dân tộc.

C. Giai cấp công nhân.

D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 8: (Nhận biết): Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ đâu?

- A.** Giai cấp tư sản bị phá sản. **B.** Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất
C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép. **D.** Thợ thủ công bị thất nghiệp.

Câu 9: (Nhận biết): Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương, có hai giai cấp bị phân hoá thành hai bộ phận, đó là các giai cấp nào?

- A.** Giai cấp nông dân và giai cấp công nhân. **B.** Giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.
C. Giai cấp Địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản. **D.** Giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 10: (Nhận biết): Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác:

- A.** Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn .
B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ .
C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son
D. Cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định .

Câu 11: (Nhận biết): Giai cấp có ý thức dân tộc dân chủ và tha thiết canh tân đất nước là

- A.** giai cấp tư sản. **B.** giai cấp nông dân. **C.** giai cấp công nhân. **D.** giai cấp tiểu tư sản.

Câu 12: (Nhận biết): Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản phân hóa thành những bộ phận nào?

- A.** tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp. **B.** tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp
C. tư sản dân tộc và tư sản mại bản. **D.** tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 13: (Thông hiểu): Ngoài việc thực hiện chương trình khai thác thuộc địa, Pháp còn thực hiện biện pháp nào để bóc lột nhân dân ta

- A.** Tăng cường thu thuế **B.** Phát hành công trái
C. Bắt dân ta đi phu, đi lính **D.** Bắt nhân dân ta đóng góp các lệ phí lao dịch

Câu 14: (Thông hiểu): Vai trò Ngân hàng Đông Dương trong cuộc khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam là

- A.** đầu tư vốn ra bên ngoài. **B.** huy động số vốn của dân ta để phát triển kinh tế.
C. cung cấp vốn cho nhân dân. **D.** nắm trọn quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương.

Câu 15: (Thông hiểu): Thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam nhằm mục đích

- A.** bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.
B. thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
C. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới lần thứ hai gây ra.
D. chuẩn bị cho việc tham gia chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Câu 16: (Thông hiểu): Tác động của chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp đến kinh tế Việt Nam là

- A.** kinh tế Việt Nam phát triển độc lập tự chủ.
B. kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm và lệ thuộc kinh tế Pháp.
C. kinh tế Việt Nam lạc hậu, phụ thuộc vào Pháp.
D. kinh tế Việt Nam phát triển nhanh chóng .

Câu 17: (Thông hiểu): Thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là

- A.** thỏa hiệp với Pháp để được hưởng quyền lợi.
B. ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ nhưng dễ thỏa hiệp.
C. có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
D. tham gia cách mạng hăng hái nhất.

Câu 18: (Thông hiểu): Mâu thuẫn nào là mâu thuẫn giai cấp cơ bản của cách mạng Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp?

- A.** Giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.
B. Giữa giai cấp nông dân với địa chủ.
C. Giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp.
D. Giữa giai cấp công nhân, nông dân với đế quốc Pháp.

Câu 19: (Thông hiểu): “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” là kết luận được Nguyễn Ái Quốc rút ra sau khi

- A.** gửi Bản yêu sách đến hội nghị Vécxai. **B.** đọc Bản Sơ thảo Luận cương của Lênin.
C. thành lập Hội liên hiệp dân tộc thuộc địa. **D.** tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản.

Câu 20: (Thông hiểu): Phong trào công nhân Ba Son (8-1925) đã chứng tỏ điều gì?

- A.** Phong trào công nhân Việt Nam đã phát triển.
B. Là phong trào đấu tranh đầu tiên của công nhân Việt Nam.
C. Công nhân Việt Nam chịu ảnh hưởng của Chủ nghĩa Mác- Lênin.
D. Phong trào công nhân chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác.

Câu 21: (Thông hiểu): Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?

- A.** Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương.
B. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản.
C. Lập ngân hàng Đông Dương.
D. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

Câu 22: (Thông hiểu): Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III

- A.** Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.
B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp
C. Quốc tế này đề ra đường lối cho Cách mạng VN
D. Quốc tế này chủ trương thành lập mặt trận giải phóng dân tộc Việt Nam

Câu 23: (Thông hiểu): Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đã đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vì

- A.** Muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.
B. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển
C. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương
D. Cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

Câu 24: (Thông hiểu): Chính sách khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp về căn bản không thay đổi vì:

- A. Không xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta.
- B. Tăng cường đánh thuế nặng.
- C. Hạn chế phát triển công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng
- D. Bỏ vốn nhiều vào nông nghiệp và khai thác mỏ.

Câu 25: (Thông hiểu): Ngoài thực dân Pháp, còn có bộ phận nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất?

- A. Nông dân.
- B. Công nhân
- C. Đại địa chủ phong kiến.
- D. Tư sản dân tộc

Câu 26: (Thông hiểu): Con đường đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là

- A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước.
- C. đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.
- D. đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 27: (Thông hiểu): Giai cấp nào ở Việt nam có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.

- A. Nông dân
- B. Tư sản dân tộc.
- C. Địa chủ.
- D. Công nhân

Câu 28: (Thông hiểu): Đây là đặc điểm khác nhau cơ bản giữa Giai cấp Tư sản dân tộc với giai cấp Tư sản mại bản?

- A. Có thái độ không kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp.
- B. Có thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.
- C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. Có thái độ kiên quyết nhưng dễ thỏa hiệp với Pháp.

Câu 29: (Vận dụng): Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam (1919 – 1929) là:

- A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.
- B. Mâu thuẫn giữa công nhân, nông dân với tư sản.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với giai cấp tư sản.
- D. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với đế quốc, tay sai.

Câu 30: (Vận dụng): Nội dung nào không phải công lao đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Chuẩn bị về tư tưởng cho cách mạng Việt Nam.
- B. Chuẩn bị về tổ chức, cho cách mạng Việt Nam.
- C. Tìm ra con đường cách mạng vô sản.
- D. Chủ trì hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 31: (Vận dụng): Pháp đã tiến hành những việc làm gì ở các nước thuộc địa để bù đắp những thiệt hại về kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Bóc lột nhân dân các nước thuộc địa.
- B. Khuyến khích phát triển kinh tế ở các thuộc địa.
- C. Tăng cường buôn bán với các nước thuộc địa.

- D. Tiến hành chương trình khai thác thuộc địa.

Câu 32: (Vận dụng): Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919-1929) trong bối cảnh thế giới như thế nào?

- A. Nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa ổn định.
- B. Hệ thống thuộc địa của các nước tư bản chủ nghĩa Âu-Mỹ bị thu hẹp.
- C. Các nước tư bản châu Âu gánh chịu hậu quả chiến tranh nặng nề.
- D. Nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển mạnh.

Câu 33: (Vận dụng): Việc Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) là mốc đánh dấu

- A. bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.
- B. sự thiết lập quan hệ giữa Việt Nam với các nước thuộc địa trên thế giới,
- C. bước ngoặt quyết định tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.
- D. sự chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam.

Câu 34: (Vận dụng): Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929), thực dân Pháp mở rộng ngành công nghiệp chế biến ở Việt Nam

- A. Nguồn nguyên liệu sẵn có, nhân công dồi dào.
- B. Đây là ngành kinh tế duy nhất thu nhiều lợi nhuận,
- C. Đây là ngành kinh tế chủ đạo của Việt Nam.
- D. Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào công nghiệp.

Câu 35: (Vận dụng): Đặc điểm khác biệt và cũng là nét độc đáo nhất trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước mới của Nguyễn Tất Thành (1911-1917) so với những người đi trước là ở

- A. hành trình đi tìm chân lí cứu nước
- B. mục đích ra đi tìm đường cứu nước
- C. hướng đi và cách tiếp cận chân lí cứu nước.
- D. thời điểm xuất phát và bản lĩnh cá nhân

Câu 36: (Vận dụng cơ bản): Những thủ đoạn nào của thực dân Pháp về chính trị và văn hoá giáo dục nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

- A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt Nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.
- B. Thu tóm quyền lực vào tay người Pháp.
- C. Thực hiện chính sách “Chia để trị” và thực hiện có văn hóa nô dịch, ngu dân.
- D. Mở trường dạy tiếng Pháp để đào tạo công chức phục vụ cho việc cai trị.

Câu 37: (Vận dụng cơ bản): Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước (1911) chủ yếu xuất phát từ

- A. yêu cầu cần tìm con đường cứu nước mới.
- B. hạn chế của các con đường cứu nước trước đó.
- C. mâu thuẫn dân tộc bắt đầu phát triển gay gắt.
- D. ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.

Câu 38: (Vận dụng cơ bản): Điểm khác của tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với tư tưởng của các bậc tiền bối là

- A. chịu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác- Lênin.

B. chịu ảnh hưởng của cách mạng Pháp và trào lưu Triết học ánh sáng.

C. chịu ảnh hưởng của cách mạng Tân Hợi và chủ nghĩa Tam dân.

D. chịu ảnh hưởng của Duy tân Minh Trị ở Nhật.

Câu 39: (Vận dụng c_Đ): Yếu tố nào quyết định sự xuất hiện của khuynh hướng tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

A. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, tư tưởng.

B. Sự xuất hiện của giai cấp tư sản và tiểu tư sản.

C. Sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến.

D. Sự khủng hoảng suy yếu của chế độ phong kiến.

Câu 40: (Vận dụng c_Đ): Điểm nổi bật nền kinh tế Việt Nam trong thời kì khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp là:

A. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, toàn diện.

B. Một nền kinh tế thuần nông.

C. Một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc.

D. Một nền kinh tế công – nông nghiệp khá phát triển.

Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết): Đông Dương cộng sản Đảng ra đời từ sự phân hóa của tổ chức

A. Việt Nam quốc dân Đảng.

B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Đảng Lập hiến.

D. Tân Việt cách mạng Đảng.

Câu 2: (Nhận biết): Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là

A. Báo Thanh niên.

B. Tác phẩm “Đường cách mệnh”.

C. “Bản án chế độ thực dân Pháp”.

D. Báo “Người cùng khổ”.

Câu 3: (Nhận biết): Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản của Việt Nam đầu năm 1930 quyết định thành lập một đảng duy nhất lấy tên là

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Dân chủ Việt Nam.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 4: (Nhận biết): Báo “Búa liềm” là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. An Nam Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

Câu 5: (Nhận biết): Quá trình phân hoá của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 6: (Nhận biết): Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện nào vào năm 1929?

A. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời.

B. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Thành lập Đông Dương cộng sản đảng.

D. Thành lập An Nam cộng sản đảng.

Câu 7: (Nhận biết): An Nam Cộng sản đảng được ra đời từ tổ chức nào?

A. Các hội viên tiên tiến trong Việt Nam quốc dân đảng.

B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Các hội viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng đảng.

D. Số còn lại của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 8: (Nhận biết): Mục tiêu của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ ngôi vua.

B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.

C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 9: (Nhận biết): Trong ba tổ chức cộng sản được thành lập năm 1929, tổ chức nào ra đời sớm nhất?

A. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương cộng sản đảng.

C. An Nam cộng sản đảng.

D. Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng.

Câu 10: (Nhận biết): Việt Nam Quốc dân đảng là một tổ chức cách mạng hoạt động theo khuynh hướng nào?

A. Dân chủ vô sản.

B. Dân chủ tư sản.

C. Dân chủ tiểu tư sản.

D. Dân chủ vô sản và tư sản.

Câu 11: (Nhận biết): Tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, có sự tham gia của tổ chức cộng sản nào?

A. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng.

B. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 12: (Nhận biết): Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, trang 88 có viết: “Nhiệm vụ của cách mạng nước ta là đánh đổ bọn đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập ...”.

Đó là một trong những nội dung của văn kiện nào?

A. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

B. Lời kêu gọi Hội nghị hợp nhất thành lập đảng (2-1930).

C. Cương lĩnh chính trị của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

D. Chính cương viết tắt do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Câu 13: (Thông hiểu): Sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

- A. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (1917).
- B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6-1919).
- C. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12-1920).
- D. Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế.

Câu 14: (Thông hiểu): Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) thất bại do nguyên nhân khách quan nào?

- A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.
- B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.
- C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.
- D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

Câu 15: (Thông hiểu): Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)?

- A. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp.
- B. Nhiều cơ sở của đảng bị phá vỡ.
- C. Thực dân Pháp khủng bố sau vụ giết chết trùm mộ phu Ba danh.
- D. Thực hiện mục tiêu của đảng: Đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

Câu 16: (Thông hiểu): Nguyên nhân chủ quan nào là cơ bản làm cho khởi nghĩa Yên Bái thất bại?

- A. Thực dân Pháp còn mạnh.
- B. Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng non yếu.
- C. Khởi nghĩa nổ ra bị động.
- D. Khởi nghĩa nổ ra chậm so với yêu cầu.

Câu 17: (Thông hiểu): Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa các yếu tố nào?

- A. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân.
- B. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với tư tưởng Hồ Chí Minh.
- C. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- D. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước.

Câu 18: (Thông hiểu): Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là do

- A. phong trào công nhân phát triển đến hoàn toàn tự giác.
- B. phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ bị chia rẽ lớn.
- C. Tổng hội Việt Nam cách mạng thanh niên đề ra yêu cầu hợp nhất.
- D. các tổ chức cộng sản trong nước đề nghị hợp nhất thành một đảng.

Câu 19: (Thông hiểu): Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

- A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam
- B. Mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.
- C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt Nam.
- D. Là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 20: (Thông hiểu): Giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là

- A. công nhân.
- B. tiểu tư sản.
- C. tư sản dân tộc.
- D. nông dân.

Câu 21: (Thông hiểu): Tổ chức nào dưới đây không tham gia Hội nghị thành lập Đảng?

- A. Đông Dương cộng sản đảng.
- B. An Nam cộng sản đảng.
- C. Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

Câu 22: (Thông hiểu): Đảng Cộng sản ra đời do tác động của nhiều yếu tố, yếu tố nào sau đây không đúng?

- A. Sự phát triển của phong trào yêu nước Việt Nam.
- B. Sự thất bại của Việt Nam quốc dân đảng.
- C. Sự phổ biến chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.
- D. Sự phát triển tự giác phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 23: (Thông hiểu): Đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam, đó là ý nghĩa lịch sử của sự kiện nào?

- A. Thành lập Đông Dương cộng sản đảng.
- B. Thành lập An Nam cộng sản đảng.
- C. Thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.
- D. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 24: (Thông hiểu): Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là

- A. làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản.
- B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.
- C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.
- D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 25: (Thông hiểu): Theo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam, nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam là

- A. đánh đổ phong kiến, đưa nước ta tiến lên tư bản chủ nghĩa.
- B. đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho nước VN hoàn toàn độc lập.
- C. đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến, đưa nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- D. đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước VN độc lập, tự do.

Câu 26: (Thông hiểu): Báo thanh niên và tác phẩm Đường cách mệnh đã trang bị cho cán bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

- A. kiến thức về kinh tế học.
- B. lí luận cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. kiến thức khoa học – kĩ thuật.
- D. lí luận quân sự.

Câu 27: (Thông hiểu): Đảng cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đánh dấu

- A. giai cấp công nhân bước đầu chuyển sang tự giác.
- B. phong trào công nhân bước đầu thống nhất.
- C. giai cấp công nhân có tinh thần đoàn kết quốc tế.
- D. giai cấp công nhân đã hoàn toàn tự giác.

Câu 28: (Thông hiểu): Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 không phải là

- A. bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.
- B. xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.
- C. mốc chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam.
- D. bước phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 29: (Vận dụng) Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 - 1931

là

- A. hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.
- B. địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp bóc lột đối với nông dân.
- C. thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng từ sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
- D. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng.

Câu 30: (Vận dụng) Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929, những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?

- A. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.
- B. Do phong trào công, nông theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh.
- C. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam quốc dân đang tan rã.
- D. Sự phát triển mạnh của hai tổ chức Thanh niên và Tân Việt.

Câu 31: (Vận dụng) Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì?

- A. Độc lập dân tộc và tự do.
- B. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- C. Độc lập dân tộc và dân chủ
- D. Độc lập dân tộc và mọi người sống sung sướng tự do.

Câu 32: (Vận dụng) Ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản năm 1929?

- A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.
- C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 33: (Vận dụng) Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929 có sự hạn chế gì?

- A. Nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam.
- B. Phong trào cách mạng Việt Nam có nguy cơ tụt lùi.
- C. Phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại.
- D. Kẻ thù lợi dụng để đàn áp cách mạng.

Câu 34: (Vận dụng) Phong trào “vô sản hóa” do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát động và thực hiện là

- A. phương thức tự rèn luyện của những chiến sĩ cách mạng tiền bối.
- B. mốc đánh dấu phong trào công nhân hoàn toàn trở thành tự giác.
- C. điều kiện để công nhân phát triển về số lượng và trở thành giai cấp.
- D. cơ hội thuận lợi giúp những người cộng sản về nước hoạt động.

Câu 35: (Vận dụng) Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

- A. Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai.

B. Chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam.

C. Đánh dấu sự khủng hoảng của huynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

D. Việt Nam quốc dân đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 36: (Vận dụng) Vì sao sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

- A. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.
- B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
- D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 37: (Vận dụng cơ bản) Con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc (hình thành trong những năm 20 của thế kỷ XX) khác biệt hoàn toàn với các con đường cứu nước trước đó về

- A. lực lượng cách mạng.
- B. khuynh hướng chính trị.
- C. đối tượng cách mạng.
- D. mục tiêu trước mắt.

Câu 38: (Vận dụng cơ bản) Khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam vào cuối những 20 của thế kỷ XX vì

- A. phong trào công nhân đã hoàn toàn tự giác.
- B. giải quyết được mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.
- C. đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. khuynh hướng yêu nước dân chủ tư sản đã hoàn toàn thất bại.

Câu 39: (Vận dụng cơ bản) Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3-2-1930 là kết quả tất yếu của

- A. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1919-1926.
- B. Cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.
- C. Phong trào công nhân trong những năm 1925-1927.
- D. Phong trào công nhân trong những năm 1919-1925.

Câu 40: (Vận dụng cơ bản) Đặc điểm bao trùm của lịch sử dân tộc Việt Nam từ năm 1919 đến đầu năm 1930 là

- A. phát triển tuần tự từ khuynh hướng tư sản chuyển sang khuynh hướng vô sản.
- B. khuynh hướng vô sản và khuynh hướng tư sản cùng phát triển trong phong trào yêu nước.
- C. sau thất bại của khuynh hướng tư sản, khuynh hướng vô sản phát triển mạnh.
- D. khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối nhờ kinh nghiệm từ khuynh hướng tư sản.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): Tiền thân của chính đảng vô sản ở Việt Nam là

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- B. Cộng sản Đoàn.
- C. Tâm tâm xã.
- D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 2: (Nhận biết): “Cộng sản đoàn” là tiền thân của tổ chức

- A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
- B. Việt Nam quốc dân đảng.
- C. Tân Việt cách mạng đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 3: (Nhận biết): Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là

A. báo “An Nam trẻ”. B. Báo “Chuông Rê”. C. báo “Người nhà quê”. D. báo “Thanh niên”.

Câu 4: (Nhận biết): Tháng 12-1927, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính đã thành lập

- A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam quốc dân đảng.
C. Đông Dương cộng sản đảng. D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 5: (Nhận biết): Đầu năm 1929 Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên bị phân hóa thành các tổ chức cộng sản

- A. Đông Dương Cộng sản Đảng và nhóm Cộng sản đoàn.
B. An Nam Cộng sản Đảng và Tân Việt cách mạng Đảng.
C. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.
D. Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông sản Dương Cộng liên đoàn.

Câu 6: (Nhận biết): Chủ trương “vô sản hóa” do tổ chức nào phát động?

- A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam Quốc Dân đảng.
C. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 7: (Nhận biết): Tổ chức cộng sản ra đời đầu tiên ở Việt Nam là

- A. Tâm Tâm xã. B. Đông Dương Cộng sản đảng.
C. An Nam Cộng sản đảng. D. Đông dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 8: (Nhận biết): Tiền thân tổ chức cách mạng của Đông Dương Cộng sản liên đoàn là

- A. Cộng sản đoàn. B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
C. Tân Việt cách mạng Đảng. D. Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Câu 9: (Nhận biết): Tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện

- A. chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời.
B. đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên.
C. thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.
D. thành lập An Nam cộng sản đảng.

Câu 10: (Nhận biết): An Nam Cộng sản đảng ra đời trên cơ sở

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc kì.
B. những hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Tổng bộ và Kì bộ Nam Kì.
C. các hội viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng đảng.
D. thành viên còn lại của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 11: (Nhận biết): Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản với cương vị là

- A. Người sáng lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
B. Người đọc được bản sơ thảo luận cương của Lê Nin.
C. phái viên của Quốc tế cộng sản.
D. Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Câu 12: (Nhận biết): Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là

- A. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

B. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kỳ TBCN, sau đó tiến thẳng lên con đường XHCN.

C. xây dựng chính quyền công nông binh, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. đánh đổ đế quốc và phong kiến làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Câu 13: (Thông hiểu): Cho các sự kiện:

1. Phong trào “Vô sản hóa”.
2. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
2. Thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

Sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian

- A. 1,2,3. B. 2,3,1. C. 3,2,1. D. 1,3,2.

Câu 14: (Thông hiểu): Lí giải nguyên nhân khách quan dẫn đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

- A. Việt Nam quốc dân đảng tổ chức còn lỏng lẻo
B. giai cấp tư sản còn nhỏ, yếu cả về kinh tế lẫn chính trị nên không đủ sức nắm vững ngọn cờ cách mạng
C. thực dân Pháp còn mạnh.
D. thiếu đường lối chính trị đúng đắn.

Câu 15: (Thông hiểu): Lực lượng nào dưới đây nắm quyền lãnh đạo trong Việt Nam Quốc dân đảng?

- A. Giai cấp công nhân.
B. Đại diện của trí thức tiểu tư sản và tư sản dân tộc.
C. Đại diện giai cấp nông dân.
D. Đại diện giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp công nhân.

Câu 16: (Thông hiểu): Nguyên nhân nào quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển của phong trào công nhân trong giai đoạn 1926-1929?

- A. Vai trò của hội viên Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, đặc biệt phong trào “vô sản hóa”.
B. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.
C. Giai cấp công nhân giác ngộ về chính trị.
D. Tác động và ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc.

Câu 17: (Thông hiểu): Vai trò lớn nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với cách mạng Việt Nam?

- A. lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân.
B. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin về nước.
C. chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.
D. thực hiện phong trào “vô sản hóa”.

Câu 18: (Thông hiểu): Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

- A. Phong trào dân chủ phát triển mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp.
B. Phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.
C. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên bị phân liệt.
D. Yêu cầu thành lập các tổ chức cộng sản.

Câu 19: (Thông hiểu): Trong quá trình vận động thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức cách mạng nào?

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- B. Cộng sản đoàn.
- C. Tân Việt cách mạng đảng.
- D. Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 20: (Thông hiểu): Tác phẩm nào được xuất bản năm 1927 trên cơ sở tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cho cán bộ, hội viên Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên?

- A. Người cùng khổ.
- B. Bản Án chế độ thực dân Pháp.
- C. Báo Thanh Niên.
- D. Đường Kách mệnh.

Câu 21: (Thông hiểu): Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thành công của Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam?

- A. Giữa các đại biểu các tổ chức cộng sản không có mâu thuẫn về hệ tư tưởng.
- B. Giữa các đại biểu các tổ chức cộng sản đều tuân theo điều lệ quốc tế vô sản.
- C. Đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam và sự chủ động của Nguyễn Ái Quốc.
- D. Do được sự quan tâm của quốc tế cộng sản và uy tín cao của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 22: (Thông hiểu): Văn kiện nào đầu tiên của Đảng đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu?

- A. Cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
- B. Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.
- C. Tác phẩm Đường kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc.
- D. Nghị quyết đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao – Trung Quốc.

Câu 23: (Thông hiểu): Đầu là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?

- A. Độc lập dân tộc và tự do.
- B. Độc lập dân tộc và ruộng đất.
- C. Độc lập dân tộc và dân chủ.
- D. Độc lập dân tộc và bình đẳng.

Câu 24: (Thông hiểu): Cho các sự kiện:

1. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
2. Thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng.
3. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian

- A. 1,2,3.
- B. 3,2,1.
- C. 1,3,2.
- D. 3,1,2.

Câu 25: (Thông hiểu): Điểm giống nhau giữa Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Việt Nam quốc dân đảng?

- A. Đều là các tổ chức cách mạng.
- B. Đều là các tổ chức cộng sản.
- C. Đều là các tổ chức chính trị theo khuynh hướng vô sản.
- D. Đều là các tổ chức yêu nước theo khuynh hướng tư sản.

Câu 26: (Thông hiểu): Tác dụng lớn nhất của phong trào “vô sản hóa” ở Việt Nam trong những thập niên hai mươi của thế kỷ XX?

- A. Thúc đẩy phong trào đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân.
- B. Nâng cao ý thức chính trị, giác ngộ giai cấp công nhân.
- C. Thúc đẩy phong trào đấu tranh của các giai cấp: nông dân, trí thức.
- D. Phong trào công nhân trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước.

Câu 27: (Thông hiểu): Phong trào đấu tranh của công nhân trong giai đoạn 1926-1929 có điểm gì khác so với phong trào công nhân giai đoạn 1919-1925?

- A. Phong trào diễn ra dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng cộng sản.
- B. Các cuộc diễn ra quyết liệt đòi các mục tiêu về kinh tế.
- C. Phong trào đã thu nhiều thắng lợi quan trọng.
- D. Các cuộc đấu tranh đã mang tính chất chính trị rõ rệt, bắt đầu có sự liên kết thành các phong trào chung.

Câu 28: (Thông hiểu): Nội dung nào dưới đây khẳng định nguyên tắc tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng?

- A. Tự do - Bình đẳng - Bác ái.
- B. Cổ động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp.
- C. Đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- D. Độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

Câu 29: (Vận dụng) Nhận xét vai trò lớn nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Truyền bá lí luận giải phóng dân tộc về Việt Nam.
- B. Làm cho giai cấp công nhân ngày càng giác ngộ.
- C. khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc.
- D. Góp phần chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức, tạo điều kiện cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 30: (Vận dụng) Tại sao nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam?

- A. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, con đường cách mạng vô sản.
- B. Người đã lập ra Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông, hiểu được vai trò của cách mạng các nước thuộc địa.
- C. Người đã tiếp nhận được ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và đã có công truyền bá vào nước ta.
- D. Người đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tiền thân của của Đảng ta.

Câu 31: (Vận dụng) Nhận xét nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929?

- A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.
- C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 32: (Vận dụng) Đánh giá ý nghĩa lớn nhất của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. Là cơ sở để tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lê nin, lí luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái quốc.

B. Phong trào công nhân đã đóng góp vai trò trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc.

C. Thúc đẩy các phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.

D. Là một nhân tố để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 33: (Vận dụng) Phân tích nội dung nào sau đây trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo?

A. Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân.

B. Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.

C. Đặt vấn đề đấu tranh giai cấp lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.

D. Đặt vấn đề đấu tranh giai cấp lên hàng đầu và thấy được khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân.

Câu 34: (Vận dụng) Nhận xét nào dưới đây là đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3/2/1930)?

A. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

B. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương; thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.

C. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

D. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, bầu ban chấp hành trung ương chính thức của Đảng.

Câu 35: (Vận dụng) Nhận xét nào dưới đây là đúng về lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?

A. Công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt đánh đổ đế quốc và phong kiến.

B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tri thức, trung nông hăng hái cách mạng.

C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến động lực cách mạng.

D. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tri thức là lực lượng cách mạng chủ yếu.

Câu 36: (Vận dụng) Chứng minh rằng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là bước ngoặt vĩ đại đối với cách mạng Việt Nam?

A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.

B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối, là bước chuẩn bị đầu tiên có tính chất quyết định cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối và giai cấp lãnh đạo đối với cách mạng Việt Nam.

D. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng tiến lên một bước mới.

Câu 37: (Vận dụng) Phân tích nguyên nhân tiền hành triệu tập hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)?

A. Thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

B. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.

C. Ý muốn chủ quan của Nguyễn Ái Quốc.

D. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.

Câu 38: (Vận dụng) Phân tích các yếu tố cơ bản nào dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930?

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.

B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào tiểu tư sản, phong trào yêu nước.

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, tư sản dân tộc.

Câu 39: (Vận dụng) Đánh giá vai trò chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với phong trào công nhân Việt Nam?

A. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, lãnh đạo công nhân Việt Nam đấu tranh.

B. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, xây dựng cơ sở và thúc đẩy phong trào công nhân phát triển.

C. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, giúp cho công nhân Việt Nam tăng nhanh về số lượng.

D. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, giúp công nhân Việt Nam xây dựng tổ chức.

Câu 40: (Vận dụng) Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

A. Đánh dấu sự thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

B. Thống nhất phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản, có đường lối cách mạng đúng đắn.

C. Có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng.

D. Thông qua cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Bài 14. Phong trào cách mạng 1930- 1935

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết) Tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm 1929- 1933 như thế nào?

A. Bước đầu phát triển.

B. Phát triển mạnh mẽ.

C. Bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng.

D. Khủng hoảng trầm trọng.

Câu 2: (Nhận biết) Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam trong những năm 1929-1933 bắt đầu từ ngành nào?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Thủ công nghiệp.

D. Thương nghiệp.

Câu 3: (Nhận biết) Từ tháng 2 đến tháng 4/1930, mục tiêu đấu tranh của công nhân và nông dân là

A. đòi quyền tự do dân chủ.

B. đòi quyền bình đẳng.

C. đòi cải thiện đời sống.

D. tham gia chính quyền thực dân.

Câu 4: (Nhận biết) Khẩu hiệu đấu tranh về chính trị của công- nông trong phong trào cách mạng 1930- 1931

là

- A. tăng lương, giảm giờ làm.
- B. giảm sưu, giảm thuế.
- C. “Đả đảo chủ nghĩa đế quốc”!, “Đả đảo phong kiến”!, “Thả tù chính trị”!
- D. “Nhà máy về tay thợ thuyền”, “ Ruộng đất về tay dân cày”.

Câu 5: (Nhận biết) Mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt nam trong những năm 1930- 1931 là

- A. mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản
- B. mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến
- C. mâu thuẫn giữa khuynh hướng vô sản với cách mạng tư sản
- D. mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp và giữa nông dân với địa chủ phong kiến

Câu 6: (Nhận biết) Hình thức đấu tranh của nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

- A. mít tinh.
- B. đưa yêu cầu cải thiện đời sống.
- C. biểu tình có vũ trang tự vệ.
- D. khởi nghĩa vũ trang.

Câu 7: (Nhận biết) Chính sách của chính quyền Xô Viết chứng tỏ bản chất của chính quyền này là

- A. chính quyền của dân.
- B. chính quyền của dân, do dân, vì dân.
- C. chính quyền của Đảng cách mạng.
- D. chính quyền của nhà nước vì nhân dân.

Câu 8: (Nhận biết) Tháng 9/1930, phong trào đấu tranh ở Nghệ An và Hà Tĩnh dâng cao đã làm cho chính quyền thực dân ở đây

- A. tê liệt, tan rã ở nhiều thôn xã.
- B. sụp đổ hoàn toàn từ huyện đến tỉnh.
- C. vẫn đứng vững.
- D. được xây dựng và củng cố mạnh hơn.

Câu 9: (Nhận biết) Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930) đã thông qua văn kiện nào?

- A. Sách Đường Kách mệnh.
- B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
- C. Nghị quyết chính trị của Đảng.
- D. Luận cương chính trị của Đảng.

Câu 10: (Nhận biết) Tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930) đã quyết định đổi tên Đảng là

- A. Đông Dương Cộng sản đảng.
- B. An Nam Cộng sản đảng.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 11: (Nhận biết) Luận cương chính trị (10-1930), của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là

- A. lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.
- B. lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.
- C. đánh đổ đế quốc và phong kiến phản động.
- D. đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc.

Câu 12: (Nhận biết) Luận cương chính trị (10/1930), của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định động lực của cách mạng tư sản dân quyền là

- A. giai cấp công nhân và nông dân.
- B. giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản.

C. giai cấp công nhân, nông dân và tư sản dân tộc. D. công nhân, nông dân, tư sản và địa chủ.

Câu 13: (Thông hiểu) Biểu hiện nào không phản ánh đúng sự giảm sút của các ngành kinh tế ở Việt Nam trong những năm 1929-1933?

- A. Xuất nhập khẩu đình đốn.
- B. Hàng hóa khan hiếm.
- C. Giá cả trở nên đắt đỏ.
- D. Nông nghiệp bắt đầu phục hồi.

Câu 14: (Thông hiểu) Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929- 1933) đã tác động đến kinh tế, xã hội Việt Nam như thế nào?

- A. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào tất cả các nước thuộc địa.
- B. Đời sống nhân dân thuộc địa càng cơ cực , đói khổ.
- C. Kinh tế suy sụp tiêu điều, phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
- D. Kinh tế chịu đựng hậu quả nặng nề, đời sống nhân dân khổ cực.

Câu 15: (Thông hiểu) Hậu quả lớn nhất mà cuộc khủng hoảng kinh tế gây ra đối với xã hội Việt Nam là

- A. kinh tế công thương nghiệp bị đình đốn, hàng hóa khan hiếm.
- B. làm trầm trọng tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động.
- C. sản xuất nông nghiệp giảm sút, ruộng đất bị bỏ hoang.
- D. công nhân thất nghiệp, nông dân ngày càng bần cùng hóa.

Câu 16: (Thông hiểu) Những tầng lớp ở Việt Nam không bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 là

- A. công nhân, tư sản dân tộc.
- B. đại địa chủ, tư sản mại bán.
- C. nông dân, tiểu tư sản.
- D. tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

Câu 17: (Thông hiểu) Nhận xét nào dưới đây về phong trào cách mạng 1930- 1931 ở Việt Nam là không đúng?

- A. Đây là phong trào cách mạng có hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt.
- B. Đây là phong trào cách mạng triệt để không ảo tưởng vào kẻ thù của dân tộc.
- C. Đây là phong trào cách mạng diễn ra trên qui mô rộng lớn và mang tính thống nhất cao.
- D. Đây là phong trào cách mạng đậm tính dân tộc hơn đậm tính giai cấp.

Câu 18: (Thông hiểu) Trong các nguyên nhân sau, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ và phát triển của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.
- B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo lãnh đạo phong trào cách mạng.
- D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 19: (Thông hiểu) Cuộc đấu tranh nhân ngày 1/5/1930 trong phong trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa như thế nào?

- A. Lật đổ chính quyền thực dân ở một số nơi.
- B. Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên của công nhân.
- C. Lần đầu tiên công nhân và nông dân đoàn kết liên minh với nhau.

D. Lần đầu tiên công nhân Việt Nam biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động và thể hiện tình đoàn kết với nhân dân lao động thế giới.

Câu 20: (Thông hiểu) Khởi liên minh công – nông được hình thành từ khi nào?

- A.** Từ trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.
- B.** Từ trong phong trào công nhân năm 1930 – 1931.
- C.** Từ trong phong trào cách mạng năm 1930 – 1931.
- D.** Từ trong phong trào dân tộc dân chủ năm 1926 – 1930.

Câu 21: (Thông hiểu) Chính quyền cách mạng thành lập ở Nghệ An – Hà Tĩnh năm 1930, được gọi là Xô viết vì?

- A.** Chính quyền đầu tiên của công nông.
- B.** Hình thức chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).
- C.** Hình thức chính quyền theo nhà nước kiểu mới.
- D.** Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Câu 22: (TH): Đầu không phải là ý nghĩa của phong trào 1930 – 1931?

- A.** Buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách.
- B.** Được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- C.** Khởi liên minh công nông hình thành.
- D.** Quốc tế cộng sản công nhận Đảng cộng sản Đông Dương là một bộ phận độc lập trực thuộc quốc tế cộng sản.

Câu 23: (Thông hiểu) Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931?

- A.** “độc lập dân tộc” và “ruộng đất dân cày”.
- B.** “tự do dân chủ” và “cơm áo hòa bình”.
- C.** “chống đế quốc”, “chống phát xít”.
- D.** “tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”.

Câu 24: (TH): Năm 1930, Nghệ -Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất vì:

- A.** Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất.
- B.** Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
- C.** Là nơi có đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.
- D.** Là nơi có truyền thống yêu nước và có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

Câu 25: (Thông hiểu) Điều gì chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930- 1931 phát triển đạt đỉnh cao

- A.** Phong trào diễn ra khắp cả nước.
- B.** Giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- C.** Thực hiện liên minh công nông bền vững.
- D.** Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập Xô viết.

Câu 26: (Thông hiểu): Căn cứ nào khẳng định Xô viết Nghệ- Tĩnh thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

- A.** Thể hiện rõ bản chất cách mạng, chính quyền của dân do dân vì dân.
- B.** Chính quyền Xô viết là thành quả đấu tranh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng
- C.** Vì lần đầu tiên chính quyền của đế quốc- phong kiến tan rã, chính quyền giai cấp vô sản được thiết lập.

D. Lần đầu tiên, chính quyền Xô viết thực hiện những chính sách thể hiện tính tự do, dân chủ của một dân tộc độc lập.

Câu 27: (TH): Sự kiện đánh dấu bước ngoặt của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

- A.** sự ra đời của Xô viết ở Nghệ An.
- B.** sự ra đời của Xô viết ở Hà Tĩnh.
- C.** nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động.
- D.** cuộc biểu tình của nông dân Huyện Hưng Nguyên.

Câu 28: (Thông hiểu) Sự ra đời của các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 vì

- A.** đã hoàn thành mục tiêu đề ra trong Luận cương chính trị tháng 10 - 1930.
- B.** đây là mốc đánh dấu sự tan rã của bộ máy chính quyền thực dân và tay sai
- C.** đã giải quyết được vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội.
- D.** đây là hình thức chính quyền nhà nước giống các Xô viết ở nước Nga.

Câu 29: (Vận dụng): Điểm khác biệt căn bản của chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh so với các hình thức chính quyền trước đó là

- A.** chính quyền đầu tiên giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B.** chính quyền công – nông – binh.
- C.** chính quyền do nhân dân thành lập, phục vụ lợi ích cho nhân dân.
- D.** chính quyền giống các Xô viết ở nước Nga.

Câu 30: (Vận dụng): Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương do Trần Phú soạn thảo là

- A.** xác định nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến.
- B.** xác định nhiệm vụ hàng đầu của CMVN là giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- C.** lực lượng nòng cốt của cách mạng là nông dân, công nhân và tư sản dân tộc.
- D.** xác định cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: CMTS dân quyền và CM XHCN.

Câu 31: (Vận dụng): Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là gì?

- A.** Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công – nông.
- B.** Đảng tập dượt trong thực tiễn đấu tranh.
- C.** Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- D.** Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng.

Câu 32: (Vận dụng): Một trong những hạn chế của “Luận cương chính trị”(10/1930) so với “Cương lĩnh chính trị” (2/1930) là gì?

- A.** Mang tính chất hữu khuynh giáo điều.
- B.** Chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.
- C.** Nhặng về đấu tranh giai cấp, coi công – nông là động lực cách mạng.
- D.** Chưa thấy được vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng.

Câu 33: (Vận dụng): Nội dung nào dưới đây là điểm khác nhau giữa Luận cương chính trị tháng 10 - 1930

của Đảng Cộng sản Đông Dương với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A.** Đề ra phương hướng chiến lược. **B.** Xác định phương pháp đấu tranh.
C. Xác định giai cấp lãnh đạo. **D.** Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng.

Câu 34: (Vận dụng): Qua nội dung hãy rút ra ưu điểm của Luận Cương (10/1930)

- A.** vạch ra đường lối phù hợp.
B. xác định giai cấp tiên phong lãnh đạo cách mạng.
C. thấy được khả năng cách mạng của nông dân và công nhân.
D. xác định những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Câu 35: (Vận dụng): Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian

- Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.
- Đông Dương Cộng sản đảng được thành lập.
- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời.

- A.** 2, 1, 3. **B.** 2, 3, 1. **C.** 3, 2, 1. **D.** 1, 3, 2.

Câu 36: (Vận dụng) Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam có điểm gì khác so với Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương?

- A.** Khẳng định vai trò lãnh đạo thuộc về chính đảng vô sản.
B. Xác định được công nhân và nông dân là lực lượng cách mạng.
C. Đánh giá đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.
D. Xác định đúng nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc.

Câu 37: (Vận dụng cao): Điều gì đã chứng tỏ rằng từ tháng 9 năm 1930 trở đi phong trào cách mạng 1930-1931 dần đạt đến đỉnh cao?

- A.** Phong trào diễn ra khắp cả nước.
B. Đã thực hiện liên minh công nông vững chắc.
C. Các vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.
D. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 38: (Vận dụng cao): Phong trào cách mạng 1930 – 1931 đã khẳng định nhân tố đầu tiên đảm bảo thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc là

- A.** Đảng của giai cấp công nhân theo con đường cách mạng vô sản.
B. phải có một chính quyền nhà nước của dân, do dân và vì dân.
C. đoàn kết giữa các dân tộc đấu tranh theo con đường vô sản.
D. có chính quyền cách mạng và sự giúp đỡ của quốc tế.

Câu 39: (Vận dụng cao): Phong trào cách mạng 1930 - 1931 để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A.** Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.
B. Kết hợp các hình thức đấu tranh bí mật, công khai và hợp pháp.
C. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng.

Câu 40: (Vận dụng cao): Tính chất triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được biểu hiện ở chỗ

- A.** diễn ra trên quy mô rộng lớn chưa từng thấy. **B.** hình thức đấu tranh phong phú và quyết liệt.
C. lần đầu tiên có sự lãnh đạo của một chính đảng. **D.** không ảo tưởng vào kẻ thù của dân tộc và giai cấp.

Gợi 2

Câu 1: (Nhận biết): Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Việt Nam năm 1930 là gì?

- A.** Khủng hoảng, suy thoái. **B.** Có sự phục hồi.
C. Có sự phát triển. **D.** Phát triển xen kẽ với khủng hoảng.

Câu 2: (Nhận biết): Ngành kinh tế nào của Việt Nam chịu tác động sâu sắc nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933?

- A.** Công nghiệp. **B.** Thương nghiệp. **C.** Nông nghiệp. **D.** Thủ công nghiệp.

Câu 3: (Nhận biết): Nội dung nào không phản ánh đúng tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933?

- A.** Lúa gạo sụt giá, ruộng đất bị bỏ hoang.
B. Các ngành thủ công nghiệp có bước phát triển.
C. Xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm.
D. Trong công nghiệp, sản lượng các ngành đều suy giảm.

Câu 4: (Nhận biết): Hội nghị lần thứ nhất BCH Trung ương lâm thời ĐCS Việt Nam (tháng 10-1930) đã quyết định lấy tên Đảng là

- A.** Đảng Cộng sản Việt Nam. **B.** Đảng Cộng sản Đông Dương.
C. Việt Nam Quốc dân đảng. **D.** Đảng lao động Việt Nam.

Câu 5: (Nhận biết): Văn kiện nào được thông qua trong Hội nghị lần thứ nhất BCH Trung ương lâm thời ĐCS Việt Nam?

- A.** Luận cương chính trị. **B.** Cương lĩnh chính trị.
C. Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt. **D.** Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam.

Câu 6: (Nhận biết): Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 gây ra cho xã hội Việt Nam là

- A.** nhiều công nhân bị sa thải. **B.** hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.
C. người có việc làm thì đồng lương ít ỏi. **D.** tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân.

Câu 7: (Nhận biết): Khởi liên minh công - nông lần đầu tiên được hình thành từ phong trào

- A.** giải phóng dân tộc 1939-1945. **B.** cách mạng 1930-1931.
C. dân tộc dân chủ 1919-1930. **D.** dân chủ 1936-1939.

Câu 8: (Nhận biết): Phong trào cách mạng 1930-1931 bùng nổ do nguyên nhân chủ yếu nào?

- A.** Những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
B. Sự chi đạo kịp thời của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam.
C. Khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Ba tổ chức cộng sản ra đời (1929) và tác động của khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

Câu 9: (Nhận biết): Phong trào cách mạng 1930-1931 nêu cao khẩu hiệu nào?

- A. “Độc lập dân tộc”, “Ruộng đất dân cày”. B. “Tự do dân chủ”, “cơm áo hòa bình”.
C. “Chống đế quốc” và “chống phát xít”. D. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc, việt gian”.

Câu 10: (Nhận biết): Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào cách mạng Việt Nam 1930-1931 là

- A. nông dân, tiểu tư sản. B. công nhân, tư sản. C. tư sản, tiểu tư sản. D. công nhân, nông dân.

Câu 11: (Nhận biết): Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam diễn ra tại đâu?

- A. Thanh Hóa – Nghệ An. B. Nghệ An – Hà Tĩnh.
C. Hà Tĩnh – Quảng Bình. D. Thanh Hóa – Hà Tĩnh.

Câu 12: (Nhận biết): Luận cương chính trị tháng 10-1930 nặng về

- A. đấu tranh giải phóng dân tộc. B. đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.
C. đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp. D. đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng.

Câu 13: (Thông hiểu): Xã hội Việt Nam trong những năm 1930 – 1931 tồn tại mâu thuẫn cơ bản giữa

- A. tư sản với chính quyền thực dân Pháp. B. nông dân với địa chủ phong kiến.
C. dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. D. giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

Câu 14: (Thông hiểu): Phong trào 1930 – 1931 bùng nổ và chính quyền Xô Viết thành lập đã khẳng định được điều gì?

- A. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân.
B. Sự lớn mạnh của giai cấp nông dân.
C. Đường lối đúng đắn của Đảng và Sự lớn mạnh của giai cấp nông dân.
D. Đường lối đúng đắn của Đảng và quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Câu 15: (Thông hiểu): Điều không phải là ý nghĩa của phong trào 1930 – 1931?

- A. Được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
B. Quốc tế cộng sản công nhận Đảng cộng sản Đông Dương là một bộ phận độc lập trực thuộc quốc tế cộng sản.
C. Khối liên minh công nông hình thành.
D. Buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách.

Câu 16: (Thông hiểu): Điều không phải là bài học kinh nghiệm mà phong trào 1930 – 1931 đã để lại?

- A. Công tác tư tưởng.
B. Xây dựng khối liên minh công nông.
C. Xây dựng mặt trận thống nhất
D. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

Câu 17: (Thông hiểu): Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929- 1933) đã tác động đến kinh tế, xã hội Việt Nam như thế nào?

- A. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào tất cả các nước thuộc địa.
B. Đời sống nhân dân thuộc địa càng cơ cực, đói khổ.
C. Kinh tế suy sụp tiêu điều, phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
D. Kinh tế chịu đựng hậu quả nặng nề, đời sống nhân dân khổ cực.

Câu 18: (Thông hiểu): Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Việt Nam là

- A. công nhân bãi công nhân ngày Quốc tế Lao động (1 – 5 – 1930).
B. cuộc đấu tranh của nông dân Thái Bình (4 – 1930).
C. cuộc đấu tranh của nông dân Hưng Nguyên (12 – 9 – 1930).
D. thành lập Xô viết Nghệ – Tĩnh (9 – 1930).

Câu 19: (Thông hiểu): Đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945, phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

- A. cuộc tập dượt đầu tiên. B. căn cứ địa cách mạng đầu tiên.
C. cuộc biểu dương lực lượng đầu tiên. D. cuộc tập dượt trực tiếp.

Câu 20: (Thông hiểu): Chính quyền cách mạng thành lập ở Nghệ An – Hà Tĩnh năm 1930, được gọi là Xô- viết vì:

- A. Chính quyền đầu tiên của công nông. B. Hình thức chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).
C. Hình thức chính quyền theo nhà nước kiểu mới. D. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Câu 21: (Thông hiểu): Nguyên nhân nào là cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh.
B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
C. Địa chủ phong kiến tay sai tăng cường bóc lột nhân dân Việt Nam.
D. Ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 làm đời sống nhân dân cơ cực.

Câu 22: (Thông hiểu): Căn cứ nào khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

- A. Thể hiện rõ bản chất cách mạng, là chính quyền của dân, do dân, vì dân.
B. Vì lần đầu tiên chính quyền của đế quốc - phong kiến tan rã, chính quyền của giai cấp vô sản được thiết lập trong cả nước.
C. Lần đầu tiên, chính quyền Xô viết thực hiện những chính sách thể hiện tính tự do, dân chủ của một dân tộc được độc lập.
D. Chính quyền Xô viết được thành lập là thành quả đấu tranh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 23: (Thông hiểu): Chính sách nào về kinh tế không phải do chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thực hiện trong 1930-1931?

- A. Chia ruộng đất công cho dân cày. B. Bãi bỏ thuế thân.
C. Xóa nợ cho người nghèo. D. Cải cách ruộng đất.

Câu 24: (Thông hiểu): Mục tiêu đấu tranh của công nhân trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

- A. lật đổ chính quyền thực dân Pháp. B. lật đổ chế độ phong kiến.
C. đòi tăng lương, giảm giờ làm. D. tham gia bộ máy chính quyền ở cơ sở làng, xã.

Câu 25: (Thông hiểu): Ở Việt Nam, đỉnh cao nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 được đánh dấu bằng sự kiện nào?

- A. Cuộc biểu tình của công nhân ngày 1-5-1930.

- B. Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định.
- C. Cuộc đấu tranh của công nhân Vinh – Bến Thủy.
- D. Sự thành lập các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh.

Câu 26: (Thông hiểu): Khẩu hiệu “Đả đảo chủ nghĩa đế quốc ! Đả đảo phong kiến” của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng 1930-1931 thể hiện mục tiêu đấu tranh về

- A. xã hội.
- B. văn hóa.
- C. chính trị.
- D. kinh tế.

Câu 27: (Thông hiểu): Mâu thuẫn sâu sắc nhất trong xã hội Việt Nam thời kì 1930-1931 bấy giờ là giữa

- A. tư sản người Việt với tư sản người Pháp.
- B. công nhân với tư sản Pháp.
- C. dân tộc Việt Nam với tay sai phản động Pháp.
- D. mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, tay sai phản động.

Câu 28: (Thông hiểu): Tháng 10-1930 sự kiện lịch sử nào dưới đây đã diễn ra?

- A. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Thành lập Ban lãnh đạo Hải ngoại do Lê Hồng Phong đứng đầu.
- C. Đông Dương cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 29: (Vận dụng): Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương do Trần Phú soạn thảo là

- A. xác định cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: CMTS dân quyền và CM XHCN.
- B. xác định nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc, đánh đổ PK.
- C. xác định nhiệm vụ hàng đầu của CMVN là giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. lực lượng nòng cốt của cách mạng là nông dân, công nhân và tư sản dân tộc.

Câu 30: (Vận dụng): Một trong những hạn chế của "Luận cương chính trị" (10-1930) so với "Cương lĩnh chính trị" (2-1930) là

- A. chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.
- B. chưa thấy được vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.
- C. nặng về đấu tranh giai cấp, coi công - nông mới là động lực cách mạng.
- D. mang tính chất hữu khuynh, giáo điều.

Câu 31: (Vận dụng): Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 - 1933 đã tác động gì đến Việt Nam?

- A. bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. đời sống nhân dân Việt Nam cơ cực, đói khổ.
- C. kinh tế Việt Nam suy sụp và phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
- D. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào Việt Nam.

Câu 32: (Vận dụng): Cho bảng dữ liệu sau:

I (Thời gian)	II (Sự kiện)
1) 1-5-1930	a. Cuộc biểu tình của 8.000 nông dân huyện Hưng Nguyên – Nghệ An
2) Tháng 6, 7, 8-1930	b. Cả nước nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân

3) 12-9-1930	c. Công nhân Việt Nam biểu tình hưởng ứng ngày QTLĐ
--------------	---

Hãy lựa chọn đáp án đúng về mối quan hệ thời gian ở cột I với sự kiện ở cột II.
A. 1 – c; 2 – a; 3 – b. B. 1 – b; 2 – a; 3 – c. C. 1 – c; 2 – b; 3 – a. D. 1 – a; 2 – c; 3 – b.

Câu 33: (Vận dụng): Điểm mới của phong trào cách mạng 1930-1931 so với các phong trào cách mạng trước khi Đảng ra đời là gì?

- A. Xác định nhiệm vụ trước mắt là giải phóng dân tộc, thực hiện người cày có ruộng.
- B. Tính triệt để, quy mô, hình thức phong phú, hình thành khối liên minh công nông.
- C. Lần đầu tiên có các cuộc bãi công, biểu tình, quy mô lớn thu hút đông đảo nhân dân.
- D. Phong trào đã bước đầu xây dựng hình thức mặt trận thống nhất đầu tiên của dân tộc.

Câu 34: (Vận dụng): Tư bản Pháp đã sử dụng biện pháp nào để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933)?

- A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.
- B. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.
- C. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.
- D. Bóc lột nhân dân chính quốc, bóc lột thuộc địa.

Câu 35: (Vận dụng): Các ngành kinh tế của công nghiệp đều chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) vì lí do chủ yếu nào?

- A. Phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
- B. Là thị trường của tư bản Pháp.
- C. Chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp.
- D. Là thuộc địa nên phụ thuộc vào Pháp.

Câu 36: (Vận dụng): Bài học kinh nghiệm nào về xây dựng lực lượng cách mạng được Đảng rút ra trong phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.
- B. Xây dựng khối liên minh công – nông vững chắc.
- C. Xây dựng khối liên minh nông dân với tư sản, tiểu tư sản.
- D. Xây dựng khối liên minh công – nông với các lực lượng cách mạng khác.

Câu 37: (Vận dụng cơ bản): Về văn hóa xã hội, Xô viết Nghệ - Tĩnh xây dựng tinh thần là

- A. Đoàn kết.
- B. Giúp đỡ nhau.
- C. Yêu nước bất khuất.
- D. Đoàn kết, giúp đỡ nhau.

Câu 38: (Vận dụng cơ bản): Nhận xét nào dưới đây về phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là không đúng?

- A. Đây là phong trào cách mạng có hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt.
- B. Đây là phong trào cách mạng triệt để, không ảo tưởng vào kẻ thù của dân tộc.
- C. Đây là phong trào diễn ra trên qui mô rộng lớn và mang tính thống nhất cao.
- D. Đây là phong trào cách mạng mang đậm tính dân tộc hơn tính giai cấp.

Câu 39: (Vận dụng cơ bản): Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần đạt tới đỉnh cao?

- A. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết.
- B. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.
- C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện được liên minh công - nông vững chắc.

Câu 40: (Vận dụng cao): Điểm khác biệt căn bản của chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh so với các hình thức chính quyền trước đó là

- A.** chính quyền đầu tiên giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B.** chính quyền công – nông – binh.
- C.** chính quyền do nhân dân thành lập, phục vụ lợi ích cho nhân dân.
- D.** chính quyền giống các Xô viết ở nước Nga.

BÀI 15. Phong trào dân chủ 1936 -1939

Câu 1: (Nhận biết): Mục tiêu đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A.** độc lập dân tộc và dân chủ.
- B.** tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- C.** tự do và độc lập dân tộc.
- D.** độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

Câu 2: (Nhận biết): Hình thức đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A.** hợp pháp, nửa hợp pháp.
- B.** biểu tình có vũ trang tự vệ.
- C.** đấu tranh vũ trang là chủ yếu.
- D.** bạo động vũ trang.

Câu 3: (Nhận biết): Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chuyển hướng chỉ đạo cách mạng trong những năm 1936 – 1939 là do

- A.** sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.
- B.** Mặt trận Nhân dân Pháp thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.
- C.** tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi.
- D.** mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng gay gắt.

Câu 4: (Nhận biết): Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là

- A.** chủ nghĩa đế quốc, thực dân.
- B.** chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
- C.** chủ nghĩa phát xít.
- D.** chủ nghĩa thực dân cũ.

Câu 5: (Nhận biết): Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) đề ra chủ trương thành lập

- A.** Mặt trận nhân dân rộng rãi ở các nước.
- B.** Đảng Cộng sản ở mỗi nước.
- C.** Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.
- D.** Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

Câu 6: (Nhận biết): Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương được xác định trong thời kì 1936 - 1939 là

- A.** thực dân Pháp nói chung.
- B.** địa chủ phong kiến.
- C.** bọn phản động thuộc địa và tay sai.
- D.** các quan lại của triều đình Huế.

Câu 7: (Thông hiểu): Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương được Đảng xác định trong thời kì 1936 – 1939 là

- A.** đánh đổ đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc.
- B.** chống đế quốc và chống phong kiến.
- C.** chống phát xít, chống bọn phản động thuộc địa tay sai, đòi tự do, dân chủ.
- D.** đánh đổ phong kiến để người cày có ruộng.

Câu 8: (Thông hiểu): Sự kiện thế giới nào tác động trực tiếp đến việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936)?

- A.** Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7/1935).
- B.** Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp thành lập (6/1936).
- C.** Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít (đầu những năm 30 của thế kỉ XX).
- D.** Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939).

Câu 9: (Thông hiểu): Lực lượng tham gia trong phong trào cách mạng giai đoạn 1936 – 1939 chủ yếu là

- A.** công nông.
- B.** đông đảo lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ, không phân biệt thành phần giai cấp.
- C.** liên minh tư sản và địa chủ.
- D.** binh lính và công nông.

Câu 10: (Thông hiểu): Điều nào sau đây không phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các nước thuộc địa

- A.** cho phép tự do trên tất cả các lĩnh vực.
- B.** giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân.
- C.** thả tự do cho một số tù chính trị.
- D.** cho phép xuất bản báo chí.

Câu 11: (Thông hiểu): Phong trào dân chủ 1936-1939 ở Việt Nam là một phong trào

- A.** có tính chất dân tộc.
- B.** chỉ có tính dân chủ.
- C.** không mang tính cách mạng.
- D.** không mang tính dân tộc.

Câu 12: (Thông hiểu): Cuộc vận động dân chủ 1936 -1939 kết thúc khi

- A.** chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- B.** chính phủ phái hữu cầm quyền ở Pháp, bọn phản động thuộc địa phản công phong trào cách mạng.
- C.** Liên Xô – thành trì của phong trào cách mạng suy yếu do bị chủ nghĩa đế quốc tấn công.
- D.** Đảng cộng sản Đông Dương phải rút vào hoạt động bí mật.

Câu 13: (Thông hiểu): Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối đấu tranh trong giai đoạn 1936 – 1939 dựa trên cơ sở nào?

- A.** Nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tháng 7 – 1935.
- B.** Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.
- C.** Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
- D.** Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng mạnh lên.

Câu 14: (Thông hiểu): Đảng phát động phong trào “Đông Dương đại hội” để ?

- A.** Mua sắm vũ khí, chuẩn bị khởi nghĩa.
- B.** Thu nhập nguyện vọng của nhân dân, chuẩn bị triệu tập Đông Dương đại hội.
- C.** Thành lập lực lượng vũ trang.
- D.** Chuẩn bị hội nghị Giơ-ne-vơ.

Câu 15: (Vận dụng) Lĩnh vực đấu tranh mới của Đảng cộng sản Đông Dương trong phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A.** đấu tranh ngoại giao.
- B.** đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.

Câu 16: (Vận dụng) Nét nổi bật của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A. Đảng đã tập hợp được lực lượng đông đảo, sử dụng phương pháp đấu tranh phong phú.
- B. Chủ trương, đường lối của Đảng được phổ biến rộng rãi.
- C. Hình thành liên minh công nông hùng mạnh.
- D. Uy tín của Đảng được nâng cao, cán bộ được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.

Câu 17: (Vận dụng) Phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam có điểm gì mới so với phong trào cách mạng 1930 – 1931?

- A. Giai cấp công nhân và nông dân đoàn kết đấu tranh mạnh mẽ.
- B. Là cuộc diễn tập chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- C. Kết hợp hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp với bí mật bất hợp pháp.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương cụ thể cho hoàn cảnh mới.

Câu 18: Phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt nam là một phong trào

- A. có tính chất dân tộc sâu sắc.
- B. có tính chất dân chủ là chủ yếu.
- C. có tính chất dân tộc, dân chủ, trong đó tính chất dân chủ là nét nổi bật.
- D. mang tính dân tộc, dân chủ và nhân dân sâu sắc.

Câu 19: (Vận dụng c_Đ) Ý nghĩa nào quan trọng nhất của phong trào dân chủ 1936 – 1939 đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

- A. Đội ngũ cán bộ Đảng viên ngày càng trưởng thành.
- B. Chủ nghĩa Mác – Lê nin, đường lối của Đảng được phổ biến sâu rộng trong quần chúng.
- C. Xây dựng được lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.
- D. Là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 20: (Vận dụng c_Đ) Phát biểu nào dưới đây đúng nhất về lí do phong trào 1936 – 1939, được coi là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. xác định đúng kẻ thù của cách mạng.
- B. sử dụng phương pháp đấu tranh hiệu quả.
- C. kết nối cách mạng Đông Dương với cách mạng thế giới.
- D. để lại bài học về xây dựng mặt trận hiệu quả.

BÀI 16. Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng tám (1939-1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết) Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

- A. Kinh tế mới.
- B. Kinh tế chỉ huy.
- C. Kinh tế thời chiến.
- D. Thuộc địa thời chiến.

Câu 2: (Nhận biết) Khi quân Nhật vượt biên giới Việt-Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam, quân Pháp có thái độ và hành động gì?

- A. Kiên quyết đấu tranh chống quân Nhật.
- B. Phối hợp cùng nhân dân ta đấu tranh chống Nhật.
- C. Vừa chống Nhật, vừa bắt tay với chúng để đàn áp nhân dân Đông Dương.
- D. Nhanh chóng đầu hàng, cầu kết với Nhật cùng thống trị và bóc lột nhân dân.

Câu 3: (Nhận biết) Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật-Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong văn kiện nào dưới đây?

- A. Văn kiện Đại hội Quốc dân Tân Trào (16→ 17-8-1945).
- B. Văn kiện Hội nghị toàn quốc của Đảng (14→ 15-8-1945).
- D. Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945).
- D. Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (3-1945).

Câu 4: (Nhận biết) Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) chủ trương thành lập mặt trận nào dưới đây?

- A. Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Đồng Minh.
- C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh).

Câu 5: (Nhận biết) Việt Nam Giải phóng quân ra đời là sự hợp nhất của các tổ chức nào?

- A. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
- B. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
- C. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
- D. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 6: (Nhận biết) Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân hợp nhất với tên gọi là

- A. Giải phóng quân.
- B. Việt Nam Giải phóng quân.
- C. Quân giải phóng Việt Nam.
- D. Quân đội nhân dân Việt Nam.

Câu 7: (Nhận biết) Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ chính của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của

- A. Chính phủ lâm thời.
- B. thủ đô kháng chiến.
- C. nước Việt Nam mới.
- D. nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 8: (Nhận biết) Hình thái khởi nghĩa đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa được xác định trong hội nghị nào dưới đây?

- A. Hội nghị thành lập Đảng (đầu 1930).
- B. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5-1941).
- C. Hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11-1939).
- D. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (14 và 15-8-1945).

Câu 9: (Nhận biết) Khu giải phóng Việt Bắc ra đời trong

- A. phong trào dân chủ 1936-1939.
- B. phong trào cách mạng 1930-1931.
- C. khi Nhật chuẩn bị đảo chính Pháp.
- D. khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945).

Câu 10: (Nhận biết) Trong lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra chỉ thị thị nào dưới đây?

- A. Đánh đuổi phát xít Nhật.
- B. Đánh đuổi Pháp-Nhật.
- C. Chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

Câu 11: (Nhận biết) “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy” là nội dung của văn kiện nào dưới đây?

- A. Tuyên ngôn Độc lập.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh.
- D. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng.

Câu 12: (Nhận biết) “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập” được trích trong

- A. Tuyên ngôn Độc lập.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.
- D. tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.

Câu 13: (Thông hiểu) Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nạn đói cuối 1944 đầu 1945 ở Việt Nam là gì?

- A. Vụ mùa năm 1945 thất thu do thiên tai.
- B. Thực dân Pháp bắt dân ta bán thóc theo diện tích cây cấy.
- C. Lương thực từ miền Nam không thể vận chuyển ra miền Bắc.
- D. Phát xít Nhật bắt dân ta nhổ lúa, hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

Câu 14: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tình hình quân Pháp khi quân Nhật tiến vào Đông Dương?

- A. Pháp tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.
- B. Pháp phục tùng và tuyên truyền cho sức mạnh của Nhật.
- C. Pháp tiến hành xuất cảng các nguyên liệu chiến lược sang Nhật.
- D. Pháp câu kết với Nhật, cùng thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương.

Câu 15: (Thông hiểu) Hội nghị Trung ương Đảng 11-1939 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng vì

- A. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- B. đặt vấn đề dân tộc cho toàn cõi Đông Dương.
- C. giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật.

Câu 16: (Thông hiểu) Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 đã xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Đông Dương là gì?

- A. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.
- B. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

- C. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.

Câu 17: (Thông hiểu) Nội dung nào dưới đây không thuộc Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8?

- A. Tạm gác cách mạng ruộng đất.
- B. Kẻ thù của cách mạng là Pháp-Nhật.
- C. Nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh giai cấp.
- D. Nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc.

Câu 18: (Thông hiểu) Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (13-8-1945) đã thông qua quyết định quan trọng nào dưới đây?

- A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
- B. Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- C. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa và hạ lệnh tổng khởi nghĩa.
- D. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 19: (Thông hiểu) Hội nghị toàn quốc của Đảng (14→15-8-1945) đã quyết định vấn đề cơ bản nào dưới đây?

- A. Phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- B. Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- C. Kêu gọi nhân dân đứng lên chuẩn bị tổng khởi nghĩa.
- D. Giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 20: (Thông hiểu) Sự kiện Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945) là do nguyên nhân cơ bản nào?

- A. Mâu thuẫn Pháp-Nhật càng lúc càng gay gắt.
- B. Nhật tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít.
- C. Thất bại gần kề của Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. Phong trào cách mạng dâng cao gây cho Nhật nhiều khó khăn.

Câu 21: (Thông hiểu) Nội dung cơ bản của chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” là gì?

- A. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.
- B. Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.
- C. Chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

Câu 22: (Thông hiểu) Nội dung nào dưới đây không phải là ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít của phe Đồng minh.
- B. Mở ra một kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- C. Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp-Nhật và phong kiến, đưa nhân dân nắm chính quyền.
- D. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Câu 23: (Thông hiểu) Cuối bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước

- A. tự do”.
- B. độc lập”.
- C. tự do, độc lập”.
- D. độc lập, tự do”.

Câu 24: (Thông hiểu) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi từ nguyên nhân khách quan nào dưới đây?

- A. Quân Nhật và tay sai ở Đông Dương hoang mang, suy sụp.

- B.** Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật.
C. Nhật bị Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố.
D. Hồng quân Liên Xô và Đồng minh đánh thắng phát xít Đức, Nhật.

Câu 25: (Thông hiểu) Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A.** Liên minh công-nông vững chắc.
B. Phát xít Nhật bị quân Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của Đông Dương đã gục ngã.
C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
D. Truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân.

Câu 26: (Thông hiểu) Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là gì?

- A.** Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh báo chí.
B. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
C. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh nghị trường.

Câu 27: (Thông hiểu) Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam sau khi Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945) là

- A.** phát xít Nhật. **B.** đế quốc Pháp.
C. đế quốc Pháp - Nhật. **D.** đế quốc Pháp và tay sai.

Câu 28: (Thông hiểu) Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng, vì đây là nơi có

- A.** lực lượng vũ trang phát triển lớn mạnh. **B.** nhiều căn cứ du kích đã được xây dựng.
C. các tổ chức cứu quốc đã được thành lập. **D.** địa hình thuận lợi để phát triển lực lượng.

Câu 29: (Vận dụng) Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 có vai trò như thế nào đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A.** Chủ trương thành lập Việt Minh.
B. Củng cố được khối đoàn kết nhân dân.
C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.

Câu 30: (Vận dụng) Điểm giống nhau cơ bản giữa nội dung Hội nghị 11-1939 và Hội nghị 5-1941 là gì?

- A.** Liên kết công-nông chống phát xít.
B. Chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh.
C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.
D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

Câu 31: (Vận dụng) Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị 5-1941 có điểm gì khác so với Hội nghị 11-1939?

- A.** Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi từng nước.
C. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc là mục tiêu số một của cách mạng.
D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

Câu 32: (Vận dụng): Trong chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", Trung ương Đảng xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương là

- A.** phát xít Nhật. **B.** thực dân Pháp.
C. các thế lực phong kiến tay sai. **D.** thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Câu 33: (Vận dụng): Sự kiện nào dưới đây đã mở kỷ nguyên mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

- A.** Thắng lợi trong phong trào 1930-1931.
B. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945.
C. Thắng lợi trong phong trào dân chủ 1936-1939.
D. Thắng lợi của khởi nghĩa từng phần (tháng 3 → giữa 8-1945).

Câu 34: (Vận dụng): Đảng Cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù của cách mạng trong giai đoạn 1939 - 1945 là

- A.** đế quốc, phát xít. **B.** phát xít Nhật, tay sai.
C. thực dân, phong kiến. **D.** bọn phản động thuộc địa và tay sai.

Câu 35: (Vận dụng): Với chủ trương giương cao ngọn cờ dân tộc, tạm gác việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng ruộng đất trong giai đoạn 1939 - 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã

- A.** tập trung giải quyết những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam.
B. bắt đầu nhận ra khả năng chống đế quốc của trung và tiểu địa chủ.
C. đáp ứng đúng nguyện vọng số một của giai cấp nông dân Việt Nam.
D. thực hiện đúng chủ trương của Luận cương chính trị tháng 10 - 1930.

Câu 36: (Vận dụng) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công là kết quả thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939 - 1945 về tiến hành cuộc cách mạng

- A.** tư sản dân quyền. **B.** giải phóng dân tộc.
C. dân chủ tư sản kiểu mới. **D.** dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 37: (Vận dụng cơ bản): Cách mạng tháng Tám 1945 đã góp phần vào chiến thắng chống phát xít của thế giới là vì

- A.** đã giành chính quyền ở Hà Nội sớm nhất.
B. đã lật đổ nền thống trị của phát xít Nhật ở Việt Nam.
C. đã lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị của Nhật.
D. đã lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị của Pháp, Nhật.

Câu 38: (Vận dụng cơ bản): Bài học kinh nghiệm quan trọng từ sự chỉ đạo của Đảng góp phần thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A.** Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
B. Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi.
C. Nắm bắt tình hình thế giới đề ra chủ trương phù hợp.
D. Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, chớp thời cơ giành chính quyền.

Câu 39: (Vận dụng cơ bản): Căn cứ địa cách mạng là nơi cần có những điều kiện thuận lợi, trong đó “nhân hòa” là yếu tố quan trọng nhất. Đây là yếu tố “nhân hòa” đề Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn

- A.** Sớm hình thành các Hội Cứu quốc. **B.** Mọi người đều tham gia Việt Minh.
C. Có lực lượng du kích phát triển sớm. **D.** Có phong trào quần chúng tốt từ trước.

Câu 40: (Vận dụng c_{ao}): Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng

- A.** không mang tính bạo lực. **B.** có tính dân chủ điển hình.
C. không mang tính cải lương. **D.** Chỉ mang tính chất dân tộc.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): Sau khi tiến vào Đông Dương, phát xít Nhật

- A.** hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương.
B. thiết lập bộ máy thống trị mới của Nhật.
C. bắt lính người Việt đi làm búa đỡ đạn thay cho người Nhật.
D. giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét bóc lột.

Câu 2: (Nhận biết): Sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian trong công tác chuẩn bị cho cuộc

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

1. Mặt trận Việt Minh được thành lập.
 2. Khu giải phóng Việt Bắc ra đời.
 3. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì được triệu tập.

- A.** 1, 3, 2. **B.** 3, 1, 2. **C.** 2, 3, 1. **D.** 1, 2, 3.

Câu 3: (Nhận biết): Ngày 30-8-1945, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ đánh dấu bằng sự kiện lịch sử nào?

- A.** Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. **B.** Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.
C. ách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội. **D.** Cách mạng thành công trong cả nước.

Câu 4: (Nhận biết): Mặt trận Việt Minh là tên gọi tắt của

- A.** Đội cứu quốc dân. **B.** Việt Nam độc lập Đồng minh.
C. Mặt trận dân chủ Đông Dương. **D.** Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

Câu 5: (Nhận biết): Tại Hội nghị lần thứ 8 (5/ 1941), Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương làm gì để

- A.** cách mạng ruộng đất. **B.** chia lại ruộng công.
C. người cày có ruộng. **D.** giảm tô, giảm thuế.

Câu 6: (Nhận biết): Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” là của

- A.** Tổng bộ Việt Minh. **B.** Chủ tịch Hồ Chí Minh.
C. Ban Thường vụ Trung ương Đảng. **D.** Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 7: (Nhận biết): Đầu tháng 9 – 1939, Toàn quyền G. Catoru ra lệnh tổng động viên nhằm cung cấp cho

- A.** “mẫu quốc”. **B.** “chính quốc”. **C.** Việt Quốc. **D.** Việt Cách.

Câu 8: (Nhận biết): Giữa trưa ngày 15 – 08 – 1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng

- A.** Pháp. **B.** Phát xít. **C.** Việt Nam. **D.** Đồng minh.

Câu 9: (Nhận biết): Thực hiện chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, nhân dân ta phải làm gì?

- A.** Chuẩn bị đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.
B. Đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật.
C. Thực hiện một cao trào “kháng Nhật cứu nước”.
D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Câu 10: (Nhận biết): Cuối tháng 9 – 1940, quân Nhật vượt biên giới Việt – Trung tiến vào

- A.** Miền Bắc Việt Nam. **B.** Việt Bắc. **C.** Tây Bắc. **D.** Đông Bắc.

Câu 11: (Nhận biết): Sau khi vượt biên giới Việt – Trung vào Việt Nam, Quân Nhật và tay sai ra sức tuyên truyền lừa bịp về

- A.** kinh tế và chính trị của Nhật Bản. **B.** Chính trị và quốc phòng của Nhật Bản.
C. Văn minh và sức mạnh của Nhật Bản. **D.** Khoa học kĩ thuật và Văn hóa của Nhật Bản.

Câu 12: (Nhận biết): Sự kiện nào tạo nên khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương là

- A.** phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.
B. chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.
C. quân Pháp ráo riết hoạt động, âm mưu phản công Nhật.
D. Nhật đảo chính Pháp.

Câu 13: (Thông hiểu): Mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương được xác định trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 là

- A.** đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân lao động.
B. đánh đổ Nhật – Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
C. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.
D. tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chia ruộng đất cho dân cày.

Câu 14: (Thông hiểu): Hình thức đấu tranh cách mạng trong thời kì 1939 – 1945 là

- A.** hợp pháp, công khai. **B.** khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
C. bí mật, bạo động vũ trang. **D.** bất hợp pháp, bán công khai.

Câu 15: (Thông hiểu): Vì sao Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) có tầm quan trọng đặc biệt trong Cách mạng tháng Tám 1945?

- A.** Cùng cổ động khối đoàn kết toàn dân.
B. Chủ trương nâng cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
C. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hoàn chỉnh chủ trương đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11-1939).

Câu 16: (Thông hiểu): Hội nghị nào của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

- A.** Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).
B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
C. Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).

D. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941).

Câu 17: (Thông hiểu): Ở Đông Dương từ năm 1940 thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ

A. Cấu kết với Nhật, khủng bố nhân dân Đông Dương.

B. Đầu hàng Nhật, tiếp tục đàn áp bóc lột nhân dân Đông Dương.

C. Đánh bại Nhật, trao trả độc lập tự do cho nhân dân ba nước Đông Dương.

D. Ngon lửa cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng nổ, phát xít Nhật vào Đông Dương hất cẳng Pháp.

Câu 18: (Thông hiểu): Căn cứ địa cách mạng là

A. Địa bàn bí mật mà địch không ngờ tới.

B. Pháo đài “bất khả xâm phạm”, chính quyền địch tan rã hoàn toàn, nhân dân làm chủ.

C. Địa bàn thuận lợi và khá an toàn, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Cung cấp chủ yếu về sức người, sức của cho cách mạng.

Câu 19: (Thông hiểu): Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay, thầu dầu

A. Phát triển công nghiệp.

B. Phá hoại nền nông nghiệp của ta.

C. Phát triển trồng cây công nghiệp.

D. Lấy nguyên liệu cần thiết phục vụ chiến tranh.

Câu 20: (Thông hiểu): Điểm mới của Hội nghị tháng 5 – 1941 so với Hội nghị tháng 11 – 1939 Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương là

A. thành lập mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi để chống đế quốc.

B. đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến.

C. giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương.

D. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm tức.

Câu 21: (Thông hiểu): Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập năm 1945 là nhà nước của

A. công, nông, binh.

B. toàn thể nhân dân.

C. công nhân và nông dân.

D. công, nông và trí thức.

Câu 22: (Thông hiểu): Điều không phải là điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Đảng và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

B. Lực lượng trung gian đã ngã hẳn về phía cách mạng.

C. Phát xít Nhật đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương.

D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh không điều kiện.

Câu 23: (Thông hiểu): Pháp tăng mức thuế cũ, đặt thêm thuế mới, đồng thời sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm v.v. đây là chính sách

A. Phát triển kinh tế.

B. Kinh tế chỉ huy.

C. Bù đắp thiệt hại cho chiến tranh.

D. Thúc đẩy kinh tế phát triển.

Câu 24: (Thông hiểu): Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng, vì đây là nơi có

A. lực lượng vũ trang phát triển lớn mạnh.

B. địa hình thuận lợi để phát triển lực lượng.

C. nhiều căn cứ du kích đã được xây dựng.

D. các tổ chức cứu quốc đã được thành lập.

Câu 25: (Thông hiểu): Sau khi đầu hàng phát xít Đức, Chính phủ Pháp thực hiện chính sách thù địch đối với

A. lực lượng tiến bộ trong nước và cách mạng thuộc địa.

B. chủ nghĩa phát xít và các lực lượng tiến bộ trong nước.

C. các nước đế quốc dân chủ và cách mạng thuộc địa.

D. chủ nghĩa phát xít và Liên Xô.

Câu 26: (Thông hiểu): Sự áp bức, bóc lột của Nhật – Pháp đầu những năm 40 của thế kỉ XX đã dẫn đến mâu thuẫn giữa

A. toàn thể nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

B. toàn thể nhân dân Việt Nam, với thực dân Pháp sâu sắc.

C. toàn thể dân tộc Việt Nam với Nhật – Pháp sâu sắc.

D. toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

Câu 27: (Thông hiểu): Về hình thức đấu tranh, Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939 quyết định

A. Từ bí mật chuyển sang công khai, bán công khai.

B. Chủ yếu đấu tranh trên lĩnh vực báo chí, tuyên truyền.

C. Dùng nghị trường làm diễn đàn để tuyên truyền cách mạng.

D. Từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.

Câu 28: (Thông hiểu): Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt nam giành chính quyền từ tay

A. thực dân Pháp.

B. vua Bảo Đại.

C. phát xít Nhật.

D. chính phủ Trần Trọng Kim.

Câu 29: (Vận dụng): Phát xít Nhật xâm lược Đông Dương với âm mưu

A. lấy Đông Dương làm bàn đạp tấn công các nước khác.

B. biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.

C. độc quyền chiếm Đông Dương.

D. biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

Câu 30: (Vận dụng): Đảng ta quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước khi

A. Nhật đảo chính Pháp.

B. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.

C. Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận.

D. Anh – Mỹ triển khai các hoạt động tấn công Nhật Bản.

Câu 31: (Vận dụng): Cách mạng tháng Tám năm 1945, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam vì

A. mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc – kỉ nguyên độc lập, tự do

B. gắn Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

C. lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật – Pháp và tay sai.

D. lật đổ sự tồn tại hàng ngàn năm của chế độ phong kiến.

Câu 32: (Vận dụng). Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam thời kì 1930-1945 là

- A.** đánh đuổi đế quốc xâm lược giành độc lập dân tộc.
- B.** đánh đổ các giai cấp bóc lột giành quyền tự do dân chủ.
- C.** lật đổ chế độ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.
- D.** lật đổ chế độ phân động thuộc địa, cải thiện dân sinh.

Câu 33: (Vận dụng). Chính sách thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm

- A.** ngăn chặn cuộc tiến công của chủ nghĩa phát xít ở châu Á.
- B.** sẵn sàng tuyên chiến với phát xít Nhật khi chúng vào Đông Dương.
- C.** vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương để dốc vào cuộc chiến tranh.
- D.** bắt thanh niên Việt Nam sang châu Âu tham chiến chống phát xít.

Câu 34: (Vận dụng). Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa quốc tế nổi bật là

- A.** góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa thực dân cũ.
- B.** góp phần vào thắng lợi của cách mạng châu Á.
- C.** góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít.
- D.** góp phần làm suy yếu chủ nghĩa thực dân.

Câu 35: (Vận dụng). Mục đích của Đảng khi phát động “cao trào kháng Nhật cứu nước” là

- A.** chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.
- B.** hỗ trợ các đội tự vệ chiến đấu chống Nhật
- C.** làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.
- D.** tạo điều kiện cho quân Đồng minh chống Nhật.

Câu 36: (Vận dụng). Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở ba thành phố lớn là Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa

- A.** quyết định đến việc giành chính quyền trong cả nước.
- B.** đánh dấu cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.
- C.** đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của Tổng khởi nghĩa.
- D.** thể hiện quyết tâm giành thắng lợi của Đảng và Tổng bộ Việt Minh.

Câu 37: (Vận dụng cđo). Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) một mặt đã hoàn thiện chủ trương chuyển hướng chiến lược đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939), đồng thời đã khắc phục hoàn toàn những hạn chế thiếu sót của

- A.** Cương lĩnh chính trị (2-1930).
- B.** Luận cương chính trị (10-1930).
- C.** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
- D.** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).

Câu 38: (Vận dụng cđo). Khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” của Đảng đã tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có ở Việt Nam là do

- A.** khẩu hiệu đề ra vào lúc nông dân đã sẵn sàng vùng lên đấu tranh.
- B.** đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh của nông dân ở nông thôn.
- C.** chứng tỏ tinh thần cách mạng của nông dân đã sẵn sàng.

D. đáp ứng nguyện vọng cấp bách nhất của nông dân lúc đó.

Câu 39: (Vận dụng cđo). Để chuẩn bị đón quân Đồng minh vào Việt Nam giải giáp phát xít Nhật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị cải tổ Ủy ban Dân tộc giải phóng thành

- A.** Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B.** Chính quyền cách mạng công nông binh.
- C.** Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- D.** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 40: (Vận dụng cđo). Từ thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào để giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay

- A.** Nhanh chóng chớp thời cơ thuận lợi từ bên ngoài.
- B.** Tăng cường quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực.
- C.** Tranh thủ sự ủng hộ của các nước lớn và bạn bè quốc tế.
- D.** Tăng cường sự đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước.

Bài 17: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946

Câu 1: (Nhận biết) Theo thỏa thuận tại Hội nghị Potsdam (1945), quân đội Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật từ

- A.** vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.
- B.** vĩ tuyến 16 trở vào Nam.
- C.** vĩ tuyến 17 trở ra Bắc.
- D.** vĩ tuyến 17 trở vào Nam.

Câu 2: (Nhận biết) Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để thực hiện nhiệm vụ

- A.** cải cách giáo dục.
- B.** chống giặc đói.
- C.** khai giảng các bậc học.
- D.** bỏ tục văn hóa.

Câu 3: (Nhận biết) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng Đồng minh nào vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16?

- A.** Quân Pháp.
- B.** Quân Anh.
- C.** Quân Mỹ.
- D.** Quân Tưởng.

Câu 4: (Nhận biết) Để khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kêu gọi

- A.** cải cách ruộng đất và thực hành tiết kiệm
- B.** thực hiện “Ngày đồng tâm”.
- C.** tăng gia sản xuất.
- D.** tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân

Câu 5: (Nhận biết) Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là:

- A.** hai bên ngừng mọi xung đột ở phía nam, giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ.
- B.** thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay cho Trung Hoa Dân quốc.

C. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng.

- D.** nhân nhượng cho Pháp về kinh tế và văn hóa, thỏa thuận việc đóng quân.

Câu 6: (Nhận biết) Ngày 2-3-1946 đi vào lịch sử nước Việt Nam, đó là ngày

- A.** tổ chức phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta.

B. bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước ta.

C. chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh mở Nha Bình dân học vụ.

D. phát hành tiền Việt Nam.

Câu 7: (Nhận biết) Trong tạm ước 14/9/1946 ta nhân nhượng cho Pháp điều khoản nào ?

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc.

C. Quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Tiêu tiền quan kim, nhượng một số quyền lợi về kinh tế.

Câu 8: (Nhận biết) Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám-1945 đối phó với nhiều khó khăn?

A. Giặc ngoại xâm, nạn đói, nạn dốt.

B. Nạn dốt, nạn đói, ngân sách nhà nước trống rỗng.

C. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách trống rỗng, nạn ngoại xâm nội phản.

D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản.

Câu 9: (Nhận biết) Âm mưu của Pháp sau khi kí hiệp định Pa-ri ở Nam Bộ là

A. tăng cường hoạt động khiêu khích.

B. không chịu công nhận độc lập nước ta.

C. giữ nguyên quyền lợi kinh tế và văn hóa của người Pháp ở Nam Bộ.

D. lập chính phủ Nam Kỳ tự trị, tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Câu 10: (Nhận biết) Ngày 3/3/1946 Ban thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì đã chọn giải pháp

A. tạm thời hòa hoãn. **B.** hòa để tiến. **C.** phân loại kẻ thù. **D.** xây dựng lực lượng.

Câu 11: (Nhận biết) Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Ngày 23-9 1945 Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.

B. Gửi tối hậu thư buộc ta giải tán lực lượng và giao quyền kiểm soát thủ đô cho Pháp.

C. Ngày 2-9-1945, xả súng vào cuộc mít tinh ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

D. Gây xung đột, đánh chiếm Hải Phòng.

Câu 12: (Nhận biết) Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đâu ?

A. Sài Gòn-Chợ Lớn. **B.** Nam Bộ. **C.** Trung Bộ. **D.** Bến Tre.

Câu 13: (Thông hiểu) Điều kiện quốc tế thuận lợi tác động đến nước ta sau Cách mạng tháng Tám

A. quân Đồng minh đánh bại phát xít.

B. lực lượng quân Đồng minh kéo vào giải giáp quân Nhật.

C. hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển.

D. các nước tư bản phải đối phó khắc phục khó khăn.

Câu 14: (Thông hiểu) Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhượng cho Trung Hoa Dân quốc đó là những Bộ nào?

A. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội.

B. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội.

C. Giáo dục, canh nông, xã hội, ngoại giao.

D. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

Câu 15: (Thông hiểu) Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ nhằm:

A. Buộc Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.

B. Tạo điều kiện để quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật.

C. Tránh việc cùng lúc phải chống lại nhiều thế lực ngoại xâm.

D. Buộc Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia dân chủ.

Câu 16: (Thông hiểu) Quân Trung Hoa Dân quốc vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thực chất nhằm mục đích

A. giải giáp quân Nhật.

B. giúp đỡ chính quyền cách mạng nước ta.

C. kiểm chế quân Pháp.

D. lật đổ chính quyền cách mạng nước ta.

Câu 17: (Thông hiểu) Để đối phó với Trung Hoa Dân quốc và Pháp, Đảng chủ trương để cứu vãn tình hình sau 1945

A. để tay sai Tưởng được tham gia Quốc hội và chính trị.

B. đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố giải tán ngày 11/11/1945, nhưng sự thật là rút vào hoạt động bí mật.

C. nhận tiêu tiền “Quan kim”, “Quốc tệ” của Tưởng.

D. kí hiệp Sơ bộ 6/3/1946, đồng ý cho Pháp ra Bắc thay thế Tưởng.

Câu 18: (Thông hiểu) Việc ký Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9-1946, ta đã đập tan âm mưu

A. để quốc Mỹ cầu kết với Tưởng.

B. để quốc Pháp cầu kết với Tưởng.

C. Tưởng cầu kết với Pháp.

D. để quốc Pháp cầu kết với Anh.

Câu 19: (Thông hiểu) Trong bối cảnh Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết (tháng 2 - 1946), Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương:

A. Hòa với thực dân Pháp để đánh quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Hòa hoãn và nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp.

C. Phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.

D. Chiến đấu chống thực dân Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 20: (Thông hiểu) Ý nghĩa chính trị của cuộc tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp

A. tạo cơ sở pháp lí, nâng cao uy tín nước ta, khơi dậy tinh thần yêu nước, giáng đòn âm mưu chia rẽ kẻ thù.

B. đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

C. tạo uy tín trong nhân dân, khẳng định chủ quyền đối với kẻ thù.

D. nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

Câu 21: (Thông hiểu) Sách lược đấu tranh chống ngoại xâm của ta trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám chứng tỏ

A. phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, xây dựng bảo vệ chính quyền cách mạng.

B. truyền thống yêu nước đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

C. đường lối chính trị sáng suốt, cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược của Đảng.

D. đập tan âm mưu xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp.

Câu 22: (Thông hiểu) Nhận xét chung của Việt Nam đối với Trung Hoa Dân Quốc về chính sách đối ngoại

A. nhân nhượng tuyệt đối.

B. nhân nhượng vô điều kiện.

C. nhân nhượng có nguyên tắc.

D. nhân nhượng từng bước.

Câu 23: (Thông hiểu) Với dã tâm xâm lược nước ta lần nữa Chính phủ Đờ Gôn (Pháp) đã quyết định gì ?

A. Xả súng vào cuộc mít tinh ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

B. Gởi tối hậu thư buộc ta giải tán lực lượng.

C. Lập đạo quân viễn chinh do Locoléc chỉ huy, đồng thời cử Đô đốc Đắcgiăngliơ làm cao ủy Pháp ở Đông Dương.

D. Yêu cầu nhượng cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử.

Câu 24: (Thông hiểu) Điều khoản nào trong Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, thực tế có lợi cho Ta ?

A. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 25: (Thông hiểu) Tại sao Ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang hòa hoãn nhân nhượng với Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Tránh cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

C. Do Pháp và Tưởng bắt tay cầu kết với nhau chống Ta.

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 26: (Thông hiểu) Nguyên nhân chủ yếu làm cho Hội nghị Phong-ten-nơ-blô(Pháp) không có kết quả?

A. Pháp âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

B. Thời gian đàm phán ngắn.

C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

D. Lực lượng đồng minh Pháp mạnh.

Câu 27: (Thông hiểu) Chính sách do Chính phủ ta ban hành có thể thực hiện được ngay sau năm 1945

A. tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày.

B. chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

C. giảm tô, thuế.

D. bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác.

Câu 28: (Thông hiểu) Tác dụng của việc nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc nước ta

A. làm thất bại âm mưu tiêu diệt chính quyền cách mạng Việt Nam của chúng.

B. hạn chế đến mức thấp nhất những hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân quốc và các lực lượng tay sai phản động.

C. tạo điều kiện cho ta tập trung đối phó với cuộc xâm lược của Pháp ở Nam Bộ.

D. từng bước loại dần kẻ thù trên đất nước Việt Nam.

Câu 29: (Vận dụng): Ý nghĩa trong việc giải quyết khó khăn về đối nội sau Cách mạng tháng Tám 1945

A. thể hiện tinh thần chịu khó dân tộc ta.

B. tạo điều kiện củng cố đất nước.

C. tạo sức mạnh tổng hợp để đấu tranh chống kẻ thù.

D. kiên quyết chống giặc ngoại xâm.

Câu 30: (Vận dụng): Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược hoàn toàn nhân nhượng Pháp?

A. Ta nhượng cho Tưởng một số ghế trong Quốc hội.

B. Hiệp ước Hoa-Pháp.

C. Hiệp định sơ bộ Việt-Pháp.

D. Tạm ước Việt-Pháp.

Câu 31: (Vận dụng): Biện pháp quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?

A. Dựa vào lòng yêu nước nhiệt tình của nhân dân.

B. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

C. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

D. Tiết kiệm chi tiêu.

Câu 32: (Vận dụng): Vai trò của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền sau Cách mạng tháng Tám

A. tăng gia sản xuất.

B. ủng hộ các quỹ do Đảng phát động.

C. tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

D. tham gia xóa mù chữ.

Câu 33: (Vận dụng): Một trong những bài học kinh nghiệm trong thời kì từ tháng 9-1945 đến trước tháng 12-1946 là

A. kết hợp kháng chiến với kiến quốc.

B. kết hợp giữa đánh và đàm.

C. lấy yếu đánh mạnh.

D. lấy ít địch nhiều.

Câu 34: (Vận dụng): Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

A. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

B. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.

C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.

D. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.

Câu 35: (Vận dụng): Việc giải quyết thành công nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa

A. đánh dấu hoàn thành nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến.

B. tạo cơ sở để các nước xã hội chủ nghĩa công nhận Việt Nam.

C. tạo cơ sở thực lực để ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp.

D. góp phần tạo ra sức mạnh để bảo vệ chế độ mới.

Câu 36: (Vận dụng): Việc đàm phán và ký kết Hiệp định Sơ bộ giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đại diện Chính phủ Pháp có tác dụng:

A. Chuyển quan hệ giữa Việt Nam và Pháp từ đối đầu sang đối thoại.

B. Tạo thời gian hòa bình để Việt Nam tổ chức bầu cử Quốc hội.

C. Giúp Việt Nam ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với Pháp.

D. Thể hiện thiện chí hòa bình của hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Từ ngày 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhân nhượng cho thực dân Pháp một số quyền lợi với nguyên tắc cao nhất là:

A. Đảng Cộng sản được hoạt động công khai.

B. Đảm bảo an ninh quốc gia.

C. Đảm bảo sự phát triển lực lượng chính trị.

D. Giữ vững chủ quyền dân tộc.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập 1945 là nhà nước của

A. công-nông-binh.

B. toàn thể nhân dân.

C. công nhân và nông dân.

D. công nhân, nông dân và trí thức.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau ngày 2/9/1945 đến ngày 19/12/1946 phản ánh quy luật nào của lịch sử của lịch sử dân tộc Việt Nam:

A. Luôn giữ vững chủ quyền dân tộc.

B. Mềm dẻo trong quan hệ đối ngoại.

C. Dựng nước đi đôi với giữ nước.

D. Kiên quyết chống giặc ngoại xâm.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Trong nhiệm vụ bảo vệ biên giới, biển và hải đảo của ta hiện nay, chủ trương của Đảng và Chính phủ ta đối với vấn đề thù trong, giặc ngoài vẫn còn nguyên giá trị?

A. Cứng rắn về sách lược, mềm dẻo về nguyên tắc.

B. Mềm dẻo về nguyên tắc và sách lược.

C. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

D. Vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo về nguyên tắc và sách lược.

.....HẾT.....

BÀI 18: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết): Kết quả của cuộc chiến đấu chống Pháp ở Hà Nội của quân dân ta là

A. giải phóng được thủ đô Hà Nội.

B. phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.

C. tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.

D. giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến

Câu 2: (Nhận biết) Khi thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc vào thu đông 1947, Đảng ta đã có chỉ thị.

A. “đánh nhanh thắng nhanh”.

B. “ phải phòng ngự trước, tiến công sau”.

C. “ phải phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp”.

D. “ phải thực hiện tiến công chiến lược lên biên giới”.

Câu 3: (Nhận biết) Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu- đông 1947 nhằm mục đích

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

B. buộc ta phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.

C. khóa chặt biên giới Việt- Trung chặn nguồn liên lạc của ta với thế giới.

D. giành thắng lợi về quân sự để rút quân về nước.

Câu 4: (Nhận biết) Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến ?

A. Trung đoàn thủ đô.

B. Việt Nam giải phóng quân.

C. Cứu quốc quân.

D. Dân quân du kích.

Câu 5: (Nhận biết) Nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) là

A. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

B. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

C. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.

D. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 6: (Nhận biết) Theo kế hoạch Rove, thực dân Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 nhằm mục đích gì?

A. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với đồng bằng liên khu III, IV.

B. Khóa chặt biên giới Việt-Trung, ngăn chặn sự liên lạc của ta với thế giới.

C. Củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.

D. Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.

Câu 7: (Nhận biết) Sau Tạm ước 14-9-1946, ở miền Bắc quân Pháp khiêu khích tiến công quân ta ở những đâu?

A. Hà Nội- Bắc Ninh.

B. Hải Phòng- Quảng Ninh.

C. Lạng Sơn- Thái Nguyên.

D. Hải Phòng- Lạng Sơn.

Câu 8: (Nhận biết) Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta không được thể hiện trong văn kiện nào?

A. Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của ban thường vụ trung ương Đảng.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Chí Minh.

C. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Chỉ thị phải “ phá tan cuộc hành quân mùa đông của của giặc Pháp” của Đảng.

Câu 9: (Nhận biết) Sự kiện trực tiếp nào đưa đến quyết định toàn quốc kháng chiến của Đảng và chính phủ?

A. Hội nghị Phôngtennoblô thất bại.

B. Pháp chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.

C. Pháp tấn công Nam Bộ và Nam Trung bộ.

D. Pháp gọi tối hậu thư buộc ta giao quyền soát thủ đô.

Câu 10: (Nhận biết) Chiến thuật của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc là

- A. bao vây, triệt đường tiếp tế của ta. B. nhảy dù bất ngờ tấn công vào Việt Bắc.
C. tạo thế 2 gọng kềm và khép lại ở Đài Thị. D. tạo 2 gọng kềm từ Thất Khê và Cao Bằng lên.

Câu 11: (Nhận biết) Âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.
C. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 12: (Nhận biết) Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

- A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.
B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.
C. chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.
D. buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.

THÔNG HIỂU:

Câu 13: (Thông hiểu) Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

- A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.
B. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.
C. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.
D. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 14: (Thông hiểu) Vì sao ta mở chiến dịch biên giới thu- đông 1950?

- A. Bảo vệ thủ đô Hà Nội.
B. Tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới và củng cố căn cứ địa.
C. Nhằm phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp.
D. Đánh tan quân Pháp ở Việt Bắc ,buộc chúng chấm dứt chiến tranh xâm lược.

Câu 15: (Thông hiểu) Trong chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

- A. Trận đánh Đông Khê. B. Trận đánh Thất Khê.
C. Phục kích đánh địch trên đường số 4. D. Phục kích địch từ Cao Bằng rút chạy.

Câu 16: (Thông hiểu) Với việc đề ra kế hoạch Ro-ve vai trò của Mi đối với cuộc chiến tranh ở Đông Dương như thế nào?

- A. Không can thiệp vào Đông Dương.
B. Can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.
C. Bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.
D. Hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.

Câu 17: (Thông hiểu) Với chiến thắng Biên giới, kế hoạch Ro-ve như thế nào?

- A. Bị phá sản một bước. B. Bị phá sản hoàn toàn.
C. Không bị phá sản. D. Bước đầu giành thắng lợi.

Câu 18: (Thông hiểu) Sau khi kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, thực dân Pháp đã

- A. nghiêm chỉnh thực hiện theo tinh thần các văn kiện đã kí kết.

B. chỉ hiện một số điều trong các văn kiện đã kí kết.

C. vi phạm những điều đã kí kết .

D. buộc ta kí tiếp tục kí kết những văn kiện nhân nhượng khác.

Câu 19: (Thông hiểu) Sau khi phát động toàn quốc kháng chiến, Đảng và chính phủ ta đã

- A. tiến hành chiến tranh tổng lực đánh Pháp. B. tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.
C. chuẩn bị kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh. D. đợi thời cơ phản công Pháp.

Câu 20: (Thông hiểu) Đảng quyết tâm bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc vì

- A. Việt Bắc tập trung các cơ quan đầu não của ta. B. Việt Bắc là chiến trường chính giữa ta và Pháp.
C. Việt Bắc là trung tâm của thủ đô Hà Nội. D. Việt Bắc là căn cứ địa của ba nước Đông Dương.

Câu 21: (Thông hiểu) Chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954) là chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954. B. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.
C. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 22: (Thông hiểu) Vì sao ta đánh Đông Khê để mở màn chiến dịch Biên giới 1950?

- A. Vì để cắt đứt hệ thống phòng thủ của Pháp
B. Vì Đông Khê là nơi tập trung quân đông nhất của Pháp.
C. Vì Đông Khê là vị trí không quan trọng đối với Pháp.
D. Vì quân Pháp không có sự đề phòng ở Đông Khê.

Câu 23: (Thông hiểu) Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng 12-1946 đã phát huy đường lối đấu tranh nào sau đây của dân tộc ta?

- A. Chiến tranh nhân dân.
B. Chiến tranh đánh nhanh thắng nhanh.
C. Chiến tranh tâm lí.
D. Chiến tranh tranh thủ sự giúp đỡ hoàn toàn bên ngoài.

Câu 24: (Thông hiểu) Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh, nội dung nào sau đây thể hiện cơ bản nhất tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân Việt Nam?

- A. “ Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng”.
B. “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, ...”.
C. “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc”.
D. “ Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

Câu 25: (Thông hiểu) Tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân Việt Nam trong lời kêu gọi toàn quốc được Đảng và nhà nước ta phát huy như thế nào trong cuộc đấu tranh chủ quyền biển đảo với Trung Quốc hiện nay?

- A. Đấu tranh hòa bình, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế.
B. Nhân nhượng Trung Quốc một số điều khoản.
C. Đàm phán, chia sẻ với Trung Quốc.
D. Chấp nhận đổi một phần chủ quyền biển đảo cho một số lợi ích khác.

Câu 26: (Thông hiểu) Hành động của Pháp sau hiệp định Sơ bộ 6 -3- 1946 và Tạm ước 14-9-1946 đã cho ta thấy điều gì ?

- A.** Pháp chỉ cần một số quyền lợi. **B.** Pháp quyết tâm xâm lược nước ta lần nữa.
C. Pháp muốn khẳng định thế mạnh ở Đông Dương. **D.** Pháp muốn đàm phán với ta.

Câu 27: (Thông hiểu) Tinh quyết tâm trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện

A. ...chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

B. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...

C. bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.

D. ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm... ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...

Câu 28: (Thông hiểu) Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 đều có liên quan đến

- A.** căn cứ địa Việt Bắc. **B.** chiến trường Đông Dương.
C. hậu phương của ta. **D.** mở đường khai thông sang Trung Quốc.

VẬN DỤNG THẤP

Câu 29: (Vận dụng) Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh diệt viện của ta ?

- A.** Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947. **B.** Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.
C. Chiến dịch hòa bình. **D.** Chiến dịch Tây Bắc.

Câu 30: (Vận dụng) Khó khăn mới đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta

- A.** Mĩ can thiệp sâu và “đánh lủ” trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.
B. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiến hành trong điều kiện hoàn toàn tự lực cánh sinh.
C. Pháp đẩy mạnh xây dựng quân đội tay sai và thành lập chính quyền bù nhìn.
D. Tương quan lực lượng giữa ta và địch chênh lệch theo hướng có lợi cho Pháp, bất lợi cho ta.

Câu 31: (Vận dụng) Tinh thể của Pháp sau hai chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 và Biên giới thu - đông 1950 là

- A.** càng có lợi thế, bao vây tăng cường hơn nữa căn cứ địa Việt Bắc.
B. càng đánh càng thua, sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
C. thua cuộc, Pháp phải đàm phán kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.
D. Pháp vẫn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

Câu 32: (Vận dụng) Yếu tố nào sau đây không phản ánh bước phát triển cao hơn của chiến dịch Biên giới so với chiến dịch Việt Bắc?

- A.** Ta chủ động mở chiến dịch.
B. Ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.
C. Phương thức tác chiến đa dạng
D. Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Câu 33: (Vận dụng) Tinh chủ động của quân ta và Pháp trong hai chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Biên giới thu - đông 1950 là

- A.** Pháp đều chủ động đánh ta.
B. ta đều chủ động đánh Pháp.
C. Pháp chủ động trong chiến dịch Việt Bắc, ta chủ động trong chiến dịch Biên giới.
D. Pháp chủ động trong chiến dịch Biên giới, ta chủ động trong chiến dịch Việt Bắc.

Câu 34: (Vận dụng) Đầu 1950, Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính lứu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương chứng tỏ

- A.** Mĩ chỉ muốn hỗ trợ Pháp trong chiến tranh Đông Dương.
B. Mĩ sẽ thay thế Pháp tại chiến trường Đông Dương.
C. cuộc chiến tranh Đông Dương mang thêm tính chất của cuộc Chiến tranh lạnh.
D. nhân dân Đông Dương giờ đây chỉ tập trung đối phó với Mĩ.

Câu 35: (Vận dụng) Ý nào không phản ánh đúng điểm chung trong các kế hoạch Rove (1949), Đề án đơ tátxinhi(1950) Nava(1953) của thực dân Pháp?

- A.** Đề ra trong thế bị động, sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp.
B. Nhằm mục đích nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
C. Phô trương thanh thế cho chính quyền tay sai.
D. Có sự đồng ý và viện trợ của Mĩ.

Câu 36: (Vận dụng) Đảng ta đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xuất phát từ lí do chủ yếu nào?.

- A.** Pháp không thực hiện Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.
B. Pháp khiêu khích ta ở Hà Nội.
C. Nền độc lập chủ quyền nước ta bị đe dọa nghiêm trọng.
D. Chúng ta muốn hòa bình xây dựng đất nước.

VẬN DỤNG CAO

Câu 37: (Vận dụng cao) Hành động của Pháp từ sau Hiệp định sơ bộ đến trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện điều gì sau đây?

- A.** chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng.
B. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!
C. Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ
D. Bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp

Câu 38: (Vận dụng cao) Đầu 1950, việc các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta thể hiện

- A.** Vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế.
B. Nước ta muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới.

C. nước ta chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước Xã hội chủ nghĩa.

D. chỉ các nước Xã hội chủ nghĩa muốn đặt quan hệ ngoại giao với ta.

Câu 39: (Vận dụng cao) Điểm mới của chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 so với chiến dịch Việt Bắc

A. ta chủ động đánh Pháp.

B. Pháp chủ động đánh ta.

C. Pháp bị thất bại.

D. ta thất bại.

Câu 40: (Vận dụng cao) Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian:

1. Ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê.

2. Quân ta chặn đánh địch làm cho hai cánh quân không gặp được nhau.

2. Quân ta nổ súng đánh vào Đông Khê.

4. Đường số 4 được giải phóng.

A. 1,2,3,4.

B. 3,1,2,4.

C. 2,3,4,1.

D. 4,3,2,1.

Gợi ý

Câu 1: (Nhận biết) Hành động khiêu khích trắng trợn nhất của thực dân Pháp sau Hiệp định Sơ bộ (06/3/1946)

và Tạm ước (14/9/1946) là?

A. Tiến công các vùng tự do ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

B. Khiêu khích, tiến công ở Hải Phòng, Lạng Sơn.

C. Gây những cuộc xung đột vũ trang ở Hà Nội.

D. Gửi tới hậu thư đòi Chính phủ giải tán lực lượng chiến đấu, để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội.

Câu 2: (Nhận biết) Nhiệm vụ hàng đầu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (12/1946- 2/1947) là

A. củng cố hậu phương kháng chiến.

B. tiêu diệt toàn bộ sinh lực quân Pháp.

C. giam chân quân Pháp tại các đô thị.

D. bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến.

Câu 3: (Nhận biết) Thắng lợi của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (12/1946- 2/1947) đã

A. làm thất bại ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

B. làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.

C. mở ra bước phát triển lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

D. làm thất bại bước đầu kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.

Câu 4: (Nhận biết) Sau thất bại tại Việt Bắc (1947), kế hoạch xâm lược của Pháp phải chuyển từ

A. “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”.

B. đánh nhanh thắng nhanh” sang “vừa đánh vừa đàm”.

C. “chinh phục từng gó nhỏ” sang “đánh nhanh thắng nhanh”.

D. “đánh chắc tiến chắc” sang “đánh nhanh thắng nhanh”.

Câu 5: (Nhận biết) Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

A. Việt Bắc thu – đông năm 1947.

B. Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Tây Bắc thu – đông năm 1952.

D. Hòa Bình đông - xuân 1951-1952.

Câu 6: (Nhận biết) “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp” là chỉ thị của Trung ương Đảng đối với chiến dịch:

A. Việt Bắc.

B. Biên giới.

C. Tây Bắc.

D. Thượng Lào.

Câu 7: (Nhận biết) Việc Mỹ đồng ý với Pháp thực hiện kế hoạch Ro-ve (5/1949) là mốc mở đầu cho

A. thời kì Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á.

B. quá trình Mỹ trực tiếp dính líu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

C. sự hình thành liên minh quân sự mang tên “Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á” (SEATO).

D. chính sách xoay trục của Mỹ, tăng cường ảnh hưởng tại khu vực châu Á- Thái Bình Dương.

Câu 8: (Nhận biết) Đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp của Đảng đề ra trong năm 1946-1947 được xây dựng dựa trên cơ sở của những văn kiện lịch sử nào?

A. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, “Toàn quốc kháng chiến”.

B. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”.

C. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” và tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.

D. Chỉ thị “Toàn quốc kháng chiến”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” và tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.

Câu 9: (Nhận biết) Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là?

A. Hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và “hành lang Đông-Tây”.

B. Hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ và trung du.

C. Phòng tuyến “boongke”, “vành đai trắng” ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

D. Hệ thống phòng ngự ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 10: (Nhận biết) Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị bất thường Ban Thường vụ Trung Ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp mở rộng ở Vạn Phúc (Hà Đông) quyết định

A. Ra Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”.

B. Lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

C. Phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

D. Phát động toàn quốc kháng chiến.

Câu 11: (Nhận biết) Khi thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc năm 1947, Trung ương Đảng quyết định

A. Triển khai chiến lược đánh nhanh thắng nhanh.

B. Chủ động lui về giữ thế phòng ngự về chiến lược.

C. Phái phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.

D. Tổ chức phòng ngự kiên cường, tiến công dũng mãnh.

Câu 12: (Nhận biết) Chiến dịch Biên giới của quân và dân ta đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự nào của thực dân Pháp?

A. Kế hoạch quân sự Rove.

B. Kế hoạch quân sự Nava.

C. Kế hoạch quân sự Đờ Lát đơ Tátxinhi.

D. Kế hoạch “hành quân kép”.

Câu 13: (Thông hiểu): Đông Khê được chọn là nơi mở đầu chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 của quân dân Việt Nam, vì đó là vị trí

- A. án ngữ “Hành lang Đông - Tây” của thực dân Pháp.
- B. ít quan trọng nên bỏ phòng của Pháp có nhiều sơ hở.
- C. quan trọng nhất và tập trung cao nhất binh lực của Pháp.
- D. có thể đột phá, chia cắt tuyến phòng thủ của quân Pháp.

Câu 14: (Thông hiểu): Tài liệu nào dưới đây lần đầu tiên khẳng định sự nhân nhượng của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp xâm lược đã đến giới hạn cuối cùng?

- A. “ Kháng chiến nhất định thắng lợi” của tổng Bí thư Trường Chinh.
- B. “ Tuyên ngôn độc lập” của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.
- C. “ Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. “ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 15: (Thông hiểu): Văn kiện nào sau đây có ý nghĩa to lớn như lời hịch cứu quốc, như mệnh lệnh chiến đấu của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

- A. “Luận cương chính trị” của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. “Cương lĩnh chính trị” đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. “Tuyên ngôn độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 16: (Thông hiểu): Quyết tâm: “...Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước,nhất định không chịu làm nô lệ...” được trích từ văn kiện nào sau đây?

- A. “Tuyên ngôn Độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.
- C. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh.

Câu 17: (Thông hiểu): “...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa...” .Đoạn trích trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phản ánh

- A. Thiện chí hòa bình của Đảng, Chính phủ, nhân dân Việt Nam.
- B. Quyết tâm chống Pháp của dân tộc Việt Nam.
- C. Quyết tâm xâm lược của thực dân Pháp.
- D. Tội ác của thực dân Pháp.

Câu 18: (Thông hiểu): Sự kiện nào trực tiếp đưa đến quyết định của Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (19-12-1946)?

- A. Hội nghị trù bị ở Đà Lạt giữa ta và Pháp thất bại.
- B. Quân Pháp sát hại nhân dân ở phố Hàng Bún - Hà Nội.
- C. Pháp đánh chiếm các tỉnh Hải Phòng, Lạng Sơn và Nam Định.
- D. Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giao quyền kiểm soát thủ đô cho Pháp.

Câu 19: (Thông hiểu): Ngày 19-12-1946 thực dân Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và trao quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội cho chúng, chứng tỏ

- A. Thực dân Pháp đã ý đồ muốn chiếm đóng Hà Nội.
- B. Điều kiện đấu tranh hòa bình của chúng ta không còn nữa.
- C. Thực dân Pháp đã thay đổi thái độ và muốn đàm phán với ta.
- D. Hành động xâm lược Việt Nam (lần 2) của Pháp đã quá rõ ràng.

Câu 20: (Thông hiểu): Văn kiện trình bày đầy đủ nhất về đường lối kháng chiến chống Pháp là

- A. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. “Chỉ thị Toàn quốc kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.
- C. Một số bài trên báo Sự thật (3-1947) của Trường Chinh.
- D. Tác phẩm “Trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi”.

Câu 21: (Thông hiểu): Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947?

- A. Chứng tỏ sự đứng đắn trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.
- B. Buộc thực dân Pháp phải chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài.
- C. Quân đội Việt Nam giành được quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. Mở ra giai đoạn phát triển mới trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Câu 22: (Thông hiểu): Nội dung nào không phản ánh đúng mục tiêu mở chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950 của trung ương Đảng và chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa?

- A. Khai thông biên giới Việt- Trung.
- B. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- C. Giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện để giải phóng Bắc Lào.
- D. Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

Câu 23: (Thông hiểu): Nội dung bao trùm trong đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của Đảng đề ra trong năm 1946-1947 là

- A. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và liên minh quốc tế.
- B. Toàn dân, trường kì, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. Toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 24: (Thông hiểu): Ý nào dưới đây không giải thích đúng về nội dung “Kháng chiến toàn dân” trong đường lối kháng chiến chống Pháp do Đảng đề ra trong năm 1946-1947?

- A. Kháng chiến diễn ra trên mọi mặt trận, ở mọi đô thị trên cả nước.
- B. Mọi người dân của nước Việt Nam đều phải tham gia kháng chiến.
- C. Không phân biệt thành phần giai cấp, đảng phái, tôn giáo... trong xã hội.
- D. Đánh Pháp với khẩu hiệu: “Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài”.

Câu 25: (Thông hiểu): Âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp đã bước đầu bị phá sản sau thắng lợi nào của quân và dân ta?

- A. Thắng lợi trong cuộc chiến đấu tại đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.
- B. Thắng lợi trong chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.
- C. Thắng lợi trong chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950.
- D. Thắng lợi trong chiến dịch Tây Bắc thu-đông năm 1952.

Câu 26: (Thông hiểu): Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), trận đánh nào mở đầu chiến dịch Biên giới thu-đông 1950?

- A. Trận đánh ở Cao Bằng.
- B. Trận đánh ở Đông Khê.
- C. Trận đánh Thất Khê.
- D. Trận đánh ở Đình Lập.

Câu 27: (Thông hiểu): “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa”, là khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến về

- A. Kháng chiến sẽ diễn ra lâu dài, gian khổ, nhưng sẽ thắng lợi.
- B. Nguyên nhân phải kháng chiến là do thực dân Pháp cố tình xâm lược.
- C. Mục đích của cuộc kháng chiến quyền độc lập tự do.
- D. Thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam.

Câu 28: (Thông hiểu): Khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” đã thể hiện

- A. Tính chất lâu dài, gian khổ của cuộc kháng chiến.
- B. Tinh thần quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc.
- C. Mục đích kháng chiến vì độc lập tự do.
- D. Thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam.

Câu 29: (Vận dụng): Cuộc chiến đấu của quân dân ta từ tháng 12/1946 đến tháng 02/1947 tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài là

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.
- B. Cuộc chiến đấu ở Sài Gòn-Chợ Lớn.
- C. Cuộc chiến đấu ở Hà Nội trong 60 ngày đêm.
- D. Cuộc bao vây, tiến công Pháp ở Huế, Đà Nẵng.

Câu 30: (Vận dụng): “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!” được ra đời trong bối cảnh nào?

- A. Kháng chiến chống Pháp lan rộng ra Hà Nội.
- B. Chiến tranh Việt Nam-Pháp bùng nổ.
- C. Kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ.
- D. Kháng chiến chống Mĩ, cứu nước bùng nổ.

Câu 31: (Vận dụng): Chiến dịch phản công và giành thắng lợi đầu tiên trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của quân và dân ta là

- A. Chiến dịch Việt Bắc.
- B. Chiến dịch Biên giới.
- C. Chiến dịch Hòa Bình.
- D. Chiến dịch Tây Bắc.

Câu 32: (Vận dụng): Đây là ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên giới (1950) đối với quân dân ta?

- A. Giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn, đông dân.
- B. Mở ra bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến.
- C. Mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm.

- D. Pháp phải nhờ vào sự viện trợ của Mĩ.

Câu 33: (Vận dụng): Đường lối kháng chiến của Đảng nêu rõ tính chất của kháng chiến toàn quốc chống Pháp là

- A. Dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. Kháng chiến toàn dân, toàn diện.
- C. Chiến tranh tự vệ chính nghĩa.
- D. Thực hiện chương trình thống nhất đất nước.

Câu 34: (Vận dụng): Đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp đã xác định mục đích kháng chiến là

- A. Đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập hoàn toàn.
- B. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và bọn phản cách mạng.
- C. Tịch thu hết ruộng đất của phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”.
- D. Hai nhiệm vụ chiến lược là đánh đổ phong kiến và đế quốc quan hệ khăng khít với nhau.

Câu 35: (Vận dụng): Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng xác định phương châm của cuộc kháng chiến toàn quốc là

- A. Tiến ăn chắc, đánh ăn chắc, không chắc thắng thì không đánh.
- B. Đánh nhanh, thắng nhanh, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp tiến bộ.
- C. Trường kì và tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- D. Phải tập trung nhanh nhất lực lượng và binh khí để đánh Pháp.

Câu 36: (Vận dụng): Trung ương Đảng và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa quyết định phát động nhân dân cả nước đứng lên chống Pháp vào ngày 19/12/1946 là do

- A. Ta chủ động ngăn chặn cuộc chiến tranh bất lợi trước sau cũng sẽ bùng nổ.
- B. Phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.
- C. Con đường đàm phán hòa bình bị phá hoại, khả năng hòa hoãn không còn.
- D. Đây là hành động tự vệ chính đáng để bảo vệ độc lập.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 so với chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950 của quân dân Việt nam là về

- A. loại hình chiến dịch.
- B. địa hình tác chiến.
- C. đối tượng tác chiến.
- D. lực lượng chủ yếu.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân miền Nam trong các chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947, Biên giới thu- đông năm 1950 là có sự kết hợp giữa

- A. đánh điểm, diệt viện và đánh vận động.
- B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- C. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.
- D. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau ngày 2/9/1945 đến ngày 19/12/1946 phản ánh quy luật nào của lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Dựng nước đi đôi với giữ nước.
- B. Kiên quyết chống giặc ngoại xâm.
- C. Luôn giữ vững chủ quyền dân tộc.
- D. Mềm dẻo trong quan hệ đối ngoại.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...”, đó là sự phác thảo về

- A. Yêu cầu bức thiết đặt ra cho cách mạng Việt Nam.

B. Những nét cơ bản cách đánh của nhân dân.

C. Những loại vũ khí cơ bản của nhân dân trong kháng chiến.

D. Những nét cơ bản của đường lối kháng chiến nhân dân.

BÀI 19. Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)

Câu 1: (Nhận biết): Từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951, tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang) đã diễn ra

A. đại hội đại biểu lần thứ II, tại Bắc Pó (Cao Bằng).

B. đại hội biểu dương các anh hùng.

C. đại hội quốc dân họp tại Tân Trào (Tuyên Quang).

D. đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng.

Câu 2: (Nhận biết): Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần II quyết định đổi tên Đảng thành

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Đông Dương cộng sản Đảng.

Câu 3: (Nhận biết): Ngày 3/3/1951 đến ngày 7/3/1951 đại hội toàn quốc đã thống nhất thành lập

A. hội Liên Việt.

B. mặt trận Việt Minh.

C. Mặt trận Liên Việt.

D. hội Liên Hiệp quốc dân Việt Nam.

Câu 4: (Nhận biết): Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boongke), bình định vùng tạm chiếm và vơ vét sức người, sức của; đánh phá hậu phương kháng chiến của ta là nội dung của kế hoạch

A. Rơ ve.

B. Đờ Lát đơ Tátxinhi.

C. Na va.

D. Bô la éc.

Câu 5: (Nhận biết): Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ (9/1951) nhằm mục đích

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

B. can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

C. ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào mình.

D. giúp đỡ Pháp trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 6: (Nhận biết): Ý nghĩa nào sau đây không phải là ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951)?

A. Đánh dấu bước phát triển mới, bước trưởng thành của Đảng ta.

B. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kháng chiến.

C. Đảng ta tích lũy được một số kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.

D. Có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Câu 7: (Thông hiểu): Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào thành lập (3/1951) nhằm

A. tăng cường phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

B. tăng cường phát triển kinh tế của ba nước Đông Dương.

C. tăng cường giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

D. tăng cường khối đoàn kết của ba nước Đông Dương.

Câu 8: (Thông hiểu): Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng đã quyết định xuất bản tờ báo

A. Lao Động.

B. Tiền Phong.

C. Thanh Niên.

D. Nhân Dân.

Câu 9: (Thông hiểu): Để đánh phá hậu phương của ta, ngoài biện pháp quân sự, Đờ Lát đơ Tátxinhi còn sử

dụng biện pháp gì?

A. Biện pháp ngoại giao, chiến tranh kinh tế.

B. Chiến tranh tâm lý, chiến tranh kinh tế.

C. Chiến tranh chính trị, chiến tranh kinh tế.

D. Chiến tranh kinh tế, chiến tranh ngoại giao.

Câu 10: (Thông hiểu): Quyết định quan trọng nhất về công tác tổ chức Đảng của Đại hội đại biểu lần thứ hai là

A. thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới của Đảng.

B. tách Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng.

C. bầu Ban Chấp hành Trung ương của Đảng.

D. Đảng tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Câu 11: (Thông hiểu): Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Đảng Dân chủ Việt Nam.

C. Đảng Lao động Việt Nam.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 12: (Thông hiểu): Ngày 11/3/1951, Hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào có sự tham dự của đại biểu

A. Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Khome Itxarác, Mặt trận Lào Ítxala.

B. Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Lào, Chính phủ Campuchia.

C. Đảng Lao động Việt Nam, Đảng Nhân dân Lào, Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

D. Đảng Lao động Việt Nam, Mặt trận Khome Itxarác, Mặt trận Lào Ítxala.

Câu 13: (Thông hiểu): Mục tiêu trước mắt của việc phát triển nguy quân trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) là gì?

A. Xây dựng quân đội quốc gia mạnh.

B. Giúp cho nguy quyền lớn mạnh.

C. Tăng cường lực lượng cho Pháp.

D. Đánh phá vùng nông thôn của ta.

Câu 14: (Thông hiểu): Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) đã tác động gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của ta?

A. Gặp khó khăn trong xây dựng lực lượng kháng chiến.

B. Làm cho cuộc kháng chiến trở nên khó khăn, phức tạp.

C. Hạn chế sự chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Thu hẹp vùng tự do, vùng giải phóng của ta.

Câu 15: (Vận dụng) Điểm chung trong kế hoạch Rove năm 1949 và kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 là gì?

A. Bảo vệ chính quyền tay sai do Pháp lập ra.

B. Muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.

C. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

D. Thể hiện sức mạnh quân sự của Pháp.

Câu 16: (Vận dụng) Để bồi dưỡng sức dân, đầu năm 1953 Đảng và Chính phủ quyết định

A. đẩy mạnh sản xuất, chấn chỉnh thuế khoá.

B. phát động phong trào thi đua yêu nước trong mọi ngành.

C. phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

D. xây dựng nền ngân hàng, tài chính, thương nghiệp.

Câu 17: (Vận dụng) Đề biểu dương phong trào thi đua ái quốc, ngày 1/5/1952, Chính phủ đã tổ chức

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất.
- C. cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.
- D. ngày hội thi đua yêu nước và phát động phong trào thi đua yêu nước.

Câu 18: (Vận dụng) “Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến” là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đội ngũ

- A. nhà báo Việt Nam.
- B. văn nghệ sĩ Việt Nam.
- C. trí thức Việt Nam.
- D. nhà giáo Việt Nam.

Câu 19: (Vận dụng c_ơo) Củng cố và phát triển hậu phương vững mạnh trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp là

- A. một nhân tố quyết định to lớn nhất đối với thắng lợi của chiến tranh.
- B. điều kiện không thể thiếu được cho sự bùng nổ của chiến tranh.
- C. một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh.
- D. yếu tố quan trọng làm cho cuộc chiến tranh diễn ra trên cả nước.

Câu 20: (Vận dụng c_ơo) Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3-1951) Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì về xây dựng mặt trận hiện nay?

- A. Xây dựng khối liên minh công-nông.
- B. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.
- C. Đoàn kết các tôn giáo.
- D. Đoàn kết các dân tộc.

BÀI 15 + 19

Câu 1: (Nhận biết) Ngay từ năm 1936, Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra chủ trương thành lập mặt trận để tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân với tên gọi

- A. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 2: (Nhận biết) Phong trào đấu tranh công khai rộng lớn của quần chúng trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 mở đầu bằng sự kiện nào?

- A. Triệu tập Đông Dương đại hội.
- B. Vận động thành lập Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội.
- C. Thành lập các Ủy ban hành động ở nhiều địa phương.
- D. Đón phái viên của chính phủ Pháp sang Đông Dương.

Câu 3: (Nhận biết) Kế thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương được xác định trong thời kì 1936 - 1939 là

- A. thực dân Pháp nói chung.
- B. địa chủ phong kiến.
- C. thực dân phản động Pháp và tay sai.
- D. các quan lại của triều đình Huế.

Câu 4: (Nhận biết) Kế thù của cách mạng thế giới được Đại hội VII (7/1935) của Quốc tế Cộng sản xác định là

- A. chủ nghĩa phát xít.
- B. chủ nghĩa đế quốc.
- C. bọn phản động thuộc địa.
- D. chủ nghĩa thực dân.

Câu 5: (Nhận biết) Hình thức hoạt động của Đảng từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02/1951) là

- A. Hợp pháp.
- B. Bí mật.
- C. Công khai.
- D. Bất hợp pháp.

Câu 6: (Nhận biết) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương (02/1951) đã quyết định đổi tên Đảng là

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng Lao động Đông Dương.
- C. Đảng Lao động Việt Nam.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 7: (Nhận biết) Bước sang giai đoạn 1951 – 1953, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp chuyển biến như thế nào?

- A. Liên tiếp thất bại trên các mặt trận.
- B. Chuyển sang thế phòng ngự bị động.
- C. Được đẩy mạnh nhờ sự giúp đỡ của Mĩ.
- D. Tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

Câu 8: (Nhận biết) Đại hội đại biểu toàn quốc lần 2 của Đảng Cộng sản Đông Dương (2/1951) thông qua văn kiện nào dưới đây ?

- A. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.
- B. Tuyên ngôn và Điều lệ Đảng Cộng sản.
- C. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- D. Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới.

Câu 9: (Nhận biết) Ngày 23/12/1950, Mĩ đã kí với Pháp

- A. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ.
- B. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
- C. Hiệp ước công nhận chính phủ Bảo Đại.
- D. Hiệp định viện trợ kinh tế - tài chính.

Câu 10: (Nhận biết) Ngày 11/3/1951, Hội nghị đại biểu của nhân dân ba nước Đông Dương đã tuyên bố thành lập tổ chức nào?

- A. Liên minh Việt- Miên- Lào.
- B. Mặt trận Việt- Miên- Lào.
- C. Liên minh nhân dân Việt- Miên- Lào.
- D. Mặt trận thống nhất Việt- Miên- Lào.

Câu 11: (Nhận biết) Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950, Mĩ tiếp tục

- A. củng cố chính quyền Bảo Đại để hất Pháp khỏi Đông Dương.
- B. từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- C. trực tiếp đưa quân Mĩ vào chiến trường Đông Dương.
- D. ép Pháp kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 12: (Nhận biết) “Gấp rút tập trung quân Âu – Phi nhằm xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh...”. Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

- A. Rove.
- B. Nava.
- C. Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Đờ cát Tơ-ri.

Câu 13: (Thông hiểu) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02/1951) được gọi là “đại hội kháng chiến thắng lợi” vì

- A. đánh dấu sự thắng thế của xu hướng cộng sản.
- B. đánh dấu bước phát triển mới trong lãnh đạo của Đảng.
- C. đánh dấu sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam.
- D. đánh dấu sự phát triển của phong trào cách mạng Đông Dương.

Câu 14: (Thông hiểu) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02/1951) quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng riêng vì

- A. muốn tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng.
- B. phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.
- C. phù hợp với xu hướng phát triển của cách mạng.
- D. muốn nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Câu 15: (Thông hiểu) Đảng Cộng sản Đông Dương chuyển hướng chỉ đạo sách lược thời kì 1936-1939 dựa trên cơ sở nào ?

- A. Tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam.
- B. Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.
- C. Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở một số nước.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

Câu 16: (Thông hiểu) Nguyên nhân trực tiếp nào làm bùng nổ phong trào dân chủ 1936-1939 ?

- A. Do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.
- B. Do đời sống của các tầng lớp nhân dân gặp nhiều khó khăn.

C. Do thực dân Pháp tiến hành đàn áp phong trào cách mạng.

- D. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã phát động phong trào đấu tranh.

Câu 17: (Thông hiểu) Một trong những bài học kinh nghiệm chủ yếu được rút ra từ phong trào dân chủ 1936-1939 là

- A. chớp thời cơ trong cách mạng.
- B. xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. xây dựng khối liên minh công nông trí thức
- D. giành và xây dựng chính quyền.

Câu 18: (Thông hiểu) Hình thức đấu tranh mới được Đảng vận dụng trong phong trào dân chủ 1936-1939 là gì?

- A. Mítting, biểu tình đòi quyền sống.
- B. Đấu tranh nghị trường, hội họp.
- C. Đấu tranh nghị trường, đấu tranh báo chí.
- D. Biểu tình có vũ trang, bãi công chính trị.

Câu 19: (Thông hiểu) Phong trào dân chủ 1936-1939 thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vì lí do nào ?

- A. Có sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- B. Quần chúng đã được tuyên truyền và giác ngộ cao về chính trị.
- C. Đảng có mục tiêu, phương pháp và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp.
- D. Chính phủ mặt trận nhân dân Pháp nói lỏng một số chính sách tiến bộ.

Câu 20: (Thông hiểu) Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương được Đảng xác định trong thời kì 1936 - 1939 là

- A. đánh đổ đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc
- B. đánh đổ phong kiến để người cày có ruộng.
- C. chống phát xít, chống phản động thuộc địa và tay sai.
- D. chống đế quốc và chống phong kiến.

Câu 21: (Thông hiểu) Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhơ có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc kháng chiến của ta?

- A. Hậu phương của ta bị đánh phá.
- B. Vùng kiểm soát của ta bị thu hẹp
- C. Quân chủ lực của ta bị phân tán.
- D. vùng sau lưng địch thêm khó khăn, phức tạp.

Câu 22: (Thông hiểu) Tháng 9/1951, Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ nhằm

- A. trực tiếp rang buộc chính phủ Pháp vào Mĩ.
- B. tìm một giải pháp hòa bình cho chiến trường Đông Dương.
- C. đẩy mạnh can thiệp về kinh tế vào Việt Nam.
- D. trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

Câu 23: (Thông hiểu) Mục tiêu chủ yếu của Pháp khi tiến hành kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhơ là

- A. nhanh chóng tiêu diệt quân chủ lực của ta.
- B. mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.
- C. củng cố chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.
- D. giữ vững thế chủ động củ PHÁP trên chiến trường Đông Dương.

Câu 24: (Thông hiểu) Ý nghĩa của việc phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt giai đoạn 1951-1953 là gì ?

- A. Giành lại thế chủ động trên chiến trường chính.
- B. Tạo điều kiện đưa cuộc kháng chiến của ta đến thắng lợi hoàn toàn.
- C. Tạo bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- D. Là sự đồng tình của nhân dân trong cuộc kháng chiến.

Câu 25: (Thông hiểu) Trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939, hai sự kiện nào là tiêu biểu nhất ?

- A. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và đòi các quyền dân sinh dân chủ.
- B. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và đấu tranh nghị trường.
- C. Phong trào đón phái viên Chính phủ Pháp và đấu tranh nghị trường.
- D. Phong trào Đông Dương đại hội và cuộc mítting 1/5/1938 ở Hà Nội.

Câu 26: (Thông hiểu) Trong hai năm 1951-1952, về chính trị, sự kiện nào được xem là quan trọng nhất ?

- A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II.
- B. Đại hội thống nhất Việt Minh- Liên Việt.
- C. Hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt- Miên – Lào.
- D. Đại hội chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ I.

Câu 27: (Thông hiểu) Trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1951-1953 để xây dựng hậu phương vững mạnh, sự kiện nào sau đây mang lại lợi ích cho nông dân trực tiếp và cụ thể nhất ?

- A. Thành lập ngân hàng Quốc gia Việt Nam (1951).
- B. Ban hành chính sách về thuế nông nghiệp (1951).
- C. Phát hành đồng giấy bạc Việt Nam mới (1951).
- D. Đề ra cuộc vận động lao động sản xuất, thực hiện tiết kiệm (1952).

Câu 28: (Thông hiểu) Pháp tăng cường bình định vùng tạm chiếm trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi nhằm mục đích chủ yếu là

- A. làm lung lay tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.
- B. vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh.
- C. tăng cường kiểm soát nhân dân ta trong vùng vùng tạm chiếm.
- D. hạn chế sự chi viện của nhân dân cho lực lượng kháng chiến.

Câu 29: (Vận dụng) Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?

- A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong quần chúng nhân dân.
- B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

C. Tập hợp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.

D. Đảng tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 30: (Vận dụng) So với phong trào 1930 - 1931 điểm khác biệt về phương pháp đấu tranh của thời kỳ 1936 -1939 là kết hợp đấu tranh

- A. chính trị và đấu tranh vũ trang.
- B. nghị trường và đấu tranh trên mặt trận.
- C. công khai và nửa công khai.
- D. ngoại giao với vận động quần chúng.

Câu 31: (Vận dụng) Đặc điểm nổi bật nhất của phong trào dân chủ 1936-1939 là gì ?

- A. Là phong trào đầu tiên do Đảng lãnh đạo.
- B. Quy mô rộng lớn, tính chất quyết liệt, triệt để.
- C. Lần đầu tiên công – nông thể hiện sự đoàn kết đấu tranh.
- D. Mang tính quần chúng, quy mô rộng lớn, hình thức phong phú.

Câu 32: (Vận dụng) So với phong trào 1930 – 1931, mục tiêu đấu tranh của phong trào dân chủ 1936-1939 có sự thay đổi gì ?

- A. Tập trung vào nhiệm vụ phản đế.
- B. Tập trung vào nhiệm vụ phản phong.
- C. Đòi giảm tô, giảm tức, xoá nợ cho nông dân.
- D. Đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ, hoà bình.

Câu 33: (Vận dụng) So với giai đoạn 1946-1950, điểm mới trong xác định kẻ thù của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951-1953 là gì ?

- A. Chống Pháp và phong kiến.
- B. Chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.
- C. Chống Pháp và tay sai.

D. Chống thực dân Pháp và các đảng phái phản động.

Câu 34: (Vận dụng) Điểm chung trong kế hoạch Rơ ve năm 1949, kế hoạch Đờ Lát Tátxinhhi năm 1950 và kế hoạch Nava năm 1953 là

- A. Tiếp tục thống trị lâu dài Việt Nam.
- B. Kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- C. Muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.
- D. Phổ trương thanh thế, tiềm lực, sức mạnh.

Câu 35: (Vận dụng) Phát biểu nào dưới đây **đúng nhất** về lí do phong trào dân chủ 1936 - 1939 được coi là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám (1945)?

- A. Phong trào đã xác định đúng kẻ thù của cách mạng.
- B. Phong trào đã sử dụng phương pháp đấu tranh hiệu quả.
- C. Phong trào đã đề lại bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
- D. Phong trào đã kết nối cách mạng Đông Dương với cách mạng thế giới.

Câu 36: (Vận dụng) So với kế hoạch Rơ ve (1949) thì kế hoạch Đờ Lát Đơ Tátxinhhi (1950) được xem là

- A. Một bước tiến trong cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương.
- B. Một bước lùi trong cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương.
- C. Sự bế tắc của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.
- D. Sự thỏa hiệp của Pháp và Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.

Câu 37: (Vận dụng c_Đ) Từ phong trào dân chủ 1936-1939, bài học nào còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay ?

- A. Chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.
- B. Phương pháp tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- C. Linh hoạt các phương pháp đấu tranh kinh tế, chính trị, ngoại giao.
- D. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mac-Lênin vào cách mạng nước ta.

Câu 38: (Vận dụng c_Đ) Đánh giá nào là đúng nhất về tình thế của Pháp trên chiến trường Đông Dương khi thực hiện kế hoạch Đờ Lát Tátxinhhi ?

- A. Là kế hoạch quân sự phản ánh sự nỗ lực cao nhất của Pháp và Mĩ nhằm kết thúc chiến tranh.
- B. Là kế hoạch quân sự đánh dấu sự lệ thuộc hoàn toàn của Pháp vào Mĩ để tiếp tục cuộc chiến tranh ở Đông Dương.
- C. Là kế hoạch quân sự phản ánh sự nỗ lực cao nhất của Pháp dưới sự hỗ trợ tích cực của Mĩ nhằm sớm kết thúc chiến tranh.
- D. Là kế hoạch quân sự phản ánh tình thế trên chiến trường không gì cứu vãn nổi của Pháp ở Đông Dương.

Câu 39: (Vận dụng c_Đ) Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt, Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công tác xây dựng mặt trận hiện nay ?

- A. Đoàn kết các dân tộc.
- B. Đoàn kết các tôn giáo.
- C. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.
- D. Xây dựng khối liên minh công-nông.

Câu 40: (Vận dụng c_Đ) Từ thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần II (2/1951), bài học cơ bản nào Việt Nam có thể rút ra để giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay ?

- A. Tăng cường sự đoàn kết quốc tế.
- B. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

HẾT

Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954)

Gợi 1

Nhận biết: 12 câu

Câu 1: (Nhận biết): Âm mưu của Mĩ trong kế hoạch Nava ở Đông Dương là

- A. giúp Pháp mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản.
- B. ép Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.
- C. giúp Pháp giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. giúp Pháp kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 2: (Nhận biết): Lí do chủ yếu khiến Pháp cử Nava làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương là

- A. vì Pháp bị thiệt hại nặng nề, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, khó khăn về kinh tế, tài chính.
- B. vì chiến tranh Triều Tiên đã kết thúc.
- C. vì nhân dân Pháp ngày càng phẫn nộ đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. vì Nava được Mĩ chấp nhận.

Câu 3: (Nhận biết): Các tướng lĩnh Pháp - Mĩ đã coi tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là

- A. “một tập đoàn quân chủ lực”.
- B. “một pháo đài bất khả chiến bại”.
- C. “một pháo đài bất khả xâm phạm”.
- D. “một sở chỉ huy vùng Tây Bắc”.

Câu 4: (Nhận biết): Nội dung cơ bản của kế hoạch Nava trong thu – đông 1953 và xuân 1954 là

- A. phòng ngự ở Bắc Bộ, tiến công bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.
- B. chuyển lực lượng ra Bắc Bộ, tạo thế lực trên bàn đàm phán.
- C. tập trung lực lượng tiến công để giành lại thế chủ động.
- D. mở rộng hoạt động thổ phi, biệt kích ở vùng rừng núi, biên giới.

Câu 5: (Nhận biết): Nội dung cơ bản của kế hoạch Nava từ thu – đông năm 1954 là

- A. phòng ngự ở Bắc Bộ, tiến công bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.
- B. chuyển lực lượng ra Bắc Bộ, tiến công giành thắng lợi quân sự quyết định.
- C. tập trung lực lượng để giành lại thế chủ động trên chiến trường chính.
- D. mở rộng hoạt động thổ phi, biệt kích ở vùng rừng núi, biên giới.

Câu 6: (Nhận biết): Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm mục đích

- A. làm chủ Đông Dương.
- B. tiêu diệt địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- C. đánh trận quyết định.
- D. phát huy được những lợi thế của quân đội ta.

Câu 7: (Nhận biết): Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) là

- A. một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.
- B. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Câu 8: (Nhận biết): Một trong những nhiệm vụ chính được Đảng đề ra trong kế hoạch quân sự đông – xuân 1953 – 1954 là

- A. loại khỏi vòng chiến đấu một bộ phận lực lượng địch.
- B. tiêu diệt địch là chính.
- C. giữ vững thế chủ động.
- D. giữ vững những vùng tự do.

Câu 9: (Nhận biết): “Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu”, là phương hướng chiến lược của ta trong

- A. chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- B. chiến dịch Hòa Bình đông - xuân năm 1951 - 1952.
- C. Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.
- D. chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

Câu 10: (Nhận biết): Đối với thế giới, chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) có ý nghĩa

- A. đánh dấu bước phát triển của phong trào giải phóng giành độc lập trên thế giới.
- B. đập tan âm mưu câu kết của các thế lực phản động quốc tế.
- C. đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. mở đầu thời kì tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa.

Câu 11: (Nhận biết): Chiến thắng của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 có ý nghĩa như thế nào?

- A. Làm phá sản kế hoạch Nava, đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới.
- B. Khai thông con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Chuẩn bị vật chất và tinh thần cho quân ta mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ.
- D. Tạo điều kiện để quân ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 12: (Nhận biết): Nava chọn Điện Biên Phủ làm khâu chính trong kế hoạch quân sự của mình là do

- A. lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ đông, nên Nava phải điều quân lên Tây Bắc.
- B. Điện Biên Phủ xa hậu phương của quân ta, đường giao thông khó khăn.
- C. Có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và Đông Nam Á.
- D. cuộc tiến công chiến lược của quân ta làm đảo lộn kế hoạch Nava.

Thông hiểu: 16 câu

Câu 13: (Thông hiểu): Kế hoạch Nava làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta gặp nhiều khó khăn, vì

- A. thể hiện sự câu kết chặt chẽ của Pháp – Mĩ.
- B. hàm chứa duy nhất yếu tố quân sự.
- C. ra đời khi thế và lực quân Pháp đang mạnh.
- D. mang tính toàn diện và quy mô lớn.

Câu 14: (Thông hiểu): Một khó khăn khi Pháp – Mĩ thực hiện kế hoạch Nava là

- A. xây dựng lực lượng cơ động chiến lược.
- B. thực hiện tiến công chiến lược quy mô lớn.
- C. mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng.
- D. tạo thế và lực mạnh trên chiến trường.

Câu 15: (Thông hiểu): Việc thực hiện phương hướng chiến lược của ta trong đông - xuân 1953 - 1954 sẽ có tác dụng

- A. làm cho địch tập trung quân chủ lực, giúp ta tiêu diệt toàn bộ lực lượng chủ lực của chúng.
- B. khiến địch phải tập trung vào vùng đồng bằng, giúp ta sử dụng lối đánh du kích.
- C. đánh lạc hướng tiến công của địch, tạo so sánh lực lượng có lợi cho ta.
- D. khiến địch phải bị động phân tán lực lượng để đối phó với ta ở những nơi xung yếu.

Câu 16: (Thông hiểu): Xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh, chấp nhận giao chiến với ta tại Điện Biên Phủ, Pháp – Mĩ âm mưu

- A. giành lại thế chủ động tại chiến trường Tây Bắc.
- B. bảo vệ Tây Bắc Việt Nam, ngăn liên lạc của ta với Lào.
- C. thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.
- D. uy hiếp tinh thần của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến.

Câu 17: (Thông hiểu): Chiến thắng Điện Biên Phủ là đỉnh cao của Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 vì

- A. đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- B. đã kết thúc hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.
- C. bước đầu làm phá sản kế hoạch quân sự Nava, giáng đòn nặng nề vào Mĩ.
- D. từ đây cuộc kháng chiến có thêm sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 18: (Thông hiểu): Chiến thắng quân sự nào làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava?

- A. Chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950.
- B. Chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
- D. Chiến thắng đồng – xuân 1953 – 1954.

Câu 19: (Thông hiểu): Bước sang năm 1953, thái độ của Pháp về cuộc chiến tranh ở Đông Dương có thay đổi gì?

- A. Muốn kết thúc nhanh cuộc chiến tranh.
- B. Muốn trì hoãn việc đàm phán hoà bình.
- C. Muốn kết thúc cuộc chiến tranh trong danh dự.
- D. Muốn kéo dài cuộc chiến tranh.

Câu 20: (Thông hiểu): Nội dung nào không phải ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ?

- A. Đập tan kế hoạch Nava.
- B. Giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.
- D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.

Câu 21: (Thông hiểu): Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lý ghi nhận

- A. quyền dân tộc cơ bản của nhân dân miền Bắc Việt Nam.
- B. quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- C. quyền dân tộc cơ bản của nhân dân miền Nam Việt Nam.
- D. quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

Câu 22: (Thông hiểu): Nhân tố quyết định thắng lợi tại Hội nghị Giơnevơ 1954, đối với Đông Dương là

- A. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. chiến thắng đồng – xuân 1953 – 1954.
- C. chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
- D. sự đoàn kết ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 23: (Thông hiểu): Thắng lợi lớn nhất của quân dân Việt Nam đã buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút quân về nước là

- A. chiến dịch Việt Bắc năm 1947.
- B. chiến dịch Biên giới năm 1950.
- C. chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).
- D. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương năm 1954.

Câu 24: (Thông hiểu): Đối với cách mạng Việt Nam, thắng lợi của kháng chiến chống Pháp (1945-1954) có ý nghĩa lịch sử

- A. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.
- B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- C. Mở ra kỉ nguyên độc lập dân tộc, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Mở ra kỉ nguyên độc lập dân tộc, đánh đổ vĩnh viễn ách thống trị của đế quốc và phong kiến trên nước ta.

Câu 25: (Thông hiểu): Nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đối với Việt Nam là

- A. sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- C. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
- D. có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước.

Câu 26: (Thông hiểu): Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) thắng lợi, đưa miền Bắc chuyển sang giai đoạn mới là

- A. cách mạng dân chủ nhân dân.
- B. cách mạng ruộng đất.
- C. cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 27: (Thông hiểu): Đối với thế giới, kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1945-1954) thắng lợi góp phần làm

- A. suy yếu đế quốc Pháp ở Đông Dương.
- B. tiêu tan ý chí xâm lược của những nước đế quốc lớn.
- C. phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở châu Á.
- D. tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 28: (Thông hiểu): Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 - 1954) thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ

- A. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa ở Á, Phi, Mĩ Latinh.
- B. phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
- C. phong trào vì hòa bình của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.
- D. phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Vận dụng: 8 câu

Câu 29: (Vận dụng) Kế hoạch Nava khi mới ra đời đã hàm chứa yếu tố thất bại, bởi vì

- A. Pháp – Mĩ bất đồng vì ý đồ của Mĩ muốn thay Pháp ở Đông Dương.
- B. Pháp không đủ quân để xây dựng lực lượng chiến lược như trong kế hoạch.

C. Pháp mất hoàn toàn quyền chủ động trên chiến trường Đông Dương.

D. ra đời trong thế bị động, mâu thuẫn giữa thế và lực với mục tiêu chiến lược của Pháp.

Câu 30: (Vận dụng) Đánh giá như thế nào về Kế hoạch Nava?

A. Phản ánh nỗ lực cao nhất của quân Pháp với sự giúp đỡ của Mĩ.

B. Phản ánh sự lệ thuộc sâu sắc của Pháp vào Mĩ trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

C. Phản ánh không giải quyết được mâu thuẫn giữa vấn đề tập trung và phân tán quân.

D. Phản ánh nỗ lực cao nhất, sự lệ thuộc sâu sắc vào Mĩ, không giải quyết được mâu thuẫn giữa vấn đề tập trung và phân tán quân.

Câu 31: (Vận dụng) Việc Pháp tập trung 44/84 tiểu đoàn ở đồng bằng Bắc Bộ phản ánh điều gì?

A. Đây là chiến trường chính giữa ta và Pháp.

B. Kế hoạch Nava ngay từ khâu đầu tiên đã có sơ hở.

C. Không giải quyết được mâu thuẫn giữa vấn đề tập trung và phân tán quân.

D. Để hỗ trợ các chiến trường khác.

Câu 32: (Vận dụng) Phương hướng chiến lược của ta trong Đông Xuân 1953 - 1954?

A. Đánh về đồng bằng, nơi Pháp tập trung binh lực để chiếm giữ.

B. Đánh vào các căn cứ của Pháp vùng rừng núi, nơi quân ta có thể phát huy ưu thế tác chiến.

C. Đánh vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

D. Đánh vào những vị trí chiến lược mà địch tương đối yếu ở Việt Nam.

Câu 33: (Vận dụng) Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) là

A. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

D. không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Câu 34: (Vận dụng) Điểm yếu của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ do Pháp xây dựng là

A. nằm ở lòng chảo Điện Biên, bốn bề núi bao quanh, rất thuận lợi cho ta tổ chức tiến công.

B. nằm xa hậu phương của Pháp, rất dễ cô lập khi đường đồ bộ bị khống chế.

C. nằm ở địa bàn trọng yếu, cả hai bên đều quyết tâm chiếm giữ.

D. hệ thống công sự không có địa hình địa vật che chở, rất dễ bị ta tiến công khống chế.

Câu 35: (Vận dụng) Tình hình quân Pháp tại Điện Biên sau cuộc tiến công đợt 1 của quân ta là

A. Pháp bị mất sân bay Hồng Cúm, bị ta bao vây ở phân khu trung tâm.

B. Pháp mất lá chắn phía Bắc, bị ta bao vây ở phân khu trung tâm.

C. Pháp bị cắt đứt hoàn toàn khả năng tiếp viện bằng đường không.

D. Pháp bị mất sân bay Mường Thanh, cầu hàng không bị cắt đứt.

Câu 36: (Vận dụng) Tình hình của Pháp ở Điện Biên sau cuộc tiến công đợt 2 của quân ta là

A. toàn bộ phân khu Nam bị tiêu diệt.

B. sân bay Mường Thanh bị khống chế, phân khu Nam bị tiêu diệt.

C. các cao điểm phía đông phân khu Trung tâm bị mất, cầu tiếp viện hàng không bị khống chế.

D. phân khu Bắc tê liệt, phân khu Nam và phân khu Trung tâm bị bao vây chặt.

Vận dụng cao: 4 câu

Câu 37: (Vận dụng cao): Hội nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng (9 - 1953) đề ra kế hoạch Đông - Xuân (1953 - 1954) với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận nào?

A. Chính trị và quân sự.

B. Chính diện và sau lưng địch.

C. Quân sự và ngoại giao.

D. Chính trị và ngoại giao.

Câu 38: (Vận dụng cao): Lý do nào sau đây không đúng khi nói về ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với thực dân Pháp?

A. Ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch dự định trước của Nava.

B. Pháp cho rằng ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.

C. Điện Biên Phủ có tầm quan trọng đối với Miền Bắc Đông Dương.

D. Quân ta có đủ điều kiện đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ.

Câu 39: (Vận dụng cao): Để phá sản bước thứ nhất kế hoạch Nava, chủ trương nào sau đây của ta là cơ bản nhất?

A. Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch buộc chúng phân tán lực lượng.

B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phân tán lực lượng địch.

C. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở.

D. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Sênô, Plâyku, Luôngphabang.

Câu 40: (Vận dụng cao): Điểm khác nhau căn bản về phương châm tác chiến của Việt Nam khi mở Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) so với cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 là gì?

A. Đánh vào những nơi quan trọng mà Pháp sơ hở, buộc chúng phải phân tán lực lượng ra nhiều nơi.

B. Đánh vào những nơi tập trung binh lực lớn nhất của quân Pháp ở Đông Dương để kết thúc chiến tranh.

C. Đánh vào những nơi quan trọng của Pháp, buộc chúng gặp khó khăn để rút dần quân về nước.

D. Làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng.

-HẾT-

Gợi 2

Câu 1: (Nhận biết) Nội dung cơ bản trong bước thứ nhất của kế hoạch quân sự Nava là gì?

A. Phòng ngự chiến lược ở Bắc bộ, tấn công chiến lược ở Trung bộ và Nam Đông Dương.

B. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 2: (Nhận biết) Kế hoạch Nava chia làm bao nhiêu bước

A. một bước.

B. hai bước.

C. ba bước.

D. bốn bước.

Câu 3: (Nhận biết) Để thực hiện kế hoạch Nava, Pháp đã tập trung ở Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

A. 40 tiểu đoàn.

B. 44 tiểu đoàn.

C. 46 tiểu đoàn.

D. 84 tiểu đoàn.

Câu 4: (Nhận biết) Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Nava:

A. Lấy lại thể chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.

B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định, “kết thúc chiến tranh trong danh dự”

C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.

D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh theo ý muốn.

Câu 5: (Nhận biết) Lý do chủ yếu nhất Pháp cử Nava sang Đông Dương?

A. Vì sau chiến tranh Triều Tiên, Mĩ muốn tăng cường can thiệp vào Đông Dương.

B. Vì Nava được Mĩ chấp thuận.

C. Vì phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Pháp lên cao.

D. Sau 8 năm tiến hành chiến tranh Pháp sa lầy, vùng chiếm đóng bị thu hẹp có nhiều khó khăn về kinh tế tài chính.

Câu 6: (Nhận biết) Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông Xuân 1953-1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông xuân 1953-1954.

Câu 7: (Nhận biết) Đông - Xuân 1953 - 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông- pha-băng.

B. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Play-cu, Luông-pha-băng.

C. Điện Biên Phủ, Thà khết, Play-cu, Luông-pha-băng

D. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Play-cu, Sầm Nưa.

Câu 8: (Nhận biết) Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 - 1956.

D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

Câu 9: (Vận dụng): Trong các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954) nguyên nhân nào quyết định nhất?

A. Có một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng.

B. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng.

C. Có hậu phương vững chắc.

D. Có tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 10: (Nhận biết) Bước vào Đông - Xuân 1953-1954, âm mưu của Pháp- Mĩ là?

A. giành thắng lợi quân sự quyết định nhằm “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 11: (Nhận biết) Chiến thắng nào quyết định thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 ?

A. Chiến thắng Biên Giới.

B. Chiến thắng Tây Bắc.

C. Chiến thắng Đông – xuân 1953 – 1954.

D. Chiến thắng Điện Biên Phủ - 1954.

Câu 12: (Nhận biết) Để phá sản bước thứ nhất kế hoạch Nava, chủ trương nào sau đây của ta là cơ bản nhất?

A. Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch buộc chúng phân tán lực lượng.

B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phân tán lực lượng địch.

C. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở.

D. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Xê-nô, Play- cu, Luông-pha-băng.

Câu 13: (Thông hiểu) Đông Xuân 1953-1954 ta tích cực, chủ động tiến công địch ở 4 hướng nào sau đây?

A. Việt Bắc, Tây Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Thanh - Nghệ - Tĩnh.

B. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào

C. Tây Bắc, Hạ Lào, Trung Lào, Nam. Lào.

D. Tây Bắc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Thượng Lào.

Câu 14: (Thông hiểu) Hội nghị Bộ chính trị Trung Ương Đảng (9-1953) đề ra kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953-1954 với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận nào?

A. Chính trị và quân sự.

B. Chính diện và sau lưng địch.

C. Quân sự và ngoại giao.

D. Chính trị và ngoại giao.

Câu 15: (Thông hiểu) Phương châm chiến lược của ta trong Đông - Xuân 1953 -1954 là gì?

A. “Đánh nhanh, thắng nhanh”.

B. “Đánh chắc, thắng chắc”.

C. “Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng”.

D. "Tích cực, chủ động, linh hoạt." "Đánh chắc thắng”.

Câu 16: (Thông hiểu) Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động đối phó... Đó là phương hướng chiến lược của ta trong:

A. Phá sản kế hoạch Na-va.

B. Chiến dịch Tây Bắc.

C. Đông - Xuân 1953-1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 17: (Thông hiểu) Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 là gì?

A. Làm thất bại âm mưu kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp.

B. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp -Mĩ.

C. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán và giam chân ở miền rừng núi.

D. Làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp.

Câu 18: (Thông hiểu) Trước tình thế sa lầy và thất bại của Pháp ở Đông Dương, thái độ của Mĩ đối với cuộc chiến tranh Đông Dương như thế nào?

- A. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
- B. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.
- C. Can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
- D. Không can thiệp sâu vào Đông Dương.

Câu 19: (Thông hiểu) Thắng lợi nào đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp?

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 thắng lợi.
- B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ.
- C. Thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 và chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ.
- D. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

Câu 20: (Thông hiểu) Lý do nào sau đây *không đúng* khi nói về việc ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với thực dân Pháp?

- A. Ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch dự định trước của Nava.
- B. Pháp cho rằng ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.
- C. Điện Biên Phủ có tầm quan trọng đối với Miền Bắc Đông Dương.
- D. Quân ta có đủ điều kiện đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ.

Câu 21: (Thông hiểu) Các tướng lĩnh của Pháp và Mĩ đều coi Điện Biên Phủ là

- A. bất khả chiến bại.
- B. vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương.
- C. tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.
- D. “một pháo đài bất khả xâm phạm” và “cối xay” bộ đội Việt Minh nếu tấn công vào.

Câu 22: (Thông hiểu) Sự kiện nào đánh dấu chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương?

- A. Thắng lợi cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954.
- B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
- C. Pháp rút khỏi miền Bắc Việt Nam.
- D. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

Câu 23: (Thông hiểu) Từ Thu - Đông năm 1953, ở chiến trường Đông Dương quân Pháp tập trung quân lớn nhất ở đâu?

- A. Đồng bằng Bắc bộ.
- B. Tây Bắc.
- C. Thượng Lào.
- D. Các thành phố.

Câu 24: (Thông hiểu) Kết quả lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

- A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp - Mĩ.
- B. Tiêu diệt và bắt sống 16200 tên địch, hạ 62 máy bay thu nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của Pháp và Mĩ.
- C. Giải phóng 4000km đất đai và 40 vạn dân.

D. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

Câu 25: (Thông hiểu) Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là gì?

A. Thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu anh hùng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

B. Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX.

C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

D. Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự đấu tranh giải phóng mình

Câu 26: (Thông hiểu) Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận:

A. quyền được hưởng độc lập, tự do của nhân dân các nước Đông Dương.

B. các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

C. quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.

D. quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

Câu 27: (Thông hiểu) Na va tập trung mọi cố gắng để làm gì ở Điện Biên Phủ ?

A. Chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với ta.

B. Điện Biên Phủ trở thành đầu mối giao thông quan trọng trong việc đánh chiến Đông Dương.

C. Xây dựng thế trận ở Điện Biên Phủ thành nơi trú quân trong chiến lược phòng ngự của mình.

D. Xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

Câu 28: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông – Xuân 1953 – 1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong Đông – Xuân 1953 – 1954.

Câu 29: (Vận dụng): Điểm mấu chốt của kế hoạch Nava là gì?

A. Tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh, mở một số cuộc tiến công chiến lược.

B. Phân tán lực lượng để chủ động đối phó với các mũi tiến công của ta.

C. Tập trung binh lực ở đồng bằng Bắc Bộ, mở mũi tiến công lên Tây Bắc và Bắc Lào.

D. Tập trung binh lực, mở trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh.

Câu 30: (Vận dụng): Trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954, chiến thắng nào của quân và dân ta được ghi nhận là “ cái mốc bằng vàng, nơi ghi dấu chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc”?

A. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến thắng Việt Bắc năm 1947.

C. Chiến thắng Biên giới năm 1950.

D. Chiến thắng trong Đông – Xuân 1953 – 1954.

Câu 31: (Vận dụng): “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh...” đó là nhận định của chủ tịch Hồ Chí Minh về thắng lợi nào?

A. Kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).

B. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945).

C. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới (1950).

D. Kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

Câu 32: (Vận dụng): Chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
C. Chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952. D. Chiến dịch Biên giới năm 1950

Câu 33: (Vận dụng): Phương châm của ta khi chuẩn bị mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ ?

- A. “Đánh nhanh thắng nhanh” B. “Đánh chắc, thắng chắc”.
C. “Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng” D. “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”

Câu 34: (Vận dụng): Nội dung nào của hiệp định Giơ ne vơ là thắng lợi lớn nhất của ta ?

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. Các nước để quốc không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương.

C. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

D. Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, hưởng quy chế tự trị.

Câu 35: (Vận dụng): Nội dung nào không phải là ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ ?

A. Đập tan kết hoạch Nava.

B. Gián một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.

Câu 36: (Vận dụng): Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: « Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc ta như..... của thế kỉ XX ».

A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm – Xoài Mút, một Đống Đa.

D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) có ý nghĩa quốc tế sâu sắc vì

A. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

B. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

C. đã mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

D. đã chọc thủng một khâu trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Bài học kinh nghiệm nào trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) tiếp tục được Đảng ta vận dụng trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975)?

A. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và dân vận.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

C. Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

D. Tăng cường đoàn kết trong nước và quốc tế.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Để phá sản bước thứ nhất kế hoạch Nava, chủ trương nào sau đây của ta là cơ bản nhất ?

A. Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch buộc chúng phân tán lực lượng.

B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông đường biên giới.

C. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở.

D. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Xê-nô, Plây-cu, Luông-pha-bang.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp (1945 – 1954) được kết thúc bằng sự kiện nào?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết.

D. Các cuộc tiến công chiến lược trong đông – xuân 1953 - 1954

Bài 21 – Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965)

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết) Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. Mĩ thay chân Pháp, thành lập chính quyền tay sai ở miền Nam.

B. miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.

C. miền Bắc được giải phóng, đi lên Chủ nghĩa xã hội.

D. đất nước bị chia cắt thành 2 miền, với 2 chế độ chính trị-xã hội khác nhau.

Câu 2: (Nhận biết) Mục đích của Đảng khi thực hiện cải cách ruộng đất là

A. củng cố khối liên minh công – nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

B. thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”.

C. xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn của cả nước.

D. xây dựng đời sống mới cho nhân dân.

Câu 3: (Nhận biết) Những thắng lợi quân sự nào làm phá sản hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Ấp Bắc, Đồng Xoài, An Lão.

B. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

C. Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Vạn Tường, núi Thành, An Lão.

Câu 4: (Nhận biết) Nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

B. tiến hành xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

C. cả nước tập trung kháng chiến chống Mĩ-Ngụy ở miền Nam.

D. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

Câu 5: (Nhận biết) Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào?

- A.** quyết định đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.
- B.** quyết định đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- C.** quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- D.** đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến ở miền Nam.

Câu 6: (Nhận biết) Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” là

- A.** đưa nhân dân lên làm chủ ở nhiều thôn, xã miền Nam.
- B.** giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- C.** làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- D.** đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam.

Câu 7: (Nhận biết) Khi quân Pháp rút khỏi Việt Nam, điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 chưa được thực hiện?

- A.** Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc.
- B.** Để lại quân đội ở miền Nam.
- C.** Để lại cố vấn quân sự.
- D.** Không bồi thường chiến tranh.

Câu 8: (Nhận biết) Lực lượng nòng cốt thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam là

- A.** quân đội Sài Gòn.
- B.** quân Mĩ và quân đồng minh.
- C.** quân đội Sài Gòn và quân Đồng minh của Mĩ.
- D.** quân đội Sài Gòn đảm nhiệm, không có sự chi viện của Mĩ.

Câu 9: (Nhận biết) Âm mưu cơ bản của Mĩ khi thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam là

- A.** biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- B.** chia cắt miền Nam Việt Nam, tiêu diệt chủ nghĩa xã hội miền Bắc.
- C.** dùng người Việt đánh người Việt.
- D.** để chống lại phong trào cách mạng miền Nam.

Câu 10: (Nhận biết) Trong thời kì 1954-1975, sự kiện nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A.** “Đồng khởi”.
- B.** Chiến thắng Ấp Bắc.
- C.** Chiến thắng Vạn Tường.
- D.** Chiến thắng Bình Giã.

Câu 11: (Nhận biết) Kết quả lớn nhất qua phong trào “Đồng Khởi” là

- A.** phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền của địch ở nông thôn.
- B.** lực lượng vũ trang hình thành và phát triển.
- C.** nông thôn miền Nam được giải phóng.
- D.** Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 12: (Nhận biết) Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định cách mạng miền Bắc có vai trò như thế nào?

- A.** quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng đất nước.
- B.** quyết định đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- C.** quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- D.** đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến ở miền Nam.

Câu 13: (Thông hiểu) Ý nào không phải là mục tiêu cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu chống Mĩ – Diệm?

- A.** Đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ.
- B.** Bảo vệ hoà bình.
- C.** Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- D.** lật đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

Câu 14: (Thông hiểu) Công cụ chiến lược của đế quốc Mĩ trong âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới giai đoạn 1961 – 1965 là

- A.** quân đội và chính quyền Sài Gòn.
- B.** cố vấn Mĩ.
- C.** quân đội viễn chinh Mĩ.
- D.** quân các nước đồng minh của Mĩ.

Câu 15: (Thông hiểu) Vì sao nói, Đại Hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lao động Việt Nam lần thứ III (1960) đã đưa ra đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo?

- A.** Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Bắc đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.
- B.** Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Nam đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- C.** Đảng đã tiến hành đồng thời cả 2 nhiệm vụ cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng Dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam.
- D.** Khẳng định vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với cách mạng cả nước.

Câu 16: (Thông hiểu) Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1- 1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là vì

- A.** lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.
- B.** Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
- C.** ta không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hoà bình được nữa.
- D.** miền Nam đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

Câu 17: (Thông hiểu) Chiến thắng quân sự nào sau đây mở đầu cho quân và dân miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

- A.** Chiến thắng Ấp Bắc.
- B.** Chiến thắng Vạn Tường.
- C.** Chiến thắng Ba Gia.
- D.** Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 18: (Thông hiểu) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960) đã khẳng định mục tiêu xây dựng CNXH miền Bắc là

- A.** khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B.** đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
- C.** chi viện cho tiền tuyến miền Nam.
- D.** đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ ra miền Bắc.

Câu 19: (Thông hiểu) Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, chính quyền Mĩ-Diệm tập trung nhiều nhất vào việc

- A. dồn dân lập “Áp chiến lược”.
- B. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.
- C. mở rộng quy mô đánh phá miền Bắc.
- D. xây dựng lực lượng quân đội Sài Gòn.

Câu 20: (Thông hiểu) Trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, quân đội Sài Gòn có vai trò như thế nào trên chiến trường?

- A. Giữ vai trò chủ lực trên chiến trường.
- B. Đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của quân viễn chinh Mĩ.
- C. Cung cấp nhân lực cho quân đội Mĩ.
- D. Trực tiếp chỉ huy chiến dịch.

Câu 21: (Thông hiểu) Chiến thắng Bình Giã (1964) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- B. Bước đầu làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- C. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” về cơ bản bị phá sản.
- D. Mở đầu cho phong trào đánh Mĩ ở miền Nam.

Câu 22: (Thông hiểu) “Chiến tranh đặc biệt” nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu của Mỹ

- A. Phản ứng linh hoạt.
- B. Ngăn đe thực tế.
- C. Bên miệng hố chiến tranh.
- D. Chính sách thực lực.

Câu 23: (Thông hiểu) Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở Miền Nam Việt Nam tập đoàn Ngô Đình Diệm thực hiện chiến dịch

- A. “tổ cộng”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam.
- B. “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam.
- C. “tiêu diệt cộng sản không thương tiếc” trên toàn miền Nam.
- D. “thả bắn lằm còn hơn bỏ sót” trên toàn miền Nam.

Câu 24: (Thông hiểu) Tính đến năm 1964, từng mảng lớn “áp chiến lược” của địch bị phá vỡ. Điều này chứng tỏ

- A. chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đứng trước nguy cơ phá sản.
- B. xương sống của “chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản.
- C. địa bàn giải phóng được mở rộng.
- D. phong trào đấu tranh binh vận phát triển ở miền Nam.

Câu 25: (Thông hiểu) Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến tranh cục bộ và chiến tranh đặc biệt là

- A. chiến tranh thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu.
- B. chiến tranh thực dân.
- C. chiến tranh tổng lực.
- D. có quân đội Sài Gòn làm chủ lực.

Câu 26: (Thông hiểu) Điểm khác biệt về quy mô giữa “chiến tranh đặc biệt” và “chiến tranh cục bộ” của Mĩ là

- A. chỉ diễn ra ở miền Nam.
- B. diễn ra cả ở miền Nam và miền Bắc.
- C. diễn ra trên toàn Đông Dương.
- D. chỉ diễn ra ở khu vực Đông Nam Bộ.

Câu 27: (Thông hiểu) “Đội quân tóc dài” ra đời trong cuộc đấu tranh chống chiến lược

- A. “Chiến tranh đơn phương”.
- B. “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. “Chiến tranh cục bộ”.
- D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 28: (Thông hiểu) Điểm khác biệt về lực lượng giữa chiến lược “chiến tranh đặc biệt” so với chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

- A. quân đội Sài Gòn là chủ lực.
- B. cố vấn Mĩ là chủ lực.
- C. quân Mĩ là chủ lực.
- D. quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ là chủ lực.

Câu 29: (Vận dụng) Từ năm 1959 đến năm 1965 hình thức đấu tranh chủ yếu của miền Nam là

- A. đấu tranh vũ trang giành chính quyền.
- B. đấu tranh chính trị.
- C. đấu tranh binh vận.
- D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 30: (Vận dụng) Với thắng lợi phong trào Đồng Khởi, đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mĩ?

- A. “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- B. “Chiến tranh cục bộ”.
- C. “Chiến tranh đơn phương”.
- D. “Chiến tranh đặc biệt”.

Câu 31: (Vận dụng) Ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong đông-xuân 1964-1965 là:

- A. Thắng lợi quân sự lớn, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam.
- B. Thắng lợi đánh dấu sự sụp đổ cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. Thắng lợi quân sự lớn, chứng tỏ quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- D. Thắng lợi quân sự lớn đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của quốc sách “áp chiến lược” của địch.

Câu 32: (Vận dụng) Phong trào “Đồng Khởi” đạt được kết quả nào sau đây?

- A. Sự ra đời của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- B. Mĩ làm cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đưa tay sai mới lên cầm quyền.
- C. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở nhiều thôn xã ở miền Nam.
- D. Buộc Mĩ phải “Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược miền Nam.

Câu 33: (Vận dụng) Phong trào đấu tranh chính trị mở miền Nam trong những năm 1954-1960 đã

- A. làm suy yếu hệ thống chính quyền địch ở đô thị.
- B. tập hợp nhân dân trong một mặt trận chống Mĩ - Diệm rộng lớn.
- C. bước đầu làm thất bại âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.
- D. Làm thất bại chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng” của Mĩ - Diệm.

Câu 34: (Vận dụng) Sự khác biệt về âm mưu giữa chiến lược “chiến tranh đặc biệt” so với chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

- A. bình định miền Nam, đánh phá miền Bắc.
- B. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
- C. dùng người Việt đánh người Việt.
- D. bình định toàn miền Nam.

Câu 35: (Vận dụng): Tình hình miền Nam sau đảo chính ngày 01/11/1963 là

- A. Mĩ kịp thời đưa Dương Văn Minh lên thay và nhanh chóng ổn định tình hình
- B. Phong trào cách mạng miền Nam tạm thời lắng xuống
- C. Mĩ buộc phải áp dụng chiến lược chiến tranh mới, trực tiếp đưa quân vào miền Nam
- D. Chính quyền Sài Gòn từ đây lâm vào khủng hoảng triền miên.

Câu 36: (Vận dụng): Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và “chiến tranh cục bộ” đều diễn ra trong hoàn cảnh

- A. Mĩ – Diệm giành ưu thế ở chiến trường
- B. Mĩ – quân đội Sài Gòn gặp thất bại.
- C. hoàn thành nhiệm vụ bình định miền Nam.
- D. đánh phá miền Bắc.

Câu 37: (Vận dụng cđo): Từ thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” để lại cho cách mạng miền Nam kinh nghiệm gì?

- A. Đảng phải kịp thời đề ra chủ trương cách mạng phù hợp.
- B. Phải kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- C. Kết hợp giữa đấu tranh binh vận và đấu tranh chính trị.
- D. Sử dụng bạo lực cách mạng.

Câu 38: (Vận dụng cđo): Ý nghĩa lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” là

- A. chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- B. đánh dấu bước phát triển của cách mạng cả nước.
- C. mở đầu phong trào đánh Mĩ ở miền Nam.
- D. đánh dấu sự thất bại của Mĩ-Diệm ở miền Nam.

Câu 39: (Vận dụng cđo): Những thắng lợi trên mặt trận quân sự của quân và dân miền Nam từ 1961 – 1965 có tác dụng

- A. đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của Mĩ – Diệm ở miền Nam Việt Nam.
- B. quyết định sự thất bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- C. buộc Mĩ phải thực hiện chiến lược thực dân mới.
- D. Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán với ta.

Câu 40: (Vận dụng cđo): Thắng lợi của quân và dân miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” chứng tỏ

- A. sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam.
- B. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.
- C. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- D. sự phát triển của lực lượng vũ trang miền Nam.

Gợi ý

Phản nhận biết: (12 câu đầu)

Câu 1: (Nhận biết): Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ngày 10/10/1954, quân ta tiến vào Hà Nội để:

- A. tiếp quản Hà Nội.
- B. bầu Ủy ban Quân sự cách mạng.

- C. ra mắt nhân dân thủ đô Hà Nội.
- D. bàn kế hoạch Tổng tuyển cử.

Câu 2: (Nhận biết): Khi rút quân khỏi Việt Nam, điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 mà Pháp chưa thực hiện?

- A. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.
- B. Để lại quân đội ở miền Nam.
- C. Để lại cố vấn quân sự.
- D. Tập kết chuyển quân.

Câu 3: (Nhận biết): Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà, đánh dấu bước ngoặt gì ở miền Bắc Việt Nam?

- A. Miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng.
- B. Miền Bắc Việt Nam chuẩn bị giải phóng.
- C. Miền Bắc Việt Nam bắt đầu xây dựng CNXH.
- D. Miền Bắc Việt Nam chuyển sang cách mạng XHCN.

Câu 4: (Nhận biết): Mĩ có hành động gì ở miền Nam Việt Nam khi hiệp định Giơnevơ kí kết?

- A. Thi hành các điều khoản của hiệp định Giơnevơ
- B. Mĩ có âm mưu mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh của Pháp.
- C. Thay chân Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm.
- D. Hỗ trợ Pháp thực hiện Hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Nam - Bắc Việt Nam.

Câu 5: (Nhận biết): Hậu quả nghiêm trọng nhất mà Mĩ gây ra ở Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ là

- A. Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai chế độ khác nhau.
- B. cuộc nội chiến giữa cách mạng với lực lượng phe đối lập.
- C. cả nước trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.
- D. miền Nam Việt Nam trở thành nước TBCN.

Câu 6: (Nhận biết): Lý do cơ bản dẫn đến tình trạng chia cắt đất nước Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ là

- A. hai miền Nam - Bắc có sự khác biệt về kinh tế, xã hội.
- B. Pháp, Mĩ và tay sai không chịu thi hành Hiệp định Giơnevơ.
- C. mâu thuẫn về quyền lợi của các cường quốc ở Việt Nam.
- D. Pháp không thực hiện Hiệp thương Tổng tuyển cử.

Câu 7: (Nhận biết): Cách mạng miền Nam trong những năm 1957 - 1959 gặp khó khăn, thử thách gì?

- A. Mĩ và tay sai không chịu thi hành Hiệp định Giơnevơ..
- B. Lực lượng cách mạng miền Nam đã tập kết ra miền Bắc.
- C. Cách mạng hai miền Nam - Bắc chưa có một tổ chức lãnh đạo.
- D. Mĩ - Diệm thi hành chính sách khủng bố những người yêu nước.

Câu 8: (Nhận biết): Mục tiêu cơ bản của cách mạng miền Nam trong những năm 1959 - 1960 là gì?

- A. Đánh đổ chính quyền Diệm - Nhu, thiết lập chính quyền dân chủ.
- B. Đánh đổ chính sách xâm lược thực dân mới của Mĩ, giành độc lập.
- C. Đánh đổ đế quốc, phong kiến, thiết lập chính quyền công - nông - binh.

D. Đánh đổ đế quốc, phong kiến, thiết lập chính quyền của nhân dân.

Câu 9: (Nhận biết): Sau thắng lợi phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) tổ chức đoàn kết toàn dân ở miền Nam ra đời, đó là

A. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

B. mặt trận dân chủ miền Nam.

C. Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 10: (Nhận biết): Thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) đã đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, đưa cách mạng miền Nam chuyển từ

A. tiến công chiến lược sang tổng tiến công.

B. đấu tranh chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.

C. thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. khởi nghĩa từng phần sang tổng khởi nghĩa.

Câu 11: (Nhận biết): Để thực hiện nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước, Đại hội III của Đảng xác định mối quan hệ của cách mạng hai miền Nam - Bắc là

A. mỗi miền tự thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

B. đặt nhiệm vụ chống Mĩ và tay sai lên hàng đầu.

C. quan hệ mật thiết, tác động, gắn bó lẫn nhau.

D. cách mạng XHCN miền Bắc phải đặt lên hàng đầu.

Câu 12: (Nhận biết): Đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam khi

A. chính quyền Sài Gòn khủng bố, mở chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”.

B. hình thức thống trị chỉ dựa vào chính quyền và quân đội tay sai bị thất bại.

C. hình thức thống trị dựa vào chính quyền và quân đội tay sai đang ổn định.

D. mâu thuẫn giữa chính quyền Mĩ và quân đội Sài Gòn đang dâng cao.

Phân thông hiểu: (16 câu)

Câu 13: (Thông hiểu): Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” quân Mĩ có vai trò

A. cổ vũ chỉ huy.

B. lực lượng dự bị.

C. trực tiếp tham chiến.

D. lực lượng chủ yếu.

Câu 14: (Thông hiểu): Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ , lực lượng tham chiến chủ yếu trên chiến trường là

A. quân đội Mĩ.

B. liên quân Đông Dương.

C. quân đồng minh của Mĩ.

D. quân đội Sài Gòn. (168)

Câu 15: (Thông hiểu): Trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ, quân dân miền Nam tiến công địch bằng ba mũi giáp công là

A. chính trị, quân sự và ngoại giao.

B. quân sự, kinh tế và ngoại giao.

C. chính trị, văn hoá, quân sự.

D. chính trị, quân sự và binh vận.

Câu 16: (Thông hiểu): Quân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ trên cả ba vùng chiến lược là

A. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

B. nông thôn đồng bằng và đô thị và đồn điền.

C. đô thị, nông thôn, miền núi và đồng bằng.

D. nhà máy, đồn điền, khu công nghiệp.

Câu 17: (Thông hiểu): Chiến thắng “Ấp Bắc” năm 1963, có ý nghĩa to lớn như thế nào?

A. Đánh bại hoàn toàn chiến thuật “trục thẳng vận”, thiết xa vận”.

B. Chứng tỏ khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

C. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn sang thế tiến công.

D. Cho thấy sự lúng của chính quyền Sài Gòn.

Câu 18: (Thông hiểu): Vị trí của miền Nam trong sự nghiệp chống Mĩ cứu nước là

A. căn cứ địa.

B. tiền tuyến lớn.

C. hậu phương lớn.

D. hậu phương tại chỗ, tiền tuyến lớn.

Câu 19: (Thông hiểu): Mối quan hệ của cách mạng hai miền Nam - Bắc là

A. mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ.

B. mối quan hệ giữa sản xuất và chiến đấu.

C. mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.

D. mối quan hệ giữa cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 20: (Thông hiểu): Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Nam sau năm 1954 là

A. tiến hành đấu tranh chống Mĩ - Diệm.

B. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. tiến hành kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

D. tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 21: (Thông hiểu): Vai trò của miền Nam trong giai đoạn 1954 - 1975 là

A. có vai trò chủ yếu.

B. quyết định trực tiếp.

C. có vai trò quan trọng.

D. có vai trò quyết định gián tiếp.

Câu 22: (Thông hiểu): Ngày 10 / 10/ 1954 hội nghị ta từ căn cứ Việt Bắc về Hà Nội để

A. lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

B. tiêu diệt quân Pháp.

C. tiếp quản Hà Nội.

D. mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 23: (Thông hiểu): Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng miền Bắc sau năm 1954 là

A. tiến hành đấu tranh chống Mĩ -Diệm.

B. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. tiến hành kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

D. tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 24: (Thông hiểu): Ngày 16 /5 /1955 tình hình miền Bắc nước ta như thế nào ?

A. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng.

B. Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng.

C. Ngô Đình Diệm tổ chức tổng tuyển cử.

D. Toàn lính Pháp cuối cùng rút khỏi nước ta.

Câu 25: (Thông hiểu): Thái độ nào sau đây của Ngô Đình Diệm trong những năm 1954 - 1957, làm cho nhân dân ta bất bình nhất ?

A. Tiến hành bầu cử riêng lẻ, phê truất Bảo Đại lên làm Tổng thống.

B. Tuyên bố tại Oashington: “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”.

C. Phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Thực hiện chế độ “Gia đình trị”.

Câu 26: (Thông hiểu): Cách mạng miền Nam từ năm 1954 chuyển sang hình thức đấu tranh nào?

A. Chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành hiệp định Giơ ne vơ.

B. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.

C. Khởi nghĩa vũ trang ở nông thôn.

D. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.

Câu 27: (Thông hiểu): Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu

- A. “tất đất, tất vàng”.
- B. “tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất hơn nữa”.
- C. “người cày có ruộng”.
- D. “độc lập dân tộc” và “ruộng đất dân cày”

Câu 28: (Thông hiểu): Trong cuộc tiến công Đông - xuân 1964 - 1965 với thắng lợi mở đầu là trận Bình Giã - Bà Rịa chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ có ý nghĩa như thế nào đối với quân và dân miền Nam?

- A. Làm phá sản về cơ bản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.
- B. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.
- C. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai.
- D. Giáng đòn nặng vào quốc sách bình định, dồn dân lập ấp chiến lược.

Phần vận dụng: (8 câu)

Câu 29: (Vận dụng) “Thắng lợi quan trọng trong công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc là gì ?

- A. Chia ruộng cho người nghèo.
- B. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn.
- C. Không còn đất hoang hóa.
- D. Khai thác hết tiềm năng của đất.

Câu 30: (Vận dụng) Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965), Mỹ và chính quyền Sài Gòn không thực hiện âm mưu nào dưới đây?

- A. Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- B. Triển khai hoạt động chống phá miền Bắc
- C. Mở những cuộc hành quân “tìm diệt”.
- D. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét.

Câu 31: (Vận dụng) Từ năm 1954 - 1959 miền Bắc làm gì để thực hiện “Người cày có ruộng”?

- A. Đánh đổ Phong kiến.
- B. Chia ruộng đất cho nông dân.
- C. Chia ruộng đất công.
- D. Cải cách ruộng đất.

Câu 32: (Vận dụng) Vai trò của miền Bắc trong giai đoạn 1954 - 1975 là

- A. hậu phương có vai trò quyết định nhất.
- B. hậu phương có vai trò quyết định .
- C. hậu phương có vai trò quan trọng.
- D. hậu phương có vai trò cơ bản.

Câu 33: (Vận dụng) Chính sách nào của Mĩ - Diệm thể hiện hành động Chiến tranh một phía ở miền Nam ?

- A. Phế truất Bảo Đại điều Ngô Đình Diệm làm Tổng thống.
- B. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.
- C. Mở chiến dịch “Tổ cộng” “Diệt cộng” thi hành “Luật 10/59” lê máy chém khắp miền Nam.
- D. Thực hiện chính sách “Đả thực” “Bãi phong” “Diệt cộng”.

Câu 34: (Vận dụng) .Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam Việt Nam là gì

- A. khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân.
- B. đấu tranh bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.
- C. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.
- D. đấu tranh giữ gìn kết hợp với xây dựng và phát triển lực lượng.

Câu 35: (Vận dụng) Tổng thống Mĩ Kennodi đề ra chiến lược chiến tranh gì ở miền Nam trong giai đoạn từ

năm 1961 - 1965?

- A. “Chiến tranh đặc biệt”.
- B. “Chiến tranh đơn phương”.
- C. “Chiến tranh cục bộ”.
- D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 36: (Vận dụng) Thủ đoạn đầu tiên của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) là kế hoạch Xtalây – Taylor với nội dung cơ bản là

- A. mở các cuộc hành quân tìm diệt quy mô lớn.
- B. giành lại thế chủ động trên chiến trường.
- C. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- D. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Vận dụng cao: (4 câu)

Câu 37: (Vận dụng cao): Tại sao “ Chiến lược chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 - 1965) ở miền Nam đã bị phá sản hoàn toàn ?

- A. Khả năng viện trợ của Mĩ bị hạn chế.
- B. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn gay gắt .
- C. Quân đội Sài Gòn yếu kém.
- D. Thắng lợi của quân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận.

Câu 38: (Vận dụng cao): Đế quốc Mĩ thực hiện ý đồ thâm độc biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới thể hiện:

- A. Mĩ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm làm thủ tướng.
- B. lập khối quân sự SEATO và đặt miền Nam Việt Nam dưới sự bảo trợ của khối này.
- C. Mĩ - Diệm tổ chức bầu cử riêng lập nước Việt Nam Cộng hòa.
- D. Mĩ - Diệm hô hào “Bắc tiến”.

Câu 39: (Vận dụng cao): Ý nào không phản ánh đúng thực chất của Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam?

- A. Là hình thức chiến tranh xâm lược kiểu mới.
- B. Được tiến hành bằng quân đội tay sai,dưới sự chỉ huy là cố vấn Mĩ có vũ khí hiện đại.
- C. Kết hợp mở chiến tranh phá hoại miền Bắc trên quy mô lớn.
- D. Nhằm chống lại lượng cách mạng và nhâ dân ta.

Câu 40: (Vận dụng cao): Từ tháng 5/1959 tuyến đường vận tải chiến lược Bắc - Nam được hình thành để đưa vũ khí, lương thực và con người vào các chiến trường ở miền Nam được gọi là

- A. đường Trường Sơn.
- B. đường mòn Hồ Chí Minh.
- C. đường biển Bắc - Nam.
- D. đường Núi Bắc – Nam.

📖 📖 📖

BÀI 22. Hai miền trực tiếp chống Mĩ cứu nước 1965-1973

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết) Mĩ áp dụng chiến lược chiến tranh cục bộ khi

- A. Do chiến lược chiến tranh đặc biệt thất bại.
- B. Do ta giành thắng lợi trong trận Ấp Bắc (Tiền Giang).
- C. Chiến tranh đặc biệt cần sự trợ giúp.

D. Mĩ có điều kiện về nhân lực và kinh tế.

Câu 2: (Nhận biết) Chiến lược chiến tranh cục bộ thuộc loại hình chiến tranh nào?

- A.** Kinh tế. **B.** Thực dân kiểu cũ. **C.** Ngoại giao. **D.** Thực dân kiểu mới.

Câu 3: (Nhận biết) Thành phần lực lượng chính của chiến lược chiến tranh cục bộ?

- A.** Quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ.
B. Quân Mĩ, quân đội Sài Gòn, quân các nước Đông Nam Á.
C. Quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ, quân đội Sài Gòn.
D. Quân Sài Gòn, quân đồng minh của Mĩ.

Câu 4: (Nhận biết) Chiến lược chiến tranh nào lần đầu tiên thực hiện ở miền Nam và mở rộng ra miền Bắc?

- A.** Việt Nam hoá chiến tranh. **B.** Chiến tranh đơn phương.
C. Chiến lược chiến tranh đặc biệt. **D.** Chiến tranh cục bộ.

Câu 5: (Nhận biết) Phạm vi tiến hành của chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ 1965-1968?

- A.** Khu vực miền Trung và U Minh. **B.** Trên toàn miền Nam.
C. Toàn Đông Dương. **D.** Cả nước (hai miền Nam-Bắc).

Câu 6: (Nhận biết) Trong chiến lược chiến tranh cục bộ Mĩ đã áp dụng loại hình chiến tranh nào đối với miền Bắc?

- A.** Phá hoại. **B.** Bình định. **C.** Lấn chiếm. **D.** Huy diệt.

Câu 7: (Nhận biết) Âm mưu “tìm diệt” của Mĩ trong chiến lược chiến tranh cục bộ là nhằm đẩy lực lượng của ta trở về thế

- A.** phòng ngự. **B.** tiến công. **C.** cầm cự. **D.** gọng kìm.

Câu 8: (Nhận biết) Trong mùa khô thứ hai 1966-1967 Mĩ đã mở các cuộc hành quân vào Đông Nam Bộ. Cho biết cuộc hành quân nào là lớn nhất?

- A.** Gian-xon-xi-ti. **B.** At-ton-Bô-rô. **C.** X ê-đa-phôn. **D.** Tia chớp nhiệt đới.

Câu 9: (Nhận biết) Mĩ và đồng minh mở cuộc phản công chiến lược lớn nhất trong mùa khô lần hai 1966-1967 là vào nơi nào?

- A.** Liên Khu V ở Bắc Bộ nước ta. **B.** Khu vực miền Trung và Cao Nguyên.
C. Căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh). **D.** Căn cứ U Minh-Đầm Dơi.

Câu 10: (Nhận biết) Cuộc hành quân mùa khô lần 1 (1965-1966). Mĩ mở 450 cuộc hành quân trong đó có 5 cuộc hành quân lớn vào

- A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** U Minh và Chương Thiện.
C. Vùng núi rừng Trường Sơn. **D.** Đông Nam Bộ và Liên Khu V.

Câu 11: (Nhận biết) Lực lượng chính của chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh?

- A.** Quân đội Sài Gòn, cố vấn Mĩ.
B. Quân Mĩ, quân đồng minh, quân Sài Gòn.
C. Quân Mĩ là chủ lực chính.
D. Quân đội Sài Gòn kết hợp hoà lực, không quân, hậu cần của Mĩ.

Câu 12: (Nhận biết) Thủ đoạn chính của chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mĩ?

A. Thoả hiệp Trung Hoa và hoà hoãn Liên Xô.

B. Mở các cuộc hành quân tìm diệt-bình định.

C. Đưa ra kế hoạch Xtalay-Taylo.

D. Triển khai quân đội ồ ạt vào miền Nam Việt Nam.

Câu 13: (Thông hiểu) Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ trong chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh?

- A.** Lôi kéo các nước Đông Dương tham chiến.
B. Các cuộc hành quân khốc liệt trong cả nước.
C. Bàn giao lại trách nhiệm cho các nước đồng minh.
D. Tận dụng xương máu của người Việt để rút lính Mĩ.

Câu 14: (Thông hiểu) Đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719 có sự phối hợp của

- A.** quân đội Việt Nam, quân dân Lào. **B.** quân đội Việt Nam, quân dân Campuchia.
C. quân đội Việt Nam, Lào, Campuchia. **D.** quân dân Lào, Campuchia.

Câu 15: (Thông hiểu) Trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” quân đội Sài Gòn được Mĩ sử dụng

- A.** là lực lượng chủ chốt để chống lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam.
B. hỗ trợ quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.
C. là lực lượng chủ chốt thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
D. như lực lượng xung kích để mở rộng xâm lược Lào và Campuchia.

Câu 16: (Thông hiểu) Ý nghĩa nào dưới đây không nằm trong thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972?

- A.** Buộc Mĩ ngừng ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.
B. Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ.
C. Giáng 1 đòn vào quân Ngụy trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
D. Buộc Mĩ phải thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 17: (Thông hiểu) Thắng lợi nào của quân dân miền Nam buộc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A.** Thất bại trong trận đường 9 – Nam Lào.
B. Cuộc tiến công chiến lược 1972 vào Quảng Trị.
C. Thất bại trong cuộc hành quân xâm lược Campuchia.
D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Câu 18: (Thông hiểu) Ý nghĩa lịch sử nào là cơ bản nhất của cuộc tiến công chiến lược 1972?

- A.** Chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh.
B. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ buộc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh.
C. Buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
D. Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu 19: (Thông hiểu) Kết quả nào dưới đây không phải là của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

- A.** Buộc Mĩ chấp nhận kí hiệp định Pari.
B. Mĩ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mĩ.
D. Mĩ tăng cường lực lượng Mĩ cho chiến trường miền Nam.

Câu 20: (Thông hiểu) Nội dung nào dưới đây mới chính là ý nghĩa của hiệp định Paris 1973?

- A. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, có điều kiện phát triển cách mạng trong giai đoạn tiếp theo.
- B. Hiệp định đã kết thúc thắng lợi của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ.
- C. Hiệp định đã khẳng định thắng lợi to lớn của ba nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- D. Hiệp định đã tạo ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, đánh dấu thắng lợi cơ bản.

Câu 21: (Thông hiểu) Nội dung nào dưới đây không thuộc Hiệp định Pari 1973?

- A. Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.
- B. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 22: (Thông hiểu) Hiệp định Pari đã thừa nhận điều gì?

- A. Trong thực tế miền Nam có 3 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 2 vùng kiểm soát.
- B. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.
- C. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 2 vùng kiểm soát.
- D. Trong thực tế miền Nam có 3 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

Câu 23: (Thông hiểu) Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Pari 1973 là

- A. quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.
- B. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.
- C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- D. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của miền Nam Việt Nam.

Câu 24: (Thông hiểu) Thắng lợi lớn nhất của quân dân miền Bắc trong trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối 1972 là gì?

- A. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- B. Buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.
- C. Buộc Mỹ kí Hiệp định Pari (1973) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- D. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Campuchia.

Câu 25: (Thông hiểu) Thắng lợi chung của Việt Nam – Lào trên mặt trận quân sự trong chiến đấu chống “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

- A. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mỹ – Ngụy.
- B. Đập tan âm mưu chia cắt Đông Dương của Mỹ.
- C. Làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- D. Mỹ kí Hiệp định Pari.

Câu 26: (Thông hiểu) Mỹ thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh” là nhằm

- A. từng bước thoát khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
- B. tạo điều kiện phát huy vai trò của quân đội Sài Gòn trên chiến trường.
- C. tận dụng xương máu người Việt Nam, rút dần quân Mỹ về nước.
- D. tập trung toàn lực lượng quân Mỹ xâm lược Lào và Campuchia.

Câu 27: (Thông hiểu) Xuân-hè 1972 chúng ta đã tấn công vào ba hướng quan trọng nào ở miền Nam?

- A. Đông Nam Bộ-U Minh-Tây Ninh.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long-Biên giới-miền Trung.
- C. Chương Thiện-Hậu Giang-Đồng Tháp.
- D. Quảng Trị-Tây Nguyên-Đông Nam Bộ.

Câu 28: (Thông hiểu) Thắng lợi chung của ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trên mặt trận ngoại giao trong chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh-Đông Dương hóa chiến tranh?

- A. Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
- B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương 4/1970.
- C. Mỹ phải rút hết quân về nước 1973.
- D. Hiệp định Pari được kí kết 1973.

Câu 29: (Vận dụng): “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm...” Đoạn văn được trích từ văn kiện nào?

- A. Chỉ thị toàn dân kháng chiến.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. Tuyên Ngôn độc lập.
- D. Bản di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 30: (Vận dụng): Từ ngày 24 đến 25/4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

- A. Vạch trần âm mưu “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ.
- B. Bắt tay nhau cùng kháng chiến chống Mỹ.
- C. Biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ của 3 nước Đông Dương.
- D. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân 3 nước Đông Dương.

Câu 31: (Vận dụng): Đầu là nguyên nhân cơ bản nhất để ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972?

- A. Ta giành thắng lợi trên các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao năm 1969,1970,1971.
- B. Nước Mỹ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua bầu cử tổng thống.
- C. Quân Sài Gòn chủ quan và đoán sai hướng tiến công của ta.
- D. Chính quyền Sài Gòn lâm vào khó khăn.

Câu 32: (Vận dụng): Năm đời Tổng thống Mỹ thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam, đời Tổng thống nào nhận lấy thất bại cuối cùng đau đớn nhất?

- A. Tổng thống Giôn xon.
- B. Tổng thống Gio-ran-Pho.
- C. Tổng thống Ních xon.
- D. Tổng thống Ai xen hao.

Câu 33: (Vận dụng): Sự chi viện của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến trong thời gian chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” có gì khác biệt rõ rệt so với các thời kì trước?

- A. Chi viện theo đường Trường Sơn và đường biển.
- B. Khó khăn vì Mỹ đánh phá ác liệt các trục đường giao thông.
- C. Sự chi viện cho tiền tuyến diễn ra liên tục.
- D. Chi viện nhiều hơn, chi viện cho cả chiến trường Lào và Campuchia.

Câu 34: (Vận dụng): Điểm giống nhau cơ bản nhất giữa Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với “Chiến tranh cục bộ” là

- A. sử dụng vũ khí và trang bị của Mỹ.

B. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ.

C. dùng quân đội Sài Gòn, cò vắn Mĩ.

D. tiến hành ở miền Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 35: (Vận dụng): Ý nào dưới đây là điểm khác biệt giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. đều là hình thức chiến tranh thực dân mới.

B. đều sử dụng quân đội Sài Gòn.

C. các chiến lược đều thất bại.

D. đều mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương.

Câu 36: (Vận dụng): Mục đích chủ yếu nào của Mĩ khi cho máy bay tập kích Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm?

A. Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Đánh phá miền Bắc, không cho tiếp tế cho miền Nam.

C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của ta.

D. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

Câu 37: (Vận dụng cđo): Điểm khác biệt trong đấu tranh ngoại giao của ta trong giai đoạn 1969 – 1972 so với giai đoạn 1965 – 1968?

A. Từng bước đàm phán và rút hết quân về nước.

B. Từng bước đàm phán và phá bỏ các căn cứ quân sự.

C. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari.

D. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

Câu 38: (Vận dụng cđo): Hiệp định Pari 1973 có gì khác so với Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954?

A. Việc tập kết quân được quy định trong hiệp định Pari không tập kết thành hai vùng hoàn chỉnh như ở Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. Thời hạn rút quân được quy định trong hiệp định Pari ngắn hơn so với hiệp định Giơ-ne-vơ.

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ là hiệp định về Đông Dương, hiệp định Pari là hiệp định về Việt Nam.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 39: (Vận dụng cđo): Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí kết đã tác động đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi để ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. Gây rối loạn trong hàng ngũ kẻ thù, tạo điều kiện thuận lợi cho ta.

C. Mĩ bị suy giảm thế lực trên trường quốc tế nên không dám tham chiến.

D. Mĩ càng hung hăng, hiếu chiến, gây khó khăn cho cách mạng miền Nam.

Câu 40: (Vận dụng cđo): Hiệp định Gionevơ 1954 và Hiệp định Pari 1975 về nội dung có điểm nào giống nhau quan trọng nhất?

A. Điều công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

B. Điều qui định ngừng bắn, lập lại hòa bình.

C. Điều qui định quân đội nước ngoài phải rút khỏi nước ta.

D. Điều qui định Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành hiệp định.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): “Chiến tranh cục bộ “ bắt đầu từ giữa năm 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng

A. quân Mĩ , quân một số nước đồng minh của Mĩ.

B. quân Mĩ , đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

C. quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

D. quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

Câu 2: (Nhận biết): Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam ra đời sau sự kiện nào?

A. Ngô Đình Diệm bị đảo chính.

B. Chiến thắng của ta ở Ấp Bắc (Mỹ Tho).

C. Thất bại của Mĩ trong việc lập ấp chiến lược.

D. Thất bại của Mĩ trong “Chiến tranh đặc biệt “

Câu 3: (Nhận biết): Chiến thắng nào của ta mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Ấp Bắc.

B. Vạn Tường.

C. Bình giả.

D. Đồng Xoài.

Câu 4: (Nhận biết): Mục tiêu của Mĩ trong các cuộc phản công chiến lược hai mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967) là gì?

A. Đánh bại chủ lực Quân giải phóng.

B. Bình định miền Nam.

C. Đánh phá đất thánh Việt Cộng.

D. Tiêu hao lực lượng của ta.

Câu 5: (Nhận biết): Thắng lợi quân sự nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ ?

A. Bình Giả.

B. Núi Thành.

C. Vạn Tường.

D. Đồng Xoài.

Câu 6: (Nhận biết): Sau thắng lợi nào của ta Mĩ chấp nhận đến đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam?

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. Hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967).

C. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

D. Ấp Bắc (Mỹ Tho).

Câu 7: (Nhận biết): Chiến thắng Vạn Tường được xem là sự kiện mở đầu cao trào:

A. “Tìm Mĩ mà đánh - lùng nguy mà diệt”.

B. “Noi gương Vạn Tường, giết giặc lập công”.

C. “Tìm Mĩ mà diệt-lùng nguy mà đánh”.

D. “Lùng Mĩ mà đánh – tìm nguy mà diệt”.

Câu 8: (Nhận biết): Trong các cuộc hành quân lớn “tìm diệt, bình định”, cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. Gianxon Xiti.

B. Giônxon Mắcnamara.

C. Xtalây Tâylo

D. Mắcnamara.

Câu 9: (Nhận biết): Sự kiện nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Chiến thắng trong cuộc phản công chiến lược 1966 – 1967.

Câu 10: (Nhận biết): Sự kiện nào đã “đánh cho Mĩ cút”?

A. Thắng lợi của “chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” 1972

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh 30/4/1975

D. Hiệp định Pari 1973

Câu 11: (Nhận biết): Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh Mĩ về nước, nhằm tận dụng xương máu của người Việt, đó là âm mưu của

- A. chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. B. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
C. chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh”. D. chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 12: (Nhận biết): Mục đích chủ yếu nào của Mĩ khi cho máy bay tập kích Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm?

- A. Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.
B. Đánh phá miền Bắc, không cho tiếp tế cho miền Nam.
C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của ta.
D. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

Câu 13: (Thông hiểu): Trong chiến lược chiến tranh cục bộ Mĩ đề ra chiến lược quân sự mới “Tìm diệt” nhằm mục đích gì?

- A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. B. Tạo thuận lợi trên bàn ngoại giao.
C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường. D. Ngăn chặn tiếp viện từ Bắc vào Nam.

Câu 14: (Thông hiểu): Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18-8-1968, chứng tỏ điều gì?

- A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đánh bại quân viễn chinh Mĩ.
B. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.
C. Quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.
D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ.

Câu 15: (Thông hiểu): Sự chi viện cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc trong những năm 1965 - 1968 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

- A. Chiến tranh đơn phương. B. Chiến tranh đặc biệt.
C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 16: (Thông hiểu): Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc lần thứ nhất vì

- A. thất bại trong “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.
B. thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.
D. thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968.

Câu 17: (Thông hiểu): Từ năm 1965 đến năm 1968 , nhân dân miền Bắc phải thực hiện những nhiệm vụ gì?

- A. Vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam.
B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ.
C. Vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại , vừa sản xuất làm nghĩa vụ hậu phương.
D. Nhận viện trợ từ bên ngoài để chi viện cho chiến trường miền Nam.

Câu 18: (Thông hiểu): Thắng lợi nào buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari?

- A. Trận “ Điện Biên Phủ trên không”.
B. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

C. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mĩ, Ngụy.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 19: (Thông hiểu): Tại sao Mĩ phải chuyển sang chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”?

- A. Chiến tranh cục bộ bị phá sản.
B. Chiến tranh đặc biệt bị phá sản.
C. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.
D. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai bị đánh bại.

Câu 20: (Thông hiểu): Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

- A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại lần 2.
B. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc lần 1.
C. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.
D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 21: (Thông hiểu): Kết quả nào dưới đây không phải là của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

- A. Buộc Mĩ chấp nhận kí hiệp định Pari.
B. Mĩ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mĩ.
D. Mĩ tăng cường lực lượng Mĩ cho chiến trường miền Nam.

Câu 22: (Thông hiểu): Mĩ thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” trong chiến lược nào dưới đây ?

- A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.
C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 23: (Thông hiểu): Thắng lợi chung của ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trên mặt trận ngoại giao trong chiến đấu chống “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

- A. Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
C. Mĩ phải rút hết quân về nước.
D. Hiệp định Pari được kí kết.

Câu 24: (Thông hiểu): Mĩ dùng thủ đoạn ngoại giao nào dưới đây để hạn chế sự giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến của ta?

- A. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.
B. Liên kết chặt chẽ với các nước Tây Âu.
C. Kêu gọi Liên Hợp Quốc ủng hộ Mĩ.
D. Thành lập khối SEATO.

Câu 25: (Thông hiểu): Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh Mĩ về nước, nhằm tận dụng xương máu của người Việt, đó là âm mưu của

- A. chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. B. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
C. chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh”. D. chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 26: (Thông hiểu): Ngày 18 – 3 – 1970, xảy ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Mĩ chấp nhận kí Hiệp định Pari.
- B. Chính phủ Xi-hanúc ở Campuchia bị lật đổ.
- C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
- D. Ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị.

Câu 27: (Thông hiểu): Mục đích chủ yếu nào của Mĩ khi cho máy bay tập kích Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm?

- A. Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.
- B. Đánh phá miền Bắc, không cho tiếp tế cho miền Nam.
- C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của ta.
- D. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

Câu 28: (Thông hiểu): Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968)?

- A. Quân đội tay sai Sài Gòn.
- B. Cố vấn Mĩ.
- C. Đồng minh Mĩ.
- D. Quân Mĩ.

Câu 29: (Vận dụng) Nội dung nào dưới đây không thuộc Hiệp định Pari 1973?

- A. Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.
- B. Hoa Kì cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 30: (Vận dụng) Ý nghĩa nào dưới đây không phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari?

- A. Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.
- B. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược.
- C. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- D. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất.

Câu 31: (Vận dụng) “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định phải cút khỏi nước ta”.

Nội dung trên được trích dẫn từ tư liệu nào dưới đây?

- A. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng.
- C. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
- D. Thư Chúc tết năm 1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 32: (Vận dụng) Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, sau đòn bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ mở cuộc phản công đã gây ra cho ta những khó khăn nào dưới đây?

- A. Bị đánh bật ra khỏi các thành phố.
- B. Bị đẩy lùi về thế phòng ngự.
- C. Bị đẩy bật ra tới biên giới.
- D. Bị đẩy ra khỏi các phòng tuyến quan trọng.

Câu 33: (Vận dụng) Đế quốc Mĩ đã dùng thủ đoạn nào dưới đây để phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campu chia?

- A. Đao chính lật đổ Chính phủ N. Xi-hanúc.
- B. Viện trợ cho Chính phủ N. Xi-hanúc.
- C. Hợp tác với quân dân Lào.
- D. Sử dụng quân Campuchia tấn công Lào.

Câu 34: (Vận dụng) Cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Cắt đôi chiến trường Đông Dương.
- B. Cắt đôi chiến trường Việt Nam.
- C. Cắt đôi chiến trường miền Nam.
- D. Cắt đôi chiến trường Lào.

Câu 35: (Vận dụng) Ý nghĩa lớn nhất cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu thân 1968 là

- A. buộc Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- B. buộc Mĩ ngồi vào bàn đàm phán với ta tại hội nghị Pa ri.
- C. buộc Mĩ tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược.
- D. mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến.

Câu 36: (Vận dụng) Ý nào dưới đây thể hiện sự khác nhau trong âm mưu của Mĩ giữa

- A. Ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc, miền Bắc vào miền Nam.
- B. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mĩ.
- C. Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta ở hai miền Nam – Bắc.
- D. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của nhân dân miền Bắc.

Câu 37: (Vận dụng cõo): Mĩ có hành động gì sau cuộc nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ?

- A. Đề ra chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh.
- B. Tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược và tranh thủ ngoại giao.
- C. Bình định miền Nam bằng áp chiến lược và phá hoại miền Bắc.
- D. Tiếp tục phá hoại miền Bắc và mở rộng chiến tranh sang Campuchia.

Câu 38: (Vận dụng cõo): Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mĩ phải kí kết Hiệp định Pari, hãy rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.
- B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.
- C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.
- D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.

Câu 39: (Vận dụng cõo): Điểm khác biệt trong đấu tranh ngoại giao của ta trong giai đoạn 1969 – 1975 so với giai đoạn 1965 – 1968?

- A. Từng bước đàm phán và rút hết quân về nước.
- B. Từng bước đàm phán và phá bỏ các căn cứ quân sự.
- C. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari.
- D. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

Câu 40: (Vận dụng cõo): Điều khoản nào trong Hiệp định Pari có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

- A.** Hoa kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.
B. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền.
C. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ.
D. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.

Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)

Gợi 1

Câu 1: (Nhận biết) Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm là

- A.** Đồng bằng Nam bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ.
C. Trung bộ và Khu V. **D.** Mặt trận Trị - Thiên.

Câu 2: (Nhận biết) Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn theo trình tự thời gian là

- A.** Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng. **B.** Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh. **D.** Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

Câu 3: (Nhận biết) Sự kiện lịch sử diễn ra lúc 11h30 phút ngày 30 – 04 – 1975 là

- A.** quân ta nổ súng bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
B. tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.
C. xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.
D. lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

Câu 4: (Nhận biết) Âm mưu của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973 là

- A.** biến miền Nam thành quốc gia tự trị. **B.** phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh.
C. chuẩn bị đánh chiếm vùng giải phóng. **D.** phá hoại miền Bắc.

Câu 5: (Nhận biết) Hành động của Mĩ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là

- A.** rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.
B. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
C. Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.
D. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

Câu 6: (Nhận biết) Đầu năm 1975 quân dân miền Nam giành thắng lợi vang dội ở đâu?

- A.** Quảng Trị. **B.** Tây Nguyên. **C.** Phước Long. **D.** Tây Ninh.

Câu 7: (Nhận biết) Thái độ của Mĩ sau khi mất Phước Long (6 - 1 – 1975)?

- A.** Phản ứng mạnh. **B.** Phản ứng mang tính chất thăm dò.
C. Phản ứng yếu ớt. **D.** Không phản ứng gì.

Câu 8: (Nhận biết) Lúc 10 giờ 45 phút ngày 30- 4 -1975, ở Sài Gòn diễn ra sự kiện cơ bản:

- A.** Dương Văn Minh kêu gọi “ngừng bắn để điều đình giao chính quyền”.
B. Xe tăng ta tiến vào dinh “Độc lập”.
C. Lá cờ cách mạng tung bay trên Phủ tổng thống nguy.
D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 9: (Nhận biết) Để phá hoại Hiệp định Pari 1973, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành chiến dịch

- A.** “ trà dừa ồ ạt”. **B.** “ tìm diệt và bình định”.
C. “ tràn ngập lãnh thổ”. **D.** “ bình định lần chiếm”.

Câu 10: (Nhận biết) Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 – 1973) đã nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là

- A.** chính quyền Sài Gòn. **B.** Mĩ và đồng minh của Mĩ.
C. đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn. **D.** đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

Câu 11: (Nhận biết) Chiến thắng gây tâm lý tuyệt vọng trong nguy quyền, đưa cuộc tiến công của quân ta tiến lên sức mạnh áp đảo là ý nghĩa của chiến thắng

- A.** Chiến dịch Huế -Đà Nẵng. **B.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.
C. Chiến dịch Tây Nguyên. **D.** Chiến dịch đường 14-Phước Long.

Câu 12: (Nhận biết) Chiến thắng trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long đã mở ra khả năng

- A.** trưởng thành của quân Sài Gòn. **B.** thắng lớn của quân ta.
C. trưởng thành của quân đội giải phóng miền Nam. **D.** khả năng chiến đấu của quân Mĩ.

Câu 13: (Thông hiểu) Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện lịch sử

- A.** quân Mỹ và quân đội Sài Gòn bắt đầu suy yếu.
B. chính quyền và quân đội Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.
C. tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam phần nào có lợi cho cách mạng nước ta.
D. tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.

Câu 14: (Thông hiểu) Vì sao Hội nghị Bộ Chính trị 10-1974, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?

- A.** Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung dày đặc ở đây để bảo vệ miền Nam.
B. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung ở đây mỏng, bỏ phòng có nhiều sơ hở.
C. Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - nguy ở miền Nam.
D. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng nhưng bỏ phòng kiên cố.

Câu 15: (Thông hiểu) Sự kiện nào dưới đây thuộc kết quả của chiến dịch Tây Nguyên?

- A.** Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên, giải phóng Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.
B. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 4 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Buôn Mê Thuột.
C. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 3 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Playcu, Kontum.
D. Tiêu diệt phần lớn quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng 1/2 diện tích Tây Nguyên với 4 vạn dân.

Câu 16: (Thông hiểu) Phương châm tác chiến của quân dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975) là

- A.** “tiến ăn chắc, đánh ăn chắc”. **B.** “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.
C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”. **D.** “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Câu 17: (Thông hiểu) Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống

- A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.
- B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.
- C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 18: (Thông hiểu) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có ý nghĩa quốc tế là

- A. tác động đến tình hình thế giới.
- B. làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.
- C. tác động đến nước Mĩ và thế giới.
- D. tác động đến nước Mĩ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 19: (Thông hiểu) Cho các sự kiện sau:

1. Chiến dịch Tây Nguyên.
2. Hội nghị BCH TW Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 21.
3. Chiến thắng Phước Long.
4. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên đúng trình tự thời gian.

- A. 2,3,1,4.
- B. 2,1,3,4.
- C. 1,2,3,4.
- D. 3,2,1,4.

Câu 20: (Thông hiểu) Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ...”. Nội dung này được trình bày trong văn kiện nào?

- A. Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IV.
- C. Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ chính trị Trung ương.
- D. Báo cáo tại hội nghị lần 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 21: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây không phải ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (06 – 01 – 1975)

- A. Chứng minh sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.
- B. Chứng tỏ sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.
- C. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. Củng cố quyết tâm của Đảng ta trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 22: (Thông hiểu) Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên là ?

- A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- B. Tinh thần địch hốt hoảng mất khả năng chiến đấu.
- C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam
- D. Là thắng lợi lớn nhất của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu 23: (Thông hiểu) Quyết định của chính quyền Sài Gòn sau khi mất thị xã Buôn Ma Thuột?

- A. Quyết tâm từ thủ Tây Nguyên.

B. Chấp nhận bỏ Buôn Ma Thuột để bảo vệ các vùng còn lại của Tây Nguyên.

C. Rút bỏ toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Chấp nhận rút bỏ vùng Bắc Tây Nguyên để về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 24: (Thông hiểu) Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là:

- A. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào.
- B. Đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mĩ và quân đội Sài Gòn.
- C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long.
- D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 25: (Thông hiểu) Sau chiến thắng Tây Nguyên, ngày 25/3/1975, Trung ương đã họp và ra nghị quyết khẳng định: "Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước...".

- A. Trước mùa đông 1975.
- B. Trước mùa khô 1975.
- C. Trước mùa thu 1975.
- D. Trước mùa mưa 1975.

Câu 26: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây không phải ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (06 – 01 – 1975)

- A. Chứng minh sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.
- B. Chứng tỏ sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.
- C. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. Củng cố quyết tâm của Đảng ta trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 27: (Thông hiểu) Hoàn cảnh lịch sử tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam kể từ đầu năm 1973 là

- A. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền bắc.
- B. Mĩ kí Hiệp định Pari và rút quân đội ra khỏi nước ta.
- C. Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình ở Lào
- D. vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.

Câu 28: (Thông hiểu) “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam” là nhận định của Đảng ta sau thắng lợi của chiến dịch nào ?

- A. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- B. Chiến dịch Tây Nguyên.
- C. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 29: (Vận dụng) Chủ trương, kế hoạch giải phóng Miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng. Hãy chỉ ra tính nhân văn trong kế hoạch đó?

- A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.
- B. Năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.
- D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

Câu 30: (Vận dụng) Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến dịch Huế - Đà Nẵng là

- A. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng.
- B. phá tan âm mưu co cụm chiến lược của quân đội Sài Gòn.
- C. làm sụp đổ hệ thống phòng ngự chiến lược của chính quyền Sài Gòn ở miền Trung.
- D. tạo thời cơ chiến lược cho ta mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

Câu 31: (Vận dụng): Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
- B. Đập tan hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.
- C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng .
- D. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

Câu 32: (Vận dụng): Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước có ý nghĩa lớn nhất đối với dân tộc ta là

- A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.
- B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- C. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên CNXH.
- D. kết thúc 30 năm chiến tranh GPD.T, bảo vệ tổ quốc.

Câu 33: (Vận dụng): Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) là thắng lợi có tính thời đại vì ?

- A. Làm đảo lộn hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B. Tạo thời cơ lớn cho cách mạng Lào và Campuchia giành thắng lợi.
- C. Đánh bại 4 kế hoạch chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới có quy mô lớn nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 34: (Vận dụng): Điểm giống nhau về âm mưu trong các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam từ năm 1961 đến năm 1975 là

- A. nhằm thực hiện chính sách bình định, nhằm chiếm đất, giành dân .
- B. nhằm thí điểm chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ.
- C. chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa của Mỹ.
- D. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

Câu 35: (Vận dụng): Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- B. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
- C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.
- D. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

Câu 36: (Vận dụng): Chiến dịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 vì ?

- A. Đánh bại hoàn toàn chiến dịch “trần ngập lãnh thổ” của quân đội Sài Gòn.
- B. Đập tan đầu não và sào huyệt cuối cùng của chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- C. Mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- D. Làm cho chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Câu 37: (Vận dụng cđo): Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại ở thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Đó là thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam

- A. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).
- C. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).
- D. Thắng lợi trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 38: (Vận dụng cđo): So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về cách đánh ?

- A. Bao vây, chia cắt, tổng công kích đánh chiến các cơ quan đầu não của địch.
- B. Đánh từng bước, tiêu diệt từng cứ điểm của địch.
- C. Thọc sâu vào trung tâm thành phố đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.
- D. Chia cắt địch, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

Câu 39: (Vận dụng cđo): So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về hình thức tiến công ?

- A. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
- B. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.
- C. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng biệt động.
- D. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng chính trị.

Câu 40: (Vận dụng cđo): Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân trên thế giới ?

- A. Kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954-1975).
- B. Cách mạng tháng Tám 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
- C. Cách mạng tháng Tám 1945 và kháng chiến chống Mĩ (1954-1975).
- D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): Sau Hiệp định Pari, nhân dân miền Nam vẫn phải đấu tranh chống địch "bình định-lấn chiếm" là do

- A. Mĩ và chính quyền Sài Gòn âm mưu phá hoại Hiệp định Pari.
- B. chính quyền Sài Gòn âm mưu chuẩn bị tiến công miền Bắc.
- C. chính quyền Sài Gòn âm mưu chiếm lại các vùng bị mất.
- D. Mĩ âm mưu biến miền Nam thành quốc gia tự trị.

Câu 2: (Nhận biết): Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari bởi vì

- A. so sánh lực lượng có lợi cho quân đội Sài Gòn.
- B. được cố vấn Mỹ chỉ huy và nhận viện trợ của Mỹ.
- C. được quân dân miền Nam ủng hộ.
- D. quân dân ta chưa có chủ trương dùng bạo lực.

Câu 3: (Thông hiểu): Những hành động của chính quyền Sài Gòn như tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", mở những cuộc hành quân "bình định-lấn chiếm" vào vùng giải phóng của ta cho thấy

- A. sức mạnh áp đảo của chính quyền Sài Gòn.
- B. Mỹ và quân đội Sài Gòn thực hiện Hiệp định Pari (1973).
- C. Mỹ vẫn đang theo đuổi chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".
- D. so sánh lực lượng đang có lợi cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 4: (Nhận biết): Văn kiện của Trung ương Đảng, vạch ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pari là

- A. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973).
- B. Kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam (7/1974).
- C. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (10/1974).
- D. Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ Chính trị (cuối năm 1974 đến đầu năm 1975).

Câu 5: (Thông hiểu): Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sang giai đoạn mới, vì:

- A. từ sau chiến dịch, quân dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở các tỉnh đồng bằng và đô thị giành thắng lợi.
- B. đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ Chính trị mở Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- C. quân dân ta chuyển từ Tiến công chiến lược ở Tây Nguyên sang Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- D. đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh trở lại

Câu 6: (Thông hiểu): Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

- A. đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari.
- B. thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. xây dựng và củng cố vùng giải phóng.
- D. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 7: (Nhận biết): Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) nhấn mạnh con đường của cách mạng miền Nam là

- A. cách mạng bạo lực, tiến công trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.
- B. đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao nhằm tố cáo địch vi phạm Hiệp định Pari.
- C. kết hợp đấu tranh vũ trang và chính trị đòi thi hành Hiệp định Pari.
- D. phát triển lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị và căn cứ địa cách mạng.

Câu 8: (Vận dụng): Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1975 do Đảng đề ra và thực hiện thành công là:

- A. độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- B. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.
- C. tự do và chủ nghĩa xã hội.
- D. cải cách ruộng đất và chủ nghĩa xã hội.

Câu 9: (Vận dụng): Trận thắng cho thấy sự suy yếu của quân đội Sài Gòn và khả năng can thiệp rất hạn chế của Mỹ là

- A. chiến dịch giải phóng Tây Nguyên (24/3/1975).
- B. chiến dịch giải phóng thành phố Huế (26/3/1975).
- C. chiến thắng Đường 14-Phước Long (6/1/1975).
- D. chiến dịch giải phóng Sài Gòn (30/4/1975).

Câu 10: (Thông hiểu): Hội nghị Bộ Chính trị (10/1974) đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian

- A. hai năm (1974-1975).
- B. trước mùa mưa năm 1975.
- C. trước mùa mưa năm 1976.
- D. hai năm (1975-1976).

Câu 11: (Thông hiểu): Tuy đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian 2 năm (1975-1976), nhưng Bộ Chính trị nhấn mạnh

- A. "cả năm 1975 là năm thời cơ" và chỉ rõ "nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".
- B. thời cơ chiến lược đến nhanh và hết sức thuận lợi, trước tiên là mở các chiến dịch giải phóng Huế và Đà Nẵng.
- C. Ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, phải kịp thời kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam.
- D. "phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa".

Câu 12: (Nhận biết): Thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam là

- A. kẻ thù chính là đế quốc Mỹ đã bị đánh bại hoàn toàn.
- B. việc Mỹ rút quân làm cho quân đội Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.
- C. phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới phát triển mạnh mẽ.
- D. phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ dâng cao.

Câu 13: (Thông hiểu): Nguyên nhân quan trọng nhất đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là:

- A. nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.
- B. có hậu phương vững chắc là miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- C. sự chi viện, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè quốc tế.
- D. sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng.

Câu 14: (Nhận biết): Chính quyền và quân đội Sài Gòn phòng thủ Tây nguyên sơ hở là do

- A. chúng cho rằng Tây nguyên không phải là vùng chiến lược quan trọng.
- B. chúng cho rằng Tây nguyên nhiều núi rừng không phát huy được hỏa lực.
- C. Tây nguyên xa trung tâm, nên không cần phòng thủ chặt.
- D. nhận định sai hướng tiến công của ta, nên ít chú trọng phòng thủ.

Câu 15: (Thông hiểu): Chiến dịch Tây nguyên thắng lợi có ý nghĩa

- A. chuyển cuộc tiến công chiến lược thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

- B.** đánh dấu quá trình sụp đổ hoàn toàn của quân đội và chính quyền Sài Gòn.
- C.** làm cho hệ thống phòng thủ của địch rung chuyển, tạo điều kiện để ta tiến công.
- D.** làm cho quân địch mất tinh thần, tạo thời cơ thuận lợi cho ta tiến lên.

Câu 16: (Thông hiểu): Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân chung góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975?

- A.** Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- B.** Đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- C.** Miền Bắc không ngừng lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc vai trò hậu phương.
- D.** Truyền thống đoàn kết dân tộc thông qua các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 17: (Nhận biết): Chiến thắng Huế-Đà Nẵng có ý nghĩa

- A.** khiến chính quyền Sài Gòn hoang mang tuyệt vọng, không đủ sức gây chiến tranh.
- B.** đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của nhân dân ta tiến lên với sức mạnh áp đảo.
- C.** chuyển cuộc đấu tranh từ tiến công thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- D.** báo hiệu sự thất bại hoàn toàn chính sách thực dân mới của Mĩ.

Câu 18: (Thông hiểu): Nguyên nhân khách quan nào đã trở thành truyền thống, góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta?

- A.** Sự giúp đỡ của nhân dân Liên Xô, Trung Quốc.
- B.** Tinh thần đoàn kết, phối hợp chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương.
- C.** Mâu thuẫn sâu sắc trong nội bộ nước Mĩ vì cuộc chiến tranh Việt Nam.
- D.** Phong trào phản chiến mạnh mẽ của nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới đối với cuộc chiến tranh Việt Nam của Mĩ.

Câu 19: (Nhận biết): Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) diễn ra ở địa bàn

- A.** nông thôn, đồng bằng. **B.** rừng núi. **C.** đô thị lớn. **D.** trung du.

Câu 20: (Vận dụng): Phương châm tác chiến của Chiến dịch Hồ Chí Minh là

- A.** đánh ăn chắc, tiến ăn chắc. **B.** đánh nhanh, thắng nhanh.
- C.** đánh bất ngờ, bí mật. **D.** thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng.

Câu 21: (Nhận biết): Phương pháp và hình thức tiến hành Chiến dịch Hồ Chí Minh là

- A.** kết hợp tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.
- B.** tiến công của lực lượng quân sự vũ trang.
- C.** kết hợp đấu tranh chính trị ở thành thị với nổi dậy ở nông thôn.
- D.** kết hợp đấu tranh chính trị ở thành thị với đấu tranh ngoại giao.

Câu 22: (Nhận biết): Mục tiêu của Chiến dịch Hồ Chí Minh là

- A.** nhằm vào mục tiêu quân sự. **B.** nhằm vào cơ quan đầu não của kẻ thù.
- C.** nhằm vào mục tiêu chính trị. **D.** nhằm vào nơi địch bố phòng sơ hở.

Câu 23: (Vận dụng): Điều kiện thuận lợi để cuối năm 1974-đầu năm 1975 Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam là

- A.** so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

- B.** miền Bắc đã hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C.** Mỹ rút toàn bộ lực lượng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- D.** Mỹ không còn viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 24: (Thông hiểu): Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh (1976) với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) ở Việt Nam là về

- A.** quyết tâm giành thắng lợi. **B.** địa bàn mở chiến dịch.
- C.** kết cục quân sự. **D.** sự huy động lực lượng đến mức cao nhất.

Câu 25: (Thông hiểu): Đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

- A.** Chiến dịch Tây Nguyên. **B.** Chiến dịch Huế.
- C.** Chiến dịch Hồ Chí Minh. **D.** Chiến dịch Đà Nẵng.

Câu 26: (Thông hiểu): Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) ở Việt Nam là về

- A.** sự huy động cao nhất lực lượng. **B.** kết cục quân sự.
- C.** mục tiêu tiến công. **D.** quyết tâm giành thắng lợi.

Câu 27: (Nhận biết): Để tiếp tục chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh” chính quyền Sài gòn và Mỹ đã có những hành động như

- A.** tiến hành chiến tranh tổng lực. **B.** ra sức chiếm đất, giành dân.
- C.** sử dụng quân đội đồng minh. **D.** sử dụng quân đội Mỹ làm nòng cốt.

Câu 28: (Thông hiểu): Sự kiện kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A.** cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- B.** thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- C.** chiến thắng " Điện Biên Phủ trên không".
- D.** Hiệp định Pari về kết thúc chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam.

Câu 29: (Nhận biết): Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc là

- A.** kỉ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước.
- B.** kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.
- C.** kỉ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội
- D.** kỉ nguyên giải phóng dân tộc, miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 30: (Thông hiểu): Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa của chiến thắng Đường số 14 - Phước Long (tháng 1 - 1975) đối với việc củng cố quyết tâm và hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng Lao động Việt Nam?

- A.** Trận mở màn chiến lược. **B.** Trận trinh sát chiến lược.
- C.** Trận nghi binh chiến lược. **D.** Trận tập kích chiến lược.

Câu 31: (Thông hiểu): Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 7 - 1973) chủ trương đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba mặt trận

A. quân sự, kinh tế, ngoại giao.

B. quân sự, ngoại giao, văn hóa.

C. quân sự, chính trị, ngoại giao.

D. chính trị, kinh tế, văn hóa.

Câu 32: (Vận dụng) . Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở Việt Nam có điểm chung là

A. xóa bỏ được tình trạng đất nước bị chia cắt.

B. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới.

Câu 33: (Vận dụng) . Một trong những điểm chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược (1945 - 1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

A. đấu tranh đồng thời trên ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao.

B. phong trào đấu tranh ở nông thôn với phong trào đấu tranh ở thành thị.

C. tác chiến trên cả ba vùng rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

D. hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Câu 34: (Vận dụng) . Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) so với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống của dân tộc với sức mạnh hiện tại.

B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.

C. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Câu 35: (Thông hiểu) : Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Chia cắt, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của đối phương.

B. Tập trung lực lượng, bao vây, tổ chức tiến công hợp đồng bình chũm.

C. Từng bước xiết chặt vòng vây, kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.

D. Bao vây, đánh lấn, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng

Câu 36: (Vận dụng) . Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, nhưng tại sao địch lại chột giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở?

A. Do lực lượng không đủ bố trí toàn miền Nam.

B. Do nhận định sai hướng tiến công của quân dân ta.

C. Do bất ngờ, chưa kịp chuẩn bị.

D. Do chủ quan cho rằng Tây Nguyên là một pháo đài không thể công phá.

Câu 37: (Vận dụng cõo) : Sau Hiệp định Pari năm 1973, cách mạng miền Nam đã thực hiện được nhiệm vụ?

A. đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ.

B. đánh cho Mỹ cút.

C. đánh cho ngụy nhào.

D. giải phóng gần hết lãnh thổ miền Nam Việt Nam.

Câu 38: (Vận dụng cõo) : Một trong những lí do chủ quan của ta sau Hiệp định Pari làm cho một số địa bàn quan trọng bị mất đất, mất dân

A. quá tin tưởng vào việc thi hành Hiệp định Pari của chính quyền Sài Gòn.

B. không đánh giá được lực lượng của địch.

C. không đánh giá được âm mưu phá hoại Hiệp định của địch.

D. quá tin tưởng vào thắng lợi trên bàn đàm phán của ta.

Câu 39: (Vận dụng cõo) : Thời cơ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 khác với thời cơ trong cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. không có đồng minh ủng hộ.

B. không tranh thủ được điều kiện thuận lợi quốc tế.

C. không có lực lượng chính trị của quần chúng.

D. tự tạo lực, tạo thế và tạo thời cơ.

Câu 40: (Vận dụng cõo) : Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1954 - 1975, ta thực hiện tư tưởng chiến lược tiến công như thế nào?

A. Đánh chắc, tiến chắc.

B. Đánh nhanh, thắng nhanh.

C. Vừa đánh, vừa đàm.

D. Đánh lui từng bước, đánh bại từng âm mưu, đánh đổ từng bộ phận đi đến đánh bại hoàn toàn.

Bài 24 + 26: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975; đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 - 2000)

Gói 1

Câu 1: (Nhận biết) Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn (1975) đã

A. bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất, Ban dự thảo Hiến pháp.

B. quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

D. nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 2: (Nhận biết) Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào?

A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).

D. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

Câu 3: (Nhận biết) Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước là gì?

A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

C. Ổn định tình hình chính trị-xã hội của miền Nam.

D. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

Câu 4: (Nhận biết) Sự kiện nào đánh dấu công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành?

A. Kỳ họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (1976).

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976).

C. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (1976).

D. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (1975).

Câu 5: (Nhận biết) Thành tựu ngoại giao quan trọng của nước ta trong năm 1977 là gì?

- A.** Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mĩ.
- B.** Trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- C.** Gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D.** Được 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 6: (Nhận biết) Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1976) đã

- A.** đánh dấu việc hoàn thành thống nhất các tổ chức chính trị - xã hội.
- B.** tạo khả năng to lớn để mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- C.** thể hiện mong muốn được gia nhập tổ chức ASEAN của Việt Nam.
- D.** tạo điều kiện tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 7: (Nhận biết) Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương hình thành cơ chế kinh tế nào?

- A.** Bao cấp.
- B.** Tập trung.
- C.** Thị trường.
- D.** Kế hoạch hóa.

Câu 8: (Nhận biết) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

- A.** Xã hội.
- B.** Kinh tế.
- C.** Văn hóa.
- D.** Chính trị.

Câu 9: (Nhận biết) Trong đường lối đổi mới đất nước (12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế

- A.** thị trường tư bản chủ nghĩa.
- B.** tập trung, quan liêu, bao cấp.
- C.** hàng hóa có sự quản lý của nhà nước.
- D.** thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Câu 10: (Nhận biết) Chương trình kinh tế nào được đưa lên hàng đầu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986-1990)?

- A.** Hàng tiêu dùng.
- B.** Hàng xuất khẩu.
- C.** Lương thực, thực phẩm.
- D.** Hàng xuất khẩu và tiêu dùng.

Câu 11: (Nhận biết) Trong đường lối đổi mới đất nước (12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định trọng tâm của công cuộc đổi mới là

- A.** kinh tế.
- B.** văn hóa.
- C.** chính trị.
- D.** tư tưởng.

Câu 12: (Nhận biết) Nội dung của Ba chương trình kinh tế lớn từ năm 1986 là

- A.** hàng hóa tiêu dùng, hàng xuất khẩu và máy móc.
- B.** lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và máy móc.
- C.** máy móc, lương thực – thực phẩm và hàng xuất khẩu.
- D.** lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Câu 13: (Thông hiểu) Kết quả lớn nhất của kì họp Quốc hội khóa VI (1976) là

- A.** thống nhất về mặt lãnh thổ.
- B.** bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.
- C.** bầu ra các cơ quan của Quốc hội.
- D.** hoàn thành việc thống nhất về mặt Nhà nước.

Câu 14: (Thông hiểu) Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau năm 1975?

- A.** Đại hội thống nhất mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- B.** Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.
- C.** Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc, Nam tại Sài Gòn.
- D.** Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp phiên đầu tiên.

Câu 15: (Thông hiểu) Thuận lợi cơ bản nhất của nước Việt Nam sau năm 1975 là gì?

- A.** Đất nước đã được độc lập, thống nhất.
- B.** Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- C.** Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ Việt Nam.
- D.** Có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 16: (Thông hiểu) Vì sao Việt Nam phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A.** Các thế lực thù địch âm mưu chống phá cách mạng.
- B.** Mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.
- C.** Nhân dân hai miền mong muốn có một chính phủ thống nhất.
- D.** Đảng cần có cơ quan quyền lực chung để lãnh đạo nhân dân cả nước.

Câu 17: (Thông hiểu) Ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975, công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam không có điều kiện thuận lợi nào dưới đây?

- A.** Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành.
- B.** Miền Nam đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả của chiến tranh.
- C.** Nhiều nước trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- D.** Miền Bắc xây dựng được cơ sở vật chất-kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

Câu 18: (Thông hiểu) Nhiệm vụ trọng tâm của nhân dân miền Nam giai đoạn đầu sau năm 1975 là gì?

- A.** Quốc hữu hóa hệ thống tài chính, ngân hàng.
- B.** Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.
- C.** Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-văn hóa.
- D.** Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể ở vùng mới giải phóng.

Câu 19: (Thông hiểu) Nội dung nào không nói lên ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A.** Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B.** Mở ra khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.
- C.** Tạo những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- D.** Chứng tỏ sự ủng hộ to lớn của quốc tế với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của ta.

Câu 20: (Thông hiểu) Vì sao nói: Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước ta vẫn chưa thống nhất về mặt nhà nước?

- A.** Mĩ đã “cút” nhưng nguy chưa “nhào”.

- B. Chính quyền địa phương vẫn trong tay địch.
- C. Chúng ta vẫn chưa giải phóng hoàn toàn đất nước.
- D. Mỗi miền vẫn tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Câu 21: (Thông hiểu) Nội dung nào sau đây không có trong quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986)?

- A. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.
- B. Lấy đổi mới chính trị làm trung tâm.
- C. Không làm thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.
- D. Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp.

Câu 22: (Thông hiểu) Những thành tựu Việt Nam đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990 chứng tỏ điều gì?

- A. Việt Nam đã giải quyết được sự mất cân đối của nền kinh tế.
- B. Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- C. Đường lối đổi mới là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới cơ bản là phù hợp.
- D. Đường lối đổi mới về cơ bản là đúng đắn, cần phải có những bước đi phù hợp.

Câu 23: (Thông hiểu) Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm cho

- A. chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- B. mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
- C. mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
- D. mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 24: (Thông hiểu) Vì sao trong đường lối đổi mới đất nước (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng đổi mới kinh tế là trọng tâm?

- A. Một số nước lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- B. Kinh tế phát triển là cơ sở để nước ta đổi mới trên các lĩnh vực khác.
- C. Do hậu quả của chiến tranh kéo dài, kinh tế nước ta còn nghèo nàn, lạc hậu.
- D. Những khó khăn của đất nước đều bắt nguồn từ những khó khăn về kinh tế.

Câu 25: (Thông hiểu) Nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta là

- A. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới.
- C. coi trọng giáo dục, khoa học kỹ thuật là quốc sách hàng đầu.
- D. nắm bắt được thời cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước tiến lên.

Câu 26: (Thông hiểu) Thành tựu quan trọng nhất trong bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (12-1986) là

- A. kiềm chế được lạm phát về kinh tế.
- B. tập trung phát triển kinh tế đối ngoại.
- C. thực hiện được mục tiêu Ba chương trình kinh tế lớn.
- D. từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 27: (Thông hiểu) Thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong hơn 20 năm tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954-1975) là

- A. xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

- B. xây dựng xong cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- C. chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 28: (Thông hiểu) Nội dung nào không nói lên tình hình chính trị, xã hội miền Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Những di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại.
- B. Cơ sở chính quyền của Pháp vẫn còn tồn tại.
- C. Cơ sở chính quyền thực dân mới vẫn tồn tại.
- D. Chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền trung ương bị sụp đổ.

Câu 29: (Vận dụng) Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976 là gì?

- A. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài.
- B. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội.
- C. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của dân tộc Việt Nam.
- D. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trên thế giới.

Câu 30: (Vận dụng) Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước là gì?

- A. Tạo điều kiện đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
- C. Cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 31: (Vận dụng) Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế Việt Nam trước và sau thời kì đổi mới (1986) là gì?

- A. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.
- B. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
- C. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
- D. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.

Câu 32: (Vận dụng) Nội dung đổi mới về kinh tế ở Việt Nam (12-1986) và Chính sách kinh tế mới (NEP, 1921) ở nước Nga có điểm tương đồng là

- A. ưu tiên phát triển công nghiệp nặng và giao thông vận tải.
- B. thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực.
- C. xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước.
- D. xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, kiểm soát bằng pháp luật.

Câu 33: (Vận dụng) Thực tiễn lịch sử nào là yếu tố quyết định Việt Nam phải tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước (12-1986)?

- A. Các nước công nghiệp mới đạt nhiều thành tựu sau cải cách.
- B. Xu thế quốc tế hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên thế giới.

C. Cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội ở Việt Nam diễn ra trầm trọng.

D. Liên Xô và các nước Đông Âu tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.

Câu 34: (Vận dụng): Yếu tố nào là quyết định nhất dẫn đến sự thành công trong công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay?

A. Đổi mới về tư duy kinh tế.

B. Đổi mới kinh tế – chính trị.

C. Đổi mới về văn hóa – xã hội.

D. Đổi mới về chính sách đối ngoại.

Câu 35: (Vận dụng): Những hạn chế của công cuộc đổi mới kinh tế từ năm 1986 đến 2000 đã đặt ra cho xã hội những yêu cầu gì?

A. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân vững mạnh.

B. Đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ.

C. Quan tâm đổi mới phát triển giáo dục và đào tạo.

D. Vấn đề thất nghiệp và nâng cao mức sống của nhân dân.

Câu 36: (Vận dụng): Đây là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay?

A. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài.

B. Đường lối đổi mới phù hợp của Đảng.

C. Sức mạnh sự đoàn kết của toàn dân tộc.

D. Khai thác hiệu quả các nguồn lực có sẵn.

Câu 37: (Vận dụng cđo): Bài học kinh nghiệm lớn nhất được rút ra từ thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I và khóa VI ở nước ta là gì?

A. Tăng cường xây dựng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

B. Không ngừng xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân các cấp.

C. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị cho nhân dân.

D. Phát huy quyền làm chủ nhân dân, không ngừng chăm lo, bồi dưỡng sức dân.

Câu 38: (Vận dụng cđo): Bài học kinh nghiệm về nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1930-2000) là

A. xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân.

B. sự lãnh đạo đúng đắn, linh hoạt, chủ động của Đảng.

C. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

D. truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Câu 39: (Vận dụng cđo): Bài học kinh nghiệm cơ bản nào đã được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới từ năm 1986?

A. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình.

B. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực.

C. Duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.

D. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.

Câu 40: (Vận dụng cđo): Lý giải vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986?

A. Tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, Đảng đổi mới để nắm bắt thời cơ.

B. Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi.

C. Đất nước đang trên đà phát triển và được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Khắc phục sai lầm, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng, xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Gói 2

Câu 1: (Nhận biết): Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Tổ quốc Việt Nam được thống nhất về mặt

A. kinh tế.

B. nhà nước.

C. văn hóa.

D. lãnh thổ.

Câu 2: (Nhận biết): Sau đại thắng mùa Xuân 1975, ở mỗi miền của đất nước Việt Nam vẫn tồn tại hình thức tổ chức

A. nhà nước khác nhau.

B. quân đội khác nhau.

C. Quốc hội khác nhau.

D. Chính phủ khác nhau.

Câu 3: (Nhận biết): Nguyên vọng, tình cảm thiêng liêng của nhân dân hai miền Nam – Bắc Việt Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

A. đánh thắng giặc Mĩ xâm lược.

B. sớm được sum họp trong một đại gia đình.

C. xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa.

D. công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 4: (Nhận biết): Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam (9/1975) đã đề ra nhiệm vụ gì?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Dùng bạo lực đánh đổ Mĩ – Diệm.

C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Câu 5: (Nhận biết): Thực hiện hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam, từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975 đã diễn ra sự kiện gì?

A. Quân ta tiến vào Dinh Độc Lập bắt chính quyền Sài Gòn.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập.

C. Quân ta nổ súng mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

Câu 6: (Nhận biết): Nội dung nào là một trong những quyết định của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (24/6 đến 3/7/1976)?

A. Quyết định Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

D. Tuyên bố Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập.

Câu 7: (Nhận biết): Nội dung nào là một trong những quyết định của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (24/6 đến 3/7/1976)?

A. Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

D. Tuyên bố Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập.

Câu 8: (Nhận biết): Nội dung nào là một trong những quyết định của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (24/6 đến 3/7/1976)?

- A. Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.
- B. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- C. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.
- D. Tuyên bố Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập.

Câu 9: (Nhận biết): Từ những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước thay đổi là do đâu?

- A. Ảnh hưởng của Chiến tranh lạnh.
- B. Quan hệ giữa hai siêu cường Mĩ – Liên Xô.
- C. Hai cường quốc Xô – Mĩ có những cuộc gặp gỡ.
- D. Tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

Câu 10: (Nhận biết): Ý nào là một trong những nội dung thể hiện trong đường lối đổi mới về kinh tế được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ Đại hội VI (12/1986)?

- A. Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền chủ xã hội chủ nghĩa.
- C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 11: (Nhận biết): Đây là một trong những nội dung thể hiện trong đường lối đổi mới về kinh tế được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ Đại hội VI (12/1986)?

- A. Xây dựng nền kinh tế với cơ cấu nhiều ngành nghề.
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 12: (Nhận biết): Nội dung nào là một trong những nội dung thể hiện trong đường lối đổi mới về kinh tế được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ Đại hội VI (12/1986)?

- A. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 13: (Thông hiểu): Tại sao sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, nước ta cần phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau và đó là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước

- B. Cần có một cơ quan đại diện quyền lực chung cho nhân dân cả nước
- C. Phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử" nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"
- D. Nhân dân mong muốn được sum họp một nhà và có một chính phủ thống nhất

Câu 14: (Thông hiểu): Những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới (1986-1990) ở Việt Nam chứng minh điều gì?

- A. Phải xây dựng nền kinh tế với cơ cấu nhiều ngành nghề.
- B. Phải phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

C. Cần xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu.

D. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng.

Câu 15: (Thông hiểu): Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
- C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.
- D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước

Câu 16: (Thông hiểu): Năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước nhằm

- A. giải quyết nạn đói, nạn dốt.
- B. giải quyết khó khăn về tài chính.
- C. khắc phục sai lầm, khuyết điểm.
- D. xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Câu 17: (Thông hiểu): Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa quan trọng gì?

- A. Đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. Tạo điều kiện thống nhất các lĩnh vực kinh tế - xã hội.
- C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 18: (Thông hiểu): Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

- A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.
- B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.
- C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Là nguyện vọng của Đảng, Bác Hồ, nhân dân.

Câu 19: (Thông hiểu): Cho các dữ liệu sau:

Câu 20: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

Câu 21: Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

Câu 22: Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- A. 3,1,2.
- B. 2,1,3.
- C. 2,3,1.
- D. 1, 3, 2

Câu 23: (Thông hiểu): Cho các dữ liệu sau:

Câu 24: Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 25: Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn.

Câu 26: Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- A. 1,2,3.
- B. 2,1,3.
- C. 2,3,1.
- D. 3, 1, 2

Câu 27: (Thông hiểu): Cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25-4-1976) có ý nghĩa gì?

- A. Lần thứ 2 cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.
- B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945-1975).
- C. Là 1 bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- D. Lần đầu tiên nhân dân cả nước thực hiện quyền của mình.

Câu 28: (Thông hiểu): Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân là nội dung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12 - 1986) về

- A.** chính trị. **B.** văn hóa. **C.** pháp luật. **D.** đối ngoại.

Câu 29: (Thông hiểu): Tình hình thế giới và trong nước những năm 80 của thế kỷ XX đặt ra yêu cầu cấp bách nào đối với Việt Nam?

- A.** Hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp. **B.** Tập trung phát triển công nghiệp nặng.
C. Hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. **D.** Tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện.

Câu 30: (Thông hiểu): Nội dung trọng tâm của đường lối đổi mới ở Việt Nam (từ tháng 12 - 1986) phù hợp với xu thế phát triển của thế giới là

- A.** mở rộng hợp tác, đối thoại, thỏa hiệp. **B.** thiết lập quan hệ đồng minh với các nước lớn.
C. lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm. **D.** tham gia mọi tổ chức khu vực và quốc tế.

Câu 31: (Thông hiểu): Nội dung nào là đặc điểm của kinh tế miền Nam Việt Nam sau giải phóng (năm 1975)?

- A.** Phát triển không cân đối, nghèo nàn, phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
B. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
C. Nông nghiệp, sản xuất nhỏ, phân tán, phát triển không cân đối.
D. Cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.

Câu 32: (Thông hiểu): Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1986 đến nay), nền kinh tế Việt Nam có đặc điểm như thế nào?

- A.** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. **B.** Quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.
C. Nền kinh tế tự cung, tự cấp. **D.** Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nhỏ lẻ, phân tán.

Câu 33: (Thông hiểu): Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ tháng 12 - 1986 là

- A.** bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh. **B.** hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước.
C. đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng. **D.** hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.

Câu 34: (Thông hiểu): Nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và có một chính phủ thống nhất

- A.** Nắm bắt được thời cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước tiến lên.
B. Coi giáo dục và đào tạo, khoa học – kỹ thuật là quốc sách hàng đầu.
C. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Nắm bắt xu thế phát triển của thế giới, phát huy nội lực trong nước.

Câu 35: (Thông hiểu): Mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn của nước ta giai đoạn đầu khi tiến hành công cuộc đổi mới là

- A.** gạo, dầu thô, cà phê. **B.** gạo, dầu thô, thủy sản.
C. gạo, dầu thô, than đá. **D.** gạo, than đá, cà phê.

Câu 36: (Vận dụng) . Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?

- A.** Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
C. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.

D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 37: (Vận dụng) . Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định Đảng ta phải tiến hành công cuộc đổi mới đất nước là gì ?

- A.** Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế -xã hội.
B. Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
C. Sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật.
D. Những thay đổi của tình hình thế giới và mối quan hệ giữa các nước.

Câu 38: (Vận dụng) . Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là gì?

- A.** Tạo điều kiện đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
B. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 39: (Vận dụng) . Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

- A.** Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).
B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25- 4 -1976).
C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24 -6 đến 2-7-1976).
D. Đại hội thống nhất mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 40: (Vận dụng) . Kết quả lớn nhất của kì họp Quốc hội khóa VI là gì?

- A.** Thống nhất về mặt lãnh thổ.
B. Bầu ra các cơ cao nhất của cả nước.
C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
D. Bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.

Câu 41: (Vận dụng) . Đây là điểm chung trong quyết định của Quốc hội khóa VI và Quốc Hội khóa I?

- A.** Thành lập chính phủ Liên Hiệp kháng chiến.
B. Bầu Ban dự thảo Hiến pháp.
C. Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
D. Thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam.

Câu 42: (Vận dụng) . Thành tựu nổi bật về lương thực-thực phẩm trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1986 -1990 ở Việt Nam là gì?

- A.** Đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.
B. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, đa dạng.
C. Nhiều mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn.
D. Bước đầu hình thành nền kinh tế nhiều thành phần.

Câu 43: (Vận dụng cao): Tinh thần gì được phát huy qua hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Đại đoàn kết dân tộc.

B. Đoàn kết quốc tế vô sản.

C. Yêu nước chống ngoại xâm.

D. Kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ.

Câu 44: (Vận dụng c_Đ): Là thành viên của Liên Hợp Quốc, Việt Nam đã có đóng góp gì trong việc giữ gìn hòa bình an ninh thế giới?

A. Ủng hộ giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

B. Thực hiện an ninh lương thực, tài chính cho phát triển, nhà ở, nhân quyền, dân số.

C. Thực hiện về phát triển phụ nữ, trẻ em.

D. Chống phân biệt chủng tộc, phòng chống HIV/AIDS.

Câu 45: (Vận dụng c_Đ): Điền thêm từ còn thiếu trong câu sau: “Việt Nam muốn ... với các quốc gia trên thế giới”

A. Là bạn.

B. Làm bạn.

C. Kết bạn.

D. Tìm bạn.

Câu 46: (Vận dụng c_Đ): Bước tiến của Việt Nam trong đường lối ngoại giao năm 1995 là gì?

A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ.

C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Nhật Bản.

D. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Pháp.

Trần Văn Hậu – Zalo: 0942481600